N° 118 Juin 1927

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT

(Lại bàn góp về bài ông Fontaine)

Mới rồi đọc báo *Nam-Phong* có thấy vài bài nói chuyện về chính-trị Đông-Pháp. Xem ra các nhà bàn đều có tư-tưởng, kiến-thức, nhiều điều cũng thích-hợp với các việc chính-trị ở xứ này ; nhưng cứ ý-kiến riêng của tôi thì các điều ấy cũng chỉ là các điều bàn suông mà thôi, chứ chả khi nào mong đem ra thực-hành được.

Các cơ-quan chính-trị, nhà-nước Bảo-hộ trông coi cho cả, quốc-dân ta không ai phải có trách-nhiệm gì nữa, thậm đến nỗi từ quan chí dân, từ trên chí dưới, hình như là một bọn đi làm thuê cho một công-ti lớn, mà cái công-ti ấy dù phát-đạt hay là thất-bại cũng không quan-hệ gì đến mình. Tựu-trung tất cũng có người có học-thức, có tư-tưởng, trong bụng cũng lấy làm phàn-nàn, chẳng biết làm sao mà cho chính-phủ thấu biết cái tình ấy được, cũng như cóc kêu, không chắc có thể thấu đến trời không. Bởi thế cho nên có kẻ bất-đắc-chí, khi ra được ngoài nước, ngôn-luận một cách kịch-liệt, đối với chính-phủ tựa-hồ như kẻ cừu-thù. Nhưng cách ngôn-luận kịch-liệt ấy chẳng qua lại gây nên một cái ác-cảm của người Pháp đối với người Nam mà thôi, chứ cũng chẳng có bổ-ích gì cho quốc-dân được. Nay muốn Nhà nước chỉ trông coi các việc quan-yếu, còn các việc khác theo như tờ hiệp-ước 1884 giao-phó cho ta, để ta tự-nhận lấy trách-nhiệm ; không biết rằng một phần trong các quan cai-trị lâu nay tồng-lãm quyền-chính đã quen, có sẵn lòng mà đổi lại cái phương-châm đó chăng ? Không biết rằng người Pháp có đại-tư-bản ở xứ này như ông FONTAINE có cùng một ý kiến như ông để mong bảo-thủ quyền-lợi cho được lâu dài chăng ? Những vấn-đề ấy có lẽ cũng khó giải-quyết ngay được. Tuy rằng quốc-dân mình còn đương buổi giao-thời, cái trình-độ tiến-hóa chưa kịp người Âu-châu, nhưng đã mấy nghìn năm nay có chính-trị, có văn-hóa, trước khi Nhà nước sang đây bảo-hộ, nước mình vẫn tự-trị với nhau được. Nếu Nhà-nước giao uỷ cái gánh vác nội-trị cho ta, có lẽ ở trong xã-hội ta cũng có thể chọn được người để làm cho xứng-đáng cái trách-nhiệm ấy được. Người An-Nam ta phần nhiều người cũng biết trọng danh-nghĩa, nếu đã nhận lấy trách-nhiệm thì tất phải làm cho hết nghĩa-vụ của mình, trước nữa là khỏi phụ lòng chính-phủ, sau nữa là cho xứng-đáng danh-dự với quốc-dân.

Tuy vậy đã chọn được người đủ dùng, mà nếu Nhà-nước bảo-hộ không sẵn lòng tin dùng, thì việc chính-trị dẫu có thay đổi một đôi chút, tưởng cũng chả có công-hiệu gì. Cứ xét như hiện-tình ngày nay thì phần nhiều các bậc trong chính-giới, có kiến-thức rộng-rãi, có ý-tưởng sâu-xa, muốn duy-trì lấy sự trị-an ở xứ này, để đối-phó

với thời-cục, chắc cũng mong cho mình có thể tin-dùng được, được đảm-nhiệm lấy việc nội-trị, để cùng lo-liệu việc bảo-thủ trị-an. Nhưng xem ra vị-tất đã không có một phần người trong chính-giới đã quen lấy ý-kiến riêng mà giữ lấy quyền-lợi cá - nhân, nếu việc chính-trị có thay-đổi điều gì, có lẽ họ cũng tìm cách để ngăn-trở. Như thế thì người Pháp đối với người Nam bao giờ cũng vẫn giữ ý-kiến riêng, còn mong sao chỏ đến ngày đồng-công hợp-tác được. Còn như các người Pháp đồn-điền, các người Pháp đại-thương ở xứ này, cái tính-mệnh, tài-sản, đối với thời-cục, rất có quan-hệ mật-thiết, nhưng xem ra cũng chả mấy người lưu-tâm về việc chính-trị, cho là một cái vấn-đề chưa quan-khẩn gì lắm, nên đối với những lời nghị-luận của ông FONTAINE, vị-tất đã biểu-đồng tình.

Cứ xét các lẽ thì việc chính-trị ở Đông-Pháp này, chưa hồ dễ đã thay đổi chút nào được, mà những lời các nhà bàn đã kể ra ở báo *Nam-Phong*, tuy cũng là xác-đáng, cũng là cần-cấp, nhưng chẳng qua cũng chỉ là không-ngôn mà thôi. Tuy hiện nay sóng đừng gió lặng, khắp mọi nơi vẫn yên-thuận một bề, người cầm quyền chính-trị tưởng rằng an-tâm cao-ngọa được mãi, nhưng xét cho kỹ người Pháp, người Nam ở chung với nhau, mà không có lòng tin-cậy nhau, thời sự yên-tĩnh bất-quá cũng bày ra bề ngoài đó mà thôi.

Than ôi! một nhà kia người trong nhà còn đương thơ-ấu, phải nhờ người khôn lớn ở nhà khác đến trông nom giữ-gìn hộ, cho đến khi người thơ-ấu đã khôn lớn thì cũng nên tập dần cho trông coi lấy việc nhà, đó cũng là một cái công-lý.

Ta cũng đáng lấy làm tiếc, vì cứ xét hiện-trạng cận-lai, nào là phong-trào ở ngoài kích-thích, nào là tình-thế ở trong biến-thiên, nếu chính-phủ bảo-hộ không kịp tìm cách nào để bảo-thủ xứ này cho được trị-an, thì không những cái tính-mệnh tài-sản của người Nam đáng lấy làm lo, mà quyền-lợi của nước Pháp cũng khó bảo-toàn cho được. Việc thế-giới biến-thiên cũng như cuộc cờ thay đổi, chưa ai dã chắc là bậc tiên-tri. Nhưng xem trong sách nho có câu rằng: « *Chế trị ư vị loạn, bảo an ư vị nguy* », nghĩa là khi chưa loạn dã nên tìm cách giữ cho được trị, khi chưa nguy dã nên tìm cách giữ cho được yên, câu này thực đáng lấy làm cái phương-châm bất - dịch cho các nhà chính-trị.

Người An-Nam xưa nay ít ai bàn đến chính-trị. Nay nhân có ông Tây khởi-nghị ra trước, cũng có mấy nhà hưởng-ứng hai bên đều có ý-kiến hay cả. Nhưng tôi chỉ sợ không biết có thi-hành được không; không phải rằng cái chương-trình hợp-tác để dự-bị cho nước Nam tự-trị sau này, như ông FONTAINE đã bày ra đó, có khó-khăn gì mà không thi-hành được đâu. Nhưng muốn thi-hành cho được, hai bên phải có bụng tin nhau và phải có lòng thành-thực mới được. Bụng tin ấy, lòng thành ấy, người Nam đối với người Tây, người Tây đối với người Nam đã thật có chưa? Về phần người Nam thì trừ phái cực-đoan, phái bạo-động, còn những người có kiến-thức, biết thời-thế, tưởng đều sẵn lòng hợp-tác cả, hợp-tác để mưu sự tự-trị sau này, như lời ông FONTAINE đã nói. Nhưng về phần người Pháp có chịu quả-quyết thay đổi chính-sách theo cái phương-châm mới đó không? Nếu chỉ biết cầu-an cho qua thời như bây giờ, thì lời bàn của ông FONTAINE, lời bàn của các nhà, đều là không-ngôn vô-bổ cả. Cho nên cứ xét hiện tình, tôi lấy làm hoài-nghi không chắc những lời bàn đó có thực-hành được không, và cho câu chuyện chính-trị bây giờ là câu chuyện suông cả.

N.-M.

NGƯỜI TA CÓ BÌNH-ĐẲNG KHÔNG? (1)

Chúng ta có bình-đẳng không? — Câu hỏi ấy đối với pháp-luật, đối với chính-trị, thì phải trả lời rằng có. Trước phép nước, người ta ai cũng như ai, tư-cách cùng giống nhau và trách-nhiệm cũng bằng nhau. Theo ước-lệ của xã-hội đặt ra, thời hết thảy các công-dân trong nước là liệt bằng-đẳng với nhau cả, cùng hưởng quyền-lợi như nhau, cùng theo nghĩa-vụ như nhau, và lâm-thời cùng chịu hình-phạt như nhau. Cái thuyết bình-đẳng đó, hiện đã thành một chủ-nghĩa cốt-yếu trong xã-hội đời nay. Thuyết ấy có chứng-cứ gì thiết-thực không? Có chánh-đáng không? Có thực ích-lợi cho người đời không?

Ta thử nhìn quanh mình ta, xét ngay trong loài người, không cần phải xét đến các loài khác vội, sẽ thấy sức mạnh cùng tư-cách của người ta, nhất-thiết sai-biệt nhau cả, nhất-thiết bất-bình-đẳng cả.

Những một thân-thể người, cũng đã khác xa nhau nhiều lắm.

Hãy xét bề cao của người ta. Bề cao mỗi người một khác nhau, khó lòng định được một cái số chuẩn-đích nhất-định là bao nhiêu, chỉ có thể ước-lượng mà lấy một số trung-bình mà thôi. Có nhà thiên-văn-học nước Tỉ tên là QUÉTELET, đã từng nghiên-cứu về nhân-khẩu-thống-kê-học (*démographie*) một cách tinh-tường lắm; ông có thí-nghiệm như sau này, để chứng rằng bề cao của người ta có thể tính qui lại thành một số trung-bình để làm chuẩn-đích được. Ông vẽ thành biểu để chứng cho rõ-ràng. Kẻ một dòng ngang chia ra từng khu, mỗi khu biên số bề cao của các lính mới tuyển ($1^m,50$, $1^m,55$, $1^m,60$, vân-vân); mỗi khu lại kẻ một đường thẳng xuống để biên số bao nhiêu người cao $1^m,50$, $1^m,60$, vân-vân; nghiệm ra thì thấy những đường kẻ dọc đó, nghĩa là những số người xếp theo thứ-tự cao thấp đó, cứ đều-đặn tiến lên cho đến số $1^m,64$, rồi tự số đó cũng lại cứ đều-đặn sút dần đi. Xét kỹ thì thấy bề cao của người ta cũng sâm-si trong vòng mấy số thường nghiệm đó, đem so-sánh với phép tính độn và phép tính thiên-văn, là những phép ông QUÉTELET đã kinh-nghiệm tường lắm, thì không sai mấy tí (2) — Nhân đó ông kết-luận rằng bề cao của người ta sai-biệt nhau chẳng qua là sâm-si trên dưới một cái số trung-bình, tức là số chuẩn-đích (1^m64), và nói rộng ra có thể cho là mỗi người ta là phỏng theo một cái kiểu-mẫu chung của loài người, có khi sai khác đi, là sự ngẫu-nhiên, theo phép sai-biệt ít nhiều như trong tính độn mà thôi.

Tuy-nhiên cách ông so-sánh như thế, ta cũng không thể cho cùng được, và quyết không thể cho cái kiểu trung-bình của ông là một cái kiểu tuyệt-

(1) Dịch một thiên trong sách « Thuật ở đời » (*L'Art de vivre*) của Bác-sĩ TOULOUSE.

(2) Ông QUÉTELET thí-nghiệm về phép tính độn như sau này: ông lấy một cái hộp, bỏ vào trong đó 40 hòn sắc trắng và 40 hòn sắc đen, rồi ông lần lượt rút ra 4096 lượt, mỗi lượt rút ra hòn sắc gì ông biên lấy, rồi xét kỹ từng hòn một, nhận thấy số đen với số trắng cũng sâm-si nhau (2066 hòn trắng, 2030 hòn đen); xong rồi ông lại chiếu trong sổ biên, cứ tính hai hòn một, thời thấy 543 đôi trắng, 980 đôi một trắng một đen và 525 đôi đen; mấy số đó sâm-si giống như số tính độn (*calcul des probabilités*) không sai mấy tí.

dích được. Ông BERTILLON, cũng là một nhà thống-kê-học có tiếng ở nước Pháp, đã từng bác cái ý-kiến đó; nói rằng: « Thử xét một cái đặc-tính gì trong người ta, như bề cao, dáng mặt, sức mạnh, trí-khôn, thì sẽ thấy cái kiểu trung-bình (*type moyen*), quyết không phải là cái kiểu tuyệt-đích (*type idéal*) và mỗi cái chính là kết-cấu theo một cách riêng, không có gì là đồng-thể, đồng-dạng với nhau cả. Như trong cái kiểu người trung-bình, thời bao nhiêu những sự khốn-nạn khổ-não của loài người từ xưa đến nay là một phần ở đó cả; còn cái kiểu người tuyệt-đích, thời tất là mười phần tinh-túy, thế sao dung được những cái vẻ xấu-sa như thế. Người trung-bình thời hết-thảy cái gì cũng là trung-bình cả, cái tốt cũng trung-bình, cái xấu cũng trung-bình, còn có gì là tuyệt-phẩm, tuyệt-mĩ nữa; thành ra một con người không xấu, không đẹp, không dại, không khôn, không lành, không dữ, không yếu, không mạnh, không bạo, không dát; nghĩa là một con người tối-tầm-thường, thậm-vô-vị, còn có hay-ho gì ».

Vả lại cái kiểu người trung-bình đó cũng không tiêu-biểu được hết các đặc-tính của giống người. Ông COURNOT đã dùng cách thí-dụ về kỷ-hà-học mà chứng-giải lẽ đó như sau này. Ông nói rằng: « Thí-dụ có một cái hình tam-giác, mà tính-cách nó lại là thuộc về thể chữ nhật, còn các bề thời dài ngắn khác nhau, không có nhất-định. Nay đem đo nhiều bề, mỗi bề lấy số trung-bình, rồi vẽ ra một cái hình tam-giác trung-bình; nhưng cái hình tam-giác trung-bình đó, không tiêu-biểu cho cái hình tam-giác mình định chứng-giải, vì nó không có tính-cách hình chữ nhật, hai các góc nhọn nó không đúng với số trung-bình các góc trong hình chữ nhật, diện-tích nó cũng không phải là diện-tích trung-bình, nói tóm lại là dù vẽ ra cách thế nào cũng không thành một hình tam-giác mà các bộ-phận đều đúng với số trung-bình cả được. » — Đấy là thí-dụ về kỷ-hà-học, và thí-dụ một cái hình đơn-giản mà thôi, thế mà cũng không thể sao qui cho đúng lấy trung-bình được, huống xét về sự sinh-hoạt thì lại còn phiền-phức hơn biết bao nhiêu.

Tuy-nhiên, cái kiểu trung-bình cũng có ích cho sự nghiên-cứu, nhất là khi muốn so-sánh người ta với nhau cho biết một cái tính-cách gì sai-biệt nhau thế nào. Như muốn biết tài-trí người ta hơn kém nhau thế nào, nếu có một cái mẫu trung-bình để làm đích, thì so-sánh dễ lắm. Tuy vậy, cái chuẩn-đích ấy tiêu-biểu cho những tính-cách gì, thì chỉ có thể dùng để xét-nghiệm hay là so-sánh những tính-cách ấy mà thôi, nếu đem dùng ra ngoài thì sai cả. Thí-dụ như muốn biết cái sức nhẫn-nại của một người, mà lấy bề cao của người ấy làm tiêu-chuẩn, thời không thể đủ xét được. Bởi thế cho nên các quan binh gần đây xét nghiệm về sức mạnh các lính mới tuyển, không có lấy cái số trung-bình bề cao làm chuẩn-đích nữa.

Nay có điều chắc, là cái kiểu trung-bình hoàn-toàn, nghĩa là các bộ-phận đều chiết-trung hết cả, thời trong tạo-vật tuyệt-nhiên không có; chỉ có các cá-nhân đặc-biệt nhau, nghĩa là đối với nhau bất-bình-đẳng hết cả. Bây giờ phải xét xem sự sai-biệt đó có ảnh-hưởng gì về đường thực-tế không. Nghiệm ra thì ảnh-hưởng to lắm; mỗi sự hơn kém nhau là có quan hệ về cường xã-hội nhiều lắm.

Ta thử kể mấy cái bất-bình-đẳng như sau này.

Bề cao người ta đã khác nhau, sức mạnh lại khác nhau lắm nữa. Đã có một cái máy gọi là « lực-biểu » (*dynamomètre*) để so sức mạnh của người ta, thấy sức

người khác nhau nhiều lắm, Hai người thành-niên, bề ngoài xem không có bệnh-tật gì, tuổi bằng nhau, cách sinh-hoạt cũng giống nhau, vậy mà sức cân-cốt ở hai tay, người mạnh người yếu sai nhau bằng gấp đôi.

Lại cái sức chống lại bệnh-tật cũng mỗi người một khác. Có người hễ không hoạt-động luôn, ngồi yên một chỗ, thời sự tiêu-hóa đình-đốn lại ngay, sinh ra khó ở và thành bệnh-tật. Đồ ăn vào không tiêu-hóa được kỹ, những chất bẩn không bài-tiết ra được hết, tích lại mà thành chứng nọ tật kia. Như người này thời *acide urique* tích lại thành ra bệnh thấp đau đầu xương; người kia thời chất đường tích trong cơ-thể, thành ra bệnh đái đường; lại có người thời chất mỡ đầy các phủ-tạng, làm cho quả tim chạy không được đều. Ấy thân-thể cũng giống nhau mà vì cách sinh-hoạt, biến thành ra các chứng-bệnh khác nhau như thế.

Vả lại mỗi người ta đều có một «tạng» riêng; mỗi người trong thân-thể có một bộ-phận yếu hơn các người khác, dễ nhiễm các tật-bệnh. Có người hễ ra gió lạnh thì thành cảm ho ngay; có người hễ ăn chậm giờ thời sinh ra nhức đầu. Các cơ-quan trong người lại hay có tính nhớ tật cũ, hễ hơi có kích-thích ở ngoài thì lại nhắc lại chứng cũ ngay.

Sự bất-bình-đẳng về cách sinh-hoạt trong thân-thể lộ ra từ thủa mới đẻ. Nhưng mà thực tiềm-tàng từ lúc chưa sinh. Con một người bệnh lao thời đã sẵn có cái tiên-thiên lao rồi, thân-thể đã hình như sẵn-sàng để đón lấy con trùng lao mà thành bệnh lao. Con người bệnh rượu, cũng là có cái tiên-thiên sẵn-sàng để chịu những chứng bệnh động-kinh sau này.

Đến kỳ-hạn đời người, thường cho là gồm cả cái sức sinh-hoạt của người ta mà thành ra, thời vấn dài thọ-yểu khác nhau, sai-biệt có tới từ 1 đến 100 vậy. Muốn tính độn cho biết một người bao giờ chết, thời phải biết cái số những người cùng một tuổi ấy thọ-yểu thế nào; các công-ti bảo-hiểm, thường tính ước-lượng như thế để làm bằng. Vậy thời cái giá-trị của mỗi người, tùy mỗi tuổi có thay đổi và có kém bớt đi.

Người ta không những khác nhau về thân-thể, lại khác nhau về tư-chất nhiều hơn nữa. Sự bất-bình-đẳng ở đây thì thật là hiển-nhiên, không còn ngờ nữa, nhất là về các giác-quan, tinh hay độn khác xa nhau nhiều lắm. Như nghề thủy-thủ, và nghề làm xe lửa, thường phải đặt cách thi riêng để xem người nào giác-quan có minh-mẫn mới có thể dùng được. Nhiều người trai-trẻ mạnh-mẽ mà chỉ vì có một cái giác-quan cần-yếu khí kém, bị loại về nhiều nghề không thể dùng được. Có nghề không cần phải thử mà vào làm không đủ tư-chất cũng không kham được.

Ông Morel đã nghiệm những người tư-chất khiếm-khuyết đó, hoặc là thân-thể không được trúng-cách, hoặc là tinh-thần có chỗ khuyết-điểm, định được ra một cái kiểu người sai với kiểu thông-thường, ông gọi là «kiểu suy-đồi» (*type dégénéré*). Những người vào hạng suy-đồi đó thời thể-chất không kiêm-bị, sống làm người trong xã-hội không được đúng mực thường như các người khác; những kẻ đau ốm, kẻ điên-cuồng, kẻ phạm tội, và hết thảy những kẻ có phương-hại ít nhiều cho xã-hội, đều là thuộc về hạng suy-đồi đó cả.

Nghề gì cũng vậy, nhất là các nghề thủ-công, người làm nghề tất phải có khéo tay thì mới lành nghề được. Người nào vụng-về mà cứ miễn-cưỡng theo đuổi mãi thời thành con người bất-đắc-chí, mà rồi sau đến phạm vào điều tội-lỗi.

. . .

Các việc như trên đó đều chứng rõ rằng người ta ở đời, về thân-thể cũng như về tài-trí, đều là không bình-đẳng cả. Tuy vậy mà pháp-luật định rằng phàm người đến tuổi thành-niên, không phải bệnh thần-kinh tán-loạn, đối với hình-luật, đối với phép nước, đều được bình-đẳng như nhau. Xướng ra chủ-nghĩa bình-đẳng ấy là tự chính-phủ Cách-mệnh nước Pháp năm 1789. Khi trước quyền vua chuyên-chế, phân-biệt các hạng người trong xã-hội một cách không công-bằng quá, có hạng lộng-quyền làm bậy, có hạng áp-ức khổ-sở, tình-trạng ấy đã quá lắm, tự-nhiên phải khởi lên một cái phong-trào phản-đối. Bởi thế nên điều thứ nhất trong lời Tuyên-ngôn Nhân-quyền, quả-quyết nói rằng : « Người ta sinh ra và làm người, đều được quyền-lợi bình-đẳng nhau cả. »

Cái phong-trào bình-đẳng đó lại còn có một nguyên-nhân nữa, thuộc về triết-lý. Cái tinh-thần cổ-điển là một cái tinh-thần cai-quát, chỉ biết đại-thể, không xét đến những điều tiểu-tiết cùng những tình-cảnh riêng. Theo học-thuyết của JEAN-JACQUES ROUSSEAU và CODILLAC, thời người ta sinh ra, ai cũng như ai cả, lúc ra đời là bằng-đẳng nhau hết, rồi sau khác nhau là bởi cách giáo-dục. Cái xấu trong người ta là tự hoàn-cảnh, tự pháp-luật, tự chính-thể trong nước mà sinh ra. Các nhà thảo ra lời Tuyên-ngôn Nhân-quyền, là sinh-trưởng trong cái hoàn-cảnh triết-lý đó, cho nên điều thứ nhất xướng lên, là người ta đều được quyền-lợi bình-đẳng, tức là ám-chỉ rằng người ta sinh ra, sinh-lý-thượng đã có bình-đẳng rồi.

Sự bình-đẳng về chính-trị chẳng qua là một cái ảo-tưởng, nhưng cũng là cái ảo-tưởng có ích. Một người không biết chữ với một người có học-th hai người cũng có quyền được bầu đại-biểu ra Nghị-viện cả, chắc rằng người không biết chữ không đủ tư-cách kén chọn được bằng người có học-thức ; tuy-nhiên số người kém-hèn vì là không có học, vẫn là số nhiều trong xã-hội, những người ấy nếu không có quyền bầu-cử như người khác, thời có điều gì cần-dùng, điều gì oan-uổng, không thể nhờ vào đâu mà thân tỏ ra được. Bởi thế nên lấy lẽ công-bằng, người kém tư-cách cũng phải cho quyền chính-trị ngang bằng người có tư-cách. Nhưng người kém tư-cách về tài-trí, về học-thức, về tư-bản, cho dầu có quyền bầu-cử như các người khác, nhưng kỳ-thực kém vẫn hoàn kém. Cho nên nói sự bình-đẳng về chính-trị là một cái ảo-tưởng, duy là cái ảo-tưởng có ích mà thôi.

Nhưng ngoài chính-trị, thì cái ảo-tưởng bình-đẳng có hại chứ không có lợi ; nếu để cho can-thiệp vào trong lề-thói phong-tục, thời có khi đến nguy-hiểm, cho nên phải hết sức bài-xích đi. Sự bình-đẳng bấy giờ thành một cái lý-thuyết hão-huyền, kết-quả đến làm hại cho kẻ yếu hèn, chứ không có giúp được cho khỏi áp-chế vậy.

Không có đâu cái ảo-tưởng bình-đẳng nguy-hiểm bằng ở trường học. Lũ trẻ ở nhà trường, thường coi là những cơ-thể giống nhau hết cả, có thể rèn tập cho phát-đạt được đều nhau. Không biết rằng người lớn cùng tuổi còn khác nhau xa, huống là trẻ con, cách sinh-trưởng mỗi đứa một khác. Học trò một lớp học, cái trình-độ nó về sinh-lý-thượng sai-biệt nhau nhiều lắm. Vậy bắt cả bấy nhiêu đứa cùng học-tập một cách như nhau, thời thật là trái lẽ quá. Vẫn biết rằng phần đa-số trong lớp học, là phần tư-cách trung-bình, thời có thể theo học giống nhau được. Nhưng mà những đứa khác, đứa tư-chất kém thời làm sao? Mới gần đây

các nhà giáo-dục mới chú-ý đến hạng đó, là hạng bị thiệt-hại vì cái ảo-tưởng bình-đẳng. Thầy thuốc đã nghiệm ra rằng phần nhiều những đứa trẻ học chậm đó là có mắc chứng bệnh gì cả, hễ chữa khỏi thì lại học-hành bình-thường như đứa khác. Có đứa thì vì tai nghễnh-ngãng cho nên sức chú-ý có kém. Có đứa thì vì thân-thể hoạt-động không được bình-thường nên thành ra lười-biếng. Lại có đứa thì có những cái chứng hư sâu-xa hơn, phải có nhà chuyên-môn sửa dạy mới được. Ở các trường học, thầy giáo vẫn phàn-nàn về hạng học trò ấy, lười biếng làm cho chậm cả lớp. Có nơi xin cho bọn đó học riêng. Ở Anh ở Đức, có đặt trường cho những trẻ học chậm (*écoles d'arriérés*), do thầy thuốc chủ-trương, nghiên-cứu kỹ từng đứa, rồi dần dần sửa được cả tâm-tính.

Ở Pháp thời học-trò kém đó, mới đặt ra những lớp gọi là lớp bổ-tập (*classes de perfectionnement*) phụ thêm vào mấy trường tiểu-học. Cho nên cách đào-thải học-trò chưa được kỹ bằng ở các nước. Ở Đức và ở Mĩ, người ta lại chọn lấy những học-trò thực lỗi-lạc mà đặt ra những lớp đặc-biệt.

Cách giáo-dục của nhà trường lại có một điều khuyết-điểm nữa, cũng do một nguyên-nhân đó mà ra, là cái khuynh-hướng cứ dạy dồ-đồng cả, không phân-biệt đứa nào có tài-năng hay tư-cách riêng gì, để giúp cho nó phát-siển ra. Thành ra sự giáo-dục chỉ có một mục-đích, là nặn hết thảy các con trẻ theo một cái khuôn chung nhất-định. Các trường kỹ-nghệ thường mắc phải cái tật đó, cho nên làm cho con trẻ mất cả đặc-sắc đi. Tốt-nghiệp ở trường kỹ-nghệ ra, vẫn là biết nghề lắm, nhưng tựa-hồ như có mấy cái phương-pháp học thuộc lòng, chứ ít người có cái tài khéo riêng khác thường, như thế sau này ra làm ăn cũng thiệt-thòi nhiều lắm. Học trò trường nào có cái lối riêng của trường ấy, dễ nhận được ngay; bất-cứ làm việc gì cũng là giở cái lối đã học sẵn ra, ít khi có biến-báo.

Đến các trường Đại-học cũng có người trách như thế, là sự học tuy cao hơn rộng hơn, nhưng cũng không thoát khỏi cái sáo tư-tưởng văn-chương thường.

Rồi sau ra làm chức-nghiệp, cũng vẫn thấy cái thiên-kiến như thế. Như người con trai, làm nghề gì thường là cha mẹ sở thích mà bắt phải theo, chứ không phải tự mình có cái khuynh-hướng về nghề ấy. Như làm nghề thầy thuốc hay nghề kỹ-sư, là người nhà khuyên nên theo các nghề đó, chứ không phải tự mình có cái tư-cách riêng về nghề ấy. Có khi là tình-cờ nói chuyện với ai, đọc quyển sách hay tờ báo, hay ngẫu-nhiên xảy ra việc gì, rồi nhân đó mà quyết-định nghề-nghiệp. Làm như thế thì cẩu-thả quá. Muốn kén chọn chức-nghiệp cho chánh-đáng, thời phải nhờ tay chuyên-môn, hay là người trong nghề đó xét kỹ xem người thiếu-niên có tư-cách gì đặc-biệt hay không. Nhưng thường thiên-hạ cho rằng người ta là bình-đẳng hết cả, ai làm nghề gì cũng được, cho nên có ai để ý xét nghiệm làm gì.

* *

Trong quân-đội thời trật-tự nghiêm lắm, nhưng trong mỗi hạng cái luật bình-đẳng cũng lại thi-hành một cách rất nghiệm. Thí-dụ như cách luyện-tập, thời không theo cái sức của người ta có thể tập được thế nào là vừa, mà lại theo chương-trình, bắt phải tập thế nào cho đủ lối và cho trúng-cách. Chương-trình định theo một cái lệ trung-bình, nhưng lệ trung-bình đây bao giờ cũng nặng hơn lệ thường, thành ra cách tập-luyện thường thường là cưỡng-bách

người ta phải làm quá sức. Như bắt lính tập đi, thường đi theo bước mau quá, nhiều người phải miễn-cưỡng mới theo kịp. Sau khi đi tập về, mấy giờ đồng-hồ quả tim vẫn thấy đập mạnh, vì bị kích-thích quá sức. Nhiều người vì thế mà quả tim thành ra hư đi, phải nghỉ không dám vận-động nữa, có khi thành ra bệnh-tật nặng đến chết người. Lại những lính mới đăng, thân-thể chưa phát-đạt được hoàn-toàn, bắt tập thể-thao nhiều quá, cũng hư người nhiều lắm. Cứ xem các lính đi trận ở thuộc-địa, như trận *Madagascar*, dùng lính trẻ nhiều, xét ra sức nhẫn-nại không được bằng lính đã có tuổi hơn; lính mới mắc bệnh-tật và chết hại nhiều hơn lính cũ. Tin ấy truyền sang bên Pháp, những người có con đi lính thuộc-địa nổi lên phản-đối dữ lắm.

Lại nghiệm ra nhiều bệnh như bệnh lao, số lính mắc phải, so với số người ngoài có phần nhiều hơn và nặng hơn. Cách vệ-sinh ở trại lính, về ăn uống, về cư-xử, chắc là hơn ở ngoài nhiều. Người nhà quê chắc là ăn uống không được sung-túc, chỗ ở không được sạch-sẽ bằng người đi lính. Lại khi đăng lính đã kén chọn kỹ-càng lắm, người nào có mạnh khoẻ mới cho đăng. Thế mà lính mắc bệnh lao lại nặng hơn người ngoài, là nghĩa làm sao? Sự trái ngược như thế, nhiều người đã tìm xem nguyên-nhân ở đâu, mà vẫn chưa giải được rõ. Tưởng cái nguyên-nhân đệ-nhất là ở sự bắt quân lính tập nhiều, thành ra lao-lực quá. Từ ngày thi-hành luật binh-dịch ba năm (bây giờ đã giảm xuống mười tám tháng rồi), hạ tuổi lính nhập-ngũ, để tăng số cho nhiều hơn, thời cái sức nhẫn-nại trong quân-đội có kém đi nhiều. Lại theo cái hư-thuyết bình-đẳng, lính còn non-nớt mà bắt tập-luyện cũng khó-nhọc như lính đã có tuổi hơn, trách nào không gây ra một cái tình-trạng lao-lực, khiến cho dễ nhiễm các bệnh-tật, thứ nhất là bệnh lao. Muốn bổ-cứu lại cái tình-trạng đó thời chỉ có hai cách: một là nếu sự tập-luyện như bây giờ là yếu-cần, không thể bỏ bớt được, thời việc tuyển lính nên cẩn-thận hơn, kén chọn lấy những người thật mạnh-khỏe, định tuổi cao hơn lên, dù số lính có bị giảm đi cũng chẳng hề, vì thà ít mà mạnh còn hơn là nhiều mà yếu; hai là nếu cách luyện-tập thể-thao mà có thể giảm đi không phương-hại đến cái giá-trị của quân-đội, thời nên giảm bớt và thứ nhất là nên sửa-đổi sắp-đặt lại cho thích-hợp với cái sức nhẫn-nại của quân lính.

∴

Nhưng cái ảo-tưởng bình-đẳng hại nhất là về sự hình-phạt. Luật bắt-buộc rằng ai ai cũng phải biết điều-luật, nhưng đến những điều luân-lý thường, vị-tất ai ai cũng đã biết, mà có ai dạy cho mà biết.

Khi phạm tội thời ai ai cũng chịu theo một tội cả. Nay bắt tội người ta là có ý-nghĩa gì, chính là để phòng-bị cho xã-hội. Như cách xử án bây giờ thì còn phòng-bị làm sao được? Làm tội không xét theo tính-chất của người bị tội, cứ chiếu điều luật mà kết-án nhất-luật cả. Cứ lẽ phải thì quan tòa trị tội phải như ông thầy thuốc trị bệnh, tùy bệnh-trạng mỗi người, tùy cơ-hội mỗi lúc, mà thi một phương khác nhau. Bên Mĩ hiện nay đã bắt đầu thí-nghiệm cách đó: ở *Elmira* có đặt một sở giám-thất riêng, quan tòa kết án không phải định sẵn cách thi-hành án thế nào, kết xong giao cho ông chủ nhà giám-thất, tùy mỗi người tội-nhân bắt chịu tội một cách khác. Ông chủ giám-thất là một ông thầy thuốc, chuyên về khoa thần-kinh-bệnh. Vì kẻ tội-nhân nhiều khi là kẻ có thần-kinh-bệnh, bệnh biến cho đến xui làm những

việc phạm luật nước, thế là kẻ có tội, không khác người bệnh thường mấy ti. Nay có bệnh thời có cách chữa được ; nên phải để cho nhà chuyên-môn nghiên-cứu kỹ từng người, rồi đặt hội-đồng xét mà định tội. Chứ lấy cái thuyết bình-đẳng như bây giờ mà cho người có tội nào cũng như người có tội nào, đặt một cái luật nhất-định mà thi-hành cho hết thảy, thời không công-bằng quá. Nhiều nhà từ-thiện, như ông quan tòa MAGNAUD, ông nghị-viên CRUPPI đã xin đổi lại luật đó. Nhưng muốn đổi thời phải đổi tự cái lý-thuyết về hình-phạt, cho sự hình-phạt là một cách trừng-trị và một cách cải-lương, quan tòa kết án rồi phải giao cho nhà chuyên-môn xét từng người mà định tội vậy.

Nói tóm lại thời cái ảo-tưởng bình-đẳng vốn là do cái lý-thuyết bình-đẳng về chính-trị lạm-dụng ra các phạm-vi khác, kết-quả đến làm cho mất cái đặc-sắc tự-nhiên của cá-nhân đi, và khiến cho những kẻ hèn-yếu, không có tư-cách bằng người, đến phải oan-uổng thiệt-thòi. Nói chung cho cả một dân một nước, thời cái ảo-tưởng đó chỉ đủ làm cho chậm đường tiến-hoá, vì sự tiến-hóa bao giờ cũng ở cái tài xướng-suất, cái trí phát-khởi riêng của cá-nhân mà ra. Về đường hình-phạt thời cái ảo-tưởng đó khiến cho không thể trừng-trị các tội-nhân theo cái thực-tội của mỗi người.

Nay xét mấy cái phong-trào dư-luận ngày nay thì biết cái ảo-tưởng bình-đẳng ấy cũng khó lòng mà phá đi được, như cái phong-trào yêu-cầu nữ-quyền, tuy có nhiều điều chánh-đáng, nhưng xem ra cũng là ngộ-nhận và lạm-dụng cái thuyết bình-đẳng cả. Các bà các cô nên cẩn-thận, vì có ngày hại về cái ảo-tưởng bình-đẳng đó mà hối không kịp vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

ĐẠO LÀM NGƯỜI (1)

V

Nói về quốc-gia

Trong mấy nghìn năm, người ta đã họp thành đoàn-thể, vẫn sinh-hoạt theo lối du-mục, nghĩa là không có định-cư, nay đây mai đó, chỗ nào có đồng cỏ tốt cho trâu ngựa ăn thời đến tạm ở ít lâu, rồi lại đi nơi khác. Chung quanh những đất rộng mông-mênh, không có người ở, tha-hồ mà đi tìm lấy nơi nào khí-hậu ôn-hòa, thổ-địa phì-nhiêu, có nước ăn uống được, có ánh sáng mặt trời, rồi sau thì kiếm những nơi có quặng mỏ quí hay là dùng được việc.

Được nơi nào tốt ở đấy, có khi lập thành ra từng « đế-quốc », chinh-phục các đất ngoài mà bờ-cõi mở rộng ra, dần dần tới một trình-độ văn-minh cũng kha-khá ; rồi thấy nhất-dân đồ sụp, hoặc vì đã sáp-nhập nhiều các dân-tộc bác-tạp, không ở với nhau được phải giải-tán, hoặc vì có dân rợ nào ở ngoài tràn vào, ngập mất người bản-dân đi hay là khu-trục đi nơi khác.

(1) Xem *Nam-Phong* số 109, 111, 113, 117.

Sau dần dần những nơi đất tốt có dân-cư cả, người tu họp mỗi ngày một đông, một nghề săn-bắn và nghề chăn-nuôi không đủ ăn nữa. Bấy giờ mới phải giồng-giọt và cày-cấy ruộng đất một cách chuyên-cần, vậy thời phải ở đâu ở đấy, làm cửa làm nhà.

Các bộ-lạc cùng giống họp lại với nhau, sắp đặt cho có thể-thống để chống với các dân ngoài khỏi tràn sang xâm-chiếm, bấy giờ mới thành nước, có lĩnh-thổ nhất-định. Trong mấy mươi thế-kỷ, những nước mới thành-lập đó, phải hết sức chống giữ để khỏi nước khác tràn sang, khỏi những dân mạnh hơn đến đoạt mất của-cải, bắt làm nô-lệ, hay đánh đuổi đi nơi khác, thành ra cách sinh hoạt cũng còn bấp-bông lắm.

Tuy-nhiên nước nọ đối với nước kia dần dần đã biết lấy công-lý công-pháp mà đối-đãi với nhau. Mấy dân-tộc hiệp nhau thành liên-đảng để phá những đảng trộm cướp, để giữ quyền độc-lập cho nhau, để bênh-vực cho các dân nhỏ yếu. Sánh với trước, thế đã là một bước tiến-bộ to. Các nước tuy phải cái nạn chiến-tranh luôn, tuy qua lắm hồi thăng trầm gớm-ghê, nhưng vẫn sinh-tồn được, vẫn giữ được lĩnh-thổ của mình. Có những châu-quận, những quốc-gia bị lao-lung áp-chế đã lâu đời, rồi cũng khôi-phục được quyền tự-do, tự-chủ.

Kịp đến thời-đại nay thời mới thấy dựng thành ra các quốc-gia hoàn-toàn.

Quốc-gia, người trong nước thì gọi là tổ-quốc (*la patrie*), là biểu-hiệu cả cái hương-hỏa vật-chất tinh-thần của một dân-tộc, do đời trước truyền lại cho đời sau, cứ kế-tục mãi mãi. Tức là cái đất mình sinh-trưởng, đời nọ đời kia đã gia công chống giữ, có khi đến liều chết để khỏi vào tay kẻ khác, để bênh-vực cho đàn bà khỏi phải vũ-nhục, nòi giống khỏi đến nô-lệ; cái đất mà chính mình đã khai-khẩn, đã bón-sới, mới được tốt đẹp như bây giờ; đã xây-dựng thành nhà cửa, chốn công chốn tư đủ cả, đủ biểu-chứng cho cái công-phu khai-hóa khó-nhọc trong bao nhiêu đời; cái đất mà tổ-tiên đời trước còn nằm đấy để ngủ giấc ngủ sau cùng vậy. Tổ-quốc là gồm các chế-độ chính-trị của dân-tộc đặt ra để cai-trị việc nước và làm thẳng-mặc cho quốc-dân; tổ-quốc là tiếng nói chung trong nước, là tôn-giáo của quốc-dân theo, là cái kho báu văn-chương, học-thuật, mĩ-thuật, đời đời chuyên-tập khảo-cứu mà tích-lũy mãi mới dựng nên; nói tóm lại tổ-quốc tức là cái cuộc lịch-sử mà dân-tộc đã kinh-qua trong mấy mươi đời, cùng nhau hưởng sung-sướng, cùng nhau chịu khổ-nhục, khi vinh khi nhục đã từng có nhau vậy. Người nào có tâm-hồn cao-thượng, biết cái giây liên-lạc với kẻ đồng-chủng đồng-loại mình là qui-hồa vô-cùng, biết mình cũng được hưởng một phần trong cái hương-hỏa chung của tổ-tông để lại thì lấy làm khoái-lạc tự-cao, và muốn gia-công gắng sức bảo-tồn lấy cái hương-hỏa ấy, tô-điểm cho tốt đẹp thêm lên, thì người ấy có phúc biết dường nào! Người nào có được như thế thì mới đáng gọi là kẻ công-dân trong một nước.

Nhiều nhà xã-hội trứ-danh, trong số đó cũng có lắm tay chính-trị lỗi-lạc, dự-tưởng rằng sau này sẽ đến một thời-kỳ các dân-tộc đã sáng-suốt khôn-ngoan cả, cách giao-tế với nhau cũng sẽ tới một trình-độ văn-minh như cách giao-tế của người riêng trong một xã-hội có văn-hiến vậy; đến bấy giờ thì sẽ đặt ra một cái quyền cao tuyệt-đối để chuyên giữ cho các quốc-gia đối với nhau được hòa-bình thỏa-thuận,

không phải tranh-dành xung-đột gì nhau nữa.

Sự dự-tưởng đó có bao giờ thành sự thực được không, hay chẳng qua chỉ là một cái mộng hão-huyền mà thôi, một cái bóng mơ-màng, hễ đi gần đến thì nó lại chạy xa, không bao giờ đuổi kịp?

Về phần riêng tôi thì sau này tôi sẽ nói rõ cái lòng tin của tôi đối với cuộc tương-lai đó, duy phải biết rằng đó còn là chuyện tương-lai, nghĩa là chuyện còn xa-xôi về sau này, các dân-tộc cho được tới đó còn phải qua một cuộc tiến-hóa lâu dài, có khi tiến, có khi thoái, chứ không phải cứ đều-đặn mà tới nơi ngay được. Nhưng đây, ta chỉ xét riêng về cái tư-tưởng quốc-gia và sự tiến-hóa như vừa nói trên đó có phá-hoại được cái tư-tưởng đó không

Có những kẻ mơ-hồ không biết thực-tế ở đời thế nào, những kẻ ngụy-biện vì danh-lợi mà truyền-bá ra những chủ-nghĩa hão-huyền, kẻ giốt-nát vô-học không biết cái giá-trị sự tự-do và không biết cái hương-hỏa tinh-thần của một nước quí-báu là dường nào, hoặc những kẻ hèn-mạt muốn kiếm cớ để khỏi phải trả cái nợ máu cho nước, những kẻ đó ngay tự bây giờ đã tuyên-bố lên rằng loài người đã tới ngày tương-thân tương-ái nhau rồi, quân-đội cùng quốc-giới nên bãi đi ngay lập-tức, các dân-tộc nên để cho dung-hòa lẫn với nhau, cái quan-niệm quốc-gia phân-cách người ta nên bỏ đi hẳn, vì ai ai cũng là dân chung của thế-giới cả.

Những sự mơ-tưởng cuồng dại đó là nguy-hiểm, vì trước khi nghĩ được cách phòng-bị chắc-chắn hơn để bảo-toàn lấy quyền-lợi của bản-thân mình và của quốc-gia mình, thì những cách dự-phòng cùng những khí-giới ngày nay đang dùng, không thể nhất-đán vứt bỏ đi được.

Nhưng cho dẫu cái thời-kỳ dự-bị ấy đã qua rồi, các quốc-gia đặc-biệt có nên bãi bỏ đi không?

Cứ như ý tôi thời các quốc-gia không bao giờ mất đi được, và cũng không nên mong cho mất đi.

Các dân-tộc muốn cho hòa-hợp với nhau thì điều cốt nhất là mỗi dân phải được toàn-quyền độc-lập, được tự-do sinh-trưởng trong bản-thổ của mình; luật phép chung đặt ra là chỉ để qui-định sự giao-tế nước nọ với nước kia mà thôi. Nay thường nghiệm ra hễ khi nào một dân-tộc được tự-do sinh-hoạt, không có quyền mạnh ở trên thống-nhất, thì thường có cái khuynh-hướng muốn phân-lìa ra thành những châu-quận độc-lập, chứ không thấy muốn hợp-nhất với các dân ngoài bao giờ. Sau này nếu nhờ cách tổ-chức về quốc-tế, các dân-tộc không cần phải hỗn-hợp nhiều người để trưng-mộ lấy nhiều binh lính mà phòng-bị cho mình, thì cái khuynh-hướng biệt-lập ấy chắc càng ngày lại càng mạnh thêm lên.

Nhưng tùng-sử nhân vì tư-tưởng người ta thay đổi, hay là nhân vì có cái sức mạnh gì nó xô-đẩy, các nhân-quần lại có cái khuynh-hướng muốn kết-hợp lại với nhau cho thành những đoàn-thể lớn, thì cái khuynh-hướng sau đó chắc cũng chỉ thuộc về từng bộ-phận trong nhân-loại mà thôi. Vì rằng chủng-tộc, tôn-giáo, ngữ-ngôn, phong-tục, văn-hóa của các dân-tộc khác nhau nhiều, khiến cho lắm dân dù thế nào cũng cố giữ lấy cái quyền tự-chủ của mình để đặt lấy chế-độ thích-hợp cho mình hơn.

Cho dẫu các dân đã giao-thông với nhau một cách mật-thiết đến làm cho hỗn-hợp với nhau được, sự hỗn-hợp ấy thế-tất cũng có hạn mà thôi; vì cái hình-thế thiên-nhiên như núi, sông, bể, sa-mạc, đã lắm sự hiểm-trở, lại sản-vật mỗi nơi một khác, khí-hậu cũng không giống nhau, sự cần dùng

về đường sinh-hoạt của mỗi dân cũng sai-biệt nhau nhiều lắm, bấy nhiêu lẽ khiến cho các quốc-gia không thể liên-hiệp cả là một, dưới một quyền thống-trị, theo một pháp-luật chung được.

Vả lại nếu vạn-nhất các quốc-gia mà phải mất đi, thời thật là một sự đáng tiếc vô-cùng, vì nhân-loại sẽ mất một cái nguyên-động-lực rất mạnh cho sự ganh đua về đường tiến-hóa. Muốn đặt cách để ngăn-ngừa cho nước này đừng ý-thế xâm-lấn nước kia, cho các nước đối-đãi với nhau đừng lấy cái võ-lực thô-bỉ làm tiêu-chuẩn, như thế thì được lắm, như thế thì hay lắm; nhưng trong cái phạm-vi của khoa-học, văn-học, mĩ-thuật, và cả về đường lý-tài, đường kinh-tế, nên để cho các nước được tự-do mà ganh đua nhau cho biết hơn kém, vì sự ganh-đua và lòng ham-lợi là hai cái sức mạnh có thể kích-thích cho người ta chịu khó xuất-lực, tức là giúp cho sự tiến-hóa của nhân-loại và khiến cho nhân-loại được thịnh-vượng thêm cùng được thêm hạnh-phúc vậy.

Nói về tự-do

Từ xưa đến nay người ta bao giờ cũng ham được tự-do, coi là cái của báu đệ-nhất ở đời, thường khi đem hết nghị-lực mà chống-chỏi để thu-hoạch hoặc để khôi-phục lấy, dù chết hại đến bao nhiêu cũng không từ.

Nhưng hoặc-giả nói: sự tự-do đã là một cái của quí như thế, thời cớ sao người ta là một giống thông-minh, lại không biết hòa-thuận với nhau để cho được yên-ổn mà cùng hưởng cái báu đó?

Sở-dĩ thế là vì không gì khó định bằng cái giới-hạn tự-do của mỗi người đối với mọi người, của mỗi dân-tộc đối với các dân-tộc khác, và câu chuyện tự-do chính là một câu chuyện thiên-lý bị vật-dục mờ-ám che-lấp đi, không rõ tỏ ra được.

Lời Tuyên-ngôn Nhân-quyền của nước Pháp nói rằng quyền tự-do là quyền muốn làm gì thì làm, miễn là không hại đến kẻ khác.

Vẫn biết thế, nhưng ở đời này được mấy người đủ học-thức, đủ trí khôn, mà biết tự mình định được rõ-ràng đến cái giới-hạn nào là quyền-lợi tự-do của mình bắt đầu phương-hại đến quyền-lợi tự-do của kẻ khác, và đủ có lòng cao-thượng, có sức can-đảm biết đến đấy thì dừng lại, dù trông thấy lợi-lộc trước mắt cũng không màng, dù cái lòng ham-danh trục-lợi nó thúc giục cũng nén cũng át đi được?

Cứ kinh-nghiệm cũng đủ biết rằng không thể trông mong ở cái trí sáng-suốt và cái lòng đạo-đức của người đời đó, để mưu cho xã-hội được có công-lý, có trị-an và có trật-tự; bởi thế nên chính trong lời Tuyên-ngôn cũng đã nói, cần phải đặt pháp-luật để định cái giới-hạn quyền tự-do của mỗi người, rồi lại phải đặt quan thẩm-phán, đặt lính cảnh-sát để cưỡng bắt người ta phải theo pháp-luật.

Nhưng mà ai là người có tư-cách biên-chế ra cái luật hạn-chế đó, khiến cho ai ai cũng phải tuân theo, và cái nhà lập-pháp ấy, hoặc do tuyển-cử, hoặc là tự-chuyên, có thể mong có đủ trí sáng-suốt, đủ tài cai-quát mà dự-định được hết cả, điều-hòa được cả các mối quyền-lợi phản trái nhau không?

Lời Tuyên-ngôn nói rằng: pháp-luật phải là tiêu-biểu cái ý-chí chung của nhất-ban quốc-dân, và phải do quốc-dân hay là do đại-biểu của quốc-dân biên-chế ra.

Cái nguyên-lý thời hay lắm, vì làm như thế thì pháp-luật đặt ra có oai-quyền, có thế-lực, và quốc-dân có thể tự-phụ rằng chính mình chủ-trương lấy vận-mệnh mình, nhưng cứ thực-tế thì như thế đã đủ chắc-bằng chưa? Thường thấy pháp-luật do một người hay một số ít người làm ra mà hay

vô-cùng, rất thích-hợp. Mà các nước dân-chủ có quyền lập-pháp thời pháp-luật nhiều khi lại dở lắm. Pháp-luật ở một người hay một số ít người làm ra, thời người ấy bậy dân mới phải chịu khổ. Pháp-luật ở cả bàn-dân mà ra, thời dân phải chịu cái quyền áp-chế của công-chúng nhiều khi lại khổ hơn nữa, vì cái quyền của số nhiều thường thường là ở trong tay những kẻ tài-trí kém, học-thức kém nhất trong nước. Hạng ấy mà được quyền lập-pháp thời pháp-luật đặt ra thường là ở tay những kẻ bất-tài mà lại có lòng đố-kỵ người tài-năng ; hạng trí-thức trong nước bị bọn đó đàn-áp mà phải chịu thiệt-thòi. Nhân đó gây ra cái mầm phản-động và cái họa chiến-tranh cho sau nay.

Muốn cho lời phán-đoán của ta có chứng-cứ, xét ngay sự thực hiện-thời.

Đáng lẽ ra thời các dân các nước đối với nhau phải có một bộ luật quốc-tế để bảo-hộ quyền tự-do cho nhau, định rõ cái quyền-hạn của mỗi nước có thể làm những gì là không xâm-phạm đến quyền-lợi của nước khác, vậy mà luật ấy chưa hề thấy đặt ra bao giờ, hãy còn là cái tập-tục mơ-hồ mà thôi, không có quyền thẩm-phán nào cưỡng-bách được, mà thời-thường người ta không theo luôn. Chưa hề thấy có nước nào đứng lên chủ-trương xin biên-chế ra bộ luật đó. Các nước đối với nhau chỉ thấy hoặc là kiêu căng, tự-kỷ, muốn thắng-đoạt cả các nước khác để chiếm lấy cái địa-vị đặc-biệt cho một mình, hoặc là bất-phẫn đố-kỵ mà chỉ muốn xâu-xé lẫn nhau cho thỏa cái lòng ghen-ghét, cái bụng tham-dục mà thôi. Bởi thế nên các nước không chịu công-nhận một cái phép chung để làm kỷ-luật, bởi thế nên đến khi quyết-liệt với nhau chỉ còn có cách chiến-tranh là cùng cả. Thành ra quyền tự-do của các nước rất là mơ-hồ và không có gì là chắc-bằng hết cả.

Các nước văn-minh thì ở trong mỗi nước đã có pháp luật phân-minh để qui-định sự giao-tế người dân với nhau, nhưng mà trong nước thường lại chia ra lắm đảng-phái. Các đảng ấy cạnh-tranh nhau luôn, thay nhau mà cướp lấy chính-quyền vào trong tay, đảng nào được cầm quyền thời liền soay pháp-luật về phương-diện chính-kiến của mình, và định quyền tự-do trong nước theo cái quan-niệm riêng về công-lý của mình. Bởi thế nên ở nước nào cũng vậy, các hội lập-pháp họp nhau hàng tháng hàng năm để bãi-bỏ hoặc sửa-đổi các luật cũ cùng là biên-chế ra những luật mới, thành ra cái công lập-pháp là cái công dạ-tràng, nhọc-nhằn mà chẳng nên chuyện gì, kết-quả thành một mớ công-văn phồn-tạp, ngày nay ban-hành, ngày mai bãi-bỏ, bác đi sửa lại, không bao giờ là nhất-định.

Hoặc-giả nói : lẽ sinh-hoạt là lẽ biến-thiên. Xã-hội thay đổi luôn, tư-tưởng, phong-tục, sự thực, mỗi lúc một khác, pháp-luật cũng phải tùy theo lẽ tiến-hóa chung mà biến đổi. Vẫn biết thế, nhưng đó lại chính là một cái chứng-cớ rằng sự tự-do rút lại chẳng qua là một cái ảo-tưởng mà thôi, người ta khó-nhọc mà theo đuổi, như bắt bóng ở khoảng không, chung-qui cũng không biết hình-ảnh, không biết chân-tướng nó thế nào.

Tuy-nhiên, cũng không nên vì đó mà đem cái bi-quan đối với sự tự-do, cho câu chuyện tự-do là câu chuyện hão-huyền vậy. Như ta vừa nói trên đó, quyền tự-do vốn có mật-thiết quan-hệ với pháp-luật trong nước định về giới-hạn quyền ấy và cách thi hành thế nào. Nay pháp-luật hay hay dở, là ở quyền lập-pháp dở hay hay, và quyền lập-pháp dở hay hay là ở cả quốc-dân đã ủy-nhiệm cho quyền ấy hay hay dở vậy. Vậy thời quyền tự-do của người dân trong một nước của các

nước trong thế-giới, rút lại là thuộc ở cái trình-độ tri-thức đạo-đức của cả bàn dân trong một nước và cả các nước trong thiên-hạ vậy.

Ngày nay sự học ban-bố mỗi ngày một rộng, người ta về đường tự-do cũng đã thấy có tấn-tới hơn trước, và sau này chắc còn tấn-tới hơn nhiều. Nhờ có giáo-dục phổ-thông, mỗi ngày một nhiều người hiểu rõ nghĩa-vụ chung đối với xã-hội, và ở các nước dân-chủ thời những người ấy là người có quyền đầu-phiếu cả, chắc là biết kén chọn kẻ đại-biểu xứng-đáng, kẻ đại-biểu đã xứng-đáng, pháp-luật đặt ra tất là chánh-đáng vậy. Lại phải biết rằng dân nào đã được hưởng tự-do lâu thời vẫn biết dùng quyền tự-do một cách khôn-ngoan điều-độ, biết tự-nguyện theo kỷ-luật chung, khiến cho quyền lập-pháp có thể vững lòng tin được và sẵn lòng bớt các điều luật hạn-chế, cho cái giới-hạn tự-do ngày một thêm rộng ra.

Hoặc-giả chỉ bằng ở bề ngoài, chửa xét cho đến nơi, cho lời bàn trên đó là quá ư lạc-quan, không hợp với lẽ tiến-hóa thực của các xã-hội.

Vì người ta mà được hoàn-toàn tự-do, hoàn-toàn tự-chủ, duy có người rừng ăn ở cô-độc, không đi lại với ai mà thôi.

Đến ngày đã dựng thành xã-hội, thời mỗi người ở trong xã-hội đều chiếm lấy quyền-lợi của-cải làm của mình. Xã-hội càng phát-đạt, quyền sở-hữu của người ta càng khuếch-trương ra. Bấy giờ người dân trong nước nhất-cử nhất-động là thấy xung-đột đến quyền sở-hữu của kẻ khác cả, mà sự xung-đột ấy càng ngày lại càng dữ, thành ra quyền tự-do của mình bị bó-buộc hẳn không còn gì nữa.

Muốn bổ-cứu lại sự đó, thời ở các xã-hội ấy có đặt ra những công-cuộc công-công cùng những điền-thổ công-cộng, để cho mỗi người dân đều được hưởng chung; nhưng lại chính vì là của chung nên cái quyền hưởng-dụng cũng phải hạn-chế, thành ra người ta ở trong xã-hội nếu không bị quyền-lợi riêng của kẻ khác hạn-chế mất quyền tự-do của mình, thời lại bị quyền-lợi chung của xã-hội.

Một đời cứ bị hạn-chế luôn như thế thời còn gì là tự-do nữa, và thế sao chịu mãi cho được. Ở nước chính-thể chuyên-chế thì làm dân như thế cũng khổ thật, vì chính-phủ có cái khuynh-hướng muốn hạn-chế, muốn cấm-đoán người ta đủ điều. Còn thời các chính-thể khác cũng châm-chước mà chịu được.

Thế-tất phải châm-chước mà chịu vậy, vì không thể làm thế nào được: trên mặt địa-cầu này chỗ nào ở được cũng có người ở cả rồi, không thể làm người ẩn-độn mà lánh xa cõi đời được; vả sự sinh-hoạt trong xã-hội tuy có điều bất-tiện nhưng cũng nhiều điều ích-lợi về đường vật-chất, về đường tinh-thần, điều ích-lợi ấy người ta được hưởng đã quen đi rồi, không ai đành chịu bỏ được nữa; còn như các xã-hội đời nay đặt ra pháp-luật phiền-phức quá để hạn-chế quyền tự-do của người ta là phần nhiều hạn-chế về phần vật-chất mà thôi, chứ phần tinh-thần thời lại có công khai-phóng cho tư-tưởng người ta nhiều lắm.

Nếu được quyền tư-tưởng tự-do, quyền họp-tập tự-do, quyền làm việc tự-do, quyền làm công dân trong nước được kén lấy chính-phủ của mình, chọn lấy quốc-tịch cho mình, nếu được thế rồi thời dẫu có bị hạn-chế về đường vật chất, như đi bên cạnh cái cây có hoa thơm quả đẹp không được tự-do hái-bứt, như thấy chỗ nào phong-cảnh ngoạn-mục không thể tự-do cất nhà mà ở được, lại mỗi bước đi ra ngoài là bị những luật-lệ cảnh-sát, luật-lệ hành-chính ngăn-trở cấm-đoán một trăm điều, dẫu có phải hạn-chế trong những việc đó, thời tưởng cũng

chẳng hề chi. Cái tự-do thuộc về tinh-thần mới là tự-do chân-chính, mới đáng trân-trọng mà thôi. Thử so-sánh những cái tự-do đó với những sự hạn-chế về vật-chất do sinh-hoạt trong xã-hội mà phải chịu, thời những sự hạn-chế ấy có đáng kể vào đâu, người thức-giả không ai quan-tâm đến vậy.

Nói về bình-đẳng

Trong ba cái chủ-nghĩa của các nhà cách-mệnh nước Pháp năm 1789 tuyên-bố lên, là Tự-do, Bình-đẳng, và Bác-ái, thời chủ-nghĩa bình-đẳng là thi-hành được một cách hoàn-toàn và thành-thực hơn cả.

Cứ thực ra thì đạo Thiên-chúa trong bao nhiêu đời đã tập cho người Âu-Tây quen cái nghĩa bình-đẳng rồi. Vả lại chủ-nghĩa bình-đẳng kể thi-hành cũng dễ, và trong cách thi-hành cũng ít sinh ra dị-nghị, ít cần phải hạn-chế.

Như tuyên-bố rằng người ta sinh ra và sống ở đời, đối với pháp-luật ai cũng bình-đẳng như ai, thời điều đó tưởng không ai còn dị-nghị được nữa và cũng không cần phải hạn-chế gì nữa. Còn ở trong xã-hội, hoặc có người lĩnh chức-phận cao hơn kẻ khác, thời là vì tài-cán riêng, vì lợi-ích chung mà được như thế, cũng không phải là trái với nghĩa bình-đẳng.

Tuy-nhiên cũng có một vài điều thiên-hạ chưa được đồng-ý nhau hẳn.

Như các giống người, có những giống nào là giống hạ-đẳng không, và những giống ấy có đáng khinh-bỉ, đáng ruồng-rẫy, đáng bạc-đãi hay không?

Cứ phương-diện tâm-lý mà xét, thời cố-nhiên là không. Trong các chủng-tộc, có giống kém bề văn-hóa, trình-độ trí-thức hiện còn thấp và có lẽ sau này cũng còn thấp nữa; nhưng mà trình-độ đạo-đức thời thường thường lại cao hơn nhiều các dân-tộc khác có tài-trí, có văn-hóa, mà phong-tục lại đồi-bại vô-cùng. Trên cái cán chí-công của ông Tạo-vật, lòng nhân-từ đạo-đức tất nặng hơn là sự học-thức trí-tuệ.

Dù thế nào mặc lòng, những dân-tộc ấy chẳng qua là đi chậm, nhưng có thể tiến lên được; bởi thế nên cái nghĩa-vụ của các người khác là phải coi người ta như anh em cùng một loài người và phải giúp-đỡ cho phát-siển được hết các năng-lực ra và thu-hoạch được cái học-thức cùng sự kinh-lịch còn thiếu-thốn. Nghĩa-vụ mà cũng là sự lợi cho mình nữa, vì các dân-tộc ấy sau này tấn-tới lên sẽ hiệp-lực với mình để khai-khẩn các tài-sản thiên-nhiên trong đất nước mà cùng nhau hưởng lợi chung, lại có thể dễ-huề với mình để tổ-chức sự quốc-tế-sinh-hoạt cho được hòa-bình yên-ổn.

Về phương-diện vật-chất thì ta không dám quyết như trên kia. Các giống người, hình-thể giống nọ giống kia có khác nhau, và có lẽ cũng có hơn kém nhau không biết đâu. Tỉ-dụ như không nước nào có quyền cấm người trong nước lấy người giống khác làm vợ làm chồng, vì cấm như thế là phạm đến quyền tự-do của cá-nhân; nhưng mà chính-phủ một nước đối với người một giống khác cho là kém giống mình có quyền hạ-lệnh cấm không cho di-dân sang nước mình được. Quyền ấy cũng có thể ví như quyền của các nước được cấm các người ngoại-quốc mắc bệnh truyền-nhiễm không được vào nước mình vậy.

Lại còn một điều nữa, thiên-hạ cũng thường dị-nghị, là có nên quyết-định rằng người ta sinh ra phải cho bình-đẳng nhau về đường tài-sản không?

Cứ lý-thuyết thì phải như thế mới thật là công-bằng, mà đời thượng-cổ kia chắc đại-đề cũng như thế cả, hồi ấy của-cải không có chủ, đất hoang còn nhiều, nhà nào họ nào đến ở thì chiếm lấy một khu đủ rộng cho mọi

người ở vừa, mà cách sinh-hoạt là bắt lấy các giống vật rừng và kiếm các thổ-sản thiên-nhiên ở vùng ấy mà ăn. Ta nói là đại-để, chứ không phải là nhất-thiết như thế cả, vì ngay tự đời bấy giờ người ta đã biết có cái quyền sở-hữu rồi, người nào dựng ra được cái lều, chế ra được cái khí-giới hay đồ dùng gì, dụ được con vật rừng để nuôi, thì có quyền chiếm giữ lấy cái lều, cái đồ, con vật ấy, coi làm kỷ-vật của mình và của vợ con mình.

Kịp đến khi các bộ-lạc càng ngày càng nhiều thêm ra, các thổ-sản thiên-nhiên không đủ mà ăn để sinh-hoạt được nữa, thì bấy giờ phải cầy-cấy ruộng đất một cách chuyên-cần, phải gây ra các công-nghệ, phải chia công việc ra mọi người, tùy theo cái tài cán riêng của mỗi người và sự cần-dùng chung của xã-hội. Muốn làm cho có công-hiệu, bèn kích-thích tưởng-thưởng cho những người biết chịu khó xuất-lực, như người nào khai-khẩn được miếng đất nào thì cho miếng đất ấy làm kỷ-vật, người nào sắp đặt được một cái công-xưởng cho chỉnh-đốn thời giao cho cái công-xưởng ấy mà chủ-trương, người nào làm công khó-nhọc, ăn tiêu rồi còn để ra được ít nhiều, thời cho giữ làm của riêng.

Bởi thế nên dần dần bao nhiêu của không chủ đều có chủ cả, và trong những người có của đó kẻ nọ giàu ra, người kia sút đi, nhân đó mà người ta về đường quyền-lợi tài-sản thành ra bất-bình-đẳng.

Sự bất-bình-đẳng đó có nên để mãi như thế không?

Có nhà xã-hội vì lòng nhân-từ bác-ái, có nhà cách-mệnh hoặc vì bất-đắc-chí mà căm-tức xã-hội, hoặc vì lười-biếng không chịu làm ăn, thấy người làm nên mà sinh lòng đố-kỵ, muốn đi ngược lại, định nhất-đán hạ-lệnh thu-đoạt cả của-cải của các tư-nhân để qui về công-quĩ nhà nước, rồi quân-phân cho hết thảy mọi người có công lao-động trong xã-hội. Cái lý-thuyết đó đã có nơi thí-nghiệm, đã có nơi thực-hành, mà thực-hành một cách to-tát, một cách bạo-tợn. Nhưng thủy-chung không bao giờ thành-công cả, hết thảy đều thất-bại một cách khốn-đốn cả.

Muốn thực-hành cái lý-thuyết đó thời phải bãi bỏ hẳn cái quyền tư-sản của người ta, và bãi bỏ một cách hoàn-toàn nhất-định, vì quyền ấy nếu sau khi quân-phân rồi mà lại có thể khôi-phục được, thời bao nhiêu những người chịu khó làm ăn, tiêu-phí dành-dịn, chẳng bao lâu chiếm hết mất phần của những kẻ lười-biếng phung-phá, như vậy thời cứ phải quân-phân luôn, thành ra ức người ta quá mà thực cũng không thể thi-hành được.

Vả lại những của có thể quân-phân được là của hiển-nhiên, như ruộng đất, nhà cửa, giống vật, các vật liệu, vân-vân, còn những ngân-phiếu, tài-phiếu cùng tiền-tệ các hạng, là những vật chỉ có cái giá-trị ước-định với nhau lúc thái-bình mà thôi, đến hồi cách-mệnh để chiếm-đoạt lấy tư-sản, thì các vật ấy cố-nhiên không còn giá-trị gì nữa. Lại các xã-hội ngày nay số người đông-đúc lắm, nếu bắt hết thảy mọi người phải qui-nông hết cả, vì chỉ có nghề nông là nghề căn-bản, sinh ra các sản-vật nuôi người mà thôi, thời lấy đất đâu mà chia cho khắp, khiến cho mỗi người đều có một phần để cầy-cấy mà đủ tự-cung được. Lại trong xã-hội còn có nhiều những công-cuộc chung, tòa này sở nọ, nhà máy nọ, xưởng thợ kia, việc vận-tải, việc giao-thông, việc vệ-sinh, việc bưu-chính, cùng hết thảy các công-nghệ chế-tạo ra những đồ cần-dùng cho người ta, bấy nhiêu việc đều phải cần đến người làm cả; như vậy thời cũng phải chia người ta ra nhiều hạng, sĩ, nông, công, cổ, hạng nào có công-việc của hạng ấy, song nếu hạng nào cũng đã bị chiếm-đoạt mất hết cả tài-sản rồi, thời cá-nhân không đủ tự-lực

mà làm gì được nữa, nhất-thiết các việc đều phải qui về nhà-nước chủ-trương cả, vì bao nhiêu tài-sản trong nước là nhà-nước giữ hết.

Bấy giờ thời một phần nhiều trong dân-gian đương là hạng người sinh-lợi biến thành hạng người phân-lợi, vì hết thảy thành một đám quan-lại và cảnh-binh của nhà-nước cả, phải đốc-suất kẻ làm việc, phân-phát các công việc, rồi những sản-vật sinh ra thời phải vận-tải đi mà phân-phát cho mọi người cần dùng. Người dân không được có quyền kén chọn nghề mình, mỗi người phải cưỡng-bách làm một việc như cái máy, không khác như một tên khổ-sai, bị lính canh đốc-suất. Phải làm khó-nhọc mà không có hi-vọng gì về sau này, không mong công khó-nhọc ấy rồi có ngày được đền bù hay được hậu-thưởng. Cũng không mong chịu thương chịu khó mà để dành-dịn, phòng khi già cả ốm yếu sau này, cùng là mưu cho gia-đình được sung-túc, bản-thân được độc-lập. Lại cũng không mong có cái nhà riêng để cho mình và vợ con sống được chỗ thảnh-thơi, chết được nơi kín-đáo, khỏi phải ra nằm nhà thương của nhà-nước.

Sự thí-nghiệm như trên đó, kết-quả tất không sai được. Bọn tri-thức trong nước liền tiêu-diệt đi hết, không còn học-thuật, không còn văn-hóa nữa. Còn bọn lao-động bằng chân tay, thời thấy làm ăn khó-nhọc cũng chẳng được hơn gì, thành ra lười-biếng, không chăm-chút đến công việc mình nữa. Kẻ nào làm được dư-dật thì hoặc là giấu-giếm đi, hoặc là huy-hoắc đi cho khỏi phải thu vào kho nhà-nước. Bấy giờ mới thấy cái cảnh-tượng bi-thảm như hồi dã-man ngày xưa nhân-dân bị đói khát, bệnh tật, trộm cướp, đâu đâu cũng chỉ những chết hại giết-tróc, khốn-khổ vô-cùng. Cái tình-trạng ấy là tình-trạng bình-đẳng đấy, bình-đẳng một cách hoàn-toàn tuyệt-đích đấy, nhưng là bình-đẳng ở trong cái cảnh tối-tăm, ngu-dốt, lười biếng, bần-thiu, khốn-nạn, lãi-hùng.

Cho nên cái vấn-đề bình-đẳng về tài-sản, muốn giải-quyết cho được chánh-đáng và cho thật ích-lợi, thời phải làm cách khác, chứ không thể dùng cái cách cướp-lược để quân-phân đó được.

Trừ những khi cuồng-đại nhất-thời, còn thời các dân-tộc từ xưa đến nay vẫn hiểu rằng người ta đã có công chịu khó làm ăn thời có quyền được hưởng tài-sản, và trong trường lao-động ai ai cũng được tự-do, tùy sự sở-thích, tùy cái tài năng của mình muốn chọn nghề gì mà làm cũng được. Người ta ở trong xã-hội có công làm được thời có quyền được hưởng, trừ ra phải chịu phần đóng góp cho xã-hội để chi-dùng về những việc cốt-yếu chung thời không kể, thế là hợp với lẽ công-bằng, hợp với nghĩa tự-do vậy. Lại cái của làm ra được đó, có quyền truyền lại cho kẻ thân-thích mình, vì người ta cũng chỉ vì kẻ thân-thích nên trong khi làm việc mới chịu khó làm thêm lên ngoài sự cần-dùng của mình, và trong khi tiêu-dùng cũng cố tần-tiện để cho được dư-dật. Và những cái quyền của cá-nhân đó, xã-hội cũng phải tưởng-lệ cho người ta thi-hành, vì chỉ có cách đó là mới khu-khích được cho người ta chịu khó làm ăn, và nhân đó tăng được cái trình-độ phú-cường trong nước, khiến cho trong dân-gian tích-trữ của-cải được nhiều, lâm-thời quốc-gia có cần-dùng đến để mưu việc công-ích thời đã sẵn có đấy, như ta sẽ giải rõ sau này.

Bởi các lẽ đó nên mới thành ra cái quyền sở-hữu của cá-nhân, quyền tích-sản trong gia-đình và quyền kế thừa cái gia-sản ấy.

Tuy-nhiên trong một nước mà một số ít người lũng-đoạn tài-sản nhiều quá để thiệt-hại cho các người khác, thời cũng không phải là lẽ công-bằng. Cho nên quốc-gia phải can-thiệp vào để tìm cách điều-hòa cho được cân. Việc điều-hòa này thật là khó lắm, phải làm một cách rất ôn-hòa, rất ổn thỏa, rất điều-độ, rất công-bằng mới được, vì phàm người làm việc sinh-sản được nhiều tài-hóa, là người có công với nước, tuy nên bắt người ta càng giàu có thì càng phải đóng góp cho xã-hội nhiều hơn, nhưng cũng không nên thu-liễm quá-đáng, khiến cho người ta hoặc không đủ sức mà làm ăn cho phát-đạt nữa, hoặc đến chán-nản không muốn làm.

Các nước văn-minh đời nay đã đặt ra những thuế xa-xỉ cùng thuế sở-đắc, tính theo cái số thu-nhập của mỗi người, làm thế là công-bằng lắm. Làm thế là hợp với điều thứ 13 trong lời Tuyên-ngôn Nhân-quyền, vì là quốc-gia lấy của những người có thừa để chi các việc công-ích và giúp cho những kẻ thiếu-thốn. Nhưng thế lại cũng là một cách cưỡng-bách cho những kẻ có của phải chịu khó cứ làm việc luôn để cho tài-sản mình khỏi sút kém đi.

Ấy chỉ có dùng những phương-pháp như thế mới có thể thi-hành được cái chủ-nghĩa bình-đẳng về tài-sản mà không hại đến lẽ công-bằng, đến quyền tự-do, cũng không trái với cái cách sinh-hoạt trong xã-hội cần phải cho có trật-tự thời mới phát-đạt được.

Nói về bác-ái

Cùng một loài người với nhau, nghĩa bác-ái phải như sau này mới là hoàn-toàn :

Phải yêu kẻ đồng-loại mình, bất-cứ là người thế nào, yêu một cách thành-thực, một cách thường-thường, như cùng một mẹ đẻ ra, cùng sinh-trưởng một nhà vậy ;

Phải chia cơm xẻ áo với người ta, dẫu trong tay chỉ còn một miếng bánh cũng phải chia ăn cùng :

Phải hết sức giúp cho người ta làm lành, cho trở nên con người lương-thiện ;

Phải tôn-trọng quyền-lợi của người ta, gặp sự bất-bình phải ra sức chống giữ ;

Phải chữa các tật-bệnh cho người ta, tật về thân-thể, về phần trí hay về phần hồn ;

Phải quên những sự bạc-ác của người ta đối với mình, và hoặc người ta có ghen-ghét mình, phải lấy lòng nhân-từ êm-ái mà đối lại, cho không lấy cớ gì ghen-ghét được nữa.

Cái lòng bác-ái như thế thời hoặc thấy ở những bậc triết-nhân quân-tử ham về đạo-lý cao-thâm, sống ở đời này mà hình như đã siêu-thoát ra ngoài cõi đời vậy.

Cái gương đạo-đức của các bậc đó thì chúng ta phải kính-phục vô-cùng ; nhưng mà ta cũng phải công-nhận rằng ngoài các bậc người siêu-việt đó, còn hầu hết cả người ta, tuy cũng biết rằng lòng bác-ái là một cái nghĩa-vụ của người đời, nhưng đối với nghĩa-vụ ấy thường thường vẫn lạnh nhạt và nhiều khi quyết không chịu thi-hành. Vì lẽ sinh-tồn cạnh tranh mà người ta ai ai cũng sinh lòng duy-kỷ. Nhân cạnh-tranh luôn mà người ta ở trong xã-hội tài-sản địa-vị sai-biệt nhau nhiều lắm. Kẻ đắc-chí thì kiêu-căng tham-lận ; kẻ bất-đắc-chí bị thất-bại, thời sinh lòng đố-kỵ và căm-tức những người hơn mình. Bởi thế nên lòng bác-ái chân-chính, trong nhân-loại thật là hiếm có lắm.

Nhân bác-ái sinh ra từ-thiện, nhưng lòng từ-thiện chẳng qua là một cách ứng-dụng của lòng bác-ái, cốt để cho kẻ cùng-khốn cũng được hưởng quyền

sinh - hoạt. Chính nghĩa bác - ái còn rộng hơn nghĩa từ-thiện; nghĩa bác-ái là bắt ta phải thừa-nhận cho kẻ đồng-loại ta hết thảy các quyền-lợi tự-do mà tự ta muốn có, lại sẵn lòng giúp cho người ta thi-hành các quyền-lợi ấy.

Nghĩa bác - ái ở trong xã-hội thường quá cái sức của cá-nhân có thể thi-hành được, nên quốc-gia cũng phải đương lấy, như đương việc từ-thiện vậy. Quốc-gia phải quản-san các quyền-lợi và trông nom cho các quyền-lợi ấy khỏi thiệt-thòi. Quốc-gia phải tuyên-bố cái nghĩa liên-lạc mọi người trong xã-hội, khiến cho biết cùng nhau chia buồn chia vui, cùng nhau giúp đỡ trong khi hoạn - nạn.

Đời nay có khác đời xưa, nghĩa bác-ái đã vượt ra ngoài giới-hạn các dân các nước. Người ngoại-quốc không có coi là kẻ cừu-thù nữa, mà coi là một người anh em ở trong cái gia-tộc lớn loài người, cũng có quyền-lợi bằng-đẳng như anh em nhà mình, mà quyền-lợi ấy mình cũng phải tôn-trọng.

Như vậy thì các xã-hội ta đời nay, ở trong ở ngoài, đều thấy có tiến-bộ hơn xưa cả. Nhưng những điều ăn-ở trái với nghĩa bác-ái như ta nói trên kia vẫn còn, và sau này rồi cũng vẫn còn mãi, vì tâm-tính người ta có phần ô-liệt, thường bị cái vật-dục nó mờ-ám, muốn quay về những thói dã-man đời cổ-sơ.

Vậy thì phải dự phòng cái ác. Nay ta thử xét xem có nên chống lại với cái ác hay không.

Người nào đứng đơn-độc một mình, hành-động riêng cho mình, thì hoặc có thể quá tin ở cái lòng nhân-nghĩa của kẻ khác, đến không nghi-ngờ gì, không phòng-bị gì, đem mình mà phó-thác hẳn vào tay người cũng được. Như nhà truyền-đạo, tự mình làm gương nhân-nghĩa, làm ơn cho ai chỉ bằng ở cái lòng danh-dự của người ta mà không sợ người ta bội-bạc lại với mình, nếu đối với những kẻ vốn sẵn có chút lương-tâm rồi, thì cách ăn ở quảng-đại như thế nhiều khi thành kết-quả tốt và dễ cảm-hóa được người lắm. Nhược-bằng có thất-bại thì có lẽ thiệt-hại cho mình to; nhưng dù được dù thua, về phần riêng mình cũng không ai trách được, vì người ta ai cũng có quyền tự-do có thể ham - mê điều thiện mà hi-sinh cả mình đi được.

Đến như người đứng đầu một học - phái, hay là cầm quyền một đoàn-thể, thì không thể khinh-suất như thế được, vì có cái trách-nhiệm nặng, một tay cầm quyền-lợi vận-mệnh của bao nhiêu con người, không thể tự-tiện hi-sinh đi được.

Cho nên bỏ cái phương-diện cá-nhân mà xét đến phương-diện xã-hội, thì thấy sự sinh-hoạt trong xã-hội cần phải có trật-tự, cần phải được yên-ổn, cần phải mọi người tôn-trọng lẽ công, cho nên cần phải dự-phòng điều ác và đặt kế ngăn-ngừa, vì cái ác nó vẫn ngấm-ngầm ở trong xã-hội, chỉ đợi có dịp, gặp lúc yếu tay hay gặp khi có sơ-suất là nó xuất-hiện ra mà thôi; có phòng-bị được cái ác, có thắng-đoạt được nó thời mới được tự-do mà làm điều thiện vậy.

Trong các nước, nếu không có lính cảnh-sát, không có quan thẩm-phán, không có nhà giám-ngục, kẻ bất-lương có thể tự-do tác-ác, thời lòng bác-ái trong dân-gian còn thể nào mà thi-hành được nữa? Lại nước nọ đối với nước kia, nếu không có quân-đội để phòng-bị cho các chính-phủ cùng các quốc-dân có cái mưu đồ-bá khỏi xâm-lấn các dân các nước khác, thời lòng bác-ái trong quốc-tế cũng không thể sao mà thi-hành được.

Nói ra thì xấu-hổ thay cho loài người, nhưng phải chịu rằng trong nhân-loại hễ công-lý mà không tựa vào cường-

quyền thời công-lý cũng chẳng ai theo; song đã biết thế rồi, mà người ta lại ngu-hèn đến để cho có kẻ hành-hung tác-ác làm ngăn-trở cho lòng từ-thiện không thi-hành ra được, thời còn nhục cho giống người biết bao nhiêu!

Tuy vậy mà trong các xã-hội ngày nay, có những đảng những phái cũng đông người muốn xướng lên cưỡng-bách các chính-phủ phải bãi hết cả binh-bị đi, cả quyết rằng cứ lấy lòng bác-ái đãi với các dân-tộc khác thời các dân-tộc ấy cũng tự-nhiên bỏ khí-giới mà đề-huề thân-thiện với mình, thế-giới sẽ được thái-bình, loài người sẽ được an-lạc ngay.

Những người trong các đảng các phái ấy có thật thành-thực không?

Có lẽ cũng có, và chắc có người sẵn lòng quảng-đại, cũng cho là thành-thực được; nhưng nếu thế thì những người ấy là người thật-thà quá, không hề biết cái tâm-lý của người ta thế nào, không hề mở một quyển sách sử mà xem cho biết những duyên-cớ gì khiến cho người ta hành-động, và những duyên-cớ ấy tự cổ chí kim, bất-luận đời nào, nước nào, chính-phủ nào, cũng đều kết-quả như thế nào cả. Những người ấy là người không biết, ta cũng nên khoan-dung, nhưng ta lại nên giảng-dụ cho người ta hiểu rõ, cho khỏi thi-hành một cách sai-lầm cái quyền làm dân trong nước.

Trừ một số người thành-thực đó không kể, còn thời thường nghiệm ra trong các cái phong-trào tư-tưởng đó thường-thường có mối tư-lợi ở đấy cả; ngoài mặt thì tuyên-bố bác-ái, làm ra tin ở cái lòng hiếu-thiện của người đời lắm, đến cả quyết rằng người ta không biết cái ác là cái gì, những cách phòng-bị điều ác nên bãi bỏ đi hết cả, mà tựu-trung là ngầm có cái mưu của một phái chính-trị hay một đảng thực-nghiệp nào hiện còn yếu thế muốn tìm cách để chiếm lấy quyền-thế, chiếm lấy địa-vị hơn người. Muốn thi-hành cái mưu đó nên hết sức truyền-bá những lý-tưởng mơ-hồ để làm cho yếu cái quyền chủ-trương trong xã-hội đi, để phá-hoại những cách phòng-bị của xã-hội, mong thừa cái tình-trạng rối loạn ấy mà chiếm-đoạt lấy chủ-quyền, bắt người ta phải theo mình hết cả. — Có khi người trong đảng ấy a-dua với kẻ đồng-đảng ở nước khác để nhờ thêm cái trợ-lực ở ngoài cho đạt được âm-mưu của mình, thậm-chí có kẻ ô-tiện đến nỗi thông lưng với ngoài mà phản lại nước mình vậy.

Cổ-lai những vua chúa kết-đảng với nhau, cùng những phái chính-trị này, đảng đồng-nghiệp nọ, lập thành ra trong một nước hay trong nhiều nước với nhau, bao giờ cũng chỉ là dùng để áp-chế kẻ sinh-linh mà thôi; đối với các đoàn-thể ấy, ta phải cẩn-thận, và thấy đảng nào hội nào giả-danh mưu sự hạnh-phúc cho người đời, mà thực chỉ để gây sự họa-loạn cho xã-hội, ta nên cao-thanh tật-hô mà tố-cáo lên.

(Còn nữa)

T.-C. *dịch*.

HƯƠNG-CHÍNH TINH-NGHĨA (1)

鄉政精義

II

VIII — Làng

Làng có mấy hạng — Tính-chất khác nhau thế nào. — Làng đã là một đan-vị tự-trị-thể của quốc-gia, nghĩa là đan-giản có một mình, không phụ-hợp với đâu nữa, lại là bậc tự-trị-thể thấp nhỏ nhất, yếu-tố nhất, nên từ đây trở xuống, chuyên-giảng về làng, rồi cứ loại suy ra các tự-trị-thể bậc trên, như huyện, tỉnh, v.v..

Trước khi giảng về làng nên định nghĩa cho tiếng « làng » bao-hàm thế nào.

Tiếng Pháp gọi là « *Commune* », tức tiếng Việt-Nam ta gọi là *làng*, tiếng Hán-ngữ gọi là « *hương* 鄉 ». Tiếng « *làng* » hay là tiếng « *hương* » ở Đông-phương dùng về chính-trị-học mà định cho cái nghĩa bao-hàm có nhiều tính-chất khác nhau cũng là mới tự nước ta ngày nay.

Trong tiếng *Commune* gồm cả ba nghĩa khác nhau là *ville*, *bourg* và *village*. Mà tiếng ta thì là thành-phố, tỉnh-phố và xã-thôn. Thành-phố tức là *ville*, tỉnh-phố tức là *bourg*, xã-thôn tức là *village*. Nhật-bản với Trung-quốc thì không dịch tiếng tổng-danh *Commune* mà chỉ dịch ba tiếng phân-loại ra là « *Thị, đinh, thôn*, 市 町 村 » *thị* tức là *ville*, *đinh* tức là *bourg*, *thôn* tức là *village*.

Nói tóm lại thì thành-phố, tỉnh-phố và xã-thôn đều là những chỗ khu-vũ của nhân-loại tự-lập ra ở với nhau mà mỗi chỗ cùng làm một nghề-nghiệp sinh-hoạt chung, như thành-phố với tỉnh-phố thì làm nghề công-thương, mà xã-thôn thì làm nghề nông-nghiệp vậy.

Cũng vì cái tính-cách về kinh-tế của nhân-dân ba hạng làng khác nhau như thế, nên pháp-luật các nước Âu-châu phân-biệt cách tổ-chức bộ cơ-quan của làng thành-phố, làng tỉnh-phố khác với cách tổ-chức bộ cơ-quan của làng xã-thôn. Song pháp-luật nước Pháp thì không phân-biệt mà chế-độ tự-trị của nước Nhật thì *thị*, *đinh* và *thôn* cùng một cách tổ-chức như nhau cả, ý-giả Nhật-bản cũng thủ-pháp của nước Pháp.

Về pháp-luật tuy không cần phân-biệt mặc lòng, song cũng phải nên biết những tính-chất về kinh-tế về chính-trị của ba hạng làng khác như sau này:

Về kinh-tế: — a) Làng xã-thôn thì mưu-đồ cái lợi-ích về đường nông-phố mà làng thành-tỉnh thì mưu-đồ cái lợi-ích về đường công-thương, vì như khai kênh để dẫn thủy, đắp đê để phòng lụt, phàm những việc quan-hệ đến lợi-hại nghề nông là chức-vụ của làng xã-thôn cả; mở trường học công-nghệ, thắp đèn ngoài đường phố, phàm những việc quan-hệ đến lợi-hại nghề công nghề thương là chức-vụ của làng thành-tỉnh cả.

b) Khoản thu-nhập của làng xã-thôn thì phần trọng-yếu chỉ trông nom vào số hoa-lợi của điền-thổ công, cùng các thuế phụ với thuế chính ngạch đinh điền Nhà-nước. Đến như làng thành-tỉnh thì phần trọng-yếu lại trông nom vào các thuế động-sản như hàng hóa,

(1) Xem N. P. số 117.

môn-bài mà lại thu được nhiều hơn.

Về chính-quyền: — c) Làng xã-thôn, làng tỉnh-phố thì thuộc về huyện, là vì xã-thôn với tỉnh-phố thì khu-vũ hẹp mà thế-lực nhỏ, nhiều công việc xã-thôn với tỉnh-phố phải liên-kết với xã-thôn tỉnh-phố khác mới làm nổi, cho nên phải hợp mấy làng mấy tỉnh-phố lại làm một huyện. Còn như thành-phố thì thế-lực mạnh, việc gì cũng độc-lực làm lấy được, nên không phải thuộc về huyện

d) — Vì cớ vừa nói ở trên, nên sự giám-đốc của quốc-gia cũng khác. Xã-thôn, tỉnh-phố thì thuộc quan huyện giám-đốc, rồi lên quan đầu tỉnh, lên quan Thủ-hiến bản-xứ, mới lên đến quan Nội-vụ-bộ của Chính-phủ, lần lượt giám-đốc sau. Thành-phố thì lên ngay quan Thủ-hiến bản-xứ giám-đốc rồi lên quan Nội-vụ-bộ của chính-phủ giám-đốc.

d) Phép bầu-cử hương-hội ở xã-thôn tỉnh-phố thì lấy số đinh mà ở thành-phố thì lấy số tài-sản, vì thành-phố thì số người tạp mà tài-sản giàu hơn xã-thôn tỉnh-phố.

e) — Sự-vụ ở xã-thôn với ở tỉnh-phố thì viên Chánh-hương-hội cai-quản cả. Lý-dịch, ủy-viên đều là người giúp việc cho Chánh-hương-hội, mà ở thành-phố thì hội-đồng Tham-sự làm các việc. Lại viên Chánh-hương-hội thì do hương-hội bầu-cử, mà quan Hội-trưởng thành-phố thì thành-phố phải xin Chính-phủ cử cho.

IX — Tư-cách của làng

Làng cũng như các tự-trị-thể khác, có quyền-lợi nghĩa-vụ được giữ tài-sản và tiêu dùng tài-sản, theo nghĩa trong pháp-luật có thể tưởng-tượng ra có tư-cách như một người mà gọi là « pháp-nhân », thì làng tức là một pháp-nhân vậy. Làng không những là một pháp-nhân về tư-pháp, lại là một pháp-nhân về công-pháp đó.

— Những hội bởi những người tư-nhân theo luật dân-sự (*code civil*) lập ra, có tài-sản và thu-tiêu tài-sản đều là pháp-nhân về tư-pháp, ví như một hội nào có mua bán ruộng đất, có cho vay hay đi vay, thì quyền làm văn-khế là thuộc về hội ấy, chứ không phải thuộc về những người có chân hội. Làng cũng thế, thế là làng là một pháp-nhân về tư-pháp.

— Làng cũng như một quốc-gia được quyền Chính-phủ công-nhận cho đánh các thuế trong làng, đánh thuế như thế không phải là người làng đánh thuế nhau mà là làng đánh thuế đó. Nhà nước có chia phần thụ gì về làng, không phải là chia cho một người nào trong làng mà là chia cho làng đó.

Lại làng có đi thưa kiện một người nào hay một viên chức nào lạm-quyền can-thiệp vào việc làng, thì một người trong làng không được đi thưa kiện, phải là làng mới có quyền được đi thưa kiện, thế là làng là một pháp-nhân về công-pháp

X — So-sánh về chế-độ thành-lập của các làng ở Đông-phương và Tây-phương

Muốn mưu đường tiến-hóa cho một xã-hội, trước phải xét xem cho biết cái gốc tích, cái uyên-nguyên của xã-hội ấy thành-lập thế nào.

Xã-hội Âu-châu người ta thành-lập do ở cái chế-độ thị-tỉnh, nghĩa là sự tụ-tập của nhân-dân ở phố phường là phần chính mà chốn thôn-quê là phần phụ, cho nên cổ-lai những văn-hóa về tinh-thần, về hình-thức cùng các di-tích trên lịch-sử, phần nhiều đều tụ cả ở mấy kinh-thành to, mấy thành-thị lớn, nghề công nghệ thương trong nước đều sớm phát-đạt. Đến ngày nay thi-hành chế-độ tự-trị, chốn đô-hội

tấn-tới cực cộng, rồi dư-lực giúp đến cho các cổ thôn-quê, cái cơ-sở phú-cường của xã-hội Tây-phương tiến-hành là thế.

Xã hội Việt-Nam ta cũng như các xã-hội ở Đông-phương, thành-lập do cái chế-độ bộ-lạc, nghĩa là sự tụ-tập của nhân-dân ở thôn quê là phần chính mà ở chốn phố-phường là phần phụ. Xem như thành-phố Hà-nội là một nơi kinh-thành đến hơn nghìn năm nay, song có chăng chỉ là cái đất phồn-hoa góp họp, chứ chưa phải là chỗ trung-tâm văn-hóa của quốc-dân về cựu-thời. Vì lúc còn là đế-đô thì chỉ có một gia-tộc nhà vua là trụ-cư trong một cái phạm-vi đặc-biệt ở đấy, thường cũng chẳng lấy gì làm thâm-căn cố-đế cho lắm. Mỗi họ ở lâu lắm thì được độ một vài trăm năm, khi thất-thế lại bị tân-hại cho hết. Còn ngoài phố-xá, từ quan đến dân, vì chức-phận nghề-nghiệp phải đến cung-chức hay làm-ăn buôn-bán, cũng đều coi làm chỗ sồi-thì mà thôi, sớm muộn rồi chuyển-vận cả về cố-hương là chỗ thôn-quê, chứ không ai chịu lưu-truyền ở đấy, nên có câu cổ-ngạn gọi dân phố-phường là « năm người mười làng », là có ý cho là không được thuần-nhất.

Bởi thế nên cổ-lai văn-hóa về tinh-thần, về hình-thức cùng các di-tích trên lịch-sử, thấy tản ra ở cả các nơi thôn xóm. Kinh-tế chú-trọng về nghề canh-nông, lại giữ được cái mực « chế sản » như phép « quân-điền 均田 » ở đời nhà Lê để định hạn cho tài-sản của dân không thiên-lệch quá, duy-trì hoà-bình cho xã-hội.

Kể một cái xã-hội có trật-tự như thế, ở về thời thiên-an nhất-thống — cái thời thái bình riêng trong một nước mình — thì cái tinh-thần thật là hay, mà về thời giao-thông cạnh-tiến như ngày nay, mà muốn mưu lấy cái sự-nghiệp phú-cường thì lại thành ra không lợi.

Vậy nay phải biết theo cái trào-lưu về đường sinh-hoạt mới của thời-thế, thực-hành cái chính-sách cải-lương hương-chính, ở nhà quê thì mở rộng tri-thức mà mưu lấy sự công-ích công-an, ở thành-thị thì khéo liên-lạc mà định lấy cái sinh-nghiệp trường-viễn, để duy-trì lấy cái tinh-thần của xã-hội cũ, mà tăng-tiến lấy cái sự nghiệp của xã hội mới thì mới được.

XI — Cương-vực của làng

Có hai cái cơ-sở tổ-chức thành ra làng cũng như tổ-chức thành ra nước, là cương-vực với nhân-dân, chương này nói về cương-vực, chương sau sẽ nói về nhân-dân.

Cương-vực của làng theo vào trong cái giới-hạn thổ-địa của làng, làng được dùng chức-quyền về công-pháp vào trong bờ-cõi ấy. Có khi một bộ-vị thành ra một làng như thành-phố, tỉnh-phố và hàng-xã nào không có thôn, ấy là làng đan-nhất. Có khi hợp nhiều bộ-vị thành ra một làng, như những làng nhất xã nhị thôn, tam thôn, tứ thôn, v. v., ấy là làng liên-hợp.

Làng liên-hợp có hai thứ là làng cựu-hợp với làng tân-hợp :

a) Làng cựu-hợp thì lịch-sử liên-hợp có đã lâu, bởi hai cớ là : Một là vì thổ-địa rộng, người ta ở tản ra làm nhiều xóm cách nhau, rồi mỗi xóm thành ra một thôn, làng ấy số điền nhiều mà số đinh cũng ngoài năm trăm là số đinh làng trung-bình, như trong nghị-định hương-chính Bắc-kỳ năm 1921 đã nói. Một là địa-thế không rộng mà dân-cư vì tiện-lợi riêng cũng ở tản ra làm nhiều xóm cách nhau, sau mỗi xóm cũng thành một thôn, làng ấy số điền-thổ ít mà số đinh cũng ít, so với số đinh làng trung-bình là năm trăm thì còn kém nhiều, vì những làng liên-hợp trên ấy nên cách tổ-chức hương-

hội có chia ra làm hai thứ liên-hợp : là liên-hợp tự-trị với liên-hợp hòa-đồng :

Liên-hợp tự-trị. — Phàm xã nào có nhiều thôn mà đều là thôn to cả, nghĩa là mỗi thôn đều xuýt-xoát trên dưới số đinh trung-bình, đủ thế-lực kinh-doanh mà tự trị lấy công việc trong hàng thôn mình, còn việc công thì theo về hàng xã, thì xã ấy được tổ-chức theo phép liên-hợp tự-trị, lấy thôn nào nhiều đinh hơn cả làm thôn chính, còn các thôn ít đinh hơn làm các thôn tùy, bộ cơ-quan hành-chính và sổ chi-thu thôn nào riêng thôn ấy, mà bộ cơ-quan hành-chính và sổ chi thu của thôn chính thì đại-biểu cho cả xã.

Liên-hợp hòa-đồng — Phàm xã nào tuy có nhiều thôn mà đều bé cả, nghĩa là mỗi thôn độ hơn trăm đinh, toàn-xã hợp lại không đủ số đinh trung-bình, trong các hàng thôn không đủ sức kinh-tế mà tự-trị, thì xã ấy dù có hai ba thôn mặc lòng cũng phải chung làm một mà là gọi phép liên-hợp hòa-đồng, không có phân-biệt bộ cơ-quan và sổ chi-thu.

b) — Làng tán-hợp là mới theo mệnh-lệnh về phép tự-trị-chế mà liên-hợp lại.

Muốn cho tự-trị-hề dễ phát-đạt thì làng phải đủ sức mà gánh vác các chức-vụ, nay những làng bé quá, số đinh dưới một trăm cũng đứng một nóc xã, thế-lực bần-bạc không đủ tài-sản, không có nhiều người đủ tư-cách để làm các chức-vụ Nhà-nước ủy cho, cùng các chức-vụ của tự làng, như khai giếng, mở trường học, sửa đắp đường-xá, v. v. Các nước thì nước nào cũng có những làng bé nhỏ như thế, đau-cử nước Phổ (*Prusse*) có 37.000 làng mà quá nửa là những làng không đầy 150 người, vì thế nên khi thi-hành phép tự-trị-chế nước nào cũng phải bắt các làng nhỏ quá hợp lại với làng lân-cận mà cách tổ-chức hương-chính thì tùy thế mà cho theo phép liên-hợp tự-trị hay là theo phép liên-hợp hòa-đồng như trên kia.

Nước ta lại còn nhiều những làng bé hơn nữa, đan-cử tỉnh Hải-dương 1020 làng mà chỉ có 12 làng được số đinh trung-bình trở lên, còn đến 220 làng không đầy 50 đinh, vậy theo phép tự-trị-chế thì những làng như thế không hợp lại với làng gần bên không được. Nhưng mà người thôn quê chưa được hiểu cái chế-độ địa-phương tự-trị mới, nên hoặc vì câu-nệ tục-lệ không hợp nhau, hoặc vì hư-danh sợ mất cái xã-hiệu, hoặc vì kẻ đàn anh sợ mất lợi-quyền, cứ lần-lừa đến nay chưa làng nào chịu hợp với làng nào.

Nhất là một huyện Thanh-lâm, số làng dưới 50 đinh nhiều lắm, có hai xã là Nhân-lễ với Đồng chè thì sự phụ-thuộc một cách rất lạ-lùng, hai xã đều thuộc về tổng Mạn-đê mà mỗi xã lại lọt vào một tổng khác ở một nơi xa. Xã Nhân-lễ 45 đinh ở vào địa-phận tổng Lạc-nghiệp, xã Đồng-chè 38 đinh ở vào địa-phận tổng Trác-châu, đường về tổng Mạn-đê đều cách hai ba tổng mới đến, thế mà việc chính việc tế vẫn cứ phải thuộc về tổng mẹ-đẻ là tổng Mạn-đê. Tương-truyền hai xã « kỳ-tại » ấy đều bởi hai người ở tổng Mạn-đê ngày xưa đi chăn vịt, nhân chiếm phận được hai thửa ruộng lậu thuế ở hai nơi mà lập ra hai xã ấy.

Tuy-nhiên, dù lịch-sử thế nào mặc lòng mà cách hệ-thuộc như thế thật trái mất nghĩa lân-bầu tổng-tiếp mà cai-trị cũng bất-tiện, thế mà hai xã ấy nay cũng cứ không chịu hợp với xã lân-cận nào, thì hương-chính còn thành việc gì.

Làng đã là cơ-thể yếu-tố của quốc-gia, quốc gia vì sự lợi hại quan-hệ

chung cho dân cho nước, thì rồi quốc-gia cũng phải lấy quốc-quyền mà cưỡng-bách cho những xã bé nhỏ ấy phải hợp lại, cũng là một việc làm chính-đáng, chứ lẽ nào lại nể cái bụng những kẻ lợi-kỷ mà thôi đi đâu.

Những xã mới liên-hợp này thì cách liên-hợp đừng để cho vẫn hãy còn bé, còn bé thì cũng như chưa hợp, cũng đừng để cho quá to, quá to thì những vật công-ích không phổ-cập được. Lại cũng phải để cho dân người ta tùy địa-thế, tình lân-tiếp, sự giao-hiếu đã lâu mà tự định để hợp lại với nhau, thì mới chóng thân-mật với nhau được.

Trên kia đã nói làng không những làm chức-vụ của mình, lại còn phải làm chức-vụ của nhà nước ủy cho, thì làng tức là cái khu-vũ của quốc-gia chia ra để thực-hành chức-vụ của quốc-gia đó, vậy thổ-địa trong một nước, vô-luận chỗ nào cũng là thuộc về của làng cả, dẫu chỗ đất của vua, của Nhà-nước cũng thuộc về của làng, cứ lẽ ra thì chỗ nào đã thuộc về làng, làng được biên vào «sổ thuế làng» mà thu thuế. Song các nước đều có một vài cái lệ-ngoại không cho làng thu thuế những chỗ đất ấy. Lại có khi cho những khu ruộng phụ-canh lớn (tục gọi đồn-điền) của người điền-chủ được đứng ra ngoài xã-thôn cũ ở đấy, cho người đại-điền-chủ được cái quyền-lợi như thế là để cho người ấy phải làm hết cái nghĩa-vụ tự-trị-thể trong khu-vũ của mình.

Trong khu-vũ của làng để thi-hành chính-quyền của quốc-gia mà công-pháp đã công-nhận rồi, thì người nào hay xã nào không được xâm-phạm vào. Không những người khác xã khác, dù chính ngay quốc-gia thì quốc-gia cũng phải chiếu pháp-luật mà bênh-vực cho, vì như quốc-gia cần phải mua một thửa đất ở làng thành-tỉnh hay làng xã-thôn nào để làm việc công mà làng ấy không thuận bán, thì quốc-gia cũng phải điều-đình nhiều lần cho kỳ thuận mới được.

Không những thế, chính ngay làng cũng không được tự tiện mà canh-cải cái cương-vực của làng mình, nếu làng mà được quyền tự-tiện canh-cải thì cái cương-vực của làng sẽ vì tư-lợi nhất-thời, biến cải đi luôn mà thiệt hại cho làng về lâu dài. Cho nên pháp-luật xưa nay đều không dung, luật Đại-Nam xưa cấm không được bán đoạn-mại công-điền công-thổ cũng là nghĩa thế, pháp-luật sở-dĩ giữ chặt như thế, đều là để bảo-hộ lấy cương-vực và tài-sản cho làng vậy.

XII — Nhân-dân của làng

Trụ-dân — Trụ-dân-quyền — Công-dân-quyền. — Thế nào là kẻ trụ-dân — Thổ-địa trong một nước chỗ nào thuộc về quốc-gia đều là thuộc về của làng, thì nhân-dân trong một nước, ai không phải là dân của quốc-gia thì ai mà không phải là người của làng.

Duy có nước quân-chủ vì lý-do đặc-biệt về quốc-pháp mà ông vua với gia-tộc nhà ông vua được đứng ra ngoài lệ ấy mà thôi. Còn thì nhân-dân của nước đều là người của làng cả. Người của làng cả đó, song người này là người làng mô, người kia là người làng tê, không định ra cho rõ không được. Ấy tức là ba cái vấn-đề về trụ-dân, trụ-dân-quyền và công-dân-quyền đó. Chương này hãy nói về trụ-dân, hai chương sau sẽ nói về trụ-dân-quyền và công-dân-quyền.

Muốn giải-quyết cái vấn-đề về trụ-dân có hai phép là :

Phép thứ nhất — Những người hiện ở làng đã lâu đời với những người mới nhập-tịch với làng thì được là trụ-dân của làng, phép ấy Nhật-bản gọi là « bản-tịch-chế », Việt-Nam ta gọi là

« tịch-đinh », là những người đã biên vào sổ nhân-đinh của làng để đóng thuế thân cho nhà-nước.

Phép thứ hai. — Không kỳ ai, đã chiếm trụ-cư ở làng thì tức là người làng, là trụ-dân của làng, có quyền-lợi nghĩa-vụ như mọi kẻ trụ-dân khác trong làng.

Ở nước ta ngày nay về xã-thôn thì vẫn dùng phép thứ nhất là phép cũ, về thành-tỉnh thì dùng phép thứ hai là phép mới.

Thật ra thì phép thứ hai có lợi-ích cho làng cho nước hơn là phép thứ nhất. Các nước đã phát-đạt về dân-chính thì xã-thôn thành-tỉnh đều dùng phép thứ hai nhất-luật cả. Vậy ở ta về xã-thôn ngày nay lại càng cần phải dùng phép thứ hai ấy để mà phá bỏ cái tục « phân-biệt người làng với người ngụ » đi. Cái tục phân-biệt người làng với người ngụ ở làng quê ta rất là hủ-bại, người nào có vọng vào lệ hương-ẩm với làng, gọi là « vào làng » thì mới được đăng vào sổ đinh-tịch mà đóng thuế thân với làng thì mới là người làng, bằng không vào làng thì không những người mới đến ở nhờ làng để làm ăn, đến như người có thê-hương mẫu-quán ở làng cùng những con cháu của những người ấy sinh-trưởng tại làng, có gia-sản điền-địa mặc lòng, cũng là người ngụ-cư, không được đăng vào đinh-tịch của làng, không có nghĩa-vụ quyền-lợi gì chính-đáng ở đấy cả. Tục có câu : « *khôn ngoan ở đất làng, bay dù che ngựa cưỡi tới đây nên hèn.* » Ôi, trong một đất nước, từ làng nọ sang làng kia mà khôn ngoan dù ngựa cũng mất cả giá-trị, thì cái tục của người nước đãi nhau như thế có kiêu-bạc lắm không.

Song muốn vào làng cũng không dễ phải có người làng bảo-lĩnh, nếu tuổi đã lớn lại phải mua ngôi hương-ẩm nữa mới được, lệ tuy cho vọng vào đó mà tục thì vẫn không trọng cho là hạng thủy-nhập vẫn lép vế, có câu: « *tam đại thành tổ* », nghĩa là từ đời vào làng đến đời cháu tam-đại có tổ tại làng mới được dự chút địa-vị.

Cách đãi người như vậy, trừ phi con trẻ lạc đến hay kẻ sa cơ chót đoạn-tuyệt với cố-hương rồi thì ai chịu khuất đến thế, nên sớm muộn giàu nghèo rồi cũng phải chuyển-vận về chỗ quê ông quê bà, tục gọi là « giữ lấy góc chiếu », ngạn có câu ; « *Tôi đi đồng đất quê người, kém nói là một kém cười là đôi. Tôi về đến đất làng tôi, sênh tiền trống vã ăn chơi linh-đình.* » Ấy trong một đất nước mà cứ phải chỗ làng cũ mới được ăn chơi cười nói thì tục có hẹp không.

Coi đó thì chỗ hương-thôn ta xưa nay chỉ biết có cái tư-tưởng về tục-lệ, về bộ-lạc, chứ tuyệt không hiểu đến chút tinh-thần về chính-trị, về quốc gia là gì cả.

Xét ra sở-dĩ gây nên cái tệ-tục ấy là bởi những kẻ thổ-hào chỉ sợ người mới đến sẽ tranh chiếm mất cái quyền làm đàn anh của mình cùng con cháu mình, nên đặt ra nhiều cách ngược-đãi người ngụ, hay là đòi nhiều « nợ miệng » nặng-nề cho người ngụ khó có thể vào làng được, đó cũng là cái man-phong của đời bộ-lạc còn sót lại, phải biết rằng thói ấy làm ngăn-trở sự lợi-ích cho làng cho nước nhiều lắm.

Một là những người thiên-tỉ là những người có lịch-duyệt, nước còn dùng hạng khách-khanh nữa là làng. Nay nếu được người mới đến có của có tài mà vì phong-tục bó buộc, không được dự quyền-chính gì ở làng mới đến ấy, thành ra người ấy không được báo-đáp chút nghĩa-vụ gì với chỗ đã nhờ mà sinh-cơ lập-nghiệp mà có lợi hại quan-hệ kia, thời có thiệt cho người ta và thiệt cho làng không.

Hai là người thiên-cư đến làng mới mà đã có thế vững-vàng kia, kể thực ra thì chỗ cố-hương bất-quá là cái tình cũ mà thôi, còn chỗ làng mới mới là chỗ quan-hệ về sinh lý của mình. thế mà ở nước ta tôi đã thấy biết bao nhiêu người ở chỗ làng trụ-cư, làm ăn đang khá hoặc bị làng mới ghen-ghét, hoặc vì tự mình câu-nệ tục cũ, chuyên-vận cả về cố-hương. làng mới giảm mất sự trù-thịnh mà về làng cũ thì lại bỡ-ngỡ khó sinh-nhai, dần dần đến thất-nghiệp, thành-thử làng cũ cũng chẳng thêm được ích-lợi gì mà công tư đều hại.

Nay phép hương-chính mới lấy lời công-nghị mưu việc công-ích, đem làng tiến lên mục-đích quốc-gia, cốt trừ hết thói thổ-hào áp-chế, giảm bỏ tục nợ miệng nặng-nề, thì ở hương-thôn phải biết mà cải-lương lại phong-tục, lợi-dụng lấy kẻ trụ-dân mới để thêm lợi-ích vào cho làng.

(Còn nữa)

N. T.-T.

BÔNG HOA ĐẦU MÙA

(TẬP HỌC LÀM VĂN)

Hoa đầu mùa trong vườn tri thức cỏn-con này nay đã nở. Hoa tuy chưa phải là kiêm được cả hương sắc, chưa phải là có kỳ-hương dị-vị, nhưng là hương hoa đầu mùa, giữ lại đó để ghi lấy cái kỷ-niệm « đời hoa » buổi thiếu-thời.

Hương-hoa ấy :

—Trước xin kính tặng thầy Lâm Trác-Chi vì thầy đã có lòng yêu bụng tốt chăm-nom vun tưới cho cái cây hoa « Quốc-văn » non-nớt kia từ khi mới nẩy mầm nứt mộng; — Sau xin kính tặng các chị em đồng-học để ghi lấy cái kỷ-niệm trong những khi canh khuya đêm vắng cùng nhau tụng-đọc ngâm-nga cái tiếng nói của nước nhà thì hình như tâm-hồn được tắm gội đầm-thấm trong cái tinh-thần của non sông nòi giống.

Trần-nữ Tuyết-Mai.

.*.

Bài tưa

— Nước Nam ta mai sau này, hay dở cũng ở như chữ Quốc-ngữ.

Phan Kế-Bính (*Tựa Tam-quốc-chí*)

Người Việt-Nam ngày nay tưởng ai cũng đã công-nhận chữ Quốc-ngữ làm cái lợi-khí tối-yếu, rất hợp với nghĩa lý thâm-trầm trong việc giáo-dục người mình. Chữ Quốc-ngữ đối với vận-mạng tương-lai nước Việt-Nam quan-hệ thế nào thì câu của cụ Phan Kế-Bính vừa kể trên kia đã khám-phá lắm rồi, mà người biết suy nghĩ một chút tưởng không còn ai không hiểu lẽ ấy nữa.

Gần nay suốt con trẻ trong nước Nam đã được học tiếng nước nhà làm cái học phổ-thông. Chữ quốc-ngữ cũng đã được một cái địa-vị hẳn hoi trong quốc-dân giáo-dục, không đến nỗi cái thân-phận ăn ghé nằm nhờ như trước nữa. Ông Phạm Quỳnh nói : « Tiếng quốc-âm ta trong bao nhiêu lâu bị khinh rẻ, bị vùi rập, từ nay mới sắp mở mặt với thế-gian. Con em ta từ nay sẽ được ngâm-nga huyền-tụng bằng tiếng « mẹ đẻ », mà cái giọng « nôm-na mách-qué » kia rồi sẽ vang-lừng chốn kẻ chợ nhà quê, khác nào như khúc nhạc véo-von của mấy trăm cái miệng hài-nhi đồng-thanh tấu lên để ngợi-khen ông tổ Lạc-Hồng. Phàm người có chút máu nóng đối với nước nhà, tiếng nhà, há lại không nên nhảy-nhót, múa hát mà vỗ tay reo mừng dư ? » (Nam-Phong số 87).

Trong bài « Cảm-tưởng về vụ chấm thi sơ học Yếu-lược năm 1925 », ông Tương Vân nói rằng : « Tuy chưa được hoàn-toàn cho lắm, nhưng đấy cũng là một tin đáng mừng, đáng ghi trong lịch sử sự học ». Ông lại nói : « Chắc sau này có thể hi-vọng . . . quốc-dân ta có các ông Cử ông Nghè quốc-ngữ mà các ông Cử ông Nghè ấy giá-trị cũng không kém gì các ông Cử ông Nghè các nước văn-minh ».

Từ ấy suốt trong quốc-dân ai cũng có một lòng như nhau, là hay nhiệt-thành sốt-sắng dạy dỗ quốc-ngữ, học tập quốc-ngữ. Bài diễn-thuyết của ông Phùng Ngọc-Huệ ở hội Trí-Tri Nam-định ngày 22-8-1926, câu mở đầu đã nói : « Tôi bình sinh chỉ có một tấm lòng nhiệt-thành sốt-sắng, là nhiệt-thành sốt-sắng về sự luyện-tập quốc-văn » — Ở trang bìa đầu sách « Quốc-văn khảo-biện », ông Nguyễn Ứng để trước mấy câu rằng : « Người nước ta phải dùng tiếng nước ta, phải luyện cho tiếng nước ta. Có luyện cho tiếng nước ta, tiếng nước ta mới được phong-phú phong-thú. Khi tiếng nước ta đã được phong-phú phong-thú rồi, thời ta truyền-bá tư-tưởng học-thuật cho nhau rất dễ rất chóng — Ái-quốc-văn — ».

Tháng năm năm 1927 này, hội « Khuyến-văn » ở An-lai (Bến-tre) làm lễ lạc-thành, bài diễn-văn của ông Nguyễn Văn-Vinh có nói rằng : « Có gì khoái hơn là nghe trẻ nó đọc đi đọc lại những bài quốc-văn thanh thú như bài cây bông sen :

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Xung quanh cánh đỏ, giữa chen nhị vàng ;
Nhị vàng ngọ trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Và đoạn kết-luận ông nói rằng : « Năm bảy năm học chữ Pháp, nếu để học rõng chữ quốc-ngữ tiếng nước nhà thì cái học-thức không kém gì bậc tú-tài các nước. »

Vấn-đề « học quốc-ngữ » trước kia nhóm giữa khoảng núi Nùng sông Nhị, ảnh-hưởng ngày một lan rộng, nay đã thành một luồng không-khí rất đầm-ấm êm-hòa mà bao-bọc khắp trời Nam. Cái không-khí ấy là cái hồn của non sông, nòi giống Việt-Nam, nên nó dễ cảm được người Việt-Nam mà người Việt-Nam phải cần có hô-hấp lấy cái không-khí ấy thì mới sống được thảnh-thơi yên-ổn. Dẫu cho có phải xa cách non sông đất nước nhà, chớ cái hồn ấy vẫn quanh-quẩn bên mình.

Mới đây các học-sinh ta du-học bên Pháp, tuy là thân học chữ Tây mà vẫn không quên luyện-tập trau-dồi tiếng quốc-âm nhà, xuất-bản ngay bên Pháp (Aix en Provence) một tờ báo quốc-ngữ để là « Việt-Nam học-sinh báo ». Báo ra một số

đầu đã tuyên ngay rằng : « . . . Chữ nước mình, mình phải nên luyện-tập. Nếu không thì chẳng những sự giáo-dục trong nước không được phát-đạt, mà lại càng sợ một nỗi rằng một ngày kia quốc-văn phải mất tuyệt. Ấy là một vấn-đề ta hãy nên quan-cố đến. »

Xem đó thì biết rằng ngày nay người Việt-Nam ai ai cũng nô nức giống-dả về việc « dạy dỗ quốc-văn, luyện tập quốc-văn » Bảo nhau dạy dỗ quốc văn, khuyên nhau luyện-tập quốc-văn . . .

Ngồi góp nhặt những ảnh-hưởng của việc học quốc-ngữ mà sinh vô-hạn cảm-tình, chứa-chan hi-vọng đối với tương-lai vận mạng nước nhà, bất-giác muốn mừng hát, muốn reo mừng, như lời ông Phạm Quỳnh đã nói trên kia, vì chính tôi đây đã chịu cái ảnh-hưởng ấy rất nhiều. Cái trách-nhiệm « luyện-tập quốc-văn, dạy dỗ quốc-văn », hai cái trách-nhiệm ấy bình-sinh ngày đêm cúc-cung tận-tụy.

Hôm nay được học trò đưa tặng một tập học làm văn là tập góp lại những bài luận học trong năm, nhan là « Bông hoa đầu mùa », để tỏ lòng biết ơn người chỉ bảo, và để chứng cho cái công phu « dạy dỗ quốc-văn », « luyện-tập quốc-văn » kia cũng đã có ít nhiều kết-quả, và lại xin tôi làm cho bài tựa.

Đọc tập văn tôi mừng cảm vô-cùng, nhưng xin tôi làm bài tựa thì tôi biết nói gì. Khen ư ? Không có lẽ, vì đó là của nhà mà thực ra thì cũng chưa có gì đáng khen. Chê ư ? Cũng không có lẽ vì tự học trò đã nói trước : đó chưa phải là « bông hoa » có kỳ-hương dị-vị, mà là « bông hoa đầu mùa », giữ lại đó là ghi lấy cái kỷ-niệm buổi thiếu-thời.

Nhân mới góp nhặt được mớ «ảnh hưởng » trên kia đang mừng vui, nay được tập này cũng kể là một cái « ảnh-hưởng » cỏn-con về việc học quốc-ngữ. Vậy xin lấy đó làm bài tựa cho tập này để chứng cho học trò biết rằng : việc mình dạy dỗ quốc-văn, và khuyên bảo cho luyện-tập quốc-văn tự thủa này không phải là một việc « bông quơ » không đâu chính việc ấy là việc khắp nước Nam ai ai cũng cho là một việc quan-trọng ; nhân đây kỳ-vọng cho sau này cái vườn tri-thức kia, dẫu có cỏn-con nhưng cũng sẽ sản được nhiều những kỳ-hoa dị-thảo, còn tốt tươi rực-rỡ biết là bao !

Bài « Cảm-tưởng về vụ chấm thi Sơ-học yếu-lược », năm 1925 ông Tường-Vân có khen thí-sinh rằng : « Văn-đáp trả lời khá, học thuộc lắm. Địa-dư, lịch-sử, nói phăn-phắt như nước chảy mà nói dài, nói những câu khó-khăn phiền-phức, tưởng nếu học chữ Pháp mà nói trôi chảy được như vậy thì ít ra cũng phải mươi năm đèn sách. Thế mới biết học tiếng mẹ đẻ vẫn dễ. Tôi nay đem tập văn này công-bố là để chứng cho lời nói của ông Tường-Vân trên kia, mà tưởng ai đã có từng dạy qua quốc-văn cũng nghiệm thấy mà nhận cho lẽ ấy là đúng

Các độc-giả đọc tập văn này xin nhận cho đó là một thứ văn « con trẻ », một thứ văn « học-trò ». Màu dẫu chẳng tư vị, mùi dẫu có nhạt, nhưng các độc-giả chắc cũng lấy cái biệt-tình yêu « bông hoa đầu mùa » mà chẳng nỡ đem lòng rẻ-rúng, tất cũng cầm lên ngắm-nghía một lúc, tôi đây cũng vì lẽ ấy mà mới phải viết bài tựa này.

LÂM TẤN-PHÁC

Viết ở gác « Nam-Phong », ngày Đoan-ngọ năm Đinh-mão. (4-6-1927)

1 — Cảm-tưởng khi mới bắt đầu học quốc-ngữ

Tôi đi học đã lâu mà chỉ mới bắt đầu học quốc-ngữ đây. Mới nghe thì tưởng là lạ mà thật không gì đúng bằng. Vì tôi học từ thuở nay là chỉ học chữ Pháp mà thôi. Tuy ở nhà trường có dạy quốc-ngữ, nhưng mỗi tuần chỉ học được một lần, mà một lần đó lại là một giờ người ta để giải-trí nữa.

Thử nghĩ quốc-ngữ đối với ta quí báu là bao nhiêu, cần-yếu là bao nhiêu, mà mỗi tuần-lễ chỉ học được một giờ mà lại là một giờ rẻ-rúng khinh-thường; như thế thì còn mong biết. mong hay sao được. Bây giờ hồi-tưởng đến tình cảnh ấy thiệt lấy làm chán-ngán. Tuy lúc ấy tôi chưa biết quốc-ngữ ta trọng-dụng là bao nhiêu, nhưng trong bụng tôi cũng cho là một sự không công-bằng; vẫn nghĩ bụng sao chữ tây được trân-trọng như thế mà chữ ta lại phải khinh-rẻ như thế!

May sao thầy tôi nay lại thiết-tha ân-cần dạy chữ quốc-ngữ, hết lòng lo-lắng cho chúng tôi được học quốc-ngữ. Giờ dạy quốc-ngữ bây giờ đã thành một giờ qui báu trân-trọng, không phải cái tình cảnh lạnh-nhạt thờ-ơ như trước nữa. Việc ấy làm cho tôi vui mừng vô-cùng, cảm-động vô-cùng. Thế là tôi mới bắt đầu được học quốc-ngữ đây.

Bây giờ tôi được học quốc-ngữ, được có thầy ân-cần dạy bảo, được có sách hay mà học, là thật một chuyện may-mắn ít có. Từ xưa tôi phàn-nàn mong-mỏi bao nhiêu, bây giờ tôi mừng-rỡ thỏa-thích bấy nhiêu, tôi đã được may-mắn như thế thì tôi há dám không hăm-hở sốt-sắng mà làm việc ru? Tôi cũng không dám bắt-chước như ai cậy mình giỏi tiếng ngoại-quốc đem lòng khinh-bỉ tiếng nước nhà, chê Phật nhà không thiêng, đi cầu Thích-Ca ngoài đường. Vậy từ đây tôi tự hứa với tôi rằng: tôi sẽ cố công cùng sức mà theo đuổi cho kỳ đến nơi đến chốn, là tôi học cho giỏi thứ chữ « thần-thánh » ấy là, thứ chữ căn-bản của nước Việt-Nam ta.

2 — Trở về cảnh cũ

Cái chỗ mà tôi yêu mến nhất, quyến-luyến nhất, là Hà-tiên. Hà tiên tuy không phải là quê - hương tôi, nhưng là chỗ tôi ở học-hành từ thuở nhỏ, thế nên tôi yêu. Năm ngoái tôi phải bỏ Hà-tiên ra đi thì tôi lấy làm đau-đớn lắm. Trong một năm trời ly-biệt thì

Nỗi buồn biết lấy chi cân!

Nào thầy dạy dỗ, nào bạn chuyện-trò, nào chốn nằm ở, nào nơi học-tập, đến những cuộc chơi đùa, tôi đều để lại Hà-tiên mà phải không đem theo được. Mỗi lần hồi-tưởng đến những cảnh êm-đềm vui-thú ấy mà lòng những bàng-khuâng thổn-thức. Vẫn tưởng không trông trở lại chỗ mình yêu mến đó nữa rồi. Nào dè ngày 29 tháng tư năm nay (Bính dần), bỗng dưng lại được cùng Hà-tiên tái-ngộ, thôi thì:

Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng!

Mới ở trên xe bước xuống thì đã thấy cảnh cũ nhà xưa còn đó. Cái quang-cảnh ngày nay cũng không khác ngày trước bao nhiêu, nhưng lúc đi thì thấy từ cành hoa trước cửa đến cây chuối sau hè, đều có vẻ âu-sầu ủ-dột, còn bây giờ cũng cảnh ấy nhà này nhưng lại có vẻ hớn-hở tươi cười như chào mừng mà đón rước người bạn cũ mới về. Thế mới biết người mến cảnh nên cảnh cũng ưa người.

Rồi đây, tôi sẽ gặp thầy gặp bạn, cuộc chơi năm trước, câu chuyện ngày xưa, nỗi mừng vui không xiết nói. Lúc này trong lòng tôi bất-giác sinh mối cảm-tình lai-láng...

3. — Sự học

Chúng tôi một ngày hai buổi vào trường học. Thầy giáo dạy chúng tôi địa-dư, quốc-sử, toán-pháp, cách-trí và những món cần-ích khác. Sự học rất có ích, dầu cho trẻ con người lớn cũng vậy. Vì trẻ con thì cần phải học cho mở-mang trí-não, hiểu rộng thấy xa, cho có đủ kiến-thức để sau này nên người khá-giả làm được một nghề gì để tự-lập. Người lớn đã có nghề-nghiệp công việc rồi cũng phải học thêm cho mở-mang kiến-thức để làm cho nghề mình thêm hay thêm giỏi.

Sự học thiệt cần-ích cho người ta lắm. Nhờ học mà gần thì có thể lập được thân, nuôi được nhà ; xa thì có thể tìm-tòi nghĩ-ngợi ra những lý-tưởng hay, những điều mới lạ làm có ích-lợi cho cả nước, cả loài người.

Học lại cần nhất là cho biết luân-lý để sau này làm người dân lương-thiện, người con hiếu-thảo, biết ăn ở đời cho hợp lẽ, đối-đãi với người cho phải đạo. Suy ra như thế thì biết sự học có ích là bao nhiêu.

Vậy lúc ở nhà trường chúng tôi phải chăm-chỉ học-hành để được càng ngày càng tấn-tới, sau này khỏi phải làm người ngu dốt, để báo-đáp ơn cha mẹ đã lo-lắng và thầy giáo đã dạy bảo cho chúng tôi.

4. — Thơ học-trò đi học xa gửi về nhà

Hà-tiên, ngày 25 tháng 8, năm 1926

Kính thăm thầy mẹ cho được vạn-an và nội nhà đều được mạnh giỏi.

Phận con, từ khi biệt quê nhà mà đi đến nay, thì sự học-hành cũng thấy tấn-phát. Song cái thân đất khách quê người thì làm sao mà vui được! Nhất là những lúc trời vừa xế-xế buổi hoàng-hôn thì « cảnh may dễ chạnh, sắc chiều như xuôi ». Trông ra mặt biển phẳng-lặng mênh-mông; bóng vàng tha-thướt chiếu xuống mặt nước xanh xanh, thuỳnh-thoảng có vài ba chiếc thuyền ai thấp-thoáng, cảnh buồm phất-phơ, in vào bức da trời xa thẳm. Thật rõ ra cái tình-cảnh :

Buồn trông cửa biển chiều hôm,
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa

Ôi! một người như con đã xa nhà, xa xứ, lạ cảnh, lạ quê mà đứng trước một bức tranh như thế thì tài nào cầm được lòng thương nhớ gia-hương.

Túng-nhiên cảnh kia dẫu cho có vui-vẻ đến đâu đi nữa mà ở mắt con coi thì cũng chan-chứa những vẻ âu-sầu buồn-bã, vì :

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ;

Có lúc con buồn quá không muốn học-hành gì nữa, nhưng mỗi khi con trông thấy quyển sách tập bài mà nhớ đến công ơn thầy mẹ đã lo-lắng cho con, hoặc những khi con nhận được thơ nhà của thầy mẹ gửi đến khuyên răn con thì hình như có một cái sức mạnh gì nó xô-giục con, bảo con phải vững lòng bền chí, chống lại với những sự buồn rầu, hãy sốt-sắng mà lo học tập. Bởi thế mà tuy con có buồn về xa cách thầy mẹ, gia-hương chớ việc học tập con không dám xao-lảng khi nào ; xin thầy mẹ an tâm.

Con kính lạy

5. — Một cuộc đi chơi vui

Ngày hôm 14 tháng 7 ta, nhằm vào 21 tháng 8, năm 1926, tôi có dịp theo thầy tôi qua chơi núi Tô-châu. Cuộc đi đây là thầy tôi đi viếng mộ tiên-nhân, nhân thể dắt chúng tôi đi chơi cho giải-trí. Lối ba giờ chiều, họp ở nhà thầy rồi thì :

Đề-huề lưng túi gió trăng

cùng nhau xuống đò sang sông. Chiếc đò theo lượn sóng lơ-lửng trôi nổi một lúc thì đã đến bờ bên kia. Qua bến, đều dắt nhau lên núi. Mộ ở lưng chừng núi, nên phải lên cao. Lên đến

mộ tôi nhận kỹ cảnh mộ thì thật là đẹp. Sau lưng mộ có một cái bờ đất vòng đến trước như ôm lấy ngôi mộ. Hai đầu bờ đất có hai cây cột trụ gạch coi hùng-tráng lắm. Mặt cột có khắc đôi câu đối. Câu đối quốc-ngữ mà chữ viết theo lối chữ « cổ-tự » Tàu :

Về đất Thuận-yên, sơn-thủy chung-linh phần mộ ấm ;
Ở làng Mỹ-đức, cơ-cửu kế-thuật cháu con dài.

Trước mộ có một vũng nước, hỏi thầy mới biết đó là « Nguyệt-trì ». Hai bên bờ Nguyệt-trì là hai tượng kỳ-lân bằng đá đứng chầu.

Ngồi dưới bóng tàn cây im mát mà xem những hoa quả rừng tươi tốt trên cành và mấy con chim xinh-xắn vừa nhảy vừa hót véo-von trong bụi, hình như kêu chào mừng khách, thì tâm-hồn được thảnh-thơi khoan-khoái vô-cùng.

Một chập bày lễ ra cúng. Lễ đạm-bạc lắm : chỉ có bánh ngọt và nước lạnh, nhưng mà thịnh ở « lễ-tâm ». Cúng xong dọn xuống đất, giấy nhật-báo làm mâm, cùng ngồi vây lại ăn. Ăn thì được tự-do cười nói, không phải giữ lễ phép như ở nhà, nên bữa tiệc bánh này vui-vẻ lắm. Đi quanh lộn, luồn cúi trong khóm lau bụi trúc một chập nữa rồi kéo nhau xuống núi đi dọc theo mé rừng. Chúng tôi đi đông mà đem theo được chỉ có một cây rủ. Đứa lớn cầm rủ, mấy đứa nhỏ nhao-nhao chạy theo đánh bóng mát. Bên đường có cỗi me, cành la thâm-thấp, thì nhau hái mấy quả non. Khi trở về xóm để đợi đò, lần theo chân núi thì nao-nao dòng nước uốn quanh, dịp cầu nho-nhỏ, lại văng-vẳng tiếng gà kêu sườn núi, chuông vang mái chùa, thêm cái cảnh la-đà bướm lượn trên đám cỏ, nhịp-nhàng chim hót trong chòm cây, khiến cho người càng trông phong-cảnh càng yêu.

Tà-tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thẩn giang tay rủ về.

Qua đò lên bến, ngảnh lại núi Tô-châu còn ra tình quyến-luyến, ta cũng xin tạ với núi rằng :

Còn non, còn nước, còn dài. .

Thầy tôi có bài thơ tức-cảnh về cuộc đi chơi hôm nay, tôi xin lấy, chép lại làm ghi :

Bảng-lảng ngàn Tô bóng xế chiều,
Anh em năm bảy cảnh lần theo ;
Lòng sông sóng gợn, trời xa thẳm,
Cửa biển buồm bay gió thổi vèo ;
Trong vắt nước ngâm lồng bóng trúc ;
Chênh-vênh cầu bắc gác lưng đèo ;
Ai về nhắn hỏi người tang-hải,
Trần-thế ngày vui được bấy nhiêu ?

Hai câu tổng-kết tôi không rõ nghĩa, nhờ thầy giải cho rằng : « Hai câu ấy là ý nói cuộc thế ngày vui ngắn-ngủi có được là bao, sao những khách trần cứ mải lăn-lóc trong bụi lầm xe ngựa, giùi-mài trong cuộc hải-tang, chẳng biết thừa ưa lấy những lúc mây tạnh trời quang đem tình-tình mà dìu-dặt với non xanh nước biếc, để nuôi lấy cái hồn cao-thượng... » Cuộc đi chơi hôm nay là một cuộc vui-thú nhất đời tôi tưởng không bao giờ cho quên được.

6 — Học trước phải lập-chí

Ở đời mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy ở học-thuật và tài-đức từng người. Cho nên lập-chí là cái bậc mà ta đặt định cho ta, đem hi-vọng của ta vào đó. Như người làm ruộng chỉ ở được mùa ; người đi đường chỉ ở đến chỗ nghỉ chân ; người đi buôn chỉ ở lấy lãi.

Như thế thì người đi học tất cũng phải có lập-chí mới được. Học là để hiểu rộng thấy xa, để sửa tâm rèn tính cho nên người có phẩm-hạnh để sau này đối với nhà họ làm được người

cha từ, người con hiếu, người anh thuận, người em nhường ; đối với xã-hội làm được người dân hiền, người bạn tốt Học lại còn để biết những học-thuật mới, tư-tưởng hay làm cho ích-lợi cho đồng bang, cho nhân-loại.

Nhưng ngày nay, ở nước ta, có nhiều người hiểu lầm cái chí của kẻ đi học. Cắp sách đến trường là cứ chực cái học để thi, thi để đỗ, đỗ để được làm việc sở này sở khác, để được ở lâu-đài, ngồi xe ngựa, mặc gấm vóc, ăn cao-lương. Đi học là chỉ có một cái kế vinh-thân phì-gia mà thôi. Thật là trái hẳn với cái chí chánh-đáng của kẻ đi học vậy. Người đi học lập-chí, ngoài cái kế mưu-sinh nhỏ hẹp thường ngày, cũng phải định một cái chí cho cao-thượng mới được. Chí đã định phải cố công bền chí mà học-tập thì sự học của mình may ra mới có chỗ dùng, chớ cứ chỉ vì tư-lợi thì dẫu học hay đến đâu đi nữa cũng kể là người vô-dụng với đời.

Vậy người học trò đến trường cần nhất là trước phải lập được chí cho chánh-đáng đã, mới sẽ là người có đủ tư-cách đi học vậy.

7. – Học-vấn và thực-hành

Học là học cho biết mọi lẽ. Hành là làm để tập thói quen. Học là để mở-mang trí-não cho được rõ hết mọi lẽ phải chẳng, thông suốt mọi sự-vật ở đời, song học mà không hành thì cũng vô-bổ. Học mà có hành thì mới là thiệt biết.

Như ta học nấu một nồi cơm, làm một món bánh, mà thuở nay ta chưa hề thực-hành lần nào, ta chưa có thói quen. Dẫu biết cách làm, song không quen làm thì đến khi làm tất phải hư, phải hỏng. Đã biết nấu cơm, là phải chắt nước, làm bánh là phải cân nhắc bột đường, song chưa quen làm thì thấy khó ngay. Nước chắt quá, cơm thành khô ; bột đường cân nhắc không vừa, bánh thành vụng.

Chẳng những một việc nấu cơm làm bánh ; dẫu đến việc nào cũng vậy, từ việc lớn-lao long trời lở đất, cho đến việc nhỏ-nhặt tầm-thường, nếu có học mà không hành thì không bao giờ nên được việc gì cả Có nhiều người ngồi nói thì thiệt là khôn mà đến lúc ra tay làm lại hay nát việc là bởi mắc phải bệnh ấy vậy.

Cho nên khi ta đã có học-vấn rồi ta lại còn phải đem sự học của ta mà thực-hành nữa, dần-dần tập lấy thói quen để sau ra làm việc khỏi phải sợ thất-bại.

8. — Học lịch-sử

Trong các môn học, tôi chỉ thích học lịch-sử nhất. Tuy môn đó học có khó nhớ, chớ tôi cũng vẫn cố học luôn, vì học môn ấy có ích-lợi nhiều lắm. Lịch-sử là một môn học gồm cả sự-tích của một nước.

Học lịch-sử là được thông hiểu việc cổ kim và có thể soi gương anh-hùng hào-kiệt đời trước mà bắt chước. Học lịch-sử làm cho người ta phải cảm-động, càng cảm-động thì lại càng ham muốn. . . .

Lịch-sử thật là một môn học rất quí hóa vậy.

9. — So sánh chỗ thôn-quê và chỗ thành-thị

Tôi là người sinh-trưởng ở chỗ thôn-quê, bấy lâu được hưởng cái khí thanh cảnh đẹp ở đấy, song trong bụng vẫn không biết là vui-thú, chỉ ao-ước muốn thấy chỗ thành-thị thử coi cảnh phồn-hoa rực-rỡ phỏng là bao. Năm ngoái tôi theo thầy mẹ tôi về Sài-gòn. Được dịp này thì trong lòng tôi nửa buồn nửa vui ; buồn là phải xa cách chỗ người quen cảnh cũ, vui là được đến chỗ mình ước-ao muốn thấy đây

Lúc mới đến thì thiệt là cảnh phồn-hoa náo-nhiệt *ngựa xe như nước, áo quần như nêm*, tài-tử giai-nhân xôn-xao

rộn-rực. Trong lòng tôi bấy giờ cũng thấy vui-vẻ thật. Nhưng ở lâu lại sinh ra nhàm chán. Ở Sài-gòn được gần nửa năm cái cảnh ồn-ào rộn-rịp cứ một mực mà, diễn hoài, không còn gì là vui-thú nữa ; bấy giờ mới hồi-tưởng đến lúc ở chốn thôn-quê, lúc chơi núi, lúc chơi biển, lúc hứng gió, lúc trông trăng, êm-đềm vô-cùng, thanh-thú vô-cùng. Chừng ấy mới biết sinh lòng nhớ tiếc. Thường ngày ước-ao mong được cùng Hà-tiên tái-ngộ. Dè đâu.

Khi nên trời cũng chiều người ;

tôi lại được trở về Hà-tiên bận nữa.

Thôi thì tha-hồ mà giong chơi phong-cảnh, ngắm-nghía non sông. Có khi ngồi nghĩ đến chuyện Sài-gòn mà phải bật cười cho mình. Song có thế mà mới biết Hà-tiên là tốt-đẹp. Nếu không có cái xấu cái dở để so-sánh thì làm sao biết cái tốt cái hay cho được.

10 — Thơ gửi cho bạn nói về cảnh vui cảnh khổ

Hà-tiên, ngày 2 tháng 9, năm 1926

Chị Vân,

Hôm qua em tiếp được thơ chị, chị chúc em được mạnh-giỏi, em có mấy lời về cảm ơn chị và chúc chị học-hành được tấn-phát. Cuối thơ chị phàn-nàn rằng: vẫn phải chịu cực-khổ, không được ăn mặc sung-sướng, lên xe xuống ngựa như các con nhà đài-các kia vậy.

Điều ấy em chắc chị tưởng lầm. Đây em xin mạn phép mà giải rõ cái cảnh vui cảnh khổ chị nghe. Chị thứ lỗi cho em trước nhá!

Theo lời chị hễ được lên xe xuống ngựa là vui, ăn món ngon mặc của tốt là vui, thì thiệt là lầm lắm. Cái vui mà chị nói đó là cái vui về vật-chất, thường-tình ai cũng nghĩ thế, nhưng phải biết rằng : vật-chất không phải là cái bất-dịch ở đời, vẫn thay đổi luôn, không thể lấy nó mà làm tỉ-lệ được. Cái vui ấy là cái vui giả, chỉ thoáng qua một lúc rồi thì thấy khổ đến ngay, sao bằng cái vui ở tinh-thần, mới là cái vui thiệt, cái vui dài lâu.

Nếu mình ăn sung mặc sướng, xuống ngựa lên xe, mà không làm trọn phận-sự để cho đến « làm con phụ ơn cha mẹ, làm dân phụ nghĩa nước nhà », cho lương-tâm mình nó cắn rứt hành-phạt mình, khiến mình phải chịu biết bao nhiêu là đau ngầm khổ kín, thì làm sao mà vui-vẻ được.

Cảnh khổ cũng vậy ; khổ về vật-chất mà có kể chi thì dẫu cho « lưng cơm hầm, bát canh suông, ngồi chõng tre, nằm ổ rạ », mà làm xong phận-sự, ăn ở không trái lẽ trời mà hợp đạo người, thì trong lòng cũng thấy sung-sướng vui-vẻ vô-cùng. Cảnh vui ấy mới là cảnh « cực-lạc » ở đời, cảnh vui ấy ta thiệt không nên không có.

Vì tình thân-thiết, vì lẽ phải, nên em mới cùng chị phân-giải, chớ em đâu dám tưởng là dạy bảo chị. Vậy em cũng mong rằng mấy lời của em đây làm được vui lòng chị ; xin chị lượng tình.

Nay kính

Em chị T. — M.

11 — Thơ gửi cho bạn nhắc lại cảnh trăng trên « Hồ sen »

Hà-tiên, ngày 25 tháng 12, năm 1926.

Chị Ái-nguyệt,

Hôm qua em có được thơ chị. Trong thơ chị hỏi thăm em về « cảnh trăng mười bốn » này ở trên « Hồ sen » đã có gì khác hơn cái cảnh trăng hôm mười bốn mấy tháng trước mà ta cùng giang tay thơ-thần dưới bóng chị Hằng đó chăng.

Thưa chị, cũng hồ ấy, cũng trăng ấy, cũng mấy đám sen tàn, cũng tàng mây

lơ-lửng ấy, nhưng quang-cảnh sao khỏi thay đổi ít nhiều. Mảnh trăng hôm mười bốn này mới đẹp làm sao, em mới vừa ở nhà lên thì trăng đã in ở bức da trời phía bên kia hồ rồi, bóng dọi dưới nước vẽ ra một cảnh « cung thiềm » nữa. Hai bên cùng trong, hai bên cùng đẹp. Một mảnh thì lơ-lửng trên tầng mây, một mảnh thì lờ-đờ dưới đáy nước.

Nhờ ánh trăng tỏ rạng mà dưới đáy hồ tha-thướt mấy cành dương lồng bóng. Chốc-chốc cá đớp mặt hồ làm động nước bắn toé ra, bóng Hằng-Nga dưới đáy nước lòa gương, ánh phản-chiếu như muôn ngàn sợi tơ vàng đánh rối; chỉ có mảnh trăng trên tầng kia là yên-lặng mà thôi. Ánh sáng của trăng thì trong mà mát, không phải nồng mà gắt như ánh sáng mặt trời. Màu trong suốt mà trắng phau:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà!

Thỉnh-thoảng nghe tiếng gà eo-óc, tiếng trùng kêu sương, văng-vẳng từ đàng xa đưa lại, bỗng như có một cái hồn thiêng-liêng nó chìm-đắm người ta trong cái cảnh tĩnh-mặc âm-thầm đang cái giờ thần-tiên mộng-ảo ấy... Cái cảnh bốn bề yên-lặng, một mảnh trăng suông, một vùng nước lặng, nó cảm người biết bao!

Cảnh trúc la-đà xinh-xắn mà ta cùng ngồi nói câu chuyện tâm-giao dưới đó, thì đã gẫy mất tự bao giờ rồi. Ôi! cái cảnh tang-thương là thế; duy chỉ có Hồ thì vẫn cứ « khi nồng khi lạnh khi đầy khi vơi », mà tình đôi ta cũng vẫn ở lại với Hồ...

Nay kính,

Em Chị: T.-M.

12. — Cảnh « Pháo-đài »

Ở Hà-tiên có nhiều cảnh đẹp, nhưng tôi chỉ có thích cảnh « Pháo đài » hơn cả. Vì ở đó trên có núi, dưới có biển, « gồm cả màu trời sắc nước ». Lại thêm có một ngọn gió nồm-nam mát-mẻ vô-cùng, êm-ái vô-cùng, « khiến cho người nóng nảy thì mát-mẻ tấm lòng, người ngơ-ngẩn thì tỉnh tươi giấc mộng ». Bởi vậy mỗi buổi chiều tôi thường cùng các chị em đến đó giải nồng và ngắm cảnh. Trên chót núi có cái nhà mát, đứng trên ấy ngó về phía thành-phố thì chỉ thấy lô-nhô mấy cái nóc nhà đỏ-đỏ mà thôi. Lúc trời xế tà-tà thì bóng vàng bảng-lảng, tha-thướt chiếu xuống mặt nước xanh xanh, lấp-la lấp-lánh như một tấm gương to. Ngoài mặt biển thì lô-nhô những làn sóng bạc phơ đầu, lớp nọ đuổi lớp kia chạy đến tận bên gành đánh ầm lên, bọt nước bắn tóe ra trắng xóa như buông ra muôn ngàn hạt ngọc kim-cương. Ngoài xa có vài bốn chiếc thuyền câu, thấp-thoáng cánh buồm trăng-trắng phất-phơ, in vào bức da trời hung-hung đỏ.

Trông về phía đông-nam thì sừng-sực ngọn núi Tô-châu. Dưới chân núi lác-đác mấy xóm nhà lá nhà tranh cao-cẳng ở đai theo mé nước nhấp-nhô trong bóng đước dạng bần (1).

Thiệt là một bức tranh sơn-thủy tuyệt đẹp của hóa-công đáng nên thơ nên mộng biết bao nhiêu. Vậy những khi nhàn-hạ ta cũng nên đến đó mà tần-ngần lặng ngắm, mà

Bốn bề bát-ngát xa trông.

để ghi lấy cảm-tình cùng non nước.

13. — Làm việc với ở không

— Le travail éloigne de nous trois grands maux: l'ennui; le vice; le besoin.

Voltaire

Ở đời ai cũng phải làm việc, việc lớn hay nhỏ là tùy học-thuật và tài-đức

(1) Đước và bần là hai thứ cây mọc theo mé sông rạch Nam-kỳ, lá râm, cành la rất đẹp.

từng người. Người không làm việc ngồi một chỗ, khí-huyết không vận-động, thân-thể không nở-nang được, bệnh-hoạn theo mình thì sinh ra buồn-bã. Ở không, không công chuyện làm thì sinh ra cờ bạc, cờ bạc thua thiếu lại sinh ra nghèo túng, mới tập thành tánh xấu-xa đê-tiện.

Người cần-lao chỉ cả ngày đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn, rồi lúc nào mà cờ bạc rượu chè. Làm việc nhiều, được tiền nhiều để tiêu dùng khỏi phải nghèo hèn thì giữ được tánh thật-thà, không tham-lam lường gạt, không gian-trá quỉ-quyệt. Làm việc thân-thể được vận-động, khí-huyết được lưu-thông, gân cốt được nở-nang thì được mạnh-khỏe không hay đau yếu.

Làm việc giúp người biết bao nhiêu, ở không lại hại người biết bao nhiêu, ta nên lưu-ý.

14. — Khi nào nên nói dối, khi nào không nên nói dối

Nói dối cũng có nhiều cách : nói dối để giúp dân giúp nước, nói dối để gian-trá với người, để lừa gạt người. Lắm khi nên nói dối ; lắm khi không nên nói dối. Nói dối là một tánh xấu mà có khi cũng là một kế hay. Có lúc vì một tiếng nói dối mà cứu khổ cho được cả quốc-gia, gỡ nhục được cho cả quốc-dân. Có lúc cũng vì một tiếng nói dối mà hư-hại cả nhà cửa, trụy-lạc cả thân-thể. Cho nên nói dối cũng phải lựa lúc mà nói mới được.

Đối với cha mẹ anh em, đối với bầu bạn chí-thân, với nhà họ xóm làng, thì phải giữ một lòng thành-thực, không bao giờ gian-dối được ; đối với người ngoài cũng vậy, nhưng có khi cũng phải tạm giả-dối mới được. Ta hãy nhớ rằng : « Các sự thật không phải dễ nói cả đâu. » Đan-cử một việc :

Như người nước khác hỏi mình vậy trong xứ mình có chỗ nào hiểm-trở, chỗ nào quan binh phòng-bị mà mình cứ thật-thà khai ngay, thì giang-san nước mình sẽ vào tay người khác mất. Đại-khái là thế. Về việc « ngoại-giao » thì bao giờ cũng phải nói dối mới được. Bởi vậy nên các nhà hành-chánh ngày nay đều là những tay biết nói dối sành cả !

15 — Đưa đám ma

Gió bấc hắt-hiu, trời đông ảm-đạm, nước non cây cỏ âu-sầu ; ấy là ngày 19 tháng 11 năm Bính-dần, là ngày cất đám ông giáo-thọ H. N. B. mà học-sinh chúng tôi có dự đưa đám ấy.

Sáng sớm nữ-học-sinh chúng tôi mặc lễ-phục vô trường. Chúng tôi phải ở trường chờ cho quan-cữu ông bên Tô-châu sang. Lúc chờ ấy nam-nữ học-sinh chúng tôi không ai thích chơi dỡn như mọi khi nữa. Lại tựu nhau vào trong lớp để nghe thầy giáo giảng lịch-sử và công-cán của ông giáo từ-trần ấy. Giảng xong thì quan-tài ông cũng vừa sang sông, chúng tôi sắp hàng ra đi xuống bến đò thì quan tài ông vừa đến. Bao nhiêu người đều cúi đầu chào. Rồi sắp lại có trật-tự để đưa cho đến huyệt. Đi trước hai người nam học-sinh cầm hai câu đối vàng Đối quốc-văn chữ viết vuông theo lối chữ cổ-tự Tàu :

Đàn Hạnh đã nhờ tay giáo-đạc ;
Làng văn những tiếc bậc sư-mô.

Kế đó nam-nữ học-sinh chúng tôi và thầy giáo. Giữa thì quan-cữu ; sau rốt đến người trong làng xóm họ hàng.

Đi một cách yên lặng, có vẻ êm-ái mà nghiêm-trang Đến huyệt học-sinh chúng tôi đứng rẽ ra hai bên. Để quan-cữu xuống rồi thì quan Đốc trường đứng trước huyệt đọc một bài ai-điếu lâm-li cảm-động vô-cùng. Đọc xong ai nấy đều ngậm-ngùi một lúc

rồi mỗi người ném xuống huyệt nắm đất để từ-giã buổi sau cùng.

Xong rồi cùng nhau ra về, ai nấy trong lòng đều chứa-chan một mối thương tiếc vô-hạn,

Riêng về phần tôi, tôi lại nghĩ rằng : cuộc đời là một trường mộng lớn mà người đời là một kiếp phù-sinh, chung-qui chỉ đến cái chết là cùng, ai cũng như ai. Nhưng có khác nhau, chỉ là còn lại cái sự-nghiệp, cái danh tiếng ở đời nhiều hay ít, tốt hay xấu mà thôi. Cho nên người đời còn sống đây cũng phải liệu làm sao đến lúc « trăm năm rũ áo chốn trần ai » rồi còn lại được chút gì cho người nhắc-nhỏ mới nên.

16 – Tốt danh hơn lành áo

Xưa nay những người biết nghĩ đến lẽ thâm-trầm, không mấy người là chịu giấn thân vào đám phồn-hoa phú-quí. Vì nghĩ rằng : Cảnh vui không có chừng hạn, nếu mình ham-mê miếng phú-quí, lăn-lóc vào đám phồn-hoa thì chưa chắc đã được hiển-vinh hay danh giá gì mà đã phải khổ thân mình thì

Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời.

Có may ra được chút giàu-sang mà phận-sự chưa xong, nghĩa-vụ chưa rồi, thì cũng đã có vui-vẻ gì đâu ? Lên xe xuống ngựa mà phải vào luồn ra cúi, ăn miếng ngon, mặc của tốt mà phải làm tôi mọi đồng tiền thì chẳng là bất-mãn lắm dư ! Chi bằng một mình một cõi, tiêu-dao khoái-lạc, không vào luồn ra cúi ai, không cực nhọc khổ-sở vì ai. Mỗi mỗi đều được như-ý, thì tuy có ngồi chõng tre, nằm ổ rơm mà phận-sự làm xong, không phải tương-tâm cần rứt, tuy có lưng cơm hầm bát canh suông mà nghĩa-vụ lo tròn thì cũng vẫn được thung-dung sung-sướng. Được hưởng cảnh thiên-nhiên của trời đất mà không phải chịu cảnh bực nhọc ở phồn-hoa, thì còn gì thảnh-thơi vui-thú cho bằng.

Vì nghĩ thế mà biết bao nhiêu cao-nhân dật-sĩ ở đời trước đem thân ẩn vào chốn núi non làm bạn cùng cây cỏ để hàm-dưỡng lấy tinh-thần cho được thanh-cao, tu-luyện lấy tâm-tư cho được yên-lặng mà ngẫm-nghĩ những nghĩa cả lẽ chánh ở đời, chớ không chịu chen vào đám phồn-hoa danh-lợi là chỗ thường làm huyên-náo, khiến cho hoảng-hốt tê-mê tâm-tính người ta.

Về phần tôi, tôi cũng nghĩ thế, nên tôi không muốn phú-quí mà cực-khổ, tôi muốn thanh-nhàn mà yên-ổn là hơn, dù giàu dù nghèo cũng chưa đủ làm cho tôi bận lòng được.

17. — Bài học « bình-đẳng » ở nhà trường

Thầy giáo thường nói với chúng tôi rằng: ở nhà trường các học-trò đều coi nhau như anh em bằng nhau cả, không ai hơn ai. Đối với các học-trò thầy cũng thương đều như nhau. Các trò giàu-có sang-trọng chưa chắc đã được thầy yêu, các trò côi-cút nghèo-hèn chưa chắc đã bị thầy ghét. Tiền bạc hay quyền-chức vào trường cũng không làm cho mình hơn ai được, chỉ có chăm học là hơn. Một hôm tình-cờ chúng tôi đọc bài tập-đọc, gặp một bài của nhà văn-sĩ Amicis nói về chuyện ấy :

« Tên Carlo Nobis vốn con nhà quí-phái, một hôm có khinh-thị cha tên Betti làm nghề hầm-than. Người này vô trường phàn-nàn với thầy giáo. Ông công-tước Nobis hay được chuyện liền bảo con xin lỗi bạn rồi tự mình cũng nắm tay người thợ hầm-than tỏ ý xin lỗi, và xin thầy giáo cho hai đứa trẻ ngồi gần nhau. Thầy giáo nói với học-trò rằng: Các con nên nhớ lấy, đó là bài học hay hơn hết trong năm ».

Đọc xong thầy chúng tôi nức-nở khen và lấy đi lấy lại: « Thật là bài học hay hơn hết trong năm .. »

Tôi nghĩ rằng: ông Công-tước Nobis làm thế là biết lẽ bình-đẳng ở trường; vì tên Carlo Nobis chưa chắc đã hơn tên Betti vì quyền-thế sang-trọng, tên Betti cũng chưa chắc đã kém tên Nobis vì thân-phận nghèo-hèn, nên ông Công-tước xin cho hai đứa trẻ được ngồi ngang nhau là tỏ ý bằng nhau vậy.

18. — Học trí-thức và học đạo-đức

Học trí-thức là chỉ học rộng hiểu nhiều là đủ; học đạo-đức thì không thế, phải tụng-đọc từ ngoài miệng mà cho dầm-thấm vào trong lòng: miệng đọc mà lòng suy, không một lúc nào quên được. Gặp việc gì đáng cho là hợp với đạo-đức thì phải thực-hành ngay. Bao giờ cũng phải suy xét nghĩ-ngợi về bài học và ráng hết sức mà thực-hành. Thế nên học trí-thức còn có phần dễ mà học đạo-đức thì thật là khó. Song khó học chớ không phải là không học được nên, chớ nên cho là khó mà không học, vì có trí-thức mà không có đạo-đức là người vô-tư-cách. Có đạo-đức mà không có trí-thức đã là người khá, song vẫn còn thiếu. Người mà kiêm cả trí-thức và đạo-đức mới sẽ phải là người có tư-cách hoàn-toàn.

Ta nên vừa học trí-thức, vừa học đạo-đức, để được trở nên người có tư-cách phẩm-hạnh.

19. — Người thượng-lưu trong làng

Ở làng tôi có bác Mỗ. Bác người gầy, mặt xương-xương, trông có vẻ trung-hậu, năm nay làm lý-trưởng trong làng. Ăn ở đi đứng lúc nào cũng điềm-đạm ôn-hòa. Bao giờ cũng như nơm-nớp lo cho dân phải nghèo-nàn; làm gì cũng biết có công-ích mà không biết có tư-lợi, biết có mọi người mà không biết có mình. Tuy làm lý-trưởng mà không hề ỷ-quyền mà hà-hiếp ai bao giờ. Trong làng, nhằm năm thất mùa thuế cao gạo kém thì kiếm thế phù-trợ để dân khỏi phải cái nạn nghèo đói. Không bao giờ lên mặt hách-dịch với ai; ăn nói lúc nào cũng nhún-nhường như chửa bằng ai. Nhà tuy giàu mà vẫn giữ nghề cày cấy, lại nói ấy là muốn làm gương cho dân bắt-chước. Học-hành thông-thái, ăn nói hoạt-bát, không bao giờ làm việc gì không công-bình để cho dân phải phàn-nàn than-thở.

Người như bác ta thật hiếm có, rất đáng là một người tai mắt cho hương-dân, đáng là hạng thượng-lưu có tư-cách trong làng ta ngày nay.

20 — Cảm-tưởng của một người học-sinh trong đêm đông.

Gió bấc lạnh-lùng, trời đông buồn-bã, phòng văn hơi đá như đồng. Trên án sách ngọn đèn khi tỏ khi mờ; ngoài sân thỉnh-thoảng có vài ba con đom-đóm lập-loè, còn thì tối đen như mực.

Hạt sương gieo nặng cành cây la-đà;

thật vẽ ra cái cảnh-tượng đìu-hiu buồn-bã vô-cùng. Tôi một mình ngồi đối với quyển sách vàng, ngọn đèn xanh trong cảnh thê-lương ấy, thì lòng đã thấy mỏi-mê chán-ngán không còn muốn học-hành gì nữa.

Bỗng nhớ đến công ơn cha mẹ tôi đã lo cho tôi ăn học dày thì như có một cái sức gì khiến tôi nghĩ ra được nhiều việc phải. Đối với cảnh-vật đìu-hiu thì tuy có buồn thật, nhưng không lẽ để cho đến nỗi buồn rũ người ra:

Đêm đêm chớp bể mưa nguồn,
Hỏi người trí-thức có buồn chăng ai?
Tưởng là đá nát thì tuổi,
Chẳng ngờ đá nát nung vôi lại nồng.

Lời ca-dao kia, nghĩ đã khám - phá lắm vậy. Người ta mà không khéo đem lòng cứng-cỏi để chống lại với mọi sự buồn-rầu, để vì cảnh-vật bắt-buộc cho đến phải bỏ hư hỏng việc, thì chẳng là hèn-yếu lắm ru? Phải nên tự-phấn tự-cường mới được...

Nghĩ đến đó thì tôi thấy trong lòng vui-vẻ, trong dạ vững-vàng, không còn chút gì chán-ngán nữa. Bao nhiêu cái buồn rầu, cái mỏi mê hình như đã tiêu-tán đi đâu cả, mà bao nhiêu cái hi-vọng, cái nhiệt-thành như từ đâu đem lại, làm cho tâm-thần trí-não tôi tỉnh-tạo sốt-sắng lên mà học-tập lại như cũ.

21 — Vì sao ta nên bảo-tồn lễ « Tết nguyên-đán »

Tết nguyên-đán là một lệ cổ mà nước Việt-Nam ta gìn-giữ đã được mấy ngàn năm nay. Gần đây có người thấy ngày tết người ta ăn tiêu xa-xỉ quá thì cho là ngày vô-ích vô-dụng bảo nên bỏ đi. Bỏ đi cũng phải, vì ngày tết cũng như bao nhiêu ngày khác trong năm; chỉ có cái náo-nhiệt ồn-ào là khác hẳn với ngày thường mà thôi. Giữ cái náo-nhiệt ấy lại thì cũng không ích gì cho non sông, bỏ cái náo nhiệt ấy đi thì cũng không hại gì cho non sông. Giữ lại hay bỏ đi thì non sông cũng vẫn là non sông, cái náo-nhiệt ấy cũng không đủ hơn thua gì được khối vũ-trụ ù-lì to-tát này, mà bỏ đi thì người ta khỏi phải một lần ăn tiêu xa-xỉ quá-độ, « gánh vàng đem đổ sông Ngô. »

Thế thì nên bỏ đi thực, nhưng tiếc rằng hạng người bàn ấy chỉ mới xét về hình-thức mà chưa xét đến tinh-thần, rồi cho ngày tết là ngày vô-ích vô-dụng.

Không, ngày tết nào có phải là ngày vô-ích vô-dụng, ngày tết nào có phải là ngày để ăn tiêu xa-xỉ đâu. Ngày tết đối với dân-tộc Việt-Nam là một ngày đầm-ấm vui-vẻ, có hàm một cái ý-nghĩa rất là thâm-trầm, cao-thượng.

Cuộc đời là một con đường dài vô-hạn mà đời người là một cuộc lữ-hành, nếu « chân trời góc bể biết đâu là nhà », phải cái tình-cảnh « lỡ độ đường », tất sinh ra thất-vọng mà phải vô-cùng oán-hối. Nên cổ-nhân mới đặt ra một năm có một lần tết, như thế là một « độ đường » để người đi, đi lần lần, một độ qua một độ, cho khỏi mỏi-mệt chán-ngán. Ngày tết tức là ngày để ghi cho biết rằng cuộc đời người ta đã đi khỏi được một độ đường trong con đường dài vô-hạn vô-cùng kia vậy.

Ngày tết lại là ngày cúng giỗ phụng-sự tổ-tiên để kẻ con cháu nhớ lại cái công-đức « cây cỗi nước nguồn ». Có người phải xa cách quê hương đi mưu lấy hạch-phúc cho cuộc đời mình, cho gia-đình mình, nếu không có ngày tết, là ngày phụng-sự tổ-tiên không sao dám bỏ nhãng đi được, nhân đó về cho cha con anh em bà con trong gia-tộc được hội-hiệp xum-vầy để thỏa tấm lòng du-tử, thì đời người còn gì là thú-vị nữa!

Một ngày đã có ý-nghĩa hay như thế mà ta lại nỡ hủy đi hay sao? Xét về hình-thức thì nên bỏ mà xét về tinh-thần thì lại nên bảo-tồn lắm. Bỏ ngày tết đi là hủy mất một cái phong-vị rất hay riêng của nước Đại-Việt ta; trừ nước ta không còn nước nào có cái phong-vị ấy nữa, thì ta há lại không nên cố mà giữ lấy cái lệ cổ ấy dư?

22 — Ngày tết ở thôn-quê.

Gió xuân phảng-phất, cảnh xuân la-đà, vẽ ra cái quang-cảnh tết, mà tôi lại nhớ đến một lần tết vui-vẻ nhất đời tôi khiến cho tôi không bao giờ quên được.

Ngày tết ấy là một ngày tết mà tôi được theo thầy mẹ tôi về quê để hưởng lấy cái phong-quang đẹp của tiết xuân, cái cảnh-tượng vui của ngày tết trong

chốn bờ tre ruộng lúa. Tết ấy mới cách ba năm nay, là lúc cuộc đời tôi ở vào thời-kỳ « trẻ vui chưa lo nghĩ »

Sáng sớm hôm mồng một tết tôi bừng mắt dậy thì quần áo mới đã để sẵn bên giường rồi. Tôi mừng lắm, liền thay quần áo mới ra lễ bàn thờ tổ-tiên và lạy mừng tuổi ông bà cha mẹ. Trong nhà thì nào câu đối đỏ, nào mành mành hoa, trưng dọn thực là cực-kỳ trang-hoàng rực-rỡ. Trước sân thì mấy cụm hoa tha-thướt, nhởn-nhơ cười đón gió đông; giữa sân có cắm cây nêu cao vót, treo nhỏng-nhảnh bức « tứ tung ngũ hoành » đương bằng tre, dưới gốc nêu có rắc một ít vôi bột trắng.

Chán cảnh nhà mình, lại đi ghé cảnh nhà người. Tôi đi mừng tuổi trong bà con họ-hàng, đi đến đâu cũng thấy :

Đi-đẹt ngoài sân tràng pháo chuột;
Um-thùm trên vách bức tranh gà.

Chỗ này tiệc, chỗ kia tiệc, nào bánh nào trái, nào rượu nào chè, không thiếu một thức gì, không thiếu một món gì. Ngoài đồng thì cỏ non mơn-mởn. Những trẻ lên năm lên ba, đầu để chỏm, mình mặc quần áo xanh đỏ, kéo nhau đi từng đàn từng lũ, nhảy bờ ruộng này qua bờ ruộng kia vui-vẻ, sung-sướng vô-cùng.

Năm tháng qua mau, đời người thay đổi, bây giờ tôi không thể tái-ngộ với ngày tết sung-sướng vui-thú ấy nữa, mà mỗi lần ngắm phong-cảnh tết, mỗi lần hồi-tưởng chuyện ngày xưa, thì lại ngậm-ngùi nhớ tiếc biết bao nhiêu!

23—Xứ Việt-Nam có phải là bạc-đãi người Việt-Nam không ?

Xứ Việt-Nam ở về nhiệt-đái, khí-hậu nóng bức, nên mỗi năm đến mùa hè thì người trong nước như nấu như nung, gân cốt liệt-nhược, thân-thể nhễ-nhại mà phải sinh ra đau yếu luôn. Có người thấy thế đã vội trách rằng : « Vô-phúc mới sinh ra làm kiếp người Việt-Nam, phải chịu cho non sông đất nước bạc-đãi. Giá trời sinh cho làm người Anh, người Mĩ, được ở chỗ khí-hậu ôn-hòa ấm-áp quanh năm, chẳng là sung-sướng yên-ổn hơn ư ! » Nói như thế mới nghe thì tựa-hồ hữu-lý, nhưng xét kỹ thì thiệt không gì nghịch bằng. Vì non sông đất nước kia đã sinh-trưởng ra giống người Việt-Nam này, sinh-sôi nảy-nở, từ mấy ngàn đời tổ-tiên trước cho đến ngày nay được vuông-tròn, thì non sông tất không phải bạc-đãi người mình mà mình tất có thể sống cùng sông núi ấy. Ở nhằm xứ nóng mà biết ăn ở cho hợp với khí-hậu thời-tiết thì chưa chắc đã bị yếu đau. Chẳng thấy ông cha ta ngày xưa cũng vẫn hùng-cường mạnh-mẽ, đã từng nhiều phen làm vẻ-vang cho nòi giống, mới nghiễm-nhiên là chủ-nhân-ông trong một cõi giang-san cẩm-tú này, thì lại ăn ở đâu, há chẳng phải là sinh-trưởng trong non sông đất nước này dư ? Bởi tiên-dân ta ngày xưa chưa phải cái « văn-minh hình-thức » bề ngoài nó lòe người, ăn ở giản-đan, mặc y-phục thưa mỏng cho hợp với khí-hậu thời-tiết, thì làm gì mà có sinh bệnh-hoạn.

Người xứ ta ngày nay hay đau yếu là vì ăn ở trái với khí-hậu của đất nước nhà, mỗi mỗi đều bắt-chước theo người Âu-Mĩ. Cho đến mùa hè nóng bức, trời nắng như thiêu mà ngoài đường chang-chang, còn thấy có người mặc y-phục bằng nỉ thì trái nghịch biết chừng nào. Ta nên biết rằng : xứ họ lạnh-lẽo là bao nhiêu mà xứ ta nóng-nực là bao nhiêu, một nóng một lạnh khác nhau thế nào. Đem y-phục ở một xứ lạnh cho người ở một xứ nóng dùng thì tài nào chịu được mà không đau yếu. Đan-cử một việc, chớ

đại-khái đến nhà cửa vật-thực, khăn ở, lúc ra vào, cũng đều trái nghịch như thế cả. Vậy thì có phải là non sông Việt-Nam bạc-đãi người đâu, bệnh-hoạn đau yếu là tự nơi mình gây ra đấy mà thôi.

Nói thế là không muốn đổ vạ cho non sông đất nước, chớ dầu thiệt non sông kia mà có bạc-đãi mình đi nữa, thì cũng phải an lòng cam chịu, chớ có lẽ nào oán-trách than-phiền. Vì dù hậu-đãi, dù bạc-đãi, dù tốt, dù xấu, cũng là của mình ; tốt thì mình hưởng lấy đã đành, chẳng may mà có xấu thì mình cố gia công sửa-sang trau-dồi lấy kỳ cho được đến ngày tốt đẹp. Chớ non sông kia là non sông nhà mình mà chê là xấu, là bạc-đãi, rồi bỏ đi đâu? Những người nào nỡ miệng đành lòng mà chê trách như thế là những người không còn biết thương mến gì quê hương đất nước nữa. Thế nào cũng :

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn !

24 — Những tiếng thị-phi cơn gió thoảng

— Người quân-tử không buồn vì người không biết mình, chỉ buồn vì mình không biết người mà thôi.

(Cách-ngôn đức thánh Khổng phu-tử.)

Người ngày nay thường trách mình thì nhẹ mà trách người thì nghiêm : nghiêm vì tánh đố-kỵ là chỉ sợ người ta lại có danh hơn mình, nhẹ vì tánh lười biếng là tự dung mình, cho mình là đủ mà không làm thêm việc gì khác nữa. Cho nên dầu ta có làm được việc hay cũng chưa chắc đã được khen, ta có làm được điều giỏi cũng chưa chắc đã được phục. Họ cứ chăm-chăm bới-móc từ việc xấu nhỏ của mình mà không bao giờ thấy kể nhắc đến điều hay lớn khác. Song việc mình đã nhận là chức-vụ phận-sự mình thì cứ làm, còn việc chê hay khen không nên kể đến. Từ xưa đến nay, dù bậc thánh-hiền, ai đã khỏi cái chê-bai hủy-báng của kẻ đồng-thời, thì cái chê-bai hủy-báng ấy không phải là những cái bất-dịch ở đời, không lấy đó mà làm khuôn vàng thước ngọc, làm tỉ-lệ mà định-bình được. Đó không phải là những tiếng chê-bai từ trong lương-tâm mình phát ra mà trách mình thì mình có bồi-hồi khắc-khoải mà làm gì, có lo sợ ái-ngại mà làm gì.

Việc mình đã cho là phải thì cứ cố gắng mà làm cho kỳ đạt được mục-đích. Vì « những tiếng thị-phi cơn gió thoảng » ấy không đủ làm mất được cái phẩm-giá, cái danh-dự mình, thì mình cũng không nên quan-hoài đến mà làm gì, hãy yên lòng rảnh trí mà hàm-dưỡng lấy tinh-thần cho được thanh-cao, tu-luyện lấy tâm-tư cho được lặng-lẽ, để mà đối-phó với những nghĩa cả, lẽ chánh ở đời.

Lòng ta ta đã chắc rồi,
Dễ ai giục đứng giục ngồi mà nao ?

TUYẾT-MAI
(*Hà-tiên*)

LUẬN - THUYẾT « TÂN XÃ - HỘI »

I

Tỏ bày xã - hội tích - tệ kinh-cửu nguyên-nhân.

Tổ-chức xã-hội công - cộng tự-trị hiến-pháp.

Nay đứng lên trên các ngọn núi mà trông xuống, thấy dẫy tre xanh rì, chạy thẳng dài, đứng bằng bặn, hình như bức rào thiên-nhiên ; thấy cây cỏ-thụ xanh biếc, dáng lòa-xòa, bóng sầm-uất, hình như bức tranh thiên-diễn ; hỏi những chòm nhà mà sinh ở trong khoảng ấy là gì ? Ấy há chẳng phải là xã-hội ta đấy dư? Trong xã-hội có những gì ? Tất là có thổ-địa, có nhân-dân, có chính-sự, mấy nghìn năm nay nhà vua xếp đặt, dân nước tuân-hành.

Đi theo các dải sông mà ngắm xem, thấy khóm dâu xanh ngắt, đứng đều-đặn, chạy bát-ngào, hình dáng vườn cây địa-thiết ; lại thấy lúa mầu xanh tươi, dáng rườm-rà, mùi bát-ngát, hình rõ vườn hoa địa-bài. Hỏi những tụi người mà họp trong khoảng ấy là gì ? Ấy há chẳng phải là xã-hội ta đấy dư? Trong xã-hội có những gì ? Tất là có phong-tục, có tôn-giáo, có nghề-nghiệp, mấy nghìn năm nay cha ông lưu-truyền, con cháu kế-tập.

Trong các xã-hội, rộng hay hẹp, nhân-dân hay hay hèn, chính-sự trị hay loạn, tưởng mọi người sinh-tồn trong các xã-hội, cũng đều lấy làm bia miệng mà ghi, không cần tôi phải nói nữa. Tôi nay sở-dĩ nói, chỉ nói xã-hội tích-tệ kinh-cửu nguyên-nhân, và lập-luận xã-hội ta bây giờ nên định chủ-nghĩa tự-trị thế nào, để cùng với xã-hội Thái-Đông-Tây, cùng lên đường tiến-bộ.

Trong các xã-hội, tôn-giáo hay hay dở, phong-tục thuần hay điêu, nghề-nghiệp thực hay hư, tưởng mọi người sinh-trưởng trong xã-hội cũng đều lấy làm khoán mồm mà nhớ, không cần tôi phải nói nữa. Tôi nay sở dĩ nói, cũng chỉ nói xã-hội tích-tệ kinh-cửu nguyên-nhân, và lập-luận xã-hội bây giờ nên định công-cộng hiến-pháp thế nào, để cùng với xã-hội Âu, Mĩ, Nhật, cùng lên bước văn-minh.

Vậy trước bàn nguyên-nhân xã-hội khởi-điểm.

Nay xét xã-hội nguyên-nhân khởi-điểm sở-dĩ thành-lập vì có ba lẽ sau này :

1º Do ở Thiên-nhiên ;

2º Do ở Địa-tạo ;

3º Do ở Nhân-vi ;

Gọi là do ở thiên-nhiên là thế nào? Nghĩa là từ khi có thiên-diễn đến giờ, trời đã đúc sinh muôn vật ở dưới, trời cũng đã hết sức lắm rồi, mới sinh ra giống người để thay lỡ mà sai khiến muôn vật, trời mới phú cho dây liên-lạc tự-nhiên : nào cha con, nào anh em, nào vợ chồng, xum họp với nhau, nào già trẻ, nào lớn bé, nào bầu-bạn, quây-quần với nhau ; họp nhà lại thành ra họ, họp họ lại thành ra làng, họp làng lại gọi là xã-hội ; đó là xã-hội do ở thiên-nhiên.

Gọi là do địa-tạo là thế nào? Nghĩa là từ khi có địa-cầu đến giờ, đất đã phân

ra muôn phương ở dưới, đất cũng đã hết sức lắm rồi; đất mới sinh ra người để chia ở thống-hạt muôn phương, đất mới sinh ra mối lợi vô-cùng: nào loài ngũ-kim, loài than đá, loài thảo-mộc; bày ra vô-số, nào loài bách-cốc, loài chân-bảo, loài cầm-thú; bày ra vô-ngần, phần ở núi rừng, phần ở sông bể, phần ở đồng bằng, người thấy lợi cùng đem nhau đến, để làm cách sinh-nhai, rồi xum-họp thành ra xã-hội; đó là xã-hội do ở địa-tạo.

Gọi là do ở nhân-vi là thế nào? Nghĩa là trời sinh ra muôn dân thế-tất sinh ra người quân-trưởng để trị-dân, sinh ra người Sư-bá để dạy dân. Như ở đời thương-cổ, lịch-lại-đế-vương, hoặc cũng có đời hoạch-dã phân-dân, hoặc cũng có đời chiêu-dân lập-ấp. Ở đời cận-kim, liệt-quốc Âu-Mĩ hoặc có nước thực-dân ở biệt-xứ, hoặc có nước lĩnh-địa ở tha-phương, chân trời mặt bể đều cùng anh em, đầu sông ngọn nguồn đều cùng thân-thích, dựng gây đoàn-thể, gọi là xã-hội; đó là xã-hội do ở nhân-vi.

Tóm bản xã-hội trong liệt-quốc Thái-Đông-Tây, nguyên-nhân sở-dĩ thân-lập đều do ở ba lẽ vừa nói trên đó; triều-đại biến-thiên không cùng, bang-quốc xưng-hô có khác, nhưng tôn-chỉ họp nhà thành họ, họp họ thành làng, gọi là xã-hội, thì cũng như một. Hay thay! danh-từ xã-hội! đẹp thay! danh-từ xã-hội!

Xã-hội là một tiếng tân-danh-từ ở Thái-Tây có đã và trăm năm nay, tóm đại-ý thì là thổ-địa qui-công, tư-bản qui-công mà thôi. Xã-hội là một tiếng tân-xưng-hô ở Thái-Nam ta mới mươi lắm năm nay; tóm đại-ý thì họp sức người trong làng để làm sức xã-hội, họp của trong làng để làm của xã-hội, rút lại đều là chủ-nghĩa hiệp-quần để gây ra đoàn-thể mà thôi.

Nay thử dạo qua các đô-ấp bên Âu, bên Mĩ, bên Nhật, mà xem các xã-hội, thì chính-sách xã-hội uyển-nhiên như một nước, nào là trường học phổ-thông, nào là chợ buôn quyền-lợi, nào là xưởng thợ cơ-xảo, nào là tòa nông cơ-cần, nào là sở thuốc kinh-nghiệm, nào là sở binh nghiêm-phòng, nào là nhà hội-đồng công-chính, nào là giáo-đường nguy-nga, nào nhà cửa quang-minh, nào là đường sá tinh-khiết, kể biết bao nhiêu vẻ tinh-ba, làm cho quốc-gia văn-minh cũng đều ở xã-hội. Xã-hội sở-dĩ thành như thế ấy, cũng là do ở từng người riêng trong xã-hội, đem công-tâm công-đức họp lại mà thành ra.

Nay thử dạo qua Nam-Bắc-lưỡng-kỳ mà xem các xã-hội ta, thì chính-sách xã-hội ta mỗi nhà mỗi tục, mỗi làng mỗi chính, dẫu có trường học, nhưng toàn là học-thức hủ-lậu, dẫu có chợ buôn, nhưng toàn là buôn-bán tầm-thường, dẫu có xưởng thợ, nhưng toàn là công-nghệ xấu-xa, dẫu có cánh-nông, nhưng toàn là nông-chính hủ-bại, dẫu có nhà thuốc, nhưng toàn là thuốc vô-phương, dẫu có sở binh, nhưng toàn là canh-phòng sơ-khoáng, dẫu có nhà Hội-đồng, nhưng toàn là chính-sự rối-loạn, dẫu có nhà giáo-đường, nhưng toàn là tôn-giáo hỗn-tạp, dẫu có đường-sá, nhưng toàn là đường-sá dơ-bẩn thấp-hẹp, dẫu có nhà cửa, nhưng toàn là nhà cửa am cỏ lều gianh; kể biết bao nhiêu đường hủ-lậu, làm cho quốc-gia không được văn-minh, cũng đều do ở xã-hội; xã-hội sở-dĩ phải như thế cũng là vì các người riêng trong xã-hội không có xã-hội tân-tư-tưởng mà làm thành ra.

Nguy lắm thay! xã-hội ta ngày nay sở-dĩ suy-đồi hơn xã-hội các nước, ai ai cũng đã biết cả rồi, xã-hội ta ngày nay sở-dĩ liệt-bại hơn xã-hội các nước, ai ai cũng có thể nói được, ai cũng đã

biết cả, ai cũng đã nói cả, đầy cả trong báo-chương, dương-dương kể nghìn muôn bài luận-thuyết, khắp cả nơi triều-dã, minh-minh kể ức triệu kẻ nghị-bình, nhưng không biết nguyên-ủy tại đâu; không nói nguyên-nhân tại đâu, chỉ nói tại mỗ Giáp làm hại làng, mỗ Ất làm hỏng làng, mỗ Bính làm nát làng, mỗ Đinh làm hư làng. Ôi! mỗ Giáp, mỗ Ất, mỗ Bính, mỗ Đinh, mà làm hại, làm hỏng, làm nát, làm hư, thì cũng phải, nhưng há những mỗ Giáp, mỗ Ất, mỗ Bính, mỗ Đinh làm hại, làm hỏng, làm nát, làm hư, đó là chung xã-hội cùng làm cả đấy! Chỉ nói tại khoản này làm nặng làng, tại phép kia làm phiền làng, tại lệ này làm chặt làng, tại điều kia làm thúc-phộc làng. Ôi! những khoản này, những lệ kia, những điều này, những phép kia, ấy há chẳng phải những điều, những khoản, những phép, những lệ của người trong các xã-hội tự đặt ra đấy dư? Ôi! trách phép, trách người cũng là phải, nhưng tôi xét căn-nguyên xã-hội ta sở-dĩ suy-đồi, sở-dĩ liệt-bại, vì có mọi lẽ sau này:

1° Do ở phong-tục tập-quán. — Nước ta cổ-nhân đặt ra lễ quan là để dạy người con trai hai-mươi tuổi đến tuần đội mũ học làm tư-cách thành-nhân; đặt ra lễ hôn, là để dạy người con trai con gái, phối-hợp với nhau, phải có lễ mới thành gia-thất; đặt ra lễ tang, là để táng người tử-giả được yên; đặt ra lễ tế, là để đối với qui-thần phải kính. Chiếu như trong lễ thì tùy-gia phong-kiệm, xứng-gia hữu-vô, thực là hay lắm. Nhưng xem ra tục nước ta bây giờ, hoặc người trúng khoa-cử, hoặc người được phẩm-hàm, khánh điền-địa ở trong một phen yến-ẩm; hoặc người cưới con, hoặc người lên lão, mất viên-trì ở trong một cuộc bôi-bàn; làm cai đám tốn kể và trăm đồng bạc; mua nhiêu xã tốn kể và trăm quan tiền; cùng là tế thần chỉ một con sinh, mà giết mười con sinh để đãi làng không đủ, tế thần chỉ ba chén rượu, mà mua và mươi bình rượu đãi làng không chu; lệ giáp lệ làng, xiết bao nợ miệng, tục thôn tục xóm, kể lắm khoản mồm, bờ xôi ao rượu, rừng thịt rủ nếp, kẻ trước làm người sau theo, kẻ trên làm người dưới bắt chước, cùng bảo nhau rằng: một miếng việc làng bằng sàng xó bếp; lại bảo nhau rằng: pháp vua cũng thua lệ làng. Người giàu có thì làm quá lên để mong lấy tiếng, kẻ nghèo thiếu cũng phải miễn-cưỡng mà làm cho kịp, để nổi lấy danh, trên mảnh chiếu trung-đình, không còn có tư-tưởng gì nữa, ngoài chốn cổng hương-thôn không còn có kiến-văn gì nữa. Mười lăm năm nay những đấng minh-quan lương-lại thấy những điều hủ-tục ấy, cũng đã thương-nghị với chính-phủ để sửa đổi đi; những bậc tri-sĩ nhân-nhân thấy những điều tệ-tục ấy cũng đã cầu với quốc-gia để chỉnh-đốn lại. Tiếc thay! cựu-phong-tục chưa đổi, tân-phong-tục chưa thực thi-hành, phần thì giữ phần ăn, phần thì bách lấy tiếng, một cổ đôi tròng, dân thêm nặng quá. Đó là điều tệ thứ nhất.

2° Do ở sùng-bái mê-tín. — Nước ta xưa kia là nước văn-hiến, học đạo Khổng Mạnh kính thiên-địa, trọng tổ-tiên, tôn thánh-hiền thần-tiên, mộ anh-hùng hào-kiệt, thực là hay lắm, thực là phải lắm. Nhưng xem ra bây giờ, kẻ thì theo giáo Nho, kẻ thì theo giáo Thích, kẻ thì theo giáo Thiên-chúa, kẻ thì theo giáo Lão-quân, kẻ thì thờ đức Trần-hưng, người thì thờ bên Chư-vị, kẻ thì theo phép mường mán, người thì cúng cả tà ma, bóng thánh miệng phàm, lên đồng lên cốt, bán nọ tĩnh kia, khắp nơi dân-xã, chuông khuya trống sớm, vang cả hương-thôn; thậm có kẻ theo đạo nọ bỉ đạo kia, có người theo giáo kia công

giáo nọ, người cùng xóm hình như khác làng, người cùng nhà hình như khác nước, trong xã-hội thực là rối-loạn. Đó là điều tệ thứ hai.

3º Do ở học-thuật khiếm-khuyết. — Nước ta xưa học chữ tàu, nay học chữ tây, vốn là nước lấy nghề học làm trọng. Tự khi bãi khoa-cử trở đi, các con nhà phú-hào quyền-quí đua nhau đi học trường tổng, trường huyện, trường phủ, trường tỉnh, trường nhà nước, còn các trường hương-học thì thành ra văng-vẳng, dẫu có người muốn học, cũng không biết lấy chốn nào làm chỉ-qui, cũng không biết lấy học nào làm chuẩn-đích. Các nhà ngụy-duy-tân cùng bảo nhau rằng: Nước này nếu bỏ hết cả phong-tục đạo-đức mấy nghìn năm xưa, thì mới có thể bằng người khác. Các nhà chân-thủ-cựu cùng bảo nhau rằng: Nước này nếu cứ giữ tinh-thần đạo-đức phong-tục mấy nghìn năm trước, cũng đủ đứng ở đời này. Mấy cậu quốc-ngữ thiếu-niên, thì chỉ thuộc dâm-thư tiểu-thuyết; mấy bác nam-âm du-tử, thì chỉ lầu tình-thư diễn-đàm; còn các lẽ cổ-học tinh-ba, nên tổ-chức thế nào cho thiện-mĩ, các điều tân-thư tinh-túy, nên thu-tập thế nào cho hoàn-toàn, thì chưa có mấy người chú-ý, mà vấn-đề xã-hội học-vấn, cũng chưa mấy người nghị-luận thế nào cho hợp thời-nghi; ấy cho nên xã-hội học-thuật thành ra khiếm-khuyết. Đó là điều tệ thứ ba.

4º Do chính-trị những-lạm. — Phàm các người cầm quyền ở trong xã-hội, không những-lạm gì, may ra trong trăm người chỉ được một hai, còn những-lạm ra trong muôn họ kể hàng nghìn vạn, như là: phàm khi xã-hội có công việc gì, thì hoặc thu nhiều phát ít, làm ít xưởng nhiều. Cái mọt ăn ở một cây nào, thì chỉ hại riêng cho một cây ấy, nhưng gọi là bậc ông kỳ, ông lý, ông cựu, ông tân, ông tộc, ông hương, ông xã, mà ăn thì làm hại chung cho cả xã-hội. Xem như nhiều làng những việc bồ-bán đóng-góp thì bọn kia thông-đồng tác-tệ, lạm-bồ phú-thu, không những trừ bản-phận họ đi, họ lại co-quắp đem về nuôi con nuôi vợ, hễ có người biết tình-tệ ấy thì họ lại cả vú lấp đi. Có khi ỷ-thế quan-lại mà sách-nhiễu dân-tình, có khi nhờ tay lính-tráng mà đè-ép dân-đinh, có khi ỷ-thế thánh-thần mà xâm dân tài-hóa, có khi cậy quyền hào-trưởng mà chiếm dân lợi-quyền. Mấy năm nay các nhà kiến-thức cũng đã hô-hào để cải-cách đi. Chính-phủ cũng đã tùy dân-nguyện mà thi-hành rồi, bọn ấy bỏ cách những-lạm cũ đi, mà sinh cách những-lạm mới; dẫu có kính hiền-vi cũng chưa soi đến lòng gian-tư, dẫu có phương-châm chỉ-hướng cũng chưa biêm đến khúc tà-tâm. Đó là điều tệ thứ tư.

5º Do ở phủ huyện tham-ô. — Phủ huyện tham-ô, kể trăm điều tệ-đoan không thể sao nói xiết được, nhưng nói đại cương một hai điều. Tự khi có hương-hội đến giờ, phàm các giấy trình, vô-luận việc gì, đều phải có một đồng tiền trình, thì mới nhận xét, không thì không nhận, không những quan ăn một đồng, mà lại cũng ăn một đồng, lính cũng đòi năm bảy hào, nếu không thế thì có việc hàng năm bảy ngày, quan cũng không xét, lại cũng không nhận, lính cứ giữ mãi. Nay một việc kể biết bao nhiêu giấy thì mất bấy nhiêu tiền, dân biết mất bao nhiêu tiền phí-tổn. Ôi! dân dẫu có núi vàng bể bạc, cũng không thể nào đầy túi tham của bọn kia. Lại những khi quan lại về dân thì phải làm cơm thết-đãi mới được, không thì không được, không những quan ăn mà lại cũng ăn, lính-tráng cũng ăn, hương-hội lý-dịch cũng ăn, trong bữa ăn nào gà, nào lợn, nào chim, kể biết bao nhiêu tiền phí-phạn. Ôi dân dẫu có núi thóc

rừng tiền cũng không thể nào dẫy túi của bọn kia được. Không những thế thôi, lại còn tiền tiễn, sau khi xong việc lại còn tiền tạ, thì mới cho xong, không thế thì cứ để lôi-thôi mãi. Tệ-chính quan-lại tự khi chưa có hương-hội thì quan-lại lợi có một phần, mà từ khi có hương-hội thì quan-lại tốt kể có gấp mười gấp trăm. Như xưa chỉ có một hai người kỳ-lý đi việc quan, nay có việc gì thì cả hương-hội, cả lý-dịch, dân hại kể biết bao nhiêu. Dân hại nhiều điều, nhưng có hai điều tệ nhất: 1) Do ở quan-lại tham-ô; 2) Do ở cường-hào nhũng-lạm. Cường-hào nhũng-lạm, dân còn có thể kêu với quan mà bãi đi, nhưng quan-lại tham-ô, dân không biết kêu đâu mà bãi được. Đó là điều tệ thứ năm.

6º Do ở cường-hào ủng-tế. — Nay đám cường-hào ủng-tế ở chốn hương-thôn, có ai biết mà nói ra, thì họ lại dương nanh rẻo mỏ nói rằng: họ làm phân-minh lắm. Xem như việc bầu-cử, kẻ có học-thức tinh-tường, tính-hạnh cương-trực, thì họ không tuyển-cử ra, là vì không lợi cho họ; kẻ không học-thức mà tính-khí ngu-dốt, và có sản-nghiệp, thì họ lại tuyển-cử ra, là vì có lợi cho họ. Đó là ủng-tế người thông-minh trong xã-hội. Xem như việc ích-lợi hương-thôn, phàm những việc chữa đình, chữa chùa, xây cầu, xây cống, có lợi cho họ, thì họ mới làm; những việc mở trường học, mở chợ buôn, hay mở xưởng thợ, hay dắp đường sá, không lợi cho họ thì họ không làm. Đó là ủng-tế hành-vi ở trong xã-hội. Lại những khi trù-toán tài-chính ở hương-thôn, phàm những khi có việc công-an, công-ích, thì họ đều chấm mút, còn thì họ cũng không tính cho dân biết, hết họ cũng không tính cho dân hay. Đó là ủng-tế tài-chính ở trong xã-hội. Lại như đinh-điền ở xã-hội, phàm người dân có ruộng thì phải đóng thuế, đó là lệ thông cả nước, họ lại mưu ẩn-lậu đi, để ăn gian tiền thuế; người đến tuổi 18 thì phải đóng sưu, đó là lệ thông cả nước, họ lại mưu ẩu-lậu đi để ăn gian tiền sưu. Đó là ủng-tế về sự đinh-điền. Lại những khi biên-ký sổ sách ở trong xã-hội, phàm dân có thu phát chi tiêu việc gì, thì họ lại xê món nọ ra món kia, dân có cấp-liễm cung-nhu việc gì, thì họ lại xách khoản này sang khoản khác, biên-ký không phân-minh, chi-nhu không tường-tận. Đó là ủng-tế về sự sổ sách. Không những thế thôi, lại những hiến-pháp của quốc-gia điều-định cho dân, họ cũng không cho dân biết, tình dân oan-ức, họ cũng không bày cho nhà-nước hay; xã-hội sở-dĩ không thành ra xã-hội. Đó là điều thứ sáu.

7º Do ở Triều-đình cô-tức. — Nước ta xưa kia, dân đối với nước chỉ biết việc nộp thuế đi lính mà thôi còn việc quan hôn tang tế đều tùy ý dân, nên mỗi làng mỗi khác, có làng lệ nặng quá, có làng tục hủ quá, Triều-đình cũng không hỏi đến; mấy năm nay chính-phủ cũng đã cải-lương đặt ra hương-hội, đinh ra hương-ước, nhưng xét xem hương-thôn, thì trường học không ra trường học, chợ buôn không ra chợ buôn, dân cơ-hàn không có ai hỏi-han, dân tật-bệnh không thầy điều-tế. Đường sá dân bẩn, không ai đến để đốc-trách, nhà cửa dân siêu, không ai đứng bảo chữa-chạnh. Thời-thường có các quan về chỉ hỏi tiền quĩ, còn các sự lợi-bệnh hay phong-hóa, thì đều để gác ngoài tai; dân nào phong-thuần tục-mĩ, cũng không tưởng-lục đến, dân nào phong-đồi tục-bại cũng chẳng trừng-giới gì, xã-hội thành ra lại càng trụy-lạc. Đó là điều tệ thứ bảy.

8º Do ở hư-ứng tắc-trách. — Nước ta mấy nghìn năm trước mỗi làng mỗi tục, xã-hội thành ra không có phép-luật gì, nên sinh ra lắm mối tệ-đoan;

mấy năm nay nhà nước hết lòng khai-hóa, ra sức cải-lương, sợ rằng họ to lấn quyền họ nhỏ, nên mỗi họ đặt làm mỗi biểu, và bầu tộc-biểu để thay mặt họ, mà bàn các việc trong làng. Sợ rằng làng không có người biên chép văn-thư, nên đặt ra người thư-ký để biên chép các sổ-sách. Sợ rằng làng có tiền-nong không có người giữ-gìn, nên đặt ra người thủ-quĩ. Sợ rằng làng không có người đính-chính việc làng, nên đặt ra người chánh-phó hương-hội. Sợ rằng làng không có người canh giữ, nên đặt ra người xã-đoàn hương-trưởng. Đó là chính-sách đổi những tệ lý-dịch chuyên-chế trước, kể phép thì thực là hay lắm, nhưng xét xem có phép hay mà chưa có người hay: làng nào hương-hội có tân-kiến-thức, có tân-tư-tưởng, để làm công-ích cho xã-hội thì còn hơi khá, làng nào hương-hội không có kiến-thức, không có tư-tưởng gì, thường cùng thông-đồng tác-tệ, hại thay mặc làng, xã-hội lại càng nát lắm. Tiếng tuy thực-hành, đều là hư-ứng. Giả có người hỏi đến làng ta tự khi có hương-hội thì trình-độ tiến-bộ thoái-bộ thế nào? thì mặt ngay như ngỗng giả; hay hỏi từ khi có hương-hội đến giờ, thì dân-đức thế nào? dân-trí thế nào? dân-lực thế nào? thì mặt ngay như cán tàn. Có kẻ bảo rằng: xã-hội ta nát lắm, thì lý-dịch đổ cho hương-hội, bọn hương-hội lại đổ cho lý-dịch, đổ quẩn đổ quanh, không ai nhận lỗi, rồi lại nói tảng đi chuyện khác. Hết thảy ở hương-hội lý-dịch các làng đều là thế cả, xét cho kỹ ra thì bọn kia đối với dân, cũng mặc kệ dân, đối với nước cũng thấy phép nước, chỉ quí-hồ tranh lấy chiếu ăn ngồi trên xã-hội, ra thủ-đoạn áp-chế trong dân-thôn, khi đi nói dối quan, khoe mình thực ghê-gớm, khi về nói dối dân, khoe mình thực tài-đảm chén rượu đình-trung, ra tay võ-đoán, chầu ca điếm-sở, lên mặt hào-hoa. Những điều tệ-chính như cờ bạc, như rượu chè, như thuốc phiện, như trai gái, là hiến-pháp quốc-gia trọng-cấm, thì bọn hương-hội bọn lý-dịch lại công-hành; những điều hiện-chính như giáo-dục, như canh-nông, như công-nghệ, như thương-mại, là hiến-pháp xã-hội đại-kinh, thì bọn lý-dịch, bọn hương-hội lại phóng-khí. Đó là điều tệ thứ tám.

9o Do ở đảng-phái tranh-đoan.—Đảng phái tranh-đoan ở trong xã-hội, không những nước ta bây giờ có thôi đâu, dẫu xã-hội trong liệt-quốc Đông-Tây cũng đều thế cả. Những đảng phái xã-hội nước ta tranh nhau thực là lạ hơn các đảng phái xã-hội trong liệt-quốc, nay thử bày ra đại-thế mà xem. 1) Đảng thượng-lưu xa-hội là những người làm đàn anh có quyền-thế ở trong làng, đảng ấy thường hay đè ép những đảng hạ-lưu xa-hội mà tranh lấy lợi-quyền; 2) Đảng hạ-lưu xa-hội là những người đàn em có sức-lực ở trong làng hay thường chống-cự đảng thượng-lưu xa-hội ở những khi áp-chế. 3) Trung-lưu xa-hội, là những người khá-giả trong làng, thường hay điều-hòa với đảng thượng-lưu đảng hạ-lưu mà tranh lấy phần lợi lạc.— Lại lắm khi đảng thượng-lưu tranh nhau với đảng thượng-lưu, đảng hạ-lưu tranh nhau với đảng hạ-lưu, đảng trung-lưu tranh nhau với đảng trung-lưu; lắm lúc thượng-lưu tranh nhau với trung lưu, hạ-lưu cũng có; lắm lúc hạ-lưu tranh nhau với thượng-lưu cũng có; lắm lúc trung-lưu tranh nhau, với thượng-lưu hạ-lưu cũng có. Cái căn-bản tranh nhau hoặc vì công-danh mà tranh nhau, hoặc vì phẩm biểu mà tranh nhau, hoặc vì tài-sản mà tranh nhau, hoặc vì vị-thứ mà tranh, nhau cái mối tranh nhau dữ hơn hùm với hùm tranh nhau, mạnh hơn trâu với trâu húc nhau; khi đã tranh nhau hoặc có kẻ nhờ lấy sức quan-lại để cầu lấy thế được, hoặc có kẻ nhờ sức trộm-cướp để trả lại miếng thua, hoặc có kẻ nhờ sức vây nọ cánh kia

đề cự, hoặc có kẻ mượn tay bọn này tụi nọ đề kình, xã-hội thường đến bại-vong. Đó là điều tệ thứ chín.

10° Do ở dân-trí thô-thiển. — Xã-hội nước ta bây giờ, sở-dĩ bị quan-lại ức-chế, sở-dĩ bị cường-hào ủng-tế, thì bởi tại đâu? Cũng là bởi ở dân-trí chưa mở-mang. Nay xem người Âu-Mĩ Nhật-bản, tư-cách một người, trí-thức cũng nghiễm-nhiên biết được cả thời-thế; tư-cách mọi người trong xã-hội, trí-thức cũng nghiễm-nhiên tỏ cả việc trong ngoài; cho nên quan-lại không thể ức-chế được, cường-hào không thể ủng-tế được. Xem đến người xã-hội ta, tiếng tuy là nòi giống tiên-rồng, nhưng trí-thức toàn là khôn vặt; thực ở nước-non Quế-Tượng, nhưng trí-tuệ chưa có khôn đàn. Ở thời-kỳ thiên-diễn ganh đua, hơn được kém thua, gương sáng đã bày ra trước mắt, trong xã-hội còn lắm người mơ ngủ, chưa từng tỉnh dậy mà soi. Ở vận-hội địa-cầu xoay chuyển, mạnh lên hèn xuống, trống khua đã rộn cả bên tai, trong xã-hội còn lắm kẻ ù-lỳ chưa biết tỏ ra mà xét, chỉ nay tục giáp, mai lệ làng, không ai đến nơi cao sáng, sớm kỵ thần, trưa giỗ hậu, không ai tỏ nghĩa sâu-xa, nên Chính-phủ bỏ ô nọ bày ô kia, chỉ mệt lòng tính-toán, hết cách này bày cách khác, chỉ nhọc sức hội-đồng, mà xã-hội lại càng rối-loạn hơn trước. Đó là điều tệ thứ mười.

11e Do ở tuyển-cử không công-bằng. — Nước ta thì xưa, phàm những người có đức-hạnh thuần-hòa, có học-hành thông-thái, có sức-lực cần-cán, thì mới được tuyển-cử ra làm người đại-biểu trong xã-hội, uyển-nhiên như phép hương-cử lý-tuyển nhà Thành-Chu. Mấy năm nay tuyển-cử lý-dịch hương-hội, không kể chi đức-hạnh thuần-hòa, học-hành thông-thái, sức-lực cần-cán, chỉ quí-hồ nhiều su mà thôi, cường-hào được nhiều su đút lót, thì dẫu kẻ ngu-dốt lười-biếng dút-dát, họ cũng dắt-dìu ra làm, rằng thế là đủ tư-cách. Quan-lại được nhiều su khấn-lễ, thì dẫu người ngu-dốt lười-biếng dút-dát, họ cũng cho thế là hợp tư-cách. Còn những kẻ có học-thức, có sức-lực, có đức-hạnh mà ít su, có xin làm họ cũng mần-thinh, cho là không đủ tư-cách. Là vì kẻ nhiều su kia ra làm thì có lợi cho họ, kẻ ít su kia ra làm thì không có lợi gì cho họ, kẻ được làm kia, trước đã bị phải quan-lại cường-hào ăn đút lót, sau khi đó đắc-quyền đắc-vị ở dân, thì mới huy-hoắc dân, phàm sự gì cũng kiếm-chác, dẫu một vài đồng cũng lấy, dẫu một hai su cũng không từ, để bù lấy tiền mất trước, nên xã-hội tệ-đoan lại càng tệ lắm. Đó là điều tệ thứ mười một.

12° Có trị-pháp không có trị-nhân. — Nay các nước văn-minh trong thiên-hạ đặt ra có trị-pháp, thì phải có trị-nhân; xã-hội nước ta bây giờ cải-lương thì thực là trị-pháp, nhưng ra cải-lương thì chưa có mấy người trị-nhân. Xem như mọi người ra làm lý-dịch, ra làm hương-hội thì toàn là những người chưa có tư-cách tâm-thân, thường lắm kẻ tâm bất-chính, thân bất-tu, một sớm lên cầm quyền xã-hội thì nghĩ lắm điều loạn-chính; lại những kẻ chưa có tư-cách tự-trị gia-tộc, thường lắm kẻ gia-bất-hòa, tộc-bất-mục, một sớm lên làm chính xã-hội thì lại sinh lắm mối tệ-đoan. Không những thế thôi, có kẻ lúc bé lên năm, lên sáu tuổi, đi chăn trâu bò, mười-lăm mười-sáu tuổi đi theo trâu bò, không học-thức ngày nào, một sớm cầy có bò dắt, trâu giong, ra tranh quyền nơi xã-hội, phàm các sự cư-xử xét ra chẳng khác gì trâu bò; có người 15, 12 tuổi đi hôi tôm-tép, đến năm mười-tám đôi-mươi lại đi tát tôm-tép, không học-thức ngày nào, một sớm cầy có ao cá vườn cây,

ra giữ chính hương-thôn, phàm các sự hành-vi, xét ra đều muốn khua tôm tép. Vì vậy xã-hội dẫu có trị-pháp, nhưng gặp những bậc ấy, thì phép ấy cũng là hư-thiết mà thôi. Đó là điều tệ thứ mười-hai.

13º Do ở sinh-lợi ít mà phân-lợi nhiều. — Này người các nước văn-minh trong thiên-hạ, kẻ làm nghề học, người làm nghề cày, kẻ làm nghề buôn, người làm nghề thợ, hết thảy ai cũng là người sinh-lợi mà không phân-lợi. Không những không phân-lợi, mà sỉ làm người phân-lợi, mà hay ghét những người phân-lợi ; xem đến xã-hội nước ta thì ít người sinh-lợi, mà nhiều người phân-lợi, nay thử bày đại-lược ra xem.

1) Bọn khất-cái. — Khất-cái là gì ? là thứ người ăn mày ăn xin, thứ người ấy là những hạng lười biếng không chịu làm ăn, không hay tự-dưỡng mà hành-khất ở đường, người ta thương mà cho nó, nó nhiễm tục quen, bố đi ăn mày dắt cả con cũng đi, chồng đi ăn mày mà dắt cả vợ cũng đi, anh đi ăn mày mà dắt cả em cũng đi, làm hại cho xã-hội thực là to lắm, cho nên bọn ấy, nên ghét mà không nên thương, nên đuổi mà không nên cho.

2) Bọn đạo-thiết. — Đạo-thiết là gì ? là thứ người ăn trộm ăn cắp, bọn ấy là những người vô-thực-nghiệp, chỉ khi đi ăn cắp chợ, khi giật đường, làm hại cho xã-hội cũng to lắm, cho nên những bọn ấy cũng nên bắt mà không nên dung.

3) Bọn côn-biền. — Côn-biền là gì ? Côn-biền cũng là thứ người trộm-cắp, như đảng cờ gian bạc lận, cùng thầy bói bà cốt, thầy số, thầy lý, với những hạng người không biết thuốc mà cũng giả-mạo làm thuốc để kiếm ăn, thứ người ấy làm hại cho xã-hội thực là to lắm ; độc sâu hơn đám trộm-cắp, hại sâu hơn đám ăn mày.

4) Hạng tăng-ni. — Tăng-ni là bọn sư nam, sư nữ ; sư nam sư nữ, ở xã-hội nước ta bây giờ, toàn là hạng buôn trời bán Phật, không có mấy người được khoa-giáo chân-truyền, tu-hành chính-đạo, phần nhiều là hạng giả-dối các vãi trẻ các vãi già, về sự họa-phúc, để làm chốn dong-thân, làm hại cho xã-hội là to lắm ;

5) Lãng-tử. — Lãng-tử là gì ? là những bậc người chơi ngông, sinh-nhai chỉ uống rượu chơi hoa, giong xe ruổi ngựa, hút thuốc-phiện, hát ả-đầu, chơi chim bay, gà chọi, chó săn, đánh thò-lò, quay-đất, sóc-đĩa, tổ-tôm, ích-sì, súc-sắc, tam-cúc, tài-bàn, chắn, bất, chẵn-lẻ, vân-vân. Ngoại những việc ấy không có công việc gì, mà ăn tất kén mùi ngon, mặc tất kén sắc đẹp. Những thứ người ấy tuy chưa phải đến ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, đi dảo đi lừa, nhưng kết-cục trong sự ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, đi dảo đi lừa, cũng có lúc. Những thứ người ấy làm hại cho xã-hội rất là lớn lắm.

6) Thổ-hào hương-thân. — Thổ-hào hương-thân là gì ? là những hạng người quyền-thế trong xã-hội, hạng người ấy khi thì ỷ-thế quan-lại để quấy rối dân-tình, khi thì nhờ tay lính-tráng để đè ép dân-đinh, khi thì cậy quyền hào-trưởng để chiếm lấy lợi-quyền, khi thì tạ-thế quỉ-thần để thủ-dụng tài-hóa, phàm các công việc lấy cốc mõ không bằng gõ thớt, bọn ấy mưu thâm hơn trộm-cướp, gian-quyệt hơn côn-đồ, làm hại cho xã-hội rất là to lắm.

7) Hạng tham-quan ô-lại. — Quan-lại nước ta bây giờ hễ thuyên-chuyển đến đâu, không hỏi gì đến dân-chính tiến-bộ hay thoái-bộ thế nào, chỉ cần hỏi về dân đây làm việc quan tốt hay xấu, sự làm hại cho xã-hội ở điều thứ năm cũng đã nói đại-lược rồi. Không những tôi nói trách riêng quan-lại đâu ; này câu ngạn-ngữ đương-thời cũng có

nói: «Thương ôi! sinh buổi đời nay, cắp đêm là cướp, cắp ngày là quan». Xã-hội ta bây giờ bị phải quan-lại làm hại sâu lắm, nói không thể xiết được.

8) Cơ-binh lệ-binh. — Cơ-binh lệ-binh tức là lính cơ lính lệ; lính-tráng các nước cốt dùng để giữ nước giữ dân, lính-tráng nước ta thực là hại dân hại nước; xem như một tên lính cầm giấy, vô-luận việc gì phải hay trái, nào là hạch tiền sai, nào là hạch tiền trình, nào là hạch tiền sở hầu, nào là hạch tiền xe, nào là hạch tiền cơm nước; xem như một đội lính đi tuần, vô-luận là ngày hay đêm, cũng hạch tiền xe, tiền sai cũng là hạch tiền cơm nước; quan-lại được bao nhiêu, thì lính-tráng cũng được bấy nhiêu, làm hại cho xã-hội, lại càng to lắm.

9) Nhà sinh-tức. Nhà cho vay lãi. — Lệ nhà-nước cho sinh-tức đồng niên một đồng hai phân, mà các nhà sinh-tức, hoặc lãi năm, lãi tháng, lãi ngày, thường một đồng năm ba su một ngày cũng có, thường một đồng bảy tám su một tháng cũng có, người dân nghèo tùng thế tất phải vay, đã vay dẫu lãi thế nào cũng phải chịu, bọn có của cho vay kia, nhân lãi ấy ngồi ăn dưng mà có thừa, bọn phải vay kia, phải khó-nhọc để trả mà vẫn không đủ, đó là bọn phân-lợi trong xã-hội rất là lớn lắm.

10) Thực-khách. — Thực-khách là gì? là những khách hay đi kiếm bữa ở trong xã-hội, như nhà nào có kỵ có lạp, họ không phải kẻ thân người thích, họ cũng đến đánh chén; hay là không có công cuộc gì họ cũng rủ nhau thành quần thành đảng ăn chè uống rượu, có khi liên-miên hai ba bữa hai ba ngày, không những ăn hại mà thôi, lại còn đánh cờ bạc, hút thuốc phiện, hát ả-đào, nói toàn cách dài-các giả, phong-lưu mượn, khoe nhau là Thánh rượu hào cơm, tôn nhau là tài ca hùng phiện, lấy thế làm đủ mùi, lấy thế làm khoái-lạc, không những tự một mình đi chuyên-thực mà thôi, lại dắt cả năm mười người cùng đi một bọn, làm hại cho xã-hội kể biết bao nhiêu. — Ấy là điều tệ thứ mười ba.

14º Do ở xa-phí nhiều mà súc-tích ít. — Các nước văn-minh việc quan hôn tang tế hoặc dùng tiệc rượu, hoặc tiệc chè, hoặc dùng cảnh hoa, hoặc dùng văn diễn, cũng chỉ một tiệc giải-tán mà thôi, sở-phí cũng không là mấy. Xã-hội nước ta việc khao, việc cưới, việc tang, việc tế có đám tốn hàng trăm, có đám tốn hàng nghìn, có đám lôi-thôi năm bảy ngày, có đám linh-đình hàng nửa tháng; không những thế thôi, một năm và tiệc giỗ tốn kể hàng vài chục đồng, một năm năm ba ngày tết, tốn kể hàng và bốn chục, lấy làm làm được thế, thế là ở xã-hội có vinh-danh, lấy làm làm được thế, thế là ở xã-hội có văn-dự, kẻ này làm mời người kia thứ này, kẻ kia làm mời người này thứ khác, đắp đổi cùng nhau thành ra nợ miệng, ai làm được quá thì khen, nếu ai không làm được thế thì chê, lấy sức một nhà mà cung-cấp hàng nghìn hàng trăm người ăn cũng có, lấy của một nhà mà cung-cấp kể hàng trăm hàng nghìn người ăn cũng có, khách tới ăn được bữa no say cũng khen tấm-tắc, chủ thết tiệc được người ăn giúp lấy làm hả-hê. Thông xã-hội toàn-quốc mà tính, đệ-niên làng to cũng tốn kể hàng vạn, làng trung-thương cũng tốn kể hàng nghìn, làng nhỏ cũng tốn kể hàng trăm. Than ôi! lấy huyết-hãn hữu-hạn mà lấp ngòi-ngục vô-cùng, không có súc-tích gì cả, chợt gặp phải hồi nắng lớn nước to, thì sinh-kế rất là tiêu-tụy. Đó là điều tệ thứ mười bốn.

15e Do ở không có công-cộng hiến-pháp. — Nay xem xã-hội các nước văn-minh, không có một việc gì là không có công-cộng hiến-pháp, nói

về khi ăn khi làm, khi ngủ khi dậy, đều có định giờ, như năm giờ sáng thì dậy, bảy giờ sáng thì đi làm, mười một giờ trưa thì nghỉ một thì, mười hai giờ trưa thì ăn, đến một giờ rưỡi thì đi làm, năm giờ chiều thì nghỉ hết, bảy giờ thì ăn, chín mười giờ đêm thì ngủ, năm giờ sáng lại dậy, ngày nào cũng thế, đến thứ năm thứ bảy thì nghỉ nửa ngày, ngày chủ-nhật thì nghỉ việc cả ngày, suốt tự trên quan-lại dưới đến hàng phu xe cũng đều thế cả.

Nói về việc mặc thì tháng giêng, tháng hai, tháng ba đều mặc mùi xanh, tháng tư tháng năm tháng sáu thì đều mặc mùi đỏ, tháng bảy tháng tám, tháng chín đều mặc mùi vàng, tháng mười tháng một tháng chạp đều mặc mùi đen, ngày hưu-tức thì mặc mùi trắng ; lại có áo ngày thường ngày lễ khác nhau, áo mặc dài, mặc ngắn khác nhau, suốt tự quan-lại đến bình-dân đều thế cả.

Nói về việc cưới, con trai 26 tuổi, con gái 24 tuổi mới được phối-hợp với nhau ; việc kỷ-niệm thì chỉ một ngày, việc quốc-hội cũng chỉ một ngày ; việc tang thì hai mươi bốn giờ, việc khánh-hạ thì chỉ mấy giờ, toàn-quốc cùng đều thế cả.

Nói về giao-thiệp thì dùng tiếng quốc-âm mà có định giờ. Nói về phục-sức đều dùng quốc-phục, mà phân-biệt dấu hiệu. Nói về học-thuật thì đều dùng quốc-văn để học-tập. Nói về Tôn-giáo, thì dùng quốc-giáo để tuân-hành. . . . Nói về chính-trị thì thiện cả nội trị mà thiện cả ngoại-giao, thông-quốc trên tự quan-lại, dưới đến bình-dân lấy công-cộng hiến-pháp làm luật ngọc khoa vàng, không ai được trái, cho nên xã-hội các nước văn-minh, sở-dĩ nổi danh ở trong thiên-hạ cũng là vì có công-cộng hiến-pháp để làm phạm-vi. Xem đến xã-hội nước ta nói về việc làm, việc ăn, việc chơi, việc ngủ, có người làm cả ngày cả đêm, có người chơi cả ngày cả đêm, có người ăn trưa quá, có người ăn sớm quá, có người dậy sớm quá, có người dậy trưa quá, không có thời giờ nào cả ; nói về việc mặc, có người ăn mặc Tây, có người ăn mặc Tàu, có người mặc dài quá, có người mặc ngắn quá, áo mặc bốn mùa, không có phân-biệt, áo mặc khi thường khi lễ, không có phân-minh ; nói về việc hôn, thì có người lấy sớm quá, có người lấy bé quá ; nói về việc đình-đám hội-hè, có làng hàng nửa tháng, có làng hàng một tháng ; nói về chay ma khao cử, có nhà làm năm ba ngày, có nhà làm sáu bảy ngày ; nói về giao-thiệp, có kẻ pha-lẫn tiếng tàu, có kẻ pha-lẫn tiếng tây ; nói về học-thuật, kẻ bắt-chước tàu, người bắt-chước tây ; nói về tôn-giáo, người theo nho-giáo kẻ theo lão-giáo, kẻ theo Phật-giáo, kẻ theo thần-giáo, rất là hỗn-tạp ; thông-quốc trên tự quan-lại, dưới đến bình-dân, không có công-cộng-hiến-pháp làm dây ngay mực thẳng cùng theo. Ấy cho nên xã-hội ta sở-dĩ mang tiếng suy-đồi lụn-bại ở trên địa-cầu là vì không có công-cộng hiến-pháp để làm chuẩn-đích, nên mỗi làng mỗi tục, mỗi thôn mỗi khoán, tiếng cùng một nước, hình như cách trung-dương, tiếng cùng địa-phương, hình như người khác nước, so với xã-hội các nước văn-minh, không đợi đến trường thuốc mây đạn gió, mà sự thua cũng đã hình hiện ra rồi. Đó là điều tệ thứ mười-lăm.

. . .

Nói tóm lại xã-hội ta sở-dĩ hủ-bại kể cũng nhiều điều, nhưng không ngoại 15 điều đó. Bây giờ cải-lương chưa được đến hoàn-toàn thiện-mĩ, ấy là tại phép chưa đến hay vậy dư?

hay tại người chưa được giỏi vậy dư? Giáng là phép cũ hãy còn, mà phép mới chưa làm được, người cũ hãy còn, mà người mới chưa có, cũng như cây kia quả xanh còn xanh, quả chín chưa chín, thời-kỳ giao-giới, quá-khứ ấy chưa đi, vị-lai ấy chưa lại, cựu xã-hội hủ-bại kia há chả phải là một trở-lực cho tân-xã-hội cải-lương bây giờ dư? Bây giờ xã-hội nước ta không muốn cải-lương bằng xa-hội các nước văn-minh thì thôi, nếu như muốn bằng xã-hội các nước văn-minh, thì trước hết phải trừ bỏ những điều hủ-tục khi quá-khứ khi hiện-tại đi, mà bảo-tồn lấy thuần-phong mĩ-tục khi quá-khứ khi hiện-tại của mình lại, và lại đổi hết những lệ tập-quán cựu-nhiễm của xã-hội ta khi quá-khứ khi hiện-tại đi, châm-chước những điều tự-trị hiến-pháp của các nước văn-minh khi hiện-tại khi tương-lai lại, dựng làm xã-hội công-cộng hiến-pháp, để công-cộng xã-hội cùng theo, thì họa sau này xã-hội ta cũng có thể bằng xã-hội bên Âu bên Mĩ được. Vậy tôi là người trong xã-hội, không biết mình là ngu-hủ, mục-kim trông thấy xã-hội hủ-bại có lẽ nín lặng mà chẳng nói ra, chẳng nói ra thì có tội với thiên-hạ đời sau, nói ra thì có tội với xã-hội, xin đem lẽ sô-nghiêu, trích-thủ những điều xã-hội tinh-túy của tổ-quốc nước ta xưa, và thái-thủ những điều xã-hội tinh-ba của Thái-Đông-Tây, thảo làm một tập « Tân xã-hội tự-trị hiến-pháp » để cống-hiến quốc-dân và dâng trên chính-phủ thính-dụng, nhờ các xã-hội thi-hành, gọi là tư-tưởng của ngu-giả, nghìn điều nghĩ họa chăng cũng được một điều.

Đến như bảo rằng Khoa-học đấu-mĩ với các bậc hiền-triết xưa nay, thì lẽ đâu dám thế. Vậy nay nên cầm bút rửa nghiên thảo ra các mục sau này. Có điều nào ngu-giả chưa kịp, xin hải-nội chư quân-tử bổ thêm, có điều nào ngu-giả nghĩ chưa được, xin xã-hội các danh-nhân phủ-chính, để làm gương « tân xã-hội » cùng chiếu, làm đèn « tân xã-hội » cùng soi.

(Còn nữa)

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU (1)

VII

CHƯƠNG THỨ III

XÉT VỀ ĐỜI MINH

TIẾT THỨ I. — *khái-luận*. — Cố Đình-Lâm có dẫn bài luận về phong-thổ rằng : « Đời nhà Minh thâm-nhân hậu-trạch trải mấy đời thái-bình vui-vẻ, thực là thịnh lắm. Khi bấy giờ nhân-dân đều được no đủ, ở thì có nhà, cày thì có ruộng, kiếm củi thì có rừng, trồng rau thì có vườn, phu-phen không phiền-nhiễu, trộm giặc không quấy rầy, trai gái cưới xin đều phải thì, xóm làng làm ăn đều yên nghiệp, đàn bà thì làm việc canh cửi, con trai thì theo việc cung tên, đầy-tớ thì đỡ việc khó-nhọc, xóm giềng thì ăn ở hòa vui, thực có cái di-phong đời Tam-đại, có phải chỉ như đời Thái-bình nhà Tống, đời Trinh-quán nhà Đường, đời Văn Cảnh nhà Hán đâu. Khi ấy thói trá-ngụy chửa manh, tục tranh-kiện chửa khởi, chửa nhiễm thói phân-hoa, chửa đến nỗi xa-xỉ, thực là đương mùa sau tiết Đông-chí trước tiết Xuân-phân. Sau dần đến năm Chính-đức Gia-tĩnh thì lại hơi biến khác, không trọng việc ruộng nương, chỉ xuất của đi buôn bán, khởi lên sút xuống bất-thường, người giỏi mới khá, kẻ vụng đã suy, nhà bên đông mới giàu, nhà bên tây đã kiết, hơn kém nhau không đều, chỉ đua tranh từng tí, lấn cướp lẫn nhau, khoe-khoang tự-đắc, từ đó mới manh ra trá-ngụy, khởi lên tranh kiện, nhiễm thói phân-hoa, đua nhau xa-xỉ, thực là đương mùa sau tiết Xuân-phân, trước kỳ Hạ-chí. Kịp đến cuối đời Gia-tĩnh đầu năm Long-khánh thì lại càng khác xa lắm, kẻ trục-mạt mà giàu càng nhiều, thì kẻ vụ-bản mà giàu càng ít đi, người nào giàu lại càng giàu thêm, nghèo lại càng nghèo mãi, đã sa-sút thì lụn-bại, khởi lên được thì xưng-hùng, tư-bản chuyên làm của riêng, hằng-sản không ai có sẵn, chỉ đi buôn-bán tơi-bời trách cầu nghiêm-khắc, kẻ gian-hào làm biến-loạn, kẻ hoạt-lại thì xâm-lấn, bởi thế trá-ngụy như ma-quỉ, tranh-kiện như mộc-mác, phân-hoa đua nhau như nước chảy, xa-xỉ vứt đi như gò đống, chính như đương mùa sau tiết Hạ-chí trước tiết Thu-phân. Đến nay hơn ba-mươi năm thì lại càng khác lắm, kẻ giàu ấy trăm người mới có một, kẻ nghèo ấy trong mười người đến chín người, non-nước một ngày một sa-sút, không kể sao xiết được, chính như đương mùa sau tiết Thu-phân trước tiết Đông-chí. Xem thế thì đủ biết suốt được phong-tục đời nhà Minh.

2° *Quan-tư kiêu-hoạnh*. — Yên Mậu-Khanh cậy cái thế của Nghiêm Tung được làm quan Tổng-lý diêm-chính đất Lưỡng-hoài Hà-đông, khi đi kinh-lược trong tỉnh thường đem vợ cùng đi, có làm ra cái kiệu ngũ-thái, sai mười hai đứa con gái rước đi. Trương Cư-Chính khi được chỉ vua rước đám ma về thì từ quan Bố-Ấn trở lên đều phải quì đón, quan Tuần-phương ngự-sử phải đi tiền-khu. Quan phủ Chân-định là Tiền Phồ có chế ra cái kiệu ngồi mặt trước có hiên mặt sau có mái, bên cạnh có bao-lơn để cho trẻ

(1) Lược-dịch theo sách « *Trung-quốc phong-tục sử* » của Trương Lượng-Thái 張亮采. — Xem N.-P. từ số 111.

con đứng hầu, phải dùng đến 32 người phu để khiêng kiệu, qua đến đâu phải cung-đốn thức ăn đến hàng hơn trăm phẩm - thực, mà còn cho là không thỏ dũa vào thức nào ăn được. Nguyên ngươi Phồ là người Vô-tích hay khéo làm thức ăn đất Ngô, Trương Cư-Chính ăn lấy làm ngon lắm, nói rằng : Ta đến đây mới được một bữa no. Bởi thế những người nào biết nấu bếp ở đất Ngô đều phải triệu-mộ về làm bếp hết cả. Ôi ! Cư-Chính là người hiền mà còn như thế, thì Uông Trực, Nghiêm Tung, Ngụy Yêm mà kiêu-hoạnh cũng chẳng lạ gì. Than ôi ! quan tư đời nhà Minh bại-hoại đến như thế.

3o *Kẻ tài có thói kiêu-ngạo phóng-đãng*. — Truyện Văn-uyển đời nhà Minh có chép trong đất Ngô có lũ Chúc Doãn-Minh, Đường Dần tài-tình nhanh-nhẹn, đã nức tiếng, nhưng phóng-đễng không giữ-gìn, thường vượt ra ngoài danh-giáo. Nay xét truyện Đường Dần có yêu mến đứa thị-tì nhà quan học-sĩ Hoa Hồng-Sơn, mới lộn sòng vào làm đứa đầy tớ lấy được nó ra, sau lộ truyện, quan học-sĩ phải sắm đồ cưới để gả cho. Văn Trưng-Minh chữ tốt vẽ khéo nhất một thì, các nhà vương-hầu đua nhau tặng cho báu ngọc. Ninh-vương Thần-Hào mộ cái tiếng Dần và Trưng-Minh đưa hậu-lễ để mời đến. Trưng-Minh không thèm đến, còn Dần thì giả-cách rồ cút về. Lại như Tang Duyệt làm quan Huấn-đạo, quan Học-sứ cho đòi, kẻ lại giục đi. Duyệt giận nói rằng : Thiên-hạ lẽ nào lại làm bách nhau thế ! Hẹn ba ngày nữa mới vào yết-kiến chỉ đứng vái dài một cái mà thôi. Vương Đình-Trần khi làm quan ở Dụ-châu, có quan Tuần đi qua vào cõi, có ý hách-dịch dậm dọa, Đình-Trần giận lập-tức tan đuổi quân lính về không ung-chực nữa, quan Tuần phải túng-quẫn mà đi. Bởi thế các quan Giám-ti đều răn bảo nhau chớ đến cõi Dụ-châu nữa. Khang Đức-Hàm khi làm lễ sinh-nhật 60 tuổi có triệu đến một trăm ả con hát để làm hội bách-niên, sau đều viết giao cho chữ tiền-lịnh, cho đi đưa đến các vương-phủ đều được hậu-tặng cả. Tạ Chăn được Triệu Mục-Vương lấy lễ hậu-đãi, Vương sai nàng Giả Cơ gẩy đàn tì-bà hát bài *trúc-chi-từ* của Tạ Chăn làm ra, hát xong rồi, lập-tức đưa ả ấy tặng cho Chăn. Suốt cả phía nam bắc sông Đại-hà đều gọi là Tạ Chăn tiên-sinh. Ấy những cái thói cậy tài ngạo vật ngông-nghênh không giữ-gìn như thế, thì đáng là phải tai-vạ. Thế mà tiếng tăm lừng-lẫy, đi đến đâu đón rước, không những các bậc đạt-quan qui-nhân sợ nghênh-tiếp không kịp, cho đến các bậc chư-vương cũng lấy được giao-tiếp làm may, chỉ sợ không được gặp, xem thế khá biết khoảng giữa đời Minh thế-vận thăng-bình, vật-lực phong-phú, cho nên những kẻ văn-nhân học-sĩ được tự-do ngông-nghênh ở chốn bể rượu đàn thơ, cũng là một thịnh-sự.

4o *Kẻ hào-cường cậy thế ngược-dân*.—Phong thói đời nhà Minh không những các quan địa-phương riêng phải người đi thâu thuế cán-rỡ, dân không kham chịu nổi. Mà đến những kẻ tấn-thân ở trong làng cũng hay cậy thế thị-cường, coi kẻ dân hèn như cá thịt, tàn-hại lẫn nhau, dân không biết kêu vào đâu được. Lại như truyện Dương Sĩ-Kỳ có chép con Sĩ-Kỳ là Tắc khi ở làng thường xâm-bạo giết chết người, quan Ngự-sử hặc tâu lên vua, vua lấy tờ tâu bảo cho Sĩ-Kỳ biết, mà triều-đình cũng không bắt tội. Lại có người phát-giác tội ngươi Tắc làm tàn-ngược đến và mươi việc, mới sai bắt hỏi. Sĩ-Kỳ vì già yếu mà phải bị kiện, thiên-tử không nỡ, thương hại cái ý ông ấy xuống tờ chiếu ủy-dụ. Sĩ-Kỳ bèn cảm khóc. Xét khi ấy Sĩ-Kỳ đương làm Thủ-tướng mà con làm

cần bị phải Ngự-sử hặc tâu lên vua, lại bị phải dân kiện thế thời tàn-ngược tệ lắm vậy. Lại như truyện con Lương Trừ là Thứ-Sưu làm chức cẩm-y bá-hộ, khi ở nhà thường cùng với người phú-hộ là Dương Đoan tranh ruộng của dân, Đoan giết chết người điền-chủ, Thứ-Sưu bèn diệt cả nhà Dương Đoan đến hơn một trăm mạng. Vua Võ-tôn vì nể Lương Trừ, chỉ đem đầy Thứ-Sưu ra ngoài biên để cho lập công chuộc tội. Sách *Triều-dã-dị-văn-lục* có chép Thứ-Sưu có cái thói hay bó buộc cánh tay hoặc đùi vế hoặc âm-hành người ta làm cho đau-đớn, lại lấy kim đâm để cho máu vọt cao lên mấy thước, thì mới lấy làm sướng. Xem đó thì lại tỏ cái tính tàn-ngược thậm-tệ. Lại như Tiêu Phương cai-trị mấy quận Tác-Lao, khi Phương khởi-công làm dinh-tòa rực-rỡ, thì dân mấy quận ấy phải chịu phu-dịch cực-khổ. Cơ Văn-Doãn khi làm tri-huyện Đằng, có giặc Bạch-liên nổi lên, dân đều đi theo giặc cả. Văn-Doãn hỏi dân sao lại theo giặc? thì dân đều nói rằng bởi tại Đồng-nhị gây ra tội vạ. Đồng-nhị là con quan Tuần-phủ Đồng Quốc-Quang, ở làng rất là bạo-ngược, dân không thể chịu được, đến nỗi phải cam-tâm theo giặc, xem thế thì biết độc-ác tệ lắm. Sách Lương-gia mạn-sao có chép chuyện quan Thượng-thư họ Tiền ở Tùng-giang khi làm nhà sai bắt phu làng phục-dịch, ngói gạch cũng bắt phu-dịch phải nộp. Có một tên phu già gánh gạch đến sau. Tiền mắng trách. Tên phu thưa rằng: Tôi vì đi lấy tự mồ Hoàng-hãn về, đường xa quá cho nên mới về chậm. Tiền càng nổi giận bảo rằng: Mồ Hoàng-gia là ta sai xây đó. Gạch ở đấy cũng lấy ở mồ cũ đem lại, sao mày lại lấy đi. Xem thế thì biết cái thói các nhà quyền-thế bắt dân phục-dịch khổ lắm. Lại còn chuyện Cố Bỉnh-Khiêm ở Côn-sơn y-phụ với Ngụy Trung-Hiền được vào làm quan trong các. Sau Trung-Hiền bại, Bỉnh-Khiêm về ở nhà. Dân Côn-sơn xông vào đốt nhà Bỉnh-Khiêm. Bỉnh-Khiêm may nhảy xuống cái thuyền đánh cá trốn được. Khi ấy Bỉnh-Khiêm đã thất-thế, dân họ khinh-nhờn đã đánh đi rồi. Còn như Châu Diên-Nho ở Nghi-hưng đương lúc làm tướng, Trần Vu-Thái đương làm Hàn-lâm, con em hai nhà ở trong làng cực-kỳ tàn-bạo. Dân Nghi-hưng tức giận không làm thế nào được, nó dám đem đào mả tổ nhà Diên-Nho, lại đốt cả mồ nhà Vu-Thái. Vương Ứng-Hùng khi đương làm tướng, người em là Ứng Hy ở làng cực kỳ kiêu-hoạnh, người làng rủ nhau vào cửa khuyết đánh trống đăng-văn, dâng tờ trạng lên kiện đến hơn bốn trăm tám mươi tờ, kể tham-tang đến hơn một trăm bảy mươi vạn, như thế thì thực là độc-ác kết-oán với dân lắm vậy. Khi Ôn Thể-Nhân đương cầm quyền trong nước, Đường Thế-Tế làm Đô-Ngự-sử, đều là người làng Ô-trình, người làng đi ăn cướp ở Thái-hồ về thì đều lấy hai nhà quan trên ấy làm nơi sa-chủ, quan binh bị là Phùng Nguyên-Dương có nã bắt được đứa cừ-khôi, lại chính là con nhà họ ông Thế-Tế. Thế thì ra các họ nhà quan vẫn che-chở cho bọn giặc. Lại có lệ đem hiến cả điền-sản, kẻ gian-dân thường lấn cướp điền-sản của người đem hiến cho các nhà quyền-thế, nhà quyền-thế họ chiếm giữ mất cả. Như là trong năm Thiên-thuận Tăng Huy làm quan Bố-chính ở Sơn-đông những nơi nào dân mới khẩn-điền ra mà chưa nộp thuế, thì những kẻ gian-dân trỏ làm ruộng nhân-điền, đem dâng cho họ nhà quí-thích, Tăng Huy đều bắt đem trả lại dân. Đất Hà-nam gần sông Hoàng-hà có nhiều đất bồi dân đến khai-khẩn, kẻ gian-dân lại trỏ làm nơi đồn-điền của Chu-vương-phủ, đem hiến cho vương để cầu thưởng, vương đều chiếm giữ lấy cả, Nguyên

Kiệt xin đem bắt tội kẻ hiến ruộng và bắt tội cả kẻ nhận ruộng. Ở đất Gia-định Thanh-phố có người Chu Tinh-Khanh vốn là người hào-hiệp, khi ấy có một người quả - phụ cũng có điền-sản ít nhiều ; con còn nhỏ dứa cháu đem điền-sản ấy ngầm hiến cho một nhà có thần-thế, nhà thần-thế ấy đương ngồi trên mui lâu-thuyền dân sáo đi đến để chực xem xét điền-trang của nhà gái goá, Tinh - Khanh nổi giận bất-bình họp lấy mấy người khỏe mạnh xông ra chực đánh trói, bọn thần-thế sợ hãi phải cút đi. Truyện ấy thưa đến quan, may gặp quan huyện mới là Hàn-mỗ có ý nên kẻ cường mà bênh-vực cho kẻ yếu, bèn cho việc Tinh-Khanh làm là thẳng. Xem thế thì biết cái ác-tập lúc bấy giờ hay đem hiến điền-sản cho nhà quyền - thế, may cho nhà gái-góa ấy nhờ được Chu Tinh-Khanh và quan huyện Hàn mới được kiện mà giữ lấy điền-sản, còn những nhà tiểu-dân khác bị phải lũ cường-hào họ chiếm mất ruộng-nương không thể nào kể cho xiết được.

5º *Quan - dân giao - thông.* — Xem như Châu Chu, Hồ Mộng - Thông, Quách Bá-Cao, Lý Tư-Tiến, Cao Bân, Lưu Úc, Kỳ Duy-Chính đều là những người bị tội mà phải bắt đổi đi, thế mà dân đến cửa khuyết tâu nói có nhiều chính-tích hay xin lưu ở lại. Lại còn lũ Dư Ngạn-Thành, Trịnh Mẫn đến mười người bị tội phải bắt giam vào ngục, thế mà những người dân kỳ-lão đem kể chính tích hay ra tâu cho Vua nghe, Huống Chung thì nhân có tang phải cáo về, Trần Bản-Thâm thì đã mãn hạn phải về, thế mà dân xin lưu ở lại vua đều cho cả. Khi Quách Tiến làm quan Thượng-thư bộ Lại sợ trong sổ bộ quan có nhầm lẫn xin xét hạch cả lại, từ đấy mới có lệ xét hạch. Đời vua Tuyên - tôn nhân có Lưu Địch, Vương Tụ xui kẻ lại-dân làm tờ ái-mộ lưu lại, thì đều giao xuống cho quan Hữu-ti xét thực, vì là những kẻ lại-dân thuộc hạt lâu ngày cũng sinh tệ không thể tin lời hết được, mà những người làm quan như Lưu Địch, Vương Tụ xui dân ái - mộ mình cũng nhiều. Vả lại thời nhà Đường đã có kẻ xui giục lại-dân dâng thư lên kể bày những chính-tích hay, để xin khắc bia kỷ-niệm công đức, cái thói đạo thẳng của đời Tam-đại không còn, chỉ có một vài kẻ tư-nhân vì cái cảm-tình mà dua nịnh các quan, mới làm ra những việc ái-mộ xin lưu và dựng bia để kể công - đức. Lại còn những kẻ tham-quan ô-lại chính-tích đã chả ra gì, lại còn đút lót dân xui giục dân để cho nó tán-tụng mình, vì thế dân không được người trên tin lời nữa, thì tình dân không được đạt lên mà cái chính-tích tuần-lương của các quan cũng không tâu đến tai vua nữa, khá tiếc lắm thay !

6º *Kẻ gian-hào lại-dịch và thói kiện-tụng.* — Huyện An-dương phủ Chương-đức những kẻ quân-hiệu thường ở lẫn cả với dân trong làng, nên nó dễ làm phạm pháp, bắt nó thì nó trốn lẩn, thực là khó chịu. Võ An-Thiệp có lập các ấp ở khoảng núi, dân ở đấy hung-hăng mà hay đi kiện cáo. Phong-tục ở Tô-châu thì thực là hiểm-giảo dữ-tợn, quan trên muốn xét những kẻ hào-cường trong làng xóm thì phải mượn người làm tai mắt, nhưng lại bị những kẻ gian-nhân nó tinh quái, nó muốn hại ai thì nó đem tiền đút lót ngầm, lại kể bịa đặt những tội-trạng những nhà nó oán-thù để cho mắc vào tội-lệ. Đến khi đối-chứng quan trên dẫu biết rằng người ấy oan, nhưng không thể tha được, kẻ gian-nhân vì thế tự-đắc bảo rằng cầm cả cái quyền sinh-tử một huyện ở trong tay mình. Kẻ quan trên cũng hay nghe tin những lời khen-chê

cho đi do thám để bắt, gọi là thói «phóng hành 放 行». Kẻ ác-thiếu trong các phố phường làng xóm thì lại cậy dũng-lực mồm mép, kéo đàn từng lũ năm lũ mười đi xâm-bạo người ta. Ai muốn làm hại người nào thì lại đút lót cho lũ ấy kéo đến nhà thù gây sự ra đánh nhau, lại vu cho những lời nọ kia, rồi lấy người trong đảng nó làm chứng tá, nếu không cho bọn ấy tiền lụa thì không thể gỡ ra được, gọi là cái thói «đả hành 打 行». Lại còn thói kiện cáo lôi thôi, nếu một nhà có việc, thì trong làng chia ra từng đảng, hoặc vài mươi người làm một đảng, góp vài mươi việc lại làm tờ trạng để đi kiện, cái thói kiện ấy không phải là thực có oan-ức gì chẳng qua chỉ là cả thịt làm hại lẫn nhau để cầu lợi, gọi là cái thói «liên danh đầu trình 連 名 投 呈». Lại còn thói trắng-trợn bắt nạt lẫn nhau, chỉ vì vay mượn không được mà sinh sự, nếu trong nhà kia có một người chết thì nó đi cáo quan cấm làm ma, không chịu ra thì phải đến khám-nghiệm, nếu đã đến khám-nghiệm thì có khi tan cả cửa nhà. Án nhân-mạng thì không cứ là thực-giả chỉ tin ở đứa nguyên-cáo mà bắt tra hỏi mãi. Tục ở Sơn-đông thì nhiều người ở chung với các nhà có bếp nấu muối, sau kẻ kiệt-hiệt muốn xâm-lấn kẻ ngu-hèn, thường mượn cớ có sổ bếp nấu muối chiếm nhận cả nhà đất đem kiện đến quan Vận-ti. Sở Vận-ti đi xa-cách đến mấy mươi dặm đường, hễ động trát sức về đòi hỏi, thì họ hàng khóc-lóc tống-biệt như đưa đến nơi pháp-trường, người bị đòi đến nơi thì đem giam ngầm vào một nơi, không biết kỳ nào đem đối sổ ra để tra xét, mà bị giam giữ đấy thì tiền cơm ăn không có, lôi-thôi đến hàng năm hàng tháng, có lắm người phải bị giam trói mà đến chết. Đất Tào Tích gần đây giá ruộng bội-tăng mãi lên, vậy nên dân-gian kiện-tụng thường vì việc chuộc ruộng. Sau có sức cấm không được kiện về việc ruộng nữa, thì những kẻ điêu-ngoan nó lại kiện vu-vơ lẳng-nhẳng không nói gì đến việc chuộc ruộng cả. Kẻ lương-dân thì không quen đối-đáp và không biết biện-bạch ra làm sao, thậm-chí có nhà vợ con phải gạt nước mắt mà đem văn-khế ruộng đất vứt trả cho nó. Cũng có người vào đút-lót được đến quan mà cãi cho ra, thì kẻ vu-cáo phải bị tội, nhưng hai đảng cũng đều hết cả. Huyện Vĩnh-khang ở Tích-giang, cái thói kiện-tụng lại càng tệ lắm, dân-gian hễ hơi thất-ý một tí là đem đi kiện nhau, kiện thì tất cầu cho được, nếu thua thì lại kiện kỳ-cùng. Tranh kiện nhau chỉ một việc nhỏ mọn mà chi-man ra lôi-thôi lắm. Kẻ phát đơn đi kiện thường kể đến và mươi việc, kéo nhau lên tỉnh-thành mỗi người cầm và lá đơn, vào sở quan tuần-phủ thì kiện là bị kẻ hào-cường ăn hiếp, vào sở diêm-chính thì kiện kẻ buôn lậu, ở dinh quan binh thì kiện về việc bắt lính ăn tiền, ở phiên-ti thì kiện về việc lạm-bổ lương-thuế, ở Niết-ti thì kiện về việc cướp bóc nhân-mạng, kiện về đường thủy-đạo thì kêu là ứ-tắc, tùy từng nơi nó đưa đơn vào kiện, chỉ mong nhận đơn tra hỏi cho, dẫu rằng kiện vu kiện láo cũng không sợ, chỉ cốt làm cho kẻ bị-kiện tan cửa nát nhà thì thôi. Lại còn những kẻ gian-ác độc ngầm, trên không hay học thông được kinh-thuật, dưới không hay yên theo nghề vườn ruộng, chỉ lấy tài tinh-thông theo nghề đao-bút đi làm lại, bịa không làm có, cất nhẹ làm nặng, hễ người nào mắc vào tròng thì không thể gỡ ra được. Phàm những người hại về kiện-tụng là bởi tại bọn tơ-lại nó bới móc ra cả. Hoặc có người biết ra mà chỉ-trích cái ác của kẻ tơ-lại, thì nó lại tìm cách khác mà làm hại, cho đến quan trên dẫu biết nó có cái khóe gian-ác ấy cũng không thể làm thế nào được. Ở chốn tỉnh - thành

những người đi làm chứng-tá lại là láng diềng với những nhà bị kiện, nên thường bênh-vực cho nhau, có khi khai gian ra cho loạn cả phải trái, hoặc che đậy giấu đi, khiến cho tình-thực không được đạt lên cho quan trên biết. Hoặc có người nào trái ý chúng mà tỏ ra thực, thì chúng nó lại họp đảng mà đánh. Vậy nên nhà nào mắc việc kiện tụng, thì tất phải dút lót những kẻ kiệt-hiệt nó đi làm chúng tá cho để làm vây cánh, có khi chửa đến của quan mà tốn kém đã mất vô-số, kẻ nghèo vì thế mà phải khốn-đốn thậm tệ. Thói ở Cửu-giang đi kiện thì rất bậy-bạ, chỉ có những cái kiện cướp trộm và kiện án mạng giết người. Án mạng thì phải đem thây đến khám-nghiệm hoặc đem ra đến cửa làng hoặc đến cửa thành khám-nghiệm đến hết ngày mới thôi, tờ trình khám-nghiệm với đơn kiện hợp nhau thì mới hỏi, nếu không hợp thì để đơn kiện đấy không hỏi đến nữa. Còn như kiện về việc trộm cướp thì vốn là trộm lại kiện là cướp, hoặc chửa trộm được thì cũng kiện là cướp mất rồi, hoặc gác bỏ tích trộm đi mà trỏ là thù, hoặc kiện vu là thông với kẻ cướp để ăn tiền, hoặc đi nã bắt kẻ cướp mà lại tha, hoặc cả làng bắt được kẻ cướp mà nhận làm công mình, hoặc dung cho kẻ cướp để làm lợi riêng, những việc ấy không thể kể xiết được. Lại như những kẻ sĩ-phu ở châu Miện-dương thì thường tan đi ở các nơi thành-thị, lúc mới thì còn quen với những kẻ đài-ngũ là những kẻ còn nhỏ, sau giao-kết với những kẻ tơ-lại để làm gian-giảo kiếm lời, đã thành vây cánh rồi thì thần-thế cũng khỏe, hễ những kẻ nào có đi kiện thì ở giữa nhận của dút để giao-thông, lo lắng việc kiện-tụng cho người, hễ có tiền hối-lộ thì kiện nào cũng được. Ăn tiền hối-lộ càng ngày càng giàu mãi lên, thì lại sai đồ-đảng mình ra làm những kẻ tơ-lại ở châu hay ở quận, rồi lại lấy của dút lót giao-thông với những kẻ tơ-lại ở đài-tỉnh. Những kẻ tơ-lại ở đài-tỉnh thì tin ở những kẻ tư-lý ở các quận, nên lại phải lấy của dút lót những kẻ tư-lý, bọn họ đã có bè đảng đi dò các việc bày vẽ ra để ăn tiền. Những điều hay điều dở của các quan trưởng-lại thì tùy họ muốn nói hơn nói kém cho thế nào cũng được, các quan trưởng-lại thường phải sợ bọn tơ-lại, có khi họ coi khinh cả quan trưởng-lại, quan trưởng-lại đến thì họ tiếp-đãi một cách như chủ khách, họ cứ việc khua múa văn-phép làm gia giảm tội người không biết đâu mà kể được. Mỗi năm các châu huyện lại lấy thêm thuế ra và nghìn để cho đầy túi tham, coi như là một sự thường vậy. Kỷ-cương phong-tục bại-hoại tệ nhất là đất Sở, từ khi có các quan to bị phải cách chức trở về, đại-thế suy kém mãi đi, kẻ sĩ-phu phải ngồi im lặng, kẻ tơ-lại không còn sợ hãi gì cả, không khác gì con cáo đục ở bờ thành, con chuột đào ở nền xã, đào khoét không sót một tí gì. Đến sau quyền-thế một ngày một sa sút lại sinh ra một bọn dân hoạnh-ngược chia ra có sáu hạng : 1° thổ-hào 土豪 là những người hào-cường ở chốn thôn quê ; 2° thị-khoái 市 儈 là những kẻ tinh quái ở chốn chợ búa ; 3° tụng-sư 訟 師 là những kẻ thầy cò thầy kiện ; 4° phỏng-oa 訪 窩 là những kẻ oa-tàng gá chứa ; 5° chủ-văn 主 文 là những kẻ khua múa văn-phép ; 6° thâu-trưởng 偷 長 là những kẻ chùm trộm cắp, sáu hạng dân ấy dây-dưỡng liên-thông với nhau để làm những việc gian ác, kẻ thổ-hào ở Kinh-môn thì lại kiêm cả sáu nghề, đồ-đảng nó đến hàng nghìn, đầy-tớ có đến hàng vạn, nó thường xin xỏ quấy-nhiễu, thế-lực hoành-hành, không phải là có một sớm mới gây ra vậy.

7o *Kết-xã.* — Xã là khởi-thủy từ đời xưa đã có quốc-xã lý-xã, cho nên người đời xưa gọi làng là xã. Cứ như kinh *Lễ* thì một nước nghìn cỗ xe, chịu mệnh ở vua Thiên-tử thông đặt ra bốn làng chia ra làm từng xã. Sách *Quản-tử* thì cứ vuông sáu dặm cho là một xã. Nay các làng ở Hà-nam, Thái-nguyên, Thanh-châu cũng còn gọi là xã. Lại như thói cổ mùa xuân mùa thu có tế xã, thì người trong một làng đều họp-tập cả lại. Sách *Tam-quốc-chí* có chép chuyện ông Tưởng Tế làm quan Thái-úy thường cùng với Hoàn Phạm họp ở trong nền xã. Sách *Hán-thư* có chép chuyện quan Thứ-sử Duyện-châu là Hiệu Thưởng cấm dân không được lập xã riêng. Thần Toản có nói rằng: Cứ như phép cũ thì 25 nhà làm một xã, mà dân thì cứ 5 nhà hoặc 10 nhà gọi là điền-xã, đó tức là tư-xã. Sách *Tùy-thư* thì trăm họ đều ở 25 nhà làm một xã, những xã cũ mà ít người thì không thể hạn được. Song sau này người ta tụ-họp đồ-đảng làm hội với nhau cũng gọi là xã, như cuối năm Vạn-lịch các học trò cùng hội làm văn với nhau cũng đều lập ra danh-hiệu gọi là xã nọ xã kia. Trong năm Sùng-trinh Lục Văn-Thăng tâu vua cho xét hỏi Phục-xã của bọn Trương Phò, sau phụng-chỉ vua khám xét có các quan dự vào Phục-xã đều phải giáng-phạt. Xét truyện Tiết Nhan đời Tống ở Diệu-châu có một họ hào-cường là Lý Giáp kết họp và mười người, gọi là Một-mệnh-xã 沒命社. Truyện Tăng Củng có chép ở Chương-khâu dân họp đảng với nhau trong một làng xóm gọi là Bá-vương-xã 伯王社. Truyện Thạch Công-Bật có chép ở Dương-châu những bọn hào-hiệp ngông-nghênh họp với nhau ở trong làng gọi là Vong-mệnh-xã 亡命社. Cuối đời Tùy có những bọn giặc khởi ở Tiêu-quận cũng gọi tên là Hắc-xã 黑社 Bạch-xã 白社. Đời vua Thái-định nhà Nguyên cũng có cấm dân không được kéo bè lập xã. Học trò đời Minh mà lập xã là có thủ-nghĩa riêng, sau năm Thiên-khải những thư trát của học trò cũng còn tự-xưng là xã, nếu có ăn thề với nhau thì lại gọi là xã-minh, cũng tức như những bọn trích máu ăn thề ở đời Liêu vậy.

8o *Phong-tiết.* — Nhà Minh từ giữa đời trở xuống, kẻ sĩ-phu trọng ý-khí mà tự-cao môn-hộ, kẻ hiền-giả thì lấy danh-tiết tự-trọng, làm quan người nào có dám chấp-lý can ngăn thì thanh-nghị mới khen. Song những người cảm-ngôn lại thường chia ra bè đảng, các quan nội-các thường phải y-phụ mà đua theo, trái ra thì tranh-biện, hễ người nào đua theo thì thanh-nghị không dung, dám tranh-biện thì mới có danh tiếng. Bởi vậy cái địa-vị quan nội-các chính là nơi công-kích, không lo là không có người bẻ bắt, chỉ sợ những lời bẻ bắt lôi-thôi có ý thiên-tư không đáng, cho nên ngôn-luận càng nhiều thì quốc-thị lại càng lẫn lộn. Song tựu-trung phải trái vẫn rành ra đó, không phải thuần là những người chỉ hiếu-sự mua tiếng thẳng mà nói càn. Xem như Hải Thụy, Lã Khôn, Quách Chính-Vực, Lư Hồng-Xuân, Triệu Nam-Tinh, Tôn Thận-Hạnh, Cao Phan-Long, Tả Quang-Đẩu, Ngụy Đại-Trung Cố Đại-Chương, Vương Chi-Thể, thuần là những người chính-trực không a-dua, nói thẳng mà không kiêng sợ, phong-tiết càng cao thì phải tai vạ lại càng dữ, cũng giống như cái vạ Đảng-cố cuối đời Đông-Hán vậy.

9o *Bằng-đảng.* — Từ năm Thành-hoằng trở về trước, học-thuật còn thuần, sĩ-tập còn chính, lúc bấy giờ việc giảng học còn chửa thịnh. Khoảng năm Chính-gia Vương Thủ-Nhân đương coi việc quân cũng họp học trò giảng học, Từ Giai đương lúc làm quan tướng

cũng mở trường tập văn, lưu-phong truyền-bá đi động cả trong triều ngoài dã, vậy nên những bậc tấn-thân các ông ẩn-dật cũng đều mở hội học, lập thư-viện, xa gần đua nhau, song danh càng cao thì lại càng thêm phỉ-báng, khi càng thịnh thì lại càng thêm trách-móc, vật-nghị ồn-ào, nổi lên đảng-họa, rồi xúm nhau lại chỉ-trích những đảng kia bộ nọ rất là kịch-liệt. Xem như Cố Hiến-Thành, Cố Doãn-Thành, Tiền Nhất-Bản, Vu Khổng-Kiêm, Sử Mạnh-Lân, Tiết Phu-Giáo, An Hi-Phạm, Lưu Nguyên-Trân, Diệp Mậu-Tài thì thực là những người thanh-tiết cao-thượng đáng làm tiêu-biểu cho sĩ-lâm, dẫu các ông ấy không có khích-dương tiêu-bản gì, nhưng người đời cứ tâng bốc mãi lên, những kẻ hâm mộ thì lấy làm trọng-vọng, còn những kẻ mua chuộc thì lại nhờ để mua danh, y-phụ tán-dưỡng, kẻ hay người dở không khỏi lẫn lộn. Còn như Ngụy Doãn-Trung, Vương Quốc, Dư Mậu-Hành đều là những người có khí-khái trác-lạc, ai cũng trông ngóng. Lại như Lý Tam-Tài là người anh-mại hào-tuấn có trọng-danh trong bọn sĩ-phu thời ấy, mà chia ra bè đảng là bắt đầu tự mấy người ấy. Lại như Lý Thực, Giang Đông-Chi, Thang Triệu-Kinh, Kim Sĩ-Hành, Vương Nguyên-Hãn, Tôn Chấn-Cơ, Đinh Nguyên-Tiến, Lý Phác, Hạ Gia-Ngộ đều là những người trì-thủ phong-tiết, ý-khí hăng-hái xuất-đầu ra bài-bác những kẻ tiểu-nhân. Bởi thế nên những kẻ tiểu-nhân với người, quân-tử như nước lửa xung-khắc nhau mới thành ra cái vạ cho kẻ tấn-thân dữ hơn đời trước.

Bài tựa về truyện đảng quan-thị đời nhà Minh nói rằng: Cái vạ về đảng hoạn-quan đời nhà Minh thật là dữ lắm, nhưng không có người các đảng y-phụ vào giúp-rập vào, phô-trương thanh thế-mà giúp đỡ cho nó, thì tân hại cũng không đến nỗi dữ tợn như thế. Từ đời Trung-diệp trở về trước kẻ sĩ-phu còn biết trọng danh-tiết, dẫu ngược-hoạnh như Vương Chấn, Uông Trực, nhưng bè đảng cũng chửa thịnh. Đến khi Lưu Cẩn lộng-quyền, Tiêu Phương là kẻ các-thần mà trước tiên y-phụ, bởi thế các hàng công-khanh đua nhau dua nịnh, thành ra quyền tư-lễ lại ở trên quyền nội-các. Đến cuối năm đời vua Thần-tôn, ngoa-ngôn dấy lên sinh ra cừu-địch lẫn nhau, chia ra môn-hộ tranh dành, cố-kết không thể gỡ ra được, kẻ hoạn-quan mới nhân lúc vỡ lở trộm giữ quyền-bính, kiệt-hiệt gian-dảo, những kẻ lẩn lút trong đám quan-thị ra tay độc-hại để làm cho sướng cái lòng riêng, ghét kẻ thẳng, ghen kẻ ngay, khiến cho phường áo mũ đầy trong tù ngục, loài chiến-nhân chết dưới gươm dao, đến sáu tội-ác đã đầy, bọn gian-ác ấy mới bị phải hình-pháp, làm cho ô-uế cả giản-biên, lại di-nghiệt nó làm cho đến mất nước. Vua Trang-liệt có xét cái án bạn-nghịch bảo quan Đại-học-sĩ là Hàn Khoáng rằng: «Trung-hiền chẳng qua là một người mà thôi, chỉ vì các quan đình-thần y-phụ vào, nên mới đến nỗi thế, tội ấy kể sao cho xiết được.» Thương thay những kẻ bỉ-phu hoạn-đắc hoạn-thất, chỉ y-phụ những kẻ quan-thị mà lưu-độc đến thế! Thế thì bọn tấn-thân mà mắc phải tai-vạ cũng bởi tại một vài kẻ sĩ-phu tự mình hoại mất khí-tiết đi, lúc trước còn mượn kẻ tiểu-nhân, sau lại bị kẻ tiểu-nhân nó dùng, đến sau lại phải a-dua với kẻ tiểu-nhân, đến nỗi làm mất cả chính-khí đi và táng-bại mất cả tinh-thần của quốc-gia.

10° *Trung-nghĩa.* — Từ đời xưa những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ vì nước quên mình, khí-tiết tỏ một thời, tiếng thơm để trăm đời, đời nào cũng biểu-dương lên thực là đáng lắm. Vua Thái-tổ nhà Minh dựng nghiệp ở bên Giang-tả, bắt đầu biểu-dương Dư Khuyết,

Phúc Thọ, để hưng-khởi cái khí-tiết trung-nghĩa. Còn như những người tướng-sĩ lúc mới ra khai-quốc, hoặc công chửa thành mà thân đã mất như là hai miếu thờ ở núi Dự-chương và Khang-lang, cùng là miếu Công-thần ở núi Kê-lung đều là nơi cúng tế những người trung-nghĩa, và lại được tặng-tước công-hầu phối-hưởng nhà thái-miếu, lục-dụng đến con cháu, đều là để biểu-dương những người tinh-trung nghĩa-liệt, ý-tứ rất là sâu-xa vậy, nên đến sau gặp lúc biến-cố, kẻ quần-thần không ai sợ gì mũi nhọn vạc dầu, chết đến cả họ mà cứ chống lại với cái oai ông Thành-tổ, xem thế đủ biết nhân-tâm thiên-tính không khi nào mất, sau từ đời Nhân Tuyên trở xuống, thái-bình hơn 200 năm, về khoảng giữa có gặp những tai-biến nước Giao-chỉ đất Thổ-mộc và vua Thần Hào làm phản, cho đến đời vua Thần vua Hi gặp lúc ngoài biên-thùy nhiều việc, biết bao nhiêu những kẻ bỏ mình tuẫn-nạn, kể sao cho xiết, mà triều-đình đều bao-dương tồn-tuất, rất là ưu-hậu, hoặc các quan bỏ xót không tâu thì con cháu đều được điều-trần mà tự xin lấy. Bởi vậy những người có công-trạng tiết-liệt đều được hiển-dương ra ở đời. Đến triều vua Trang-liệt, vận nước đã suy, thế mà các quan trong ngoài hoặc người bỏ mạng ở ngoài biên-thùy, hoặc kẻ liều mình ở dưới cửa khuyết, coi cái chết như không ấy cũng nhiều lắm.

1° *Y-phục.* — Sách *Nhật-tri-lục* nói rằng : Đương lúc phong-tục ngông cuồng ngạo-mạn, thường hay biến tiết đổi phép, mà bày ra những lối mặc khinh-khiêu kỳ-quái, cho nên có những cách mặc yêu-quái. Ta thường thấy năm sáu mươi năm nay phục-sức biến đổi đã nhiều lần lắm, vậy nên ta chép những điều sở-văn để lại về sau. Sách *Dự-chương-mạn-sao* nói rằng : Đời nay người ta đội thứ mũ nhỏ lấy sáu mũi may ghép lại với nhau rủ giềm xuống như cái thùng, thứ mũ ấy đều là vua Thái-tổ chế ra để tỏ ra rằng sáu cõi đã nhất-thống cả rồi. Dương Duy-Trinh vào yết-kiến vua Thái-tổ đội khăn phương-cân. Thái-tổ hỏi chế ra cái khăn ấy là ý thế nào ? Duy-Trinh thưa rằng : Phương-cân là tỏ ý bốn phương đã bình-định vậy. Vua Thái-tổ mừng bèn khiến học trò đều bắt-chước đội lối khăn ấy. Thương Văn-Nghị là người dân cũng theo dùng thứ phương-cân. Thái-khang huyện chí nói rằng : Lúc đầu đời Minh có mặc một thứ áo đơn đàng trước bảy khổ đàng sau tám khổ. Đến năm Hoằng-trị lại đổi lối may trước dài sau ngắn, phủ áo đơn ra ngoài. Năm Chính-đức lại đổi lối trên ngắn dưới dài độ một phần ba. Kẻ sĩ-phu thì may đều nhau, mũ thì đội một thứ mũ bình-đính cao hơn một thước, kẻ sĩ-phu thì độ 8-9 tấc. Đầu năm Gia-tĩnh thì lại may một thứ áo trên dài dưới ngắn giống như năm Hoằng-trị, kẻ thiếu-niên ở chốn thị-tỉnh thì đội thứ mũ nhọn mà dài, tục gọi là mũ trống dài. Năm Hoằng-trị đàn bà con gái thì mặc áo đơn chỉ ngắn độ ngang thắt lưng. Những nhà giàu thì dùng thứ áo ấy bằng lụa là vóc đoạn gấm trừu, quần thì dùng bằng thứ thêu kim-thái, tóc thì bới cao hơn một tấc. Khoảng năm Chính-đức áo đơn làm dài rộng dần ra, quần thì cũng may rộng ra mà áo thì dùng thứ kim-thái để làm bồ-tử. Búi tóc thì búi cao lên. Đầu năm Gia-tĩnh thì thường dùng một thứ áo đơn rộng mà dài đến gối, quần thì mặc ngắn, búi tóc thì cao lên trên mũ. Đầu năm Vạn-lịch những trẻ con tóc đã dài rồi mà còn để chỏm, đến ngoài 20 tuổi mới bui lại mà phủ cái mạng ở ngoài, khoảng năm Thiên-khải thì độ 15-16 đã phủ mạng đầu, chứ không có để chỏm như trước nữa. Kẻ thứ-dân thì đi dép, người học trò thì đi giày, ông thầy có đội thứ mũ trung-tĩnh-quan thì

mới được đi thứ giầy thêu vân trên đầu, đến nay thì những kẻ tầm-thường cũng đi giầy thêu vân cả. Những thầy bói thầy số đều đội khăn phương-cân, lại còn thứ khăn Tấn-cân, Đường-cân, Lạc-thiên-cân, Đông-pha-cân. Khi trước thì những đàn bà không có phẩm-tước thì không được đội thứ mũ lương-quan mặc áo hồng-bào, thắt dây lưng đà-đái, nay thời những nhà giàu đều ăn mặc như thế cả. Lại mặc một thứ áo bách-hoa-bào nữa không biết là chế ra tự người nào. Trong năm Vạn-lịch ở Liêu-đông có người mặc thứ áo năm vẻ sặc-sỡ, không được vài mươi năm thì phải chu-lục, ấy cách ăn mặc không xứng-đáng thì làm tai hại cho thân như thế.

Năm Hồng-vũ thứ 26 cấm tất cả các quan dân quân lính không được mặc thứ áo đối-khâm, chỉ có lính kỵ-mã mới được mặc, để cho tiện khi cưỡi ngựa, những người nào không được mặc mà mặc thì phải tội. Áo đối-khâm giống như một thứ áo giáp lồng, áo giáp lồng thì dài hơn áo giáp mà ngắn hơn áo đơn, mới chế ra từ đời vua Vũ-tôn, cuối đời Minh kẻ sĩ-phu cũng có người mặc. Lại còn thứ áo không có vạt, tức là thứ áo cánh, về đàng võ thì gọi là áo tế-giáp, về tục thường thì gọi là áo phi-y, nhỏ hẹp tí nữa thì tức là áo bồ-tử cũng đều là thứ áo không có vạt cả.

12° *Việc tang táng.* — Ở Tô-châu những nhà có đám ma thì thường bày ra tiệc rượu để mời khách, khi đưa ma trước xe đại-dư lại bày ra gấm vóc kết thể trương hoàng để khoe-khoang ở ngoài đường phố, không phải là nhã-đạo. Ở Hà-nam có hai làng hễ khi có người chết thì quân thầy ở trong nhà, bày ra tụng kinh niệm phật. Lâm-chi là nơi đô-hội ở nước Tề khi xưa thừa được cái cảnh giàu thịnh, xây táng mồ mả rất là xa-xỉ, nên về sau thường mặc phải cái vạ khai-quật. Như là Tào Ngưng đời Tấn khi làm quan Thứ-sử Thanh-châu có đào mả Hoàn-công và Quản-Trọng, khi đào lên thì thây vẫn chưa nát mà có đến hàng vạn tấm vóc lụa, hàng ức đồ châu báu, trong lại có hai bộ hình như con trâu đứng, đều là những di-khí đời cổ cả. Vậy nên lời ngạn có truyền rằng ở Lâm-chi nhiều đồ cổ là vì thế, nhưng đồ đồng cũng không có mấy. Cái tục hỏa-táng, từ đời Tống đã thịnh-hành ở đất Giang-nam, đến đời Minh thì ở đất Giang-tích cũng có thói ấy, Cố Đình-Lâm đã bài bác cái tục ấy, mà Hoàng Nhữ-Thành cũng bảo cái tục ấy không hợp với lòng người nhân-nhân hiếu-tử.

Khi các quan có tang phải cáo về thủ-chế thì nhà vua hay đoạt-tình bắt phải ra làm quan, nhưng tự La Luân đã sớ tâu lên vua xin thủ-chế, thiên-hạ lấy làm truyền-tụng, nên kẻ triều-thần không dám viện cái lệ khởi-phục mà đương lúc tang cũng ra làm quan. Cố Đình-Lâm rằng: Những việc giáo-hóa đời Tam-đại mà còn đến nay chỉ còn có lễ để trở mà thôi. Từ khi loạn lạc đến giờ đã bỏ dần đi mất cả. Nhưng trộm nghĩ đương lúc tang cha mẹ trừ phi lúc có việc binh cần đến, thì vua mới phải khởi-phục cho ra làm quan, nay đời nhà Minh khởi-phục các quan thì không có vì gì việc binh cả. Khởi-phục 起復 nghĩa là đương lúc có tang mà nhà vua cứ ép ra bổ-dụng, như thế gọi là đoạt-tình khởi-phục. Xem như Yến Thù được thiên chức Trước-tác Tá-lang mà gặp phải tang cha cáo quan về, vua Nhân-tôn nhớ đến lại khởi-phục cho làm quan Vận-sứ ở Hoài-nam. Đến như Sử Tung đương khi tang cha cũng có ý cầu-cạnh khởi-phục ra làm quan. Người nay không xét lại cho cái lệ khởi-phục là sau khi đã hết trở rồi thì là lầm.

13° *Việc cúng tế và đồng cốt.* — Sách *Quận-quốc-lợi-bệnh* nói rằng : Tỉnh Sơn-tây ở cõi đất Hân-châu, có chừng độ 300 làng xóm mà cũng có đến vài ba cái chùa, những nơi nào rất nhỏ, thì cũng lập lên cái nóc nhà cỏn con để cung-phụng hương-hỏa, kẻ dân nghèo thì thí-phát làm sư, những kẻ làm thuê làm mướn thì mang vợ con đến ở nhờ, những kẻ dĩ bợm thì đến thuê ở các phòng nhà chùa, thường cùng với nhà sư bỡn cợt, để nhờ cơm ăn áo mặc. Tỉnh Hà-nam ở Từ-châu có hai làng chỉ quen thói chuộng ma quỉ, đồng cốt cầu cúng, có ốm đau thì chỉ cầu cúng mà thôi. Thói quen ở đất Tương-sở cũng chỉ chuộng ma quỉ, từ đời xưa vẫn thế, nguyên từ đời vua Thiếu-hiệu suy rồi, họ Cửu-lê loạn đức, thần với người lẫn lộn, đến sau đất Tương-sở lại là nơi căn-cứ của rợ Tam-miêu, thế thì cái thói thượng-quỉ, cũng chẳng lạ gì. Song cái thói đàm-tự càng ngày càng tệ rất là buồn cười, như là người ở Hành-châu cầu cúng thần Bàn-cổ, hễ có người nào ốm đau hoặc oán-thù ai cũng đều cầu cúng cả. Hôm làm lễ cầu cúng thì người đồng lấy gỗ làm một cái trống tròn độ hơn gang tay, giữa thắt lại mà đôi đầu lớn như là kiểu cái trống hay đời nay, trống dài thì độ bốn thước, trống ngắn thì độ hai thước, người đồng có một đoạn lụa dài độ hai ba trượng, vẽ các thần từ đời Bàn-cổ đến đời Tam-hoàng, không thiếu một thần nào cả, rồi đem cái đoạn lụa ấy treo lên trên một cái sào dài, rồi khua trống thổi còi đánh thanh-la, một người thầy đồng thì cầm cái trống dài vung quanh mình mà múa, hai người nữa thì mỗi người cầm cái trống ngắn đứng đối nhau mà múa. Khi xưa đã định những ngày nào vào đám thì các thầy đồng ra múa, cứ tùy ý tự mồm hát lên những câu ca lảm-nhảm không có căn-cứ vào đâu cả. Hễ oán-thù ai nặng lắm, thì đêm đến ra ngoài đồng cầu cúng, rồi tất cả đèn nến đi, khua trống múa-mênh gọi là « khua trống ngầm 聲 黑 鼓 » Cứ khua một hồi trống múa xong thì tha hồ vơ lấy mà ăn uống cực-kỳ dã-man. Thói các làng ở đấy thì họp hai ba mươi nhà lại làm một làng, cùng thờ một vị thần, hoặc là thần núi, hoặc thần sông thần chằm, hoặc thần một thứ sản-vật gì có tiếng ở nơi ấy, rồi ra tặng cho những hiệu thánh-hiền, đế-vương, công-tướng, như gọi là: Bình-sinh tướng-công đại-vương từ, Nam-bình thủy-công tam-thánh công-vương từ, cùng là Cao-sơn đại-vương từ, hỏi ra thì dưới chân núi ấy thường sản thứ hồ-tiêu và đất son nên mới dựng ra đền thờ, kể ra còn nhiều lắm không thể xiết được. Ta nghĩ rằng : Có thay trời trị dân mới gọi là *vương*, chúa tải cả gầm trời mới gọi là *đế*, học rộng mà hay biến-hóa, mới gọi là *thánh*, sửa lại tính tốt mà hay giữ-gìn mới gọi là *hiền*, đứng đầu năm tước mà có đức vô-tư thì mới gọi là *công*, đứng trên lục-khanh mà giúp vua trị nước mới gọi là *tướng*, thế mà nay họ xưng-hô bậy-bạ, thậm-chí gọi cả các vật thổ-sản là thần là thánh, thực là càn-rỡ thậm tệ. Lại còn cái thói thờ các nữ-thần, mỗi nhà vẽ ra một bức tranh thần chia từng bậc ra mà ngồi không biết bao nhiêu mà kể, ở giữa đề là thờ : « Lý gia thiên-tử tam lâu thánh-hiền thần-tiên », đôi bên đề là : « Tam-thiên mỹ-nữ, bát-bách kỹ-nga ». Cứ đến cuối năm thì các bà đồng khua trống đánh thanh-la cầu-cúng, ông đồng thì trang-sức mặc lối áo đàn-bà, trước thì hai người cầm tay nhau mà múa, sau thì và ba người dắt tay nhau mà múa, cũng có lúc uốn mình nhảy lộn, hoặc một người nằm ngửa, kẻ chúng uốn mình nhảy lộn qua bụng, và tùy ý xướng hát om-xòm, cứ từ sáng sớm cho đến suốt ngày thâu đêm mới tan đám múa hát. Ôi ! con gái là chất nhu-nhược, chết đi mà làm thần thì chỉ có

những bậc tiết-phụ liệt-nữ, giản-hoặc có chăng, chứ đâu lại có những thần kỹ-nữ tiên-nga nhảm-nhí. Lại có những thầy phù-thủy đi ăn trộm những đầu tượng thần trong các miếu để làm bùa áp-quỉ, lại đi thu âm-binh để về thờ, lại vẽ ra bùa-bèn để ban phát, thực là quái-dản không kể xiết được. Lại ở Thanh-sơn có đền thờ Thị-lang hành-từ, không biết là thờ vị nào, nếu thờ thổ-thần mà xưng hiệu là chúc Thị-lang thì đời xưa làm gì có chức ấy, thực là sai lầm. Xét các từ-miếu trừ ngoài cúng-tế các vị thần-kỳ ra thì chỉ có thờ các vị đế-vương cổ như là Thái-hiệu, Nữ-oa, nhưng dân-gian thì không được thờ. Đến đức Quan-chân-quân sau dựng ra đến hai ba mươi sở, ngoài những các đền thờ ấy thì đều là dâm-tự cả, cứ như lễ đời cổ thì có lễ xuân-kỳ thu-báo để tế thần phương-xã, vua Thái-tổ đã cho dân-gian mỗi một dặm lập một đàn thờ thần Ngũ-cốc, Ngũ-tự, khi tế thì lý-trưởng làm chủ tế, tế xong thì đồng-dân uống rượu, gọi là lễ hương-ẩm đã chép ở trong Hội-điển. Nay dân-gian đều không tuân lễ ấy, chỉ thờ cúng những vị đại-tiểu long-vương, bày ra những âm-nhạc nhảm-nhí, để cho trai gái đua xem, thực là bất-nhã. Các quan có chức coi về phong-hóa, phải nên xét lễ cổ, chỉnh lễ kim, giữ cho hậu phong-tục, đừng để cho kẻ dân ngu nó mê-hoặc về đồng-cốt quàng-xiên mà đều theo về đường lễ-giáo. Sách *Mạnh-huyện-chí* nói rằng: « Từ khi lễ từ-đường bỏ đi mất mà không ai xét đến, người thôn-quê chỉ mê-hoặc về cái thuyết họa-phúc cảm-ứng, rồi lập ra chùa-chiền, bày ra tượng bụt, như thế thực là không biết phân-biệt vậy. *Tùng-giang phủ chí* nói rằng: Thói ở Tùng-giang cũng hay mê-tín về sự đồng cốt, các nơi thành thị rước-sách cầu cúng bày ra nghi-trượng trang-sức linh-đình, nhân thế bày vẽ ra kiếm lợi, trai gái xa gần họp tập đi lễ bái như mắc cửi, nào là phí-tổn về tiền xe tiền tầu ăn uống không biết bao nhiêu mà kể. Còn như những việc cưới vợ cho thần, ngày xuân vào đám bày trò du-hí để tế thần, trong năm Sùng-trinh có quan phủ là Nhạc Cống đã đem chính-pháp những kẻ đồng cốt làm bậy và cấm không được diễn trò, thì cái thói ấy mới thôi. *Thượng-hàng huyện-chí* nói rằng: Ở hàng ấp những kẻ đồng cốt thường đặt dàn làm chay ở ngoài cõi, chiêng trống xuốt đêm có khi đến ba bốn ngày, trai gái ồn-ào đua nhau đến lễ dàn chay. Những người đàn bà nào hiếm hoi thường mê-hoặc những kẻ đồng cốt, cởi yếm áo đem giao cho bà đồng để làm phép trảm-sát, lấy là chém bỏ sát-khí đi thì về sau này chửa đẻ mới nuôi được. Quan tri-huyện là Tưởng Đình-Thuyên có sai bắt những đứa đồng cốt đứng đầu để chứng-trị, cái thói ấy từ bấy giờ mới thôi. Than ôi! cái thói đồng-cốt ngày nay khắp trong thiên-hạ, nào ai là người ngăn cấm đi cho,

149 *Nô-tỳ*. — Thời nhà Minh những kẻ nô-bộc các quan cứ lấy sắc đẹp mà được thăng lên, hoặc vì vợ mà được yêu, như là đứa bộc của Nghiêm Phân-Nghi là Vĩnh Niên, thì đặt hiệu là Hạc-pha, đứa nô-bộc của Trương Giang-Lăng là Du Thủ-Lễ thì đặt hiệu là Sở-lần. Không những là nô lộng-quyền ăn của đút mà các quan triều lại hay tặng cho nô văn thơ, nô nghiễm-nhiên cùng làm chủ khách với các bậc tấn-thân, danh-hiệu rẻ rúng, văn-chương nhục-nhã đến như thế là cùng. Về sau này đua-nịnh kẻ quan-thị đến dựng đền thờ, cũng là bắt đầu từ đấy vậy. Cố Đình-Lâm rằng: Kẻ nô-bộc nhiều nhất là người Ngô-trung, mỗi nhà các quan có đến một vài nghìn người, mà chúng nô chuyên quyền bạo-hoạnh cũng chỉ nhất là người Ngô-trung. Nếu

có dấng vương-giả khởi lên thì chúng nó phải đuổi về làm lương-dân cả, hoặc dời đi cho ở những đất bỏ hoang ở ngoài phương xa. Nhà các quan có dụng đến nô-bộc, thì phải bỏ tiền ra mà thuê mộ như là cái lệ ở Giang-bắc, thế thì mới bớt được cái thói hoạnh-ngược, dân mới được an-cư, mà những người sĩ-phu không đến nỗi thụ-chế ở chúng nó, đều biết tự-miễn để làm điều hay, như thế thì phong-tục mới thuần-lương được.

15° *Đồ-bác.* — Cuối năm Vạn-lịch thái-bình vô-sự, kẻ sĩ-phu không có việc gì dụng-tâm, chỉ đua nhau về nghề cờ bạc, đến năm Thiên-khải lại bày ra cái trò chơi mã-điếu 馬吊 (1), các quan trong triều không mấy người là không chơi. Vi Chiêu có nói rằng: Cờ bạc mê chơi cả ngày chí tối, lại thắp thêm đèn nến để đánh bạc, bỏ cả nhân-sự mà không làm, quên cả tân-khách mà không tiếp, thực là lạ lắm! Luật phép năm Đại-định thứ tám đời Kim nếu các phẩm-quan mà phạm tội cờ bạc thì phải phạt trượng. Ôi phạt-trượng là để trừng-phạt kẻ tiểu-nhân, nay đã làm đến phẩm-quan mà không có liêm-sỉ, thì cũng nên lấy cái cách phạt tiểu-nhân ấy mà phạt đi cho chừa. Luật nhà Minh nếu phạm tội cờ bạc mà là văn-quan thì phải cách chức làm dân, võ-quan thì cũng phải cách chức cho đi tùy-tùng sai-phái, cũng đều dùng cách phạt nghiêm cả. Nhưng trong trăm người chừa có người nào bị phạt, là vì trên dưới che chở cho nhau, nên pháp-luật cũng không thi-hành được. Sách Đường-thư có chép chuyện Dương Quốc-Trung chỉ tài nghề đánh bạc mà được vào làm chức cung-phụng. Khi nào cũng ở lại sau để tính-toán các thẻ thua được không lầm lẫn một tí nào, vua khen rằng: tài tính toán giỏi. Sau trọng-dụng Quốc-Trung mà đến bại hoại. Tống Cảnh đời Đường làm quan Điện-trung Thị-ngự-sử, quan đồng-liêt có kẻ đánh bạc ở trong sở. Tống Cảnh xin truất bỏ phẩm-trật đi, kẻ đánh bạc sợ hãi phải tự trốn, sau Tống Cảnh làm đến Tể-tướng đời Khai-nguyên. Vua Văn-tôn đời Đường cần lo về việc chính-trị, mỗi khi gặp mặt các quan Thứ-sử thì thường ân-cần răn bảo rằng: Chớ có chơi cờ bạc, chớ có ham uống rượu, trong ngoài nghe lời răn ai cũng phải sợ hãi. Thế thời chăm xem xét các quan mà răn bảo, cũng là một việc cần để cứu-thời vậy. Kẻ sĩ-phu đời Minh không bắt-chước Tống Cảnh mà chỉ bắt-chước Dương Quốc-Trung, bởi vậy đường sĩ-hoạn mới thành ra hỏng nát cả. Đời Tống năm Đại-trung-tường-phù thứ năm có kẻ đàng sớ tâu bắc quan Tiến-sĩ Tiêu Huyền-Chi đã từng bị tội cờ bạc mà phải phạt trượng, sau đổi tên đi thi lại đỗ. Vua mới xuống chiếu quan Hữu-ti đòi Huyền-Chi vào hỏi, đều thú-phục cả, bị phải thu-tiêu bằng sắc và phạt bốn mươi cân đồng rồi đuổi đi, lấy phép nhà Tống nghiêm-cấm cờ bạc như thế, mà các quan Tiến-sĩ nhà Minh lại lấy không tài nghề cờ bạc làm xấu hổ. Vua Mục-tôn nước Liêu thường cùng với các quan đánh bài lá, ông Giải can rằng: Vua tôi cùng chơi cờ bạc là cái sự bất-tường. Vua Thái-tôn đời Tống xuống chiếu những kẻ đánh bạc thì phải tội trảm-quyết. Vua Thái-tổ nhà Nguyên cấm dân-gian không được đánh bạc, nếu người nào phạm tội cờ bạc thì đầy ra ngoài bắc-địa, trị cái nước ham mê cờ bạc bại-hoại như thế, thì phải dụng trọng-hình là phải. Xét đời Tống có chuyện Vương Cảnh-Văn làm đến Hữu-vệ tướng-quân mắc tội đánh bạc mà phải cách tuột. Lưu Khang-Tổ làm đến quan

(1) Cách chơi bài lá, giống như bài tổ-tôm, cũng có ba hàng: Hàng vạn, hàng sách, hàng văn.

Viên-ngoại-lang đã mười năm mà cũng bị tội cờ-bạc mà phải cách chức. Vương Thuẫn làm đến chức Tư-đồ tả-trưởng-sử, mà cũng vì hay họp người đánh bạc phải cách quan. Đời Tấn có Đào Khản siêng-năng về việc quan lắm, cứ suốt ngày ngồi trước án làm việc quan, gặp buổi trong nước nhiều việc mà mọi việc đều phân-xử xong xuôi cả. Các quan Tham-tá có người nào hay uống rượu đánh bạc bỏ trễ công việc thì ông sai thu lấy những khí-cụ cờ-bạc rượu chè vứt cả xuống sông, kẻ tướng-lại mà đánh bạc thì bị phải đánh đòn, bởi vậy Đào Khản mới thành là bậc danh-thần mà làm nên được công-nghiệp trung-hưng đời Tấn. Ôi đương lúc đời Lục-triều là cái thời-đại chỉ thanh-đàm hão khôi-hài suông, cái việc cờ-bạc ai cũng cho là một nghề khoe ai cũng khôn, người trong xã-hội phải cần đến, thế mà Đào Khản hay răn việc cờ-bạc cho là một sự hại trong đám quan-trường. Kẻ sĩ-phu đời nay thì lại sớm tối không lúc nào bỏ dời quân bài tổ-tôm, bỏ quên đám sóc-đĩa, không những là không ai bài-bác, mà lại lấy cái cách chơi cờ-bạc ấy làm một cách thù-ứng quan-liêu, giao-kết quyền-thế, mua lấy danh-dự để luồn-lỏi doanh-mưu, thực là đáng xấu-hổ vậy.

16° *Quyền-bác.* — Hai chữ *quyền-bác* 拳搏 mới xuất-hiện ra tự đời Xuân-thu, mà cái thuật nó khởi thủy tự người Suy-Vưu lấy đầu húc đánh, đến đời Tần Hán mới có cái trò chơi húc chọi nghĩa là hai đàng cùng thi sức đua chọi với nhau, như là chọi kỹ-nghệ đua thi bắn. Đến đời Hán, Ngụy thì có cái thói dùng tay đấm thụi, đời Đường gọi là *giốc-đề* 角觝, đời Tống gọi là *quyền-thuật* 拳術, đều là cách đánh võ. Cách quyền-thuật lưu-hành đến đời Tống mới thịnh, vua Thái-tổ đời Tống và thầy tăng chùa Thiếu-lâm với Trương Tam-Phong đều nổi tiếng về nghề quyền-thuật. Đời Hồng-vũ nhà Minh, Âu Thiên-Cân cũng vì giỏi miếng võ mà được thụ chức Thái-thương-vệ bách-hộ. Sau lại có Biên Trừng, Trương Tùng-Khê cũng nổi tiếng quyền-thuật giỏi. Nguyên là Biên Trừng nghe tiếng thầy tăng chùa Thiếu-lâm giỏi võ, mới lẻn vào ở làm dầu bếp ba năm, học giỏi được hết cả miếng võ. Năm Chính-đức đời vua Võ-tôn có người Nhật-bản đến cống cũng giỏi võ, nghe thấy tiếng Trừng muốn xin cùng đấu-võ, quan Thái-thú là Trương Tân cho triệu Trừng ra đấu-võ, Trừng đánh đổ được hơn mười lũ. Trừng lại có ứng-mộ đến trường diễn-võ ở kinh-thành, một tay gậy mà đánh đổ được tay song-đao của quân Bắc. Trương Tùng-Khê giỏi được mười ba miếng võ có nói rằng : Những miếng võ ấy là bắt-chước tự Trương Tam-Phong đời Tống. Tam-Phong nguyên là một người võ-sĩ, vua Huy-tôn cho triệu đến, vì đường ngạnh-trở không đi được, đêm mới mộng thấy Nguyên-đế dạy cho phép quyền-thuật, sớm ngày cứ một mình ra đi đánh giết được hơn trăm giặc mà đi thoát, vì thế mới lấy nghề võ nổi tiếng ở đời. Từ Tam-Phong trở về sau đến đời Gia-tĩnh pháp quyền-thuật ấy mới truyền đến Tứ-minh, mà giỏi nhất là Tùng-Khê đã từng đánh được thầy tăng chùa Thiếu-lâm một lần. Ôi cái quyền-thuật của Tùng-Khê mà thắng được thầy tăng chùa Thiếu-lâm thì tài giỏi biết chừng nào. Xét quyền-thuật chia ra có nội-gia ngoại-gia, ngoại-gia thì thầy Thiếu-lâm hơn cả, nhưng miếng võ ấy chỉ chủ đánh người nhẩy nhót xông-xáo, có khi còn sơ-sài, nên thường bị người ta lừa mà đánh phải. Nội-gia thì quyền-thuật của Tùng-Khê là chính-đáng hơn cả, chỉ cốt giữ lấy những miếng võ chống cự người, không gặp lúc người khốn-ách mỏi-mệt thì không vung ra vội, nếu vung lên thì không thể đương được, mà không có hấn-khích gì để

cho người ta lừa được, cho nên quyền-thuật nội-gia là hay hơn cả. Phép đánh quyền lại nhằm vào trúng huyệt, có huyệt đánh cho choáng người đi, có huyệt đánh cho câm, có huyệt đánh cho chết, tùy khinh-trọng muốn đánh cho câm cho chết hoặc cho choáng người đi không sai một tí nào. Lại có những chữ để dùng làm tiếng bí-mật như *kỉnh khẩn kinh cần thiết* 敬 緊 徑 勤 切, năm chữ ấy không phải học trò thân thì không truyền-thụ cho vội, vì năm chữ ấy là những miếng võ hiểm, cũng như năm chữ *nhân tín trí dũng nghiêm* 仁 信 智 勇 嚴 của nhà dụng-binh vậy. Quyền-thuật cũng là một nghề tinh-thần thượng-võ, về đường võ-bị không thể thiếu được. Thích thị đã bàn xét kỹ-càng nói rằng : « Nghề quyền-thuật hình như không có thiết gì đến chiến-trận, nhưng chân tay hoạt-động, thân-thể siêng-năng, là một việc cần lúc mới học nghề võ. Huống-chi xoay-xỏa từng miếng lại nhanh-nhảu, xông-xáo thích đánh lại mạnh tợn, buông bắt lại tinh-nhanh, luồn lỏi lại mềm mại, có đến 32 thế quyền-thuật, thế nọ đỡ cho thế kia, gặc giặp ra tay biến-hóa vô-cùng, linh-diệu không biết đâu mà lường được, tục chỉ biết rằng đánh quyền mà thôi, chứ không biết rằng cái thuật nó nhanh như chớp không ai kịp chống đỡ được. Xưa nay những nhà giỏi quyền-thuật thì vua Tống Thái-tổ có đến 32 thế trường-quyền, lại có cái thế quyền lục-bộ, hầu-quyền, oa-quyền đều là sở-trường cả, nhưng đại-khái cũng xa-sần không khác nhau mấy. Đến nay nhà ôn-gia có 72 thế hành-quyền 行 拳, 36 thế hợp-tỏa 合 鎖, 24 thế khí-thám-mã 棄 探 馬, đều là những thế quyền giỏi cả. Lại còn thế đùi ưng-chảo của Lý Bán-Thiên, thế ngã của họ Vương, thế vấp của họ Trương, thế đả của Trương Bá-Kính, thế côn của thầy tăng chùa Thiếu-lâm, thế sang-kiếm của họ Dương, thế côn-quyền của Ba-Tử, đều là những người sở-trường về quyền-thuật có tiếng ở đời nay. Nhưng tựu-trung cũng có điều sở-đoản, tuy có thắng được người nhưng chẳng qua chỉ thiên về một nghề. Nếu hay kiêm tập cả quyền-thuật của các nhà, thì phải như trận Thường-sơn-trường-xà, đánh đàng đầu thì lấy đuôi đỡ, đánh đàng đuôi thì lấy đầu chống, đánh khúc giữa thì đầu đuôi cùng chống lại, thế mới thực là miếng võ tròn vẹn đánh đâu được đấy. Phàm những nghề đánh côn trượng cung tên kiếm-kích nghề nào cũng phải cần học lấy quyền-thuật trước nhất, để luyện lấy chân tay thân-thể cho hoạt-động nhanh-nhảu. » Xem Thích-thị nói như thế thì nghề quyền-thuất có quan-hệ về việc võ-bị rất là lớn-lao vậy.

(Hết)

Đ. - C. *dịch*

TUỒNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOANG (1)

III

TẤN TRÊN

Đoạn thứ nhì (4 hồi)

HỒI THỨ V

Trọ châu Sầm vua Lê nhớ nước cũ.
Được chồng Trịnh chúa Nguyễn dâng người tài.

Chương-trình

Khi vua Lê Trang-tôn ở châu Sầm, chúa Nguyễn làm phụ-tướng, được Trịnh Kiểm đem dâng, vua Lê khiến cùng Trịnh Liệu đấu-võ, rồi đăng-đàn bái-tướng, cho làm Nguyên-súy, sai về đánh Mạc.

BÀI-TRÍ

Cảnh dinh trại — Đàn-tràng

CÁC VAI TRÒ

Vua Lê-Trang tôn — Chúa Nguyễn — Trịnh-tử — Trịnh Liệu — Quân lính.

. . .

Vua Lê Trang-tôn ra bạch (nhớ đàng về, hội bàn sự đánh Mạc): — *Hường*: Ôi xiết nỗi, con rồng vàng uốn khúc, cái rắn độc ngang đường. — *Tán*: Trẫm vốn Lê Hoàng-tử, gặp phải khi loạn Mạc, cõi Sầm-châu chính vị tân-hoàng, — *Thét*: nhác trông lên — *thét hường*: kìa rừng xanh núi thẳm, nọ nước biếc mây vàng, — *Ngâm*:

Sực động lòng cố-quốc tha-nhang,

— *Thét*: chớ như trẫm, chớ như trẫm

— *Ngâm*:

Hết đàng tê nỗi nọ ngổn-ngang.
Đêm năm canh giấc mộng mơ-màng,
Mong đặng sao đem lại chốn trào-đàng,
Ân trẫm mới giấc vàng yên gối đặng chăng. — *Ngâm nam-bình*:

Nước non khuất nẻo khơi chừng,
Chim ngàn nhắn hỏi chạn rừng tin đưa.
Mịt-mờ biển gió non mưa,
Bụi hồng quét rửa bao giờ cho trong.

Gọi: Quân, troàn bá-quan văn võ hội-đồng, đặng cho trẫm ban điều quân-quốc đây mơ (2).

Chúa Nguyễn ra tâu dâng Trịnh-tử: — Dạ dám tâu Tân-hoàng, việc quân-nhung tôi đã sửa-sang, — *Thét*: quân hùng tướng mạnh, chỉnh-đốn nghiêm-trang, — *Tán*: may gặp đặng Trịnh-tử, là một người thao-lược đảm-đang, rửa tôi tâu Tân-hoàng ban cho chức-chưởng, khiến thay tôi đọ mặt chiến-tràng, xông-đột nơi ao nón thiêng vàng, thu-phục lấy trào-đàng châu quận nên chăng (3) ?

---

(1) Xem *Nam-Phong* số 116, 117.

(2) Đây tả vua Tân-hoàng lâu ở châu Sầm trông cảnh nhớ về, có giọng toan khôi-phục.

(3) Đây tả chúa Nguyễn bấy giờ đã gả con cho Trịnh-tử rồi mà đem Trịnh-tử tiến lên Tân-hoàng, xin để thay mình việc chiến-trận, kẻ người khác đã tị-hiềm là mình có lòng riêng mà ngại khó, nhưng ngài không quản gì, là bởi ông tướng-thần vì nước chọn tài, không cứ là nghề tài của mình, chỉ lấy nghề tài của người làm của mình mà tiến dẫn lên cho nhà-nước, vậy đời Đông-Chu liệt-quốc, ông Kỳ-Hề tiến con là ông Kỳ-Ngọ ông Công-thúc-văn-tử tiến kẻ gia-thần là ông Soạn, và như ông Tiêu Hà tiến ông Hàn-Vương-tôn cho vua Hán Cao, cũng là như thế cả. Vả các quan văn-tướng chỉ cốt có mưu-lược độ-lượng, biết dùng tài là hơn, chớ mình là quan-hệ với cả nhà nước, không nên lấy mình xông-đột nơi chiến-trường, nên phải dùng người thay.

Ảnh đền Gióng (Phù-đổng)

Cửa đền Gióng

Cái đầm ở cạnh đền

(Tục truyền là dấu bàn chân bà Thánh-Mẫu sinh ra Đức-thánh Gióng)

Kính ảnh ông Nguyễn Văn-Mai

Ảnh đền Gióng (Phù-đổng)

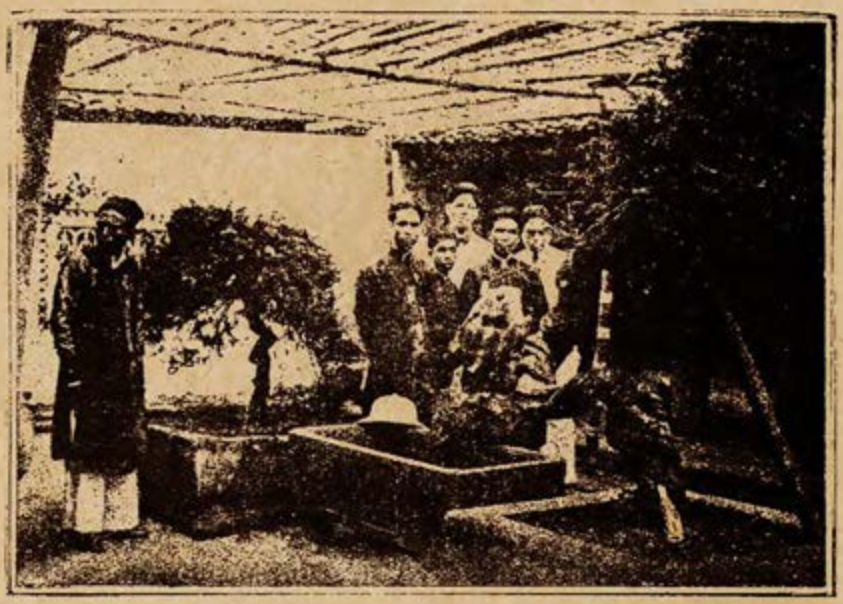

Trong đền Gióng, trước cửa nhà hiệu cờ

Nơi để cái bồn tắm bằng đá
(*Tục truyền là nơi tắm bức Thánh Gióng*) *sau đền Thánh Mẫu*

Kính ảnh ông Nguyễn Văn-Mai

Vua Lê nói (cho Trịnh Kiểm Trịnh Liệu đấu-võ) : — A Trịnh-tử ơi Trịnh-tử, trẫm nghe chúa Nguyễn nói, người là người đởm-lược anh-tài, âu trẫm cho Trịnh Liệu đấu-võ cùng ngươi, ai thiệt giỏi, sẽ ban cho chủ-súy, nghe.

Trịnh Kiểm nói : — Dạ dám tâu, tôi xin vâng mệnh.

Trịnh Liệu nói : — Dạ dám tâu tôi cũng xin vâng mệnh.

(Hai người cùng ra trước hiệu-trường đấu-võ)

Trịnh-tử đứng nói khiêu. Thét : — A Trịnh Liệu, ngươi hãy coi con gươm này của mỗ, thôi đừng khoe giọng búa là danh. — *Ngâm nam-tầu-mã* :

Chớ lưỡi vàng liễu đà long-lanh,
Ngựa hồ thét gió tung-hoành ai đang.

Trịnh Liệu đứng nói khiêu. Thét : — A Trịnh Kiểm, ngươi hãy coi chiếc búa đồng của mỗ, thôi đừng khoe kiếm võ bay hoa, *Ngâm nam-tầu-mã* :

Mũ đồng rẽ tuyết xông-pha,
Cờ hồng giật giải từng qua mấy lần.
(Hai bên giao-công)

Trịnh Kiểm đứng, ngâm đoản-mã : — Iêng-hùng vạn-nhân địch, tuốt con gươm thủ vạch vừng non.

Trịnh Liệu đứng, ngâm đoản-mã : — tráng-sĩ đầu-ngưu thôn, khua lưỡi búa hồ mòn thỏi sắt.

Trịnh Kiểm nói được trận : — *trời nói*: Ha ha, tôi vừa mới thử gươm một lát, mà bác đã chịu lùi, — *Ngâm nam-bình* :

Tiêu-nghiêm trống chửa dứt hồi,
Giải hồng-bào đã giật người trên tay.

Trịnh Liệu nói nhường tài : — *Cười nói* ; Ha ha, ta đã rắp giơ riu toan bổ, mà bác lại nhanh tay, — *Ngâm nam-bình* :

Nhác trông cờ phất như bay,
Ấu nguyên-nhung đã nhường tay anh tài.
(Hai người cùng vào tạ)

Vua Lê ngồi nói : A nay trẫm coi như Trịnh Kiểm, Trịnh Liệu, hai ngươi đấu-võ, một tay gươm tay búa ganh đua, chợt thủ-tài đã tỏ được thua, rứa mới đặng phò vua giúp nước. — *Gọi* : Quân, troàn sửa chốn tân-tràng, đặng cho trẫm đăng-đàn bái-tướng đây mơ.

(Hạ)

(Trịnh-tử vào thay bộ nguyên-nhung quân Sửa đàn rước vua Lê chúa Nguyễn và Trịnh-tử cùng ra).

Vua Lê ngồi nói cho Trịnh-tử làm chủ-súy, phong lầm hầu Dực-nghĩa, sai về đánh Mạc : — A này Trịnh-tử, trẫm nghe lời chúa Nguyễn tâu cho ngươi thay quyền chủ-súy, trẫm phong hầu Dực-nghĩa cho ngươi, vòng tên-đạn, lớp chông-gai, âu ngươi phải chen vai nhẹ bước. — *Thét* : chừ chúa Mạc dẫu có thiêng trì muôn thước, mà ta đây non nước một vùng. — *Tán* : Rứa ngươi nên vì nước lập-công. — *giồn* : góp iêng-hùng kéo lại non sông, dù muôn tử ngàn chung âu cũng đó, nên chăng. — *Ngâm nam-xuân* :

Một cây làm chẳng nên rừng,
Ba cây góp lại nên vừng non xanh (1)

Chúa Nguyễn ngồi tâu : — Dạ dám tâu Tân-hoàng, nay đăng đàn bái-tướng, như Trịnh coi thật đáng anh-tài. — *Ngâm nam-xuân* :

Trao tay một lưỡi gươm mai,
Gắng công sẽ kéo lại trời Việt-Nam.

---

(1) Đây tả vua Lê Tân-hoàng nghe chúa Nguyễn nói, lập-tức phong cho Trịnh-tử, thế là ngài tin chúa Nguyễn như một lòng và ngài lại khuyên Trịnh-tử phải xông đột nơi tên đạn chông gai, vì chúa Mạc có thánh-trí muôn thước, mà mình mới non sông một vùng, nhưng xem vua Thiếu-khang chỉ có một thành một lữ dám lại được nhà Hạ nay Trịnh-tử nương nghĩa mà về, tuy không có kẻ chi thế lớn nhỏ mạnh yếu, cai nhân lòng người mến nhà Lê, mà đuổi được Mạc, vậy nên góp sức anh-hùng lại mà kéo lấy non sông thì giàu sang ở đó nên câu hát nam lấy ba cây để ví Lê Nguyễn Trịnh là ý thế.

Trịnh-tử qui tâu xin vâng mệnh : — Dạ dám tâu, tôi Trịnh-tử, — *hường* : Từ khi thơ bé, gặp khúc loạn-ly, *tán* : phải lánh mình lần bước ra đi, — *thét-hường* : Khi rừng thiêng nước độc, khi vào hiểm ra nguy, — *tán* : May gặp đấng chúa Nguyễn sẵn lòng yêu mến, đặng gần nơi bệ ngọc tâu qui, chừ Tân-hoàng ban cho chức-chưởng, khiến đem quân về mở kinh-kỳ. — *Ngâm nam-bình* : Ơn ngãi này chất nặng ra đi, — *Tán* : Rứa mà tôi dám quản, — *Ngâm* : quyết đem gan óc đền nghi trời xanh (1). — *Tán* : Vậy tôi tâu Tân-hoàng và đấng chúa Nguyễn ngài trở lại hành-dinh, đặng tôi sẽ điều-binh thảo-tặc, dám sai. — *Ngâm nam-bình* :

Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
Tiêu-nghi bát-tiểu việc ngoài đồng-nhung ;
Iêng-hùng mới biết iêng-hùng,
Thước gươm thề quyết chẳng dung giặc trời (2).

(*Hạ màn*)

HỒI THỨ VI

Về Thanh-hoa vì chàng nên chúa mến.
Trông Ai-lao vì chúa để chàng vương.

Chương-trình

Khi Trịnh Kiểm sắp về Thanh-hoa, Ngọc-Bảo ra tiễn-biệt, bấy giờ nhiều khúc điệu tây-tương não-nuột lắm, khi Trịnh Kiểm về gần đến Thanh-hoa bây còn quay lại Ai-lao cảm-biệt, có quân voi bồi ngựa theo nói ba-lơn mực cười.

BÀI-TRÍ

Cảnh tiệc tiễn và đường rừng.

CÁC VAI TRÒ

Trịnh-tử — Ngọc-Bảo — Quản voi — Bồi ngựa — Cậu lính.

. . .

Trịnh-tử ra bạch (sắp về Thanh-hoa gọi Ngọc-Bảo tự-biệt) : — *Hường* : Tình riêng ghi tấc dạ, ơn trên nặng đỉnh đầu ; — *Tán* : Tôi Trịnh-tử, xưa từ ngày tới chốn Sầm-châu, may gặp nhà chúa Nguyễn, cùng tiểu-khanh lựa dịp gieo cầu, chừ ơn vua ngãi chúa, son phấn vẽ mày râu. — *Hường* : Rứa iêng-hùng khi đua đuổi cung dâu, âu nhi-nữ cũng vướng tình tơ liễu (3). — *Cười nói* : Ha-ha, — *giỡn* : Bối tình riêng đố ai không dan-díu. — *Vỉa nam-thương* :

Tình đố ai không dan-díu,
Lúc xa đàng khuất nẻo ngại-ngùng thay.
Lam-kiều cách trở nước mây,
Cỏ cao hơn thước liễu gầy và phân (4).

Gọi : Quân, đòi tiểu-khanh ra cho ta nhủ dây mơ. (*vào ngồi*)

Cậu lính dạ, nói ba-lơn ngoài : Xà - xà, ông này sắp đi đánh giặc, có khi nhớ vợ chắc.

Công-chúa Ngọc-Bảo ra bạch rồi Trịnh-tử từ-biệt : — *Hường* : Than ôi!

---

(1) Đây tả Trịnh-tử đối vua Lê Tân-hoàng xưng danh rồi nói lai-lịch từ khi tị-loạn vào châu Sầm, may được chúa Nguyễn đàng tiến, mới được tới trước vua tâu qui, nay ơn vua ban cho chức-chưởng như thế thì khó đem phận nhỏ đền nghĩa lớn được.

(2) Đây tả Trịnh-tử vâng mệnh rồi đứng dậy nói hùng-khái như thế.

(3) Đời xưa sinh con trai, người cha làm cung gỗ dâu tên cỏ bồng bắn bốn phương, để tỏ chí con trai ở bốn phương, và mạch-dầu dương-liễu là cảnh người trinh phụ nhớ chồng. Đây tả Trịnh-tử nói lai-lịch, nhân nói mình chịu mệnh về đánh Mạc, thì tình công-chúa cũng vương mến.

(4) Đoạn này là tả Trịnh-tử nói mình từ đây đi giẹp Mạc đã đành cung dâu là việc kẻ anh-hùng, mà tơ liễu thực vướng sầu cho kẻ nhi-nữ, nhân cười mà nói, dẫu ai là cũng phải bối tình lưu-luyến như vậy ; nhân tưởng đến khi mình đi vắng rồi, thì nước mây xa cách, cỏ cao liễu gầy, nghĩ càng ái-ngại cho công-chúa cái cảnh ấy.

Dành kẻ sang vị nước, vắng đàn ông quạnh nhà (1). — *Tán*: Tôi từ khi gặp chàng Trịnh-tử, — *thét hường*: trao lời vàng đá, kết ngãi trâm thoa; khi lồng bóng dãi cùng gương bạc, khi chén son nguyện với trăng già. — *Tán*: Nay nghe chàng Trịnh-tử, — *thét*: ơn vua ngãi chúa, ra mở cõi san-hà. — *Tán*: Âu từ đây — *thét*: chen vòng tên đạn, vào lớp can-qua. — *Ngâm*:

Ngại-ngùng nước thẳm non xa,
Tình chàn gối, việc cửa nhà,
Lòng nhi-nữ ai mà không quyến-ái.

— *Thét*: Thôi thôi, đàng đi đàng còn lại, — *giồn*: nay chàng bởi vì việc quân-vương, mà nặng lòng trung-ngãi, — *ngâm*: Âu hề chi *sép)* Âu hề chi quản-ngại bối tình chung, — *tán*: rứa, tôi xin lòng trời giúp đỡ iêng-hùng, vắng tên đạn, lớp gai chông tránh khỏi, — *giồn*: đàng ngàn dặm con ngựa hồ len-lỏi. — *Vía nam-xuân*:

Ngàn dặm ngựa hồ len-lỏi,
Quét bụi hồng mà mở lối non sông:
Vừa tuần nguyệt dãi gương trong.
Vợ chồng thuận tát bể Đông tôi cũng đành (2).

Vào nói: Dạ, dám bẩm, tôi tiểu-khanh ra hầu.

Cậu linh nói ba-lơn ngoài: Xà xà, bây giờ ông bà mới sắp phàn-nàn với nhau đó, sắp đi đánh giặc, hãy còn giằng-mắc, thì có mà đánh cái « kĩu-kit ».

Trịnh-tử ngồi than biệt: — *Thét*: A tiểu-khanh ơi tiểu-khanh, ta từ khi cùng tiểu-khanh xe tơ kết tóc. — *Ngâm*:

Khi yêu yêu mến mến,
Ta ta mình mình,
Tôi tôi anh anh.

— *Réo*: duyên chỉ hồng lá thắm. — *ngâm*:

Chỉ thề nước biển non xanh (3)

— *Tán*: nay ơn vua ngãi chúa, trao phó việc trào-đình, — *Thét*: cuộc tiến-tiểu, sự hành-chinh, âu anh phải giấn mình ra xốc vác; thôi từ đây giúp Lê giẹp Mạc, sá quản vòng đạn tên chông mác, *giồn*: rứa nhưng mà luống hãy nhớ lời nguyền ước. — *vía nam-thương*:

Luống hãy nhớ lời nguyền-ước,
Cảm thương người khi gió vàng trăng bạc
quanh rừng sâu.
Ngại-ngùng khi bước lên cầu,
Gánh tình xẻ nửa mối sầu chia hai (4).

Cậu linh nói ba-lơn, rồi ngâm tiếp câu nam-thương: Ông bảo ông không kính gì chông gai tên đạn cả, — *tiếp nam-thương và múa*:

Chớ sợ gì tên đạn chông gai,
Chỉ giằng-mắc sự con chai chẳng có.

Trịnh-tử thét.

---

(1) Câu ngạn nói: « sống vì làng sang vì nước », đó là công-chúa nói Trịnh-tử; lại nói: « vắng đàn ông quạnh nhà, vắng đàn bà quạnh bếp », đó là công-chúa nói mình vắng Trịnh-tử.

(2) Đây tả công-chúa nói từ khi cùng Trịnh-tử kết ngãi, soi gương thề nguyệt, tình-ái rất nồng, nay chợt nghe Trịnh-tử vâng mệnh ra giẹp Mạc, kẻ nhi-nữ tình chung dù ai cũng phải quyến-luyến, nhưng nghĩ đi còn nghĩ tại, chàng nay còn nặng lòng trung-nghĩa mà nhẹ bối tình-riêng, thì mình cũng không quản-hề gì cái tình chung đó, chỉ còn trời giúp đỡ cho chàng tránh khỏi chông gai tên đạn và mở được non sông, thì mình còn đang khi trăng tròn gương tỏ, thuận vợ thuận chồng, dù tát bể Đông cạn cũng là bằng lòng lắm. Thế mới biết việc phải nghĩa đầu đàn bà cũng thỏa, nên vua Lê của Nguyễn được Mạc cũng phải.

(3) Sách cổ vợ chồng gọi nhau là khanh. Đây tả Trịnh-tử nói cùng công chúa yêu mến như vậy. — (4) Đây tả Trịnh-tử nói vâng mệnh đi giẹp giặc, thì không có quản-ngại gì sự đạn tên chông mác, nhưng chỉ nghĩ đến công-chúa ở chầu Sầm một mình, khi gió lạnh trăng trong mà cảm nhớ thôi.

Cậu linh nói :—Dạ, bẩm ngài, cô chai nó chả là bạng-duật tương-trì, dĩ thu ư ngư-nhân chi thủ à.

Ngọc-Bảo đứng nói, (chuốc rượu tiễn-biệt) :—Dạ dám bẩm quân hầu, — *Ngâm* :

Ơn ngài vua tôi nặng đỉnh đầu,
Vợ chồng duyên kiếp xiết bao lâu ;
Việc quân-vương xin chàng cứ trẩy,

— *thét* : Sá kể chi mình thiếp — *Ngâm* :

Non xanh nước biếc cỗi rừng sâu.

— *tán* : rứa thiếp xin chuốc một chén tiễn-biệt. — *ngâm* :

Khuyên chàng đừng giằng-mắc bối tơ sầu.

— *Ngâm thơ tứ-tuyệt* :

Yêu nhau xin đặng nhớ lời nhau,
Năm dẫu cách chầy tháng chẳng lâu ;
Nhớ bữa hôm nay đưa tiễn chén,
Chén mừng xin đợi tới năm sau (1).

Cậu linh nói ba-lơn ngoài : Ngay bây chừ mới thủ chứ, biết bao chừ cho tới năm sau. (*Trịnh tử thét, cậu linh nói*). — Dạ bẩm ngài tảo nhất-nhật, tắc khoái nhất-nhật chi chí.

Trịnh-tử đứng nói tương-biệt, rồi giục Ngọc-Bảo trở lại : — *thét* : Ơi tiểu-khanh ơi, nhác nom em ngần-ngần ngơ-ngơ, thư tử lững-đững. — *Vỉa nam-thương* :

Ngơ-ngần thư-tử lững-đững,
Nửa bối sầu giằng-dằng thêm vương.
Bỏ về chân lại đá ngang,
Chứ về sao cho đứt cho đang mà về.

— *thét tán* : Thôi thì cho tiểu-khanh trở lại thôi (2).

Cậu linh nói ba-lơn : —Ông tôi bảo mời bà trở lại, thì ông mới về đứt đặng, mà cứ giằng-mắc mãi, hay là bà đi viện quân hộ chăng ?

Ngọc-Bảo đứng nói tương-biệt, rồi giục Trịnh-tử lên đàng : — *Thét* : Ơi quân-hầu ơi, luống vì chàng ngần-ngần ngại-ngại, bối-rối âu-sầu, chín khúc ruột quặn đau như cắt, con chim oanh trên ngành réo-rắt, mảnh tơ tình ai dứt cho xong. — *thét* : Thôi thì xin quân-hầu lên đàng thôi nhé !.

Cậu linh nói ba-lơn : — Thôi xin mời ông trẩy kẻo muộn, cứ than vãn mãi, hay là ở quách lại mà áp trận đã.

(*Trịnh-tử thét quở*).

Trịnh-tử đứng ngâm thơ rồi lên đàng :

Tuổi trẻ buồng không chửng biết sầu,
Ngày xuân trang-điểm bước lên lầu ;
Nhác trông bờ liễu xanh xanh ngắt,
Chồng vắng quan xa nghĩ mới rầu (4)

(*Hạ*)

Ngọc-Bảo đứng trông theo ngâm thơ rồi trở lại :

Mỏn dặm đường trường ruổi vó câu,
Trông ngày tới đã khuất mấy ngàn dâu ;

---

(1) Đoạn này tả công-chúa ra đến chốn trường-đình tiễn-biệt, thấy Trịnh-tử có lòng vương-vấn, nên công-chúa gác bối tình, mà nói lòng trung-nghĩa khuyên Trịnh-tử, thế mới là đàn bà khéo lấy nghĩa khuyên chồng. Vả lòng đàn bà hay nặng vì tình, đàn ông hay nặng vì nghĩa, nay tả Trịnh-tử nặng tình, công-chúa nặng nghĩa, thế mới ra tài-tử hiền-phụ.

(2) Đoạn này tả Trịnh-tử trông thấy công-chúa đi tiễn mình có ý buồn rầu mà vẫn coi ra yểu-điệu đoan-trang, càng trông càng vướng, nên giục trở về.

(3) Đoạn này tả công-chúa thấy Trịnh tử thương-biệt mà mình cũng động lòng thương-biệt và nghe tiếng con chim oanh kêu hình như cũng có ý thương-biệt, thì lại cảm-thương lắm, bởi cổ-thi có câu rằng : « Hoàng-oanh cửu trụ hồn tương-hiểu, lâm biệt tần đề tứ ngũ thanh 黃鶯久住魂相繞。臨別頻啼四五聲 » là nghĩa như đó.

(4) Đây tả Trịnh-tử giải nghĩa câu Đường-thi : 閨中少婦不知愁。春日凝妝上翠樓。忽見陌頭楊柳色。悔教夫壻覓封侯。

Lô-xô dẫy núi nhô đầu mọc,
Bát-ngát ngàn hoè bát-ngát sầu (1).

(*Hạ*)

(*Bày cảnh đường rừng. Trịnh-tử, một tên quản voi đóng đồ mường tay dắt voi tay xách điếu, một tên bồi ngựa đóng đồ bồi, tay giong ngựa tay cầm roi, cùng ra.*)

Trịnh-tử ra bạch (*mở đường về Thanh-hoa*) : — *Hường* : Muốn ra tay bắt hổ, trước phải tỏ hang hầm, — *Tán* : rứa kia nay chúa Mạc chiếm-cứ vòng non nước mấy mươi năm ; — *Thét hường* : Kia đào hào đắp lũy nọ trở ải quanh đầm, *Tán* : rứa hiểm-trở làm vậy, — *Thét* : mà ta đây mới ra tự châu Sầm, âu phải biết chốn nào là then khóa, trước đem quân chẹt phá, giữ thiềng vàng, chen vách đá, — *tán* : để làm nơi tượng mã đóng yên đầm, sẽ tìm đàng thông nẻo châu Sầm, rước Tân-hoàng và đấng chúa, ra mở cõi sơn-lâm, — *thét tán* : dù quân nó ngàn trăm chi quản ngại. — *Gọi* : Quân, giục voi ngựa lên đàng thẳng ruổi, đây mơ (2). *Quân dạ dạ.*

Quản voi ra bạch (*quản voi bồi ngựa hai vai đối nhau xem tay nào giỏi*). — *Vía* : Sớm dậy buộc dây lưng, *ngâm* : đem con voi tôi đi lận rừng, — *giồn* : Tôi đi quanh đi quất, đi ngang đi tắt, — *thét* : Qua Mường này sang Mường nọ, — *ngâm* : Tôi chất ghính cỏ gừng tối trở ra. — *thét* : Ối như cái con voi này, — *Giồn* : nó vừa đi vừa bước, — *ngâm* : rứa nó quen uống nước các con sông Mê-hà. Này *thét* : hỡi các cô con gái da ngà trắng muốt, — *giồn* : ai có muốn đánh cồng cưỡi tượng — *ngâm* : thì đà lấy tôi. *Trịnh-tử thét mắng* : chi thằng !

Bồi ngựa ra bạch. — *Vía* : Sớm dậy cầm chiếc roi. — *ngâm* : giong con ngựa tôi đi qua đồi — *giồn* : Tôi bước cao bước thấp, chạy ngửa chạy sấp. — *thét* : hết đèo này qua đèo khác. *ngâm* : tôi cắt gánh cỏ mỏi tôi trở về. — *Thét* : Ối như cái con ngựa nay, nó vừa xinh vừa nhỏ. — *Ngâm* : rứa nó quen ăn cỏ cái mom sông Bồ-đề. Này — *thét* : hỡi các cô con gái má hồng đen kịt, — *giồn* : ai có muốn tốt áo phò mã — *ngâm* : thì về với tôi (3).

Trịnh-tử đánh mắng, chi thằng !

Trịnh-tử đứng hát khách-phú (*tức bắc-tầu-mã*) *Thét A* : *ngâm*, xa xa dẫy núi, nẻo ngựa về len-lỏi chồn châu, dặc dặc hàng quân, đèo hoa nở quây-quần chạm mặt (4).

Quản voi chạy nói : Coong coong coong coong

---

(1) Đây tả công-chúa đã trở lại đến nửa đường còn quay trông lối Trịnh-tử đi mà bận rằng ngàn dâu và dẫy núi che mất con mắt mình không trông theo được nữa, mà chỉ thấy ngàn hoa man-mác như gợi cơn sầu mà thôi.

(2) Đây tả Trịnh-tử trong lòng nghĩ tướng-lược như thế, và cùng với chư-tướng bàn quân-cơ, nói chúa Mạc cứ hiểm đã lâu, mà ta nay mới ra tự châu Sầm, nên phải biết chốn nào là hiểm-yếu, trước chẹt phá ngang, để làm chỗ chứa chân, rồi sẽ thông nẻo châu Sầm rước vua Tân-hoàng và chúa Nguyễn ra, thì bấy giờ mới có thế như vua Hán-Cao giữ Ba-thục Quan-trung đủ toan được Trung-hoa, không ngại gì nữa. Trịnh-tử nói thế rồi mới giục cho quân thúc voi ngựa lên đường.

(3) Đây tả tên quản voi và tên bồi ngựa ra nói đối nhau tức là cách song-vãn, xem tay nào giỏi.

(4) Đây tả Trịnh-tử đi đường rừng, ý như Đường-thi có câu « sơn tòng nhân diện khởi, vân-bạng mã đầu sinh 山從人面起、雲傍馬頭生 ». Là đường hiểm non cao trông cảnh-tượng như vậy.

Bồi ngựa chạy nói : nhong nhong nhong nhóc.

Trịnh-tử đánh mắng : Xi quái lạ những thằng.

Quản voi bầm : Dạ bầm ngài, cái con voi này nó dữ quá, nó là voi tréo ngà, ngày trước hễ cô nào hay nỏ mồm là nó vật nó xé ngay, chứ nó cứ hục-hặc hục-hặc, hay là tôi trói nó tôi bỏ vào rọ tôi mạng.

Bồi ngựa bầm : Da bầm ngài, cái con ngựa này nó cứ nhung-nhăng nhung-nhăng, nhà cô kia vừa mới mó vào chỗ chân sau nó, nó đá ngay, hay là tôi xe chỉ tôi buộc chân nó tôi xách.

Trịnh-tử thét mắng.

Trịnh-tử dừng thét : Ơi như đây, — *Hướng* : nghẽn rừng quanh-quất, kẽ động mờ xanh, cỗi ngàn cây chen-chóc, chồng vách đá chênh-vênh.

Quản voi nói ba-lơn : Dạ bầm ngài, con đàng này voi khó đi lắm, vì chân nó bằng-bặn, đây chả có cô nào chân son-sẻ được như nó, nên nó cứ lệt-đệt, lệt-đệt.

Trịnh-tử thét quở.

Bồi ngựa nói ba-lơn : Dạ bầm ngài, con đàng này ngựa đi cũng mệt, khi nó đổ mồ-hôi, hơi thơm ngay như sà-phòng quế, đây chả có mấy cô, hơi thơm được như mồ-hôi nó.

Trịnh-tử thét quở.

Trịnh-tử dừng ngắm : — Kia kia như con con vượn nó véo-von đèo ải, — *thét* : ừ con vượn về ải. — *Ngắm* : Kia kia như con chim nó réo-róc đầu ngành, *thét* : ừ con chim liệng ngành. — *Ngắm giồn* : Tà tà xế-xế bóng ác dãi chênh-chênh. — *Ngâm tiếp nam-thương* :

Một ghềnh non sông nửa ghềnh tình,
— *hàn* : rứa như tôi vì nước vì nhà,
sá dễ mà quên đặng. — *Ngâm* : Bỗ ai dứt mối tơ-mành cho xong (1).

Quản voi bảo bồi ngựa : Ông đem voi ngựa đi đánh giặc mà vẫn không quên tình, ông đa-tình thật.

Bồi ngựa gật gật.

Trịnh-tử dừng trông lại Ai-lao, thét hướng : Đồi lá phủ, đặm mây lồng, *ngâm giồn* : Xa xa ta đứng lại mà trông. — *thét* : Kia kia cái dẫy đèo non nó khuất-khúc khuất-khúc — *ngâm* : quanh vùng — *réo* : Ai-lao. — *Tiếp nam-thương* :

Nhớ ai như điếu thuốc lào,
Đã chôn điếu xuống lại vào điếu lên (2)

Bồi ngựa bảo quản voi : — Ông chỉ nhớ bà chứ ông còn nhớ ai, rứa mà chẳng nằm bò ở trong nước Lào mà ăn mầm ngóe, lại về chi mà nhớ thuốc lào ?

Trịnh-tử thét quở.

Trịnh-tử dừng gọi : — Quân, bỏ cái điếu, nghỉ ăn miếng thuốc.

Quản voi bảo bồi ngựa : — Đi đàng xa nhọc đã chết đi, cứ hút thuốc vặt, thở không đặng mà vẫn còn nhớ vợ.

Bồi ngựa bảo quản voi. — Thì cứ cho ông thở cho sướng.

Trịnh-tử thét quở.

Trịnh-tử ngồi hút thuốc, sực đứng dậy nói : — *thét* : Ư, ăn miếng thuốc

---

(1) Đây tả Trịnh-tử từ châu Sầm ra, trải bao nhiêu rừng núi hiểm-trở, và nghe vượn hót chim kêu, có ý về ngàn luyến tổ, buổng trời chiều bóng xế, trông cảnh động tình mến nước nhớ nhà, ghềnh non sông chất nửa ghềnh tình, tơ sầu khôn dứt được.

(2) Đây tả Trịnh-tử đương đi đường rừng, chợt quay lại trông châu Sầm chỉ thấy những đồi lá phủ đặm mây lồng che con mắt và dẫy đèo non khuất khúc quanh khắp vùng Ai-lao, nhân lại nhớ đến công-chúa, không bao quên được, đó là đương đi mà quay lại, là một cách vấn hồi bộ, điệu này rất khó lắm.

nhọc, đi cho quên nhọc. — *ngâm* : Nẻo đàng về lặn-lọc còn xa (1). — *Hỏi* : Chớ đây đã tới Thanh-hoa chưa ? — *(quân)* : Bẩm đã tới.

Trịnh-tử nói : Ư hễ tới Thanh-hoa là đất nước nhà. — *Ngâm nam-thương* :

Chớ chung quanh vẫn đất nước nhà,
Nhìn phong-cảnh cũ nay đã khác xưa (2).

Gọi : Quân, troàn chư-tướng đồn dinh hạ trại, đặng ta sẽ đầu thư thảo Mạc nên chăng (3).

(Quân dạ)

Quản voi nói : Xì, cái con voi này nó cứ lù lù, hễ giặc đến, ông chỉ giấu mày vào đụn rạ. Tôi nói thiệt, chớ trăm con voi nấu không được một bát nước xáo, cơ.

Bồi ngựa nói : Xì, cái con ngựa này nó không có sừng, khi đến chỗ giặc, nó lấy chi nó húc, biết thế hôm nọ tôi cưỡi con bò đi, hễ giặc đến, chỉ giơ đầu bò ra là nó chịu.

(Trịnh-tử đánh mắng)

(Hạ màn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

HOÀN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

Ái - tình

(Trích ba trang sách của người đi săn)

... Tôi mới đọc trong báo mục thời-sự thấy một truyện bi-kịch về ái-tình. Anh chàng giết chị chàng, rồi tự-sát ; thế là anh thương yêu chị lắm. Mà anh hay chị nữa, cũng chẳng hề chi. Chỉ biết có cái bi-tình của hai người mà thôi ; không phải rằng câu chuyện bi-tình đó có làm cho tôi cảm-thương gì, hay là lấy làm lạ gì, hay là làm cho động lòng chi, hay là khiến cho nghĩ-ngợi gì ; nhưng chỉ vì nhân chuyện này mà tôi nhớ đến một chuyện thủa trẻ, chuyện đi săn cũng lạ, đã khiến cho tôi lần ấy là lần đầu mới biết ái-tình là cái gì, khác nào như các nhà theo đạo Thiên-chúa hồi đầu mơ-màng như trông thấy cây câu-rút ở giữa trời vậy.

Tôi bẩm-sinh tính thô-bạo như giống người dã-man đời cổ-sơ mà lại có cái lâm-lý văn-minh nó chế lại. Tôi ham săn-bắn quá ; bắn được con vật

(1) Đây tả Trịnh-tử sau lúc quay lại, rồi gọi quân dừng ngồi hút thuốc lào, khi hút thuốc rồi lại ngại mệt gượng đứng dậy đi, vì ngại đường còn xa, nên chợt quay lại, chợt dừng ngồi, chợt gượng đi, làm lắm cách quay giở biến-hóa như vậy, để rõ là đường rừng hiểm-ác xa-xôi, mà Trịnh-tử vốn là người mạo-hiểm.

(2) Đây tả Trịnh-tử khi chợt về đến Thanh-hoa, có ý trông nước non thành quách nước mình coi khác lạ cả.

(3) Đây tả Trịnh-tử về đến Thanh-hoa, truyền cho chư-tướng đồn dinh hạ trại, rồi sẽ đưa chiến-thư thảo Mạc, thế mới phải là cách tướng đi đàng xa nên nghỉ quân, và hợp lẽ đường-đường chính-chính, vâng mệnh đánh kẻ có tội. Vả việc binh cốt có thanh-thế, trước tiếng mà sau thực, nay Trịnh-tử đóng quân chờ đó, là cũng đợi cho thanh-thế to.

nào, máu-me nhễ-nhại, còn rây-rớt cả trên lông trên tay, tôi có cái cảm-giác khoái-lạc lạ, tưởng ngất người đi được.

Năm ấy, về cuối mùa thu, chợt trời trở rét, tôi nhận được giấy của một người anh em họ tôi tên là Cát-nhĩ, mời tang-tảng sớm đi bắn vịt trời ở ngoài đầm với anh ta. Người anh họ tôi là một nhà điền-chủ xứ quê, tuổi chạc 40, da ngăm-ngăm, râu rậm, sức-lực mạnh lắm, tính cũng thô-bạo, nhưng vui-vẻ, khéo hài-hước, cho nên không ra người tục-tằn. Bác ta ở một cái trại có nhà lầu cao, ở giữa một cái thung rộng, có con sông chảy, các đồi bên tả bên hữu đầy những rừng rậm, rừng này là của các nhà qui-tộc ở đây trồng đã mấy mươi đời, trong còn nhiều thứ cây đẹp lắm; lại các giống chim lạ cũng là nhất cả vùng nước Pháp này. Xưa kia có khi bắn được cả chim ưng, ta thường gọi là chim phượng-hoàng, còn những giống chim mùa, ngày nay không mấy khi đến các xứ ta nữa, vì người ở đông-đúc, thời xưa kia thường thường là trầy qua miền rừng này cả, hình như cho chỗ này là một nơi sầm-lâm tự cổ-thời, có thể làm chỗ độ-đường để nghỉ đêm trong cuộc viễn-trình vậy.

Trong lũng thì những bãi cỏ cao, có khe nước chảy giữa, có bụi cây cách nhau; rồi đàng xa thì con sông trước vẫn khơi đào tử-tế, nay để cho chảy tràn ra thành một cái đầm rộng. Đầm ấy thật là một miền săn-bắn thú quá, tôi chưa từng được biết chỗ nào săn sướng bằng chỗ này, mà người anh họ tôi cũng trân-trọng lắm, giữ-gìn như một nơi vườn cảnh, chốn hoa-viên vậy. Đầm đầy những lau cùng sậy, gió thổi rập-rờn, bát-ngát như sóng bể, lại tiếng lao-xao như tiếng thông reo: trong có sửa-sang thành đường lối, để cho thuyền đi len-lỏi vào được. Thuyền đây là thứ thuyền phẳng lòng như cái nhà, đầy bằng sào, mặt nước phẳng-lặng, ta-từ chở đi, chạm vào lau-lách, làm cho cả đương tung-tăng dưới đám cỏ vụt chạy trốn, và lũ cuốc đen đầu nhọn mỏ, đương nhấp-nhô trên mặt nước, liền lặn xuống mà biến đi...

Tôi bình-sinh vốn ham những cảnh sông nước lắm: cảnh bể thời mông-mênh quá, hoạt-động luôn, cũng thích, nhưng tựa-hồ như không thuộc quyền sở-hữu của mình; cảnh sông con thì thanh-thú thật, nhưng là cái cảnh lưu-thủy, hành-vân, đi luôn, chạy luôn, như không cầm lại được; đến cảnh đầm nước thì tôi ưa thứ nhất, vì nó có cái vẻ lặng-lẽ mà linh-hoạt, thường dung không biết bao nhiêu loài dã-cầm thủy-tộc. Cái đầm nước, là biệt ra hẳn một thế-giới, một thế-giới khác với thế-giới ngoài, có cách sinh-hoạt riêng, có các giống ở riêng, giống thường ở luôn với giống ở các nơi khác qua lại; lại có các thứ tiếng kêu tiếng động đặc-biệt, có như một cái vẻ thần-bí cũng lạ. Cái cảnh đồng sâu nước phủ, tưởng không có cảnh gì rùng mình, chột dạ, ghê-sợ, hãi-hùng bằng. Bởi sao vậy? Có phải là tại tiếng lau xào-xạc, lửa trời chấp-chới; hay là tại cái vẻ lặng-lẽ những khi đêm khuya tịch-mịch; hay là tại những đám sương mù thướt-tha trên ngọn lau ống sậy như cái áo phủ người chết; hay là tại tiếng nước bi-bõm, tiếng nhẹ-nhàng, êm-ái, mà nghe rợn hơn là tiếng súng của người, tiếng sấm trên trời; có phải tại thế mà những nơi đầm nước có cái khí-vị phảng-phất như chốn mơ-màng, ghê-sợ như có cái bí-mật gì nguy-hiểm cho người ta vậy?

Không, không phải thế, cái vẻ bí-mật đây là một cái vẻ bí-mật khác, trang-nghiêm trầm-trọng hơn; có lẽ là cái bí-mật của sự hóa-sinh trong trời đất, mà nó phảng-phất ở trong đám sương-mù kia vậy. Cái mầm sinh-hoạt thứ nhất, thủa Tạo-hóa mới gây hình ra các giống vật, há chẳng phải là

phát-sinh ra ở trong đám nước tù bùn vẩn, trong cái khí thấp-nhiệt, bởi mặt trời chiếu vào đất bùn mà bốc lên dư?...

Chiều hôm ấy tôi tới nhà anh họ tôi. Tuyết sa tưởng đến vỡ đá ra.

Ăn cơm tối ở trong buồng ăn lớn, tủ, tường, trần, đầy những chim là chim, đủ các giống, ướp để làm đồ bày chơi, con thì giương cánh ra, con thì đứng vào cành cây như đậu thật, nào là diều-hâu nào là cô-diệc, nào là các giống cú, nào là chim đớp muỗi, nào là chim ó, nào là chim kén-kén, nào là chim thầy bói, vân-vân. Bác anh họ tôi, ngồi giữa đám chim đó, mặc cái áo « gia-kết » bằng da hải-cẩu, trông cũng hình như một con thú kỳ dị gì ở xứ lạnh; vừa ăn cơm anh ta vừa kể chuyện về cách sắp đặt đi săn đêm hôm nay.

Định ở nhà đi vào ba giờ rưỡi sáng, để chừng bốn giờ rưỡi thì vừa đến chỗ đã sửa-soạn để bắn. Mùa này vào gần sáng có một thứ gió lạnh ghê lắm, như xé da, như cắt thịt, như châm-chích vào người bằng cái kim độc, như vặn thịt bằng cái kìm, như đốt da bằng lửa cháy. Muốn tránh cái gió ác đó, nên đã phải lấy những tủng nước đá chồng lên làm thành một cái ụ, để nấp mình vào đấy.

Anh Cát-nhĩ xoa tay mà nói rằng: « Tôi chưa thấy bao giờ tuyết xuống lạnh như hôm nay. Lúc sắn giờ chiều, hàn-thử-biểu đã xuống 12 độ dưới số không rồi. »

Cơm xong tôi vào giường ngủ ngay, lò sưởi đốt sáng rực mà tôi nhắm mắt ngủ được.

Đồng-hồ đánh ba giờ, người nhà đánh thức dậy. Tôi cũng mặc một cái áo da cừu, mà anh Cát-nhĩ thì mặc cái áo da gấu. Mỗi người uống hai cốc cà-phê nóng bỏng lại thêm hai cốc sâm-banh nữa, rồi đứng lên đi, có một tên người nhà hướng đạo, và hai con chó săn quen, một con lôi được nên đặt tên là con « Lận » và một con tên là « Bìu-tô ».

Vừa bước chân ra ngoài, thấy lạnh buốt đến xương. Đêm hôm ấy là một đêm tưởng như quả đất này cũng phải chết vì rét; không-khí như đông-đặc lại, xúc-động vào người làm cho đau-đớn; không có tí gió nào động-đậy; khí trời như ngưng-trệ lại, không hoạt-động được; khí lạnh như ăn suốt vào đến tinh-tủy các cây cỏ mà làm cho héo chết đi; các giống sâu-bọ, các giống chim nhỏ, cũng trên cây rơi xuống đất rắn mà chết cóng cả.

Mặt trăng thì đương vào tuần tạ-huyền, mọc chếch hẳn về một bên, đứng trơ-vơ trong khoảng không, như yếu-đuối quá không thể nhích đi được nữa, lưa-hồ như cũng vì khí trời lạnh quá mà liệt-vị ở trên cao đó. Ánh sáng thời thì im-đạm, thật là cái ánh sáng về cuối tháng, đã sắp đến ngày tàn.

Anh Cát-nhĩ với tôi, hai người đi cạnh nhau, lưng cúi xuống, tay bỏ vào túi và súng cắp dưới nách. Giầy đi có bọc « len », để đi lên trên nước đông không trượt, nên đi êm không có tiếng; tôi thì tôi nhìn hai con chó nó thở hơi ra như khói trắng.

Đi một lát thời đến bờ đầm, rẽ vào một cái lối đi ở giữa đám sậy khô, đi len lỏi vào trong cái rừng lau-lách đó.

Khuỷu tay đụng vào những chùm lá dài, thành tiếng sột-sạt; bấy giờ tôi thấy có cái cảm-giác lạ, là cái cảm-giác mỗi khi tôi đứng trước những cái cảnh đầm nước như chốn này, nhưng lần này có ý mãnh-liệt hơn mọi lần khác. Cái đầm đây, thật là cái đầm đã chết rồi, chết rét rồi, vì lau sậy đã khô cả, mà chúng tôi đi lên trên được.

Chợt đến chỗ đường rẽ thời trông thấy cái ụ bằng nước đá đã đắp để tạm nghỉ ở đây. Còn ngót một tiếng đồng-hồ nữa, các giống dã-cầm mới thức dậy, tôi bèn vào trong ụ, quăn chân đắp để cho ấm người lên.

Bấy giờ nằm ghé lưng xuống, mới nhìn ra mặt trăng ở ngoài, chiếu qua vào vách đá, sai hình hẳn đi, trông như trăng có bốn sừng vậy.

Nhưng mà khí lạnh bốn bề, lạnh ở dưới đầm nước đông, lạnh ở trong vách nước đá, lạnh ở trên không trút xuống, thấm buốt cả người, tôi mới nổi ho lên.

Anh Cát-nhĩ có ý lo, nói rằng : « Thôi, hôm nay chẳng bắn được nhiều thì chớ, chỉ sợ chú lại đâm ho ; để tôi bảo nó đốt lửa. » Rồi bảo tên người nhà cất sậy.

Đắp thành đống ở giữa ụ, chọc thủng trên mái cho khói lên, khi ngọn lửa đỏ bốc lên, thì những khối nước đá trong như thủy-tinh chảy dần ra, như là đá đổ mồ-hôi vậy. Anh Cát-nhĩ đứng ngoài gọi tôi : « Chú ra mà xem kia kìa ». Tôi ra, cảnh tượng li-kỳ, khiến cho ngẩn người ra mà lấy làm lạ. Cái ụ bằng nước đá lúc bấy giờ, hình tròn đầu nhọn, trông như một phiến kim-cương vĩ-đại, trong sáng loè như lửa, như tự-nhiên mới mọc lên ở giữa đầm nước đông vậy. Nhìn suốt vào bên trong, thấy hai cái hình kỳ-dị, tức là hai con chó đương nằm sưởi.

Giữa bấy giờ nghe thấy một tiếng kêu la, vang ở trên đầu, tiếng kêu thảm-thiết, như tiếng chim lạc đàn. Thì ra chúng tôi đốt lửa đã đánh thức các chim muông dậy.

Không gì tôi cảm động bằng nghe thấy cái tiếng kêu thứ nhất của một con sinh-vật đó, mắt không trông thấy mà biết rằng nó đương bay vụt ở trên khoảng không u ám kia, bay tít mãi xa xa, trước khi đêm đông chưa tàn, vừng đông chưa nẩy ra một chút tia sáng vậy. Tôi tưởng giữa cái giờ tinh-sương lạnh ngắt đó, cái tiếng con chim lạc-loài bay thoảng trên khoảng không, tức là tiếng thở dài của vũ-trụ đương lúc đêm khuya canh tàn vậy.

Anh Cát-nhĩ nói : « Tắt lửa đi. Trời đã rạng đông rồi ».

Trời bấy giờ đã thấy ràng-rạng thật và nhìn trên không thấy từng đàn vịt trời bay vùn-vụt, thành từng đám đen dài, phút qua đi, lại phút tiếp đến.

Trong đêm tối, chợt thấy loè sáng ra: anh Cát-nhĩ vừa mới bắn một phát ; hai con chó liền nhảy ra.

Bấy giờ, cứ phút nọ đến phút kia, hễ thấy bóng đàn chim nào bay trên đám sậy, thì anh Cát với tôi, kế nhau mà nhắm, mà bắn. Con Bia-rô và con Lặn, chạy hộc-tốc, nhưng vui-vẻ lắm, chốc chốc lại cắn đem về mấy con chim hãy còn máu-me [illegible]-bét, có con như mắt nó hãy còn nh[illegible] theo chúng tôi.

Bấy giờ trời đã sáng hẳn, sáng trong mà xanh, mặt trời [illegible] ló ra ở trong lũng xa kia. Chúng tôi đã sửa-soạn đi về, chợt thấy hai con chim, cổ thẳng cánh giương, bay vụt trên đầu. Tôi bắn một phát. Một con rơi xuống ngay cạnh chân tôi. Nhìn ra thì là một con le, bụng trắng như bạc. Bấy giờ ở trên không nghe thấy tiếng một con chim kêu. Tiếng kêu ngắn, mà kêu giòn, thảm thiết lắm ; thì ra trong hai con, đã bị mất một con, còn một con cứ bay liệng ở trên trời xanh, nhìn vào con bạn đã chết tôi đương cầm trên tay mà kêu hoài.

Cát-nhĩ quì xuống đất, tựa súng vào vai, mắt chăm-chăm nhìn, rình cho nó bay gần xuống mà bắn.

Anh ta nói : — Chú vừa bắn con cái ; còn con đực nó không đi đâu.

Mà nó không đi thật, nó cứ bay lượn trên trời, mà tựa-hồ như nó khóc hoài. Tôi bình-sinh không từng nghe thấy tiếng kêu khóc nào thảm-thiết đến xé ruột ra, bằng cái tiếng kêu của con chim khốn-nạn kia, đương lạc loài trên khoảng không vậy.

Có lúc trông thấy cái súng chĩa theo, nó chạy xa ra, hình như nó đành bay đi

một mình vậy. Nhưng lại không thể dứt ra được, liền quay lại mà tìm con cái.

Cát-nhĩ bảo tôi : — Chứ cứ bỏ nó xuống đất ấy, rồi con kia nó lại đây bây giờ.

Quả-nhiên thấy con đực lại gần, giống vật mà cũng có ái-tình, quá thương xót con cái mới bị chết, quên cả sự nguy-hiểm đến mình.

Cát-nhĩ bắn ; bấy giờ tựa-hồ như cắt đứt cái giây đương buộc con chim ở trên không vậy. Trông thấy một đống đen sì rơi xuống, nghe thấy tiếng rơi vào trong đám sậy ; con Bia-rô chạy ra ngoạm đem về.

Con đực con cái bấy giờ đã lạnh cứng ra rồi, tôi bỏ cả đôi vào trong một cái rổ... Rồi ngay ngày hôm ấy tôi về Paris.

HỒNG-NHÂN

Dịch trong thuyết-bộ của GUY DE MAUPASSANT

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

XUYẾN-NGỌC-HẦU THI VĂN TẬP (1)

II

III — Văn tế mẹ

(Làm hộ người ở huyện Đông-an)

Than rằng : Đường cái cổ kim đi sinh về tử, nghĩ thôi buồn-bã kiếp nhân-hoàn ; cửa con tạo-hóa khép tịch mở chiều, tưởng lại chập-chờn cơ mộng-thế.

Ba xuân tắc cỏ ngậm-ngùi thay ; một phút ngàn thu ngao-ngán nhỉ !

Nhớ từ-mẫu thuở vầy vui chuông trống, khuya sớm lưng tần đĩa tảo, đem gương hiếu-kính sáng soi nhà ; cùng nghiêm-đường đi gánh vác giang-sơn, tháng ngày đời dữu nương dâu, nầy mực kiệm-cần khuyên dạy trẻ.

Nết công-dung mưa chầy khôn mòn ; nêu trinh-thuận gió lay nào xế.

Trải tám sáu ba-đào lận-đận, quả cù-lao cân hòn núi nhẹ không ; đủ mười phen chỉ thắm gây dừng, gánh thùy-dụ nhắc lên vai nặng trễ.

Ngẫm khôn-công đành đã vuông tròn; so phụ-đức lại càng vẹn-vẽ.

Rẽ bàng bấm cũng vun sương bón tuyết, rương thóc lầu tiền xẻ-sát, nếp tư-cơ nào rẽ phân riêng chung ; dây cát-đằng cùng xẻ phấn san hương, mảnh chăn chiếc áo ấm êm, trong khuê-khổn chẳng sờn lòng cả lẽ.

Bên giường có phúc, ngẫm lũ nhi-tôn; dưới gối thừa-hoan, có đoàn dâu rể.

Những ước ba vạn sáu nghìn ngày canh-kỷ, áo Lai-ban thấp-thoáng chốn huyên-đường ; nào hay bảy tuần có năm lẻ xuân-thu, giọt đông-lộ pha-phôi miền cảo-lý.

Ngập-ngừng thế-lộ những băn-khoăn; man-mác gia-tình khôn kể lẽ.

Đau-đớn nhẽ ngoài tám chục bỗng chiếc dây cầm đứt, tuổi-tác nặng lòng

(1) Xem N.-P. số 117.

ân-ái, hẹn bách-niên đâu đã vội mà sai; xót-xoa thay trong một năm mà hai cỗi huyên tàn, trẻ thơ xiết nỗi bi-ai, hận thiên-cổ hẳn từ đây luống để.

Vó câu giẫm đứt lưới huyền-cơ; cánh hạc bay mù doành xích-thủy.

Ôi! Hoa rơi sườn núi, đàn bướm trơ-vơ; nguyệt gác đầu non, chiếc nhàn lẻ-thẻ.

Cũng đã biết tử sinh là mệnh cả, coi lại chữ tam-đa gồm hết, cõi trần-ai đành thỏa-thiếp trăm phần; nhưng thương vì lẽ nghĩa gặp phen này, kể tới thơ cửu-tự thêm ngừng, ơn sơn-hải chưa trả đền một thí.

Ấy ai chừng lãng-uyển xa-xăm; ấy ai khiến đình-vi vắng-vẻ.

Vị lão-mạo đã da mồi tóc bạc, việc nâng khăn sửa túi biết nhờ ai; lũ vân-nhưng còn hòn máu hạt sương, công vắt sữa nhai cơm khôn cậy kẻ.

Đồng quà tấm bánh cháu mong bà; mùi ngọt miếng ngon con nhớ mẹ.

Bến Ngưu-cước sóng thường xô thẳm xuống, cơn ác lặn đứng trông làn sóng, rộn đùn-đùn mạch thẳm như khơi; chùa Đại-bi chuông những gợi sầu lên, buổi thỏ tà xa lắng tiếng chuông, nghĩ ngời-ngợi bụng sầu như xé.

Cơ hóa-sinh khi họp khi tan; giấc mộng-mị lúc vui lúc tẻ.

Nay nhân: Đường tổ rước xe; trung-đồ đặt tế.

Muôn nghìn dặm làng mây khôn hỏi, chữ nôm-na xin kêu với quỉ-thần; một đôi lưng rau giản gọi là, niềm kính tín họa thấu cùng thiên-địa.

Xin cùng ngỡ hưởng.

IV. — Văn tế bố vợ

(Làm hộ người làng La-thạch huyện Đan-phượng).

Than rằng: Cõi ca-tụ phỏng nợ trần chẳng mấy, một trăm năm là hạn có bao nhiêu; cơ tử-sinh dường giấc mộng như không, nghìn muôn kiếp dẫu tìm khôn có thấy.

Chồi tang hiu-hắt, giọt thảm treo ngành; gốc tử phất-phơ, rêu sầu bám rễ.

Đào Nam-quốc thuở vẻ-vang nhị thắm, dây hồng trùng-trập cửa Hiên-Khâu; dâu Long-trung khi vun vén lá xanh, tay trắng dựng lên nền Phạm Y.

Chí trượng-phu vùng-vẫy nên trai; mặt hào-kiệt xum-vầy lắm kẻ.

Lòng tự-ái rảy sương tưới móc, phúc nhuần một cõi mạo-nghề; cửa khoan-dung lách mận [illegible]en đào, khách đồng bốn phương hồ-[illegible].

Buổi trần-ai đã vẽ mặt công-hầu; cơn truân-kiền lại [illegible]n tay dũng-trí.

Trùng-nhiều kẻ mấy phen binh-hỏa, dẹp lá cờ êm chăn chiếu lê-dân; tứ-lân từng lắm trận thỉ-kim, vẫy mũi bút mở cõi bờ tử lý.

Đất Sơn-tây đã nổi tiếng hùng-hào; ngôi Phong-dĩ lại dám mưu tôn-tử.

Cao thấp đặt nhờ Tần Tấn, lộc đầu-thăng mừng rạng dấu hoàng-cư; đêm ngày mở cửa thi-thư, tài miệt-tuyến uốn theo nghề bút chỉ.

Cõi thọ mong toàn hạc thể rùa; cơ trời phút nương đâu bãi bể.

Gốc cù-mộc bởi đâu cơn gió thổi, xầy khiến chia gương rẽ gối, lẻ dây cầm thêm tủi phiếm loan-hoàng; vóc linh-xuân bỗng nên nỗi sương pha, những màng trở núi thề sông, giở gót ngọc đã chơi miền vân-thủy.

Ôi! Hoa rơi sườn núi, lũ bướm bâng-khuâng; nguyệt lặn đầu non, chiếc nhàn lẻ-thẻ.

Hai quế đã một ngành sương-tuyết, người tiết-nghĩa nghĩ con thay việc nặng, đá vọng-phu mồ-hôi chầy nên mòn; ba năm dồn đôi gánh cương-thường, lũ cô-ai xót cháu chắt niềm

riêng, non chiêm phụ nước mất rơi đã mẻ.

Vó câu giẫm đứt lưới huyền-cơ; cánh hạc liệng qua vòng hắc-thế.

Chạnh cây rễ với nước nguồn càng thắm-thiết, quê chợ những khơi chừng viễng hỏi, lũ biểu-tôn thêm rạo-rực sầu-tràng; mảng chữ trung nên đường hiếu những khuây nguôi, vạc chuông là bao nả bù-chi, lán bán-tử luống ngập-ngừng chân lệ.

Cảm công da tóc giấc lẫn mơ-màng; khắp mặt trẻ già lòng càng rầu-rĩ.

Cơn hoãn-cấp kẻ ngong chừng cố-vũ, khoán-ước xưa, ấy muôn kiếp còn in; buổi vãng-lai người trông lối tràng-sa, công-đức ấy dẫu nghìn thu như vẽ.

Thôi đừng bàn-bạc sự âm-dương; thôi chớ thở than lời khoát-khế.

Cũng đã biết kỳ-qui là mệnh cả, ngoài sáu chục cồ xưng bất-yểu, dám chê con tạo hẹp-hòi đâu; nhưng thương vì tàng tế gặp phen này, trải hai thu lễ tạm tòng-quyền, sẽ tưởng cái bần ngao-ngán nhỉ.

Nay tổ-đạo rước xe; trung-đồ đặt tế.

Đâu xiết kể muôn sầu nghìn thảm, chữ nôm-na xin kêu với quỉ-thần; gọi là dâng vị nhạt mùi suông, niềm kính-tín xin thấu cùng thiên-địa.

DỊCH THƠ CỔ

I

觀書

Xem sách

宋朱熹

(Của ông Chu Hi đời Tống)

半畝方塘一鑑開。

Long-lanh nửa mẫu mặt hồ đầy.

天光雲影共徘徊。

Thấp-thoáng da trời lớn sắc mây;

問渠那得清如許。

Hỏi nước từ đâu nước trong mấy?

爲有源頭活水來。

Nước từ nguồn suối chảy ra đây.

Thơ này là thơ tức-cảnh và ngụ-ý, thuộc về tâm-lý nhà đạo-học. Tả cái ao thơm-tho trong-sạch, là do nước suối ở nguyên đầu chảy ra; để ngụ về ý người ta khôn-ngoan hoạt-động, là do cái tính trời sáng-suốt thiêng-liêng.

II

春日偶成

Ngày xuân chợt đề

宋朱熹

(Của ông Chu Hi đời Tống)

聞道西園春色深。

Nghe nói xuân già xuân đợi ai?

急穿花蹤去登臨。

Vườn tây nhanh gót dạo ra chơi;

千葩萬蕊爭紅紫。

Hoa kia nhị nọ tranh hồng-tử,

誰識乾坤造化心。

Khôn khéo ai đi hỏi thợ trời.

Thơ này là thơ vịnh-cảnh, cũng thuộc về tâm-lý nhà đạo-học. Nói người ta xem mọi vẻ hồng-tử của cảnh xuân, nên biết cái ý phát-sinh của tạo-hóa, để nuôi lấy cái lòng nhân-ái đối với muôn vật.

III

謝陽宮女

Vua cho cung-nữ dâng thơ tạ-khước

宋陳圃

(Của ông Trần Đoàn đời Tống)

冰肌魄玉爲聰。

Là băng là ngọc hay là người,

辱荷君王送到來。

Là của vua cho đem đến nơi;

處士不知巫峽夢。

Giấc mộng Vu-sơn tôi chẳng biết,

空勞神女下陽臺。

Luống công thần-nữ xuống Dương-đài.

Thơ này là thơ tạ ân mà khước-vật. Trần Đoàn nhà Tống tu tiên ở núi Chung-nam, ra Biện-kinh mừng vua Thái-tôn; khi về núi, vua sai đem cung-nữ vào núi tặng-tống; Trần Đoàn dâng thơ tạ ơn vua mà từ-khước cung-nữ. Vu-sơn có vị thần-nữ, sớm làm thần

hành-vân, tối làm thần hành-vũ. Dương-đài của Sở Tương-vương làm ra. Tương-vương tà kẻ hiếu-sắc, thường nằm mộng thấy Vu-sơn thần-nữ xuống chơi chốn Dương-đài.

IV

過吳江

Đi qua sông Ngô

宋王贄

(Của ông Vương Chí đời Tống)

吳江秋水灌平湖。
Nước hồ thu-thủy láng sông Ngô,
水濶烟深恨有餘。
Nước rộng mây xa hận có thừa;
因想季膺當日事。
Chừng kẻ nghĩ quan về thủa nọ,
歸來未必爲蓴鱸。
Vị gì không phải vị thuần-lư.

V

過吳江

Đi qua sông Ngô

宋蘇東坡

(Của ông Tô Đông-Pha đời Tống)

浮世功名食與眠。
Gác ngoài ăn ngủ cái công-danh,
季膺眞是水中仙。
Nửa mái chèo tiên nước dập-dềnh;
不須更說知機早。
Có vị gì không. không kể nữa,
只爲蓴鱸也自賢。
Lư-thuần vị gỏi lại vị canh.

Hai bài thơ này đều là thơ đi qua nơi cảnh sông cảnh hồ, mà cảm-mộ và nghị-luận cái tâm-sự người đời xưa. Xưa đời Tấn có ông Trương Hàn là người đất Ngô, vốn là kẻ thanh-cao phóng-đạt, ra làm quan với Tề-vương, chợt cảm-hứng cảnh thu-phong, liền bỏ quan về sông Ngô, hưởng cái phong-vị canh rau thuần, gỏi cá lư là phong-vị cũ, quả-nhiên về sau Tề-vương thất-bại. Người đời sau nghị-luận, người thì cho là ông ấy có tri-cơ, biết trước sự thất-bại mà tránh đi; người thì cho là ông ấy vốn không tiếc công-danh, chỉ yêu mến cái phong-vị cũ, đó tỏ chí cao-thượng mà thôi. Hai bài thơ này có hai ý. Có nhiều người cho rằng thơ ông Tô ý tưởng có phần cao hơn thơ ông Vương. Vì ông Vương chỉ tả ra cái ý tri-cơ, ông Tô mới tả ra được cái tâm-sự kẻ cao-hiền.

TÙNG-VÂN

DỊCH CỔ-VĂN

I

Lúc đi thi đưa thư cho người (1)

Dũ tái-bái: Ngoài bến Đại-giang, trên ao Thiên-trì, có một con quái-vật không phải vi như những loài tôm cá tầm-thường. Nếu được nước thì nó biến-hóa gió mưa lên xuống trên lưng chừng trời cũng chẳng khó gì. Nếu nó bị cạn chỉ cách nước độ gang tấc mà thôi, không có gián-cách gì núi cao gò lớn, đường xa hiểm nghèo, nhưng mà bị phải cạn khan cùng khốn không thể lấy được nước, thì tất bị phải loài rái-cá nó cười nó khinh. Giá mà gặp người có sức khoẻ thương là cùng-khốn mà cứu vớt cho, thì chỉ nhấc chân tay một cái là cứu cho được. Nhưng mà con vật ấy nó lại tự-phụ khác thường, nó bảo rằng: Thà ta chịu chết nát ở chốn bùn lầy này ta cũng đành vậy, chứ còn như cúi đầu cúp tai vẫy đuôi mà kêu van người cứu giúp cho thì không phải là chí ta vậy. Vì thế người có sức mạnh ấy đi qua trông thấy chỉ đứng nhìn, còn như con vật ấy nó sống nó chết thế nào cũng mặc quách nó chứ không hay đến cả. Nay nếu gặp người khỏe mạnh mà con vật ấy chịu ngửa cổ lên kêu van, biết đâu người ta lại không thương nó cùng-khổ, chẳng quản gì nhấc chân tay khó nhọc một tí mà đem bỏ nó xuống chốn nước trong. Nhưng gặp người thương cũng là mệnh mà chẳng gặp người thương cũng là mệnh, đã biết là tại mệnh số mà còn kêu van thì cũng là mệnh vậy. Dũ này thực giống như con vật ấy, nên quên mình là sơ-ngu mà nói ra cái thuyết ấy xin các-hạ xét thương cho.

(1) Dịch văn ông Hàn Dũ đời Đường.

Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. — Bài này là mượn một con giao-long bị cạn mà nói ví vào mình, trong bài bố-cục cũng lạ. Nhưng phải biết rằng lúc đi thi mà đưa thư cho người thì có khác gì khoe-khoang để cầu cạnh, vậy nên phải mượn vật mà nói ví. Trong bài này những câu nói : « Vẫy đuôi kêu van » thì là thống mạ những kẻ đi thi luồn lọt kêu van cầu cạnh. Những câu nói : « Đi qua đứng nhìn » là thống-mạ những các quan chủ-khảo mắt mù không phân bắc-bạch, đều là câu nói khinh-bạc, nên trong bài này lại phải mượn thi-dụ mà nói thác ra. Xét ông Hàn Dũ bốn lần đi thi mới đỗ tiến-sĩ, khác gì anh Biện-Hòa ngày xưa ôm hòn phác ngọc đi hiến đã bị chặt chân mà còn vác đi hiến mãi, thì cái tâm ông cũng là khổ lắm. Hoặc người nói bài này là ông đưa cho quan Vi Sá-nhân, khi ông thi khoa Hoành-từ về năm Trinh-nguyên thứ [illegible].

II

Bài thư dâng lên quan Trương Bộc-xạ

Sau ngày hôm nhận tờ điệp vào thụ-chức tại tăng sứ-viện, thấy có kẻ tiểu-lại đem những tiết-mục việc cũ ở trong sứ-viện đến hơn mười điều, lại dặn bảo cho Dũ biết, trong ấy có điều không phải, là điều từ tháng chín đến tháng hai sang năm, các người làm việc đều phải sớm ngày vào hầu đêm mới được về, nếu không có ốm đau gì không được ra. Lúc ấy tôi mới nhận chức không dám nói. Cổ-nhân có nói rằng : Người ta có điều làm được có điều làm không được. Như điều sớm vào hầu đêm mới được về thì Dũ này không làm được, nếu bắt ức phải làm thì tất phát rồ, trên không thừa-tiếp được việc công, mà quên mất cả những điều ân-đức ; dưới không thành-lập được mà tàng-thất mất cả bản-tâm, bởi thế nên tôi phải nói. Quan lớn mà chọn dùng đến Dũ này, không phải là Dũ này hay vào hầu sớm mà về khuya đâu, tất cũng có sở-thủ một điều gì đó, nếu đã có điều sở-thủ đấy rồi, thì dẫu không hay vào sớm về khuya, mà vẫn có điều sở-thủ. Kẻ dưới phụng-sự người trên không phải là một việc, người trên sai khiến kẻ dưới cũng không phải là một việc, phải nên lượng sức mà dùng, tùy tài mà khiến, những điều gì không làm được, thì không bắt ép phải làm, như thế thì kẻ dưới không bị tội với người trên, mà người trên không mắc oán với kẻ dưới. Ông Mạnh-tử có nói rằng : « Các vua chư-hầu đời nay không ai hơn ai mấy, là vì chỉ ưa muốn người bầy-tôi phải chịu mình sai bảo, chứ không ưa muốn người bầy tôi mà mình phải chịu nghe lời. » Đời nay cách đời ông Mạnh-tử đã xa rồi, chỉ ưa thích những người nghe theo mệnh-lệnh mà chạy chọt, chứ không ưa thích những người thẳng mình mà hành-đạo. Người nghe theo mệnh-lệnh mà chạy chọt ấy là kẻ hiếu-lợi đó ; kẻ thẳng mình mà hành-đạo ấy là người hiếu-nghĩa đó. Chưa khi nào kẻ hiếu-lợi mà lại hay biết yêu vua, kẻ hiếu-nghĩa mà lại chẳng biết trung với vua bao giờ. Nay những các đấng vương-công đại-nhân chỉ duy quan lớn là có thể nghe được câu nói ấy, mà duy Dũ này với quan lớn mới dám lấy câu nói ấy tiến lên. Dũ này may được quan lớn yêu đã lâu, nếu khoan thứ cho đừng để mất cái bản tính, hậu-đãi cho được có danh-giá, giờ dần vào hầu hết giờ thìn lại lui ra, giờ thân mà vào hầu thì hết giờ dậu lại xin lui về, cứ giữ thường như thế không đến nỗi bỏ việc, thì người trong thiên-hạ nghe quan lớn đãi Dũ như thế, tất đều bảo rằng quan lớn là người hiếu-sĩ mà quan lớn lại hay lấy lễ đãi kẻ sĩ như thế, quan lớn không để cho người uổng mất bản-tính đi, mà hay dung người như thế, quan lớn lại hay thành nhân chi mĩ như thế, hậu-đãi với người cố-cựu như thế ! Người ta lại bảo rằng Hàn Dũ này biết được nơi y-qui như thế, Hàn Dũ này không có siểm-nịnh người giàu sang như thế, Hàn Dũ này là người hiền-tài dễ được chủ lấy lễ đãi cho như thế, dẫu

chết ở dưới cửa nhà quan lớn cũng không ăn nhằm vậy. Nếu cứ bắt Dũ này theo hàng mà vào, theo lũ mà tới, nói không dám hết bụng thực, đạo còn chịu khuất ở mình, thế thì người trong thiên-hạ nghe quan lớn đãi Dũ như thế, tất đều nói rằng quan lớn mà dùng đến Hàn Dũ là thương hại nó cùng-khổ mà thu dùng đó thôi, Hàn Dũ mà phụng-sự quan lớn không phải là lấy đạo chỉ vì lợi đó mà thôi. Nếu như vậy thì dẫu hằng ngày chịu ơn cho nghìn vàng, một năm tám chín lần thăng quan, tôi cũng chỉ cám ơn mà thôi, chứ không xưng với thiên-hạ rằng là người tri-kỷ của ta đó vậy. Cúi mong ngài thương mà xét cho kẻ ngu, không lục đến tội, xét lời nói ấy mà rủ lòng thái nạp cho.

Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. — Sớm vào bầu khuya mới về, vốn không phải là lễ đãi kẻ sĩ, nên đoạn trên trong bài này mới nói những việc ấy vốn không phải mình, hay làm được. Đoạn dưới thì nói nhất-khí, cốt-cách lẫm-tẫm, không thể khinh-nhờn được. Văn ông Hàn Xương-Lê, bài này thực là hơn nhất cả.

Đ.-C. *dịch*

THƠ VĂN MỚI

1. — Cảm-tác

Mình nghĩ mình sao chẳng hổ mình ?
Tài sơ đức bạc phận thư-sinh ;
Mười năm đèn sách công lao-khổ,
Một gánh non sông bước gập-ghềnh ;
Nước đổ nhà tan đường chẳng biết,
Áo dầy cơm nặng vẫn thênh-thênh ;
Soi gương luống thẹn người kim cổ,
Cái phận tu-mi phải chịu đành.

2. — Đi tầu cùng bạn cảm-biệt.

Không duyên không nợ gặp chi nhau,
Hội-ngộ cùng trong một chuyến tàu ;
Câu chuyện hợp tan người bốn bể,
Mối sầu xan-xẻ khách năm châu ;
Trông vời xứ Lạng mây muôn lớp,
Nhìn lại sông Thương nước một mầu ;
Nam Bắc rồi đây người mỗi ngả,
Còn ai ai biết nữa ai đâu.

3. — Vợ đánh thức chồng

Miệt mài chi thế hỡi anh ơi !
Tỉnh dậy đi thôi kẻo muộn rồi ;
Sớm trước lo toan sao chẳng nghĩ,
Nữa khi nước đến lại kêu trời.

4. — Hồng-lâu oán

Lúc đêm khuya em ngồi em nghĩ cái nỗi xa gần ;
Đời người có bốn cái kiếp phong-trần em đã chịu quá ba.
Em nghĩ mà giận thay cho ông trời già,
Làm chi độc-địa để em ra như thế này.
Nhớ khi em ở Hà-nội lúc Sơn-tây,
Mùi đời mặn nhạt chua cay em đã trải nhiều.
Tài sắc như em này ở đời cũng lắm kẻ chuộng yêu ;
Nhưng đến khi hoa tàn nhị rữa biết có ai chiều ai thương ?
Kiếp hồng-nhan nghĩ thật chán chường,
Bèo trôi sóng vỗ khắp bốn phương đâu cũng là nhà ;
Chốn lầu hồng em khuya sớm vào ra,
Mắt xanh em thề có ai là tri-âm.
Ngao-ngán thay em sinh ra thời buổi cát lầm.
Vì đồng bạc trắng mà cái quả hồng ngâm cho chuốt nó vầy,
Chẳng nói ra thời sợ chẳng có ai hay !

Bình-hải TẠ QUANG-NINH

---

1 — Một giấc mộng

Đêm qua trong giấc mộng,
Thú quá không buồn động ;
Rõ thấy thấy người yêu,
Người đâu đẹp lồng-lộng !
Cầm tay ta vội hỏi,
Hỏi mãi để nàng nói :
Truyện nở như pháo ran,
Không ngờ trời đã tối.

Châm đèn ta nói chuyện,
Vừa nói vừa nhìn miệng ;
Đôi mắt cứ trông nhau,
Cơ-hồ ta chết điếng.

Tiếng oanh nàng thỏ-thẻ,
Thú quá ta xê ghế ;
Một cặp giáp gần nhau,
Giọng nàng hay đáo-để.

Chuyện tình đang lúc thú,
Bỗng thấy nàng nhăn-nhỏ ;
Vẻ mặt khéo yêu-kiều,
Như bông hoa trước gió.

Hãi-hùng ta hỏi hỏi,
Nàng nhất-định không nói ;
Sau thấy tay nàng đau,
Ta liền cầm lấy thổi.

Cầm tay bao mối cảm,
Chuyện mãi mà không chán ;
Vụt có người ra,
Giật tay nàng chạy hoáng.

Ta choàng mắt thức dậy,
Vẫn tưởng nàng đâu đây ;
Vung cánh vướng ngay chăn,
Lắng tai gà đã gáy.

2 — Cái ô

I

Dãi nắng dầu mưa có nản lòng,
Nghĩ mình nặng nợ với non sông !
Còn bầu huyết nhiệt còn mang mãi,
Quyết dỡ cho nhau lúc lửa hồng.

II

Giương mình chống-chỏi với phong-ba,
Sấm sét ầm-ỳ dễ nạt ta !
Vẫn biết phận mình là phận mỏng,
Mà trong trần-thế vẫn xông-pha !

3 — Tiếng sấm

Giữa lúc phong-ba một tiếng «đùng!»
Khắp trong trần-giới thấy đều rung ;
Rắp tâm những muốn khua đàn vịt,
Nào có hay đâu họ hãi-hùng.

4 — Gửi cho anh ở xa

Thấy cháu càng thêm nỗi nhớ anh,
Nhớ anh giọt lệ vẫn khôn dành ;
Điền-viên dẫu thú nơi thôn-dã,
Chích-ảnh thương ai chốn lữ-đình ;
Giọng hát cha già khi hôm sớm,
Tiếng cười cháu bé lúc sơ-sinh ;
Chiều hôm lác-đác chim về tổ,
Ngoảnh lại trông nhà cứ vắng tanh.

Ngoảnh lại trông nhà cứ vắng tanh,
Nỗi buồn anh có biết không anh ?
Bấm gian nhà rộng thưa người ở,
Mấy miếng vườn con xít lá xanh ;
Cảnh-vật tiêu-điều thêm lắm nỗi,
Mối sầu vô-hạn những buồn tênh !
Đêm khuya lắm lúc hồn vơ-vẩn,
Lắc-cắc bên mình tiếng điểm canh.

Lắc-cắc bên mình tiếng điểm canh,
Kia ai xùi-xụt lúc đêm thanh ?
Câu thơ muốn đọc khôn nên giọng,
Chén rượu toan đưa lại để dành ;
Những tưởng muôn sầu riêng em đó,
Nào ngờ vạn thảm lại ai. . . anh ?
Đường đời xa lắc càng thêm rộng,
Cái chí nam-nhi những muốn thành...

5 — Ngẫu-đề

Giờ tay lên mép thấy râu rồi,
Những chán cho mình mãi thế thôi !
Sự-nghiệp công-danh thân vẫn chịu,
Cù-lao dưỡng-dục nợ chưa bồi ;
Thơ suông một túi khi ngâm vịnh,
Huyết nhiệt lưng bầu lúc nổi sôi ;
Ước muốn bao nhiêu mà chửa được,
Giờ tay lên mép thấy râu rồi !

Song-giang NGUYỄN ĐÌNH-ĐỒNG

---

1 — Nghĩ cảm nước ta hồi bị Mã-Viện sang cướp

I

Quắc-thước như ai quắc-thước gì,
Chẳng qua nước tớ phải hồi suy !

Vì quân ô-hợp ta non thế,
Nên lũ sài-lang nó thị-uy !
Hồ Bạc luống thương hồn kiệt-nữ,
Cột đồng nghĩ nhục bọn tu-mi ;
Con rồng khôn lẽ thua đàn ngựa,
Sao chả cùng nhau một chuyến thì...

II

Nước nhà gặp phải buổi gian-nguy,
Nào những con Hồng cháu Lạc kia ?
Đã chịu tang-bồng thua gái góa,
Sao đành nô-lệ hỡi nam-nhi ?
Nếu lao-lung biết làm căm nhỉ,
Thời nước non âu đến nỗi gì !
Ấy nỗi yếu hèn đau-đớn thế,
Sau này ta phải cố công đi.

2 — Phú-đắc :

« Dã-tràng xe cát bể đông,
Nhọc lòng mà chẳng nên công-cán gì ! »

Xe cát toan bể lấp biển đông,
Than ôi ! nào có được nên công !
Non sông lận-đận chưa chồn chí,
Sương tuyết xông pha luống nhọc lòng!
Sóng vỗ cát chìm thêm ngán nhỉ,
Dòng sâu biển cả biết bao cùng !
Việc mình xe đắp thì xe đắp,
Công quản gì xong với chả xong !

Lương-hồ NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

---

1 — Con cuốc

Cuốc bất-bình chi hỡi cuốc ơi ?
Cớ sao « cuốc cuốc » cứ kêu hoài !
Vì tình khắc-khoải thì nên lủi,
Vì nghĩa hô-hào thế cũng hay.
Đáng kiếp «Đỗ-quyên» còn nhiệt-huyết,
Mà hồn « Tinh-vệ » muốn ra tay ;
Tiếc thay khôn độc kêu trong bụi,
Nghe bạn đồng-thanh đã có ai ?

2 — Con ve-sầu

Ve kia sao lại cứ kêu sầu,
Hay có sầu riêng chất ở đâu ?
Bộ cánh mong-manh chừng đã sẵn,
Thức ăn thanh đạm há lo âu ;
Đủ đôi hay sợ nhân-tình hão,
Trút xác hay buồn quả-kiếp sau ;
Hay tụi ăn sương mà biết hát,
Đêm đêm muốn kiếm một đôi chầu.

3 — Cảnh Hồ Tây

Thuyền lan dủng-dỉnh dạo hồ Tây,
Sơn-thủy lâu-đài bát-ngát thay !
Đáy nước in trời mây nhạn cá,
Mùi sen trước gió lá hoa cây ;
Trường kia trống học khua hồn trẻ,
Chùa nọ chuông kình tỉnh mộng say ;
Dù chuyện Ngư-Hồ hư thực nữa,
Tiếng hồ Lãng-Bạc vẫn thơm lây.

4 — Đền Quán - thánh

Ba mươi sáu cảnh cảnh Thăng-long,
Có phải đây là đệ-nhất không ?
Cổ-miếu u-trầm danh-thắng cũ,
Di-dung nghiêm-nhã bá-chiêm đông ;
Cỏ cây bách-thú ai là chủ,
Phong-cảnh hồ Tây nước vẫn trong ;
Ướm hỏi trâu vàng đâu đó tá,
Dám xin cho bán cứu dân cùng.

5 — Hồ Hoàn-kiếm

Trong vùng xe ngựa bụi trần bay,
Tiên-cảnh sao riêng một vũng này ;
Xanh ngắt một mầu sen vời nước,
Rậm-rì rợp đất cỏ cùng cây ;
Cầu Thê-húc nọ ngang luồng gió,
Bóng tháp rùa kia lộn vẻ mây ;
Tô-điểm giang-san người đứng đó,
Cờ ai bên nọ kiếm bên này.

6. — Tết Đoan-ngũ

Người minh xưa có Khuất Nguyên đâu,
Đoan-ngũ sao theo kỷ-niệm Tàu !
Hay tục đồng chiêm mừng tốt lúa,
Hay nhà hái thuốc đặt nên câu ;
Hay nơi quyền-quí bày ra lệ,
Mà lũ con em luống cúi đầu ;
Ngán nỗi trừ-tà đeo ngũ-sắc,
Thì nhau ăn mặc để trừ sâu.

7. — Mấy câu đố vặt

I

Như em ai bảo không chồng,
Con ai em bế em bồng trên tay.
Xe tư em diện hằng ngày,
Cũng hoa cũng hột cũng giầy kém ai.
Biết tên em được là tài?

II

Thân em như thể là hoa,
Phong-lưu trong đám quần-thoa khác
Lẳng-lơ mà giá vẫn kiêu, [nhiều;
Làm cho quan khách vẫn yêu vẫn gờm.
Đố anh nghề-nghiệp em làm?

III

Nhà trò em chẳng dòng-môn,
Mà em má phấn môi son răng bầu;
Da vàng có khác giống đâu,
Sinh con ra rặt một mầu trắng da.
Đố em là mẹ ai là?

IV

Anh đây cũng làm việc tây,
Cũng sạ cũng mũ giầy tây nhẫn vàng;
Mặc sang mà tính vẫn xoàng,
Khi mua thực-phẩm anh quàng vào tay;
Ra đường ai biết ai hay,
Về nhà chẳng thiếu vú nay bếp kia.
Lấy trong ý-tứ mà suy?

Triệu-tông LÊ VĂN-PHỒ

THƠ PHONG-DAO

1. — Nhớ tình-nhân ở Hà-nội về xuôi bị lụt

Trông vời cây gạo cao cao,
Trong thành tre tốt ngoài hào nước
Quê nhà chốn ấy phải không? [trong;
Mình về ta đợi bên sông Nhị-hà;
Ai làm lụt lội chan-hòa,
Ngày đàng gang nước cho ta chốc-mòng.

2. — Lụt mất vợ

Ới ông Đại-Vũ kia ơi!
Sao đây chẳng đoái dễ người lưu-ly;
Phòng hương sóng vỗ tứ-vi,
Ai đem người ngọc tôi đi đàng nào?
Bà lên Tuyên, Thái, Lạng, Cao,
Có gặp cô đỏ đeo dao nắp sừng;
Nguồn-cơn bà nói cho rằng:
« Cửa nhà trôi-giạt chồng đang đi tìm ».

3. — Lụt mất chồng

Ới con sông cái kia ơi!
Nỡ làm chi mãi cho người hợp tan;
Đi đâu bỏ vợ con chàng,
Hay ra Tân-đảo khai-hoang giúp đời;
Chữ « tùng » thiếp chịu tội trời,
Quẳng con lên bộ như ai sao đành;
Rồi đây muôn dặm Nam-minh,
Biết câu « đồng-tử đồng-sinh » có tròn.

4. — Khen cô mặc hai áo gấm lồng

Khen tài chủ khách bên Ngô,
Dệt nhiều thứ gấm cho cô mặc lồng;
Áo sang cô đẹp não-nùng,
Càng thêm quí-giá con rồng cháu tiên;
Gấm không phải của ít tiền,
Đừng về dồng lụt bùn đen rây vào!

CA-TRÙ

1. — Đêm trung-thu chơi sông Sáu-đầu hoài cổ

Mưỡu:

Trăng thu vằng-vặc trên không,
Thuyền lan đủng-đỉnh giữa sông Sáu-
Vườn xưa bến cũ nơi nào, [đầu.
Một đêm cảm cảnh xiết bao ngậm-ngùi.

Nói:

Thuyền nhè-nhẹ khoan bơi trước gió, nước xanh-xanh đỏ-đỏ hai làn. Bóng trăng in sáu ngọn nước mênh-mang, trên vườn Thuốc dưới bến Than kề đó nọ. Vườn cỏ hắt-hiu mong chủ cũ, bến trăng lấp ló đợi thuyền quen, Bức-

họa-đồ trang-điểm trải bao phen, trên thành Mạc ai vẽ thêm vài bóp gác? Cuộc vũ-trụ đang suy sau nghĩ trước, bỗng tai nghe xào-xạc tiếng chim ngàn. Kìa kìa bọn khách trầy đền!

2. -- Chữ tình

Trái đất là một khối chí-tình kết lại, càng văn-minh càng thêm nặng cảm-tình. Lặng mà xem vạn-vật ở quanh mình, đều phải lấy chữ tình gây sự sống. *Yếu tri tự ngã nguyên đa dục* 要知自我原多欲。*mạc khả giao tha bất toại sinh* 莫可教他不遂生。 Uầy kìa ai khéo khéo những vô-tình, cuộc nhân-thế chỉ lấy mình làm kết-cục, thử ngẫm lại hùm sao cắn, rắn sao phun, ong sao châm, trâu sao húc, biết chi chi mà lăn-lóc cuộc trò đời. Chữ tình bắt buộc mà thôi!

Đ. N.

Thư-hiên tân-trúc phú

(Quan « *Sao khá một ngày không ngươi ấy* » bảy vần)

(Dùng lối trăng-thiên cổ-thi)

Ngoài chốn thư-hiên phong-cảnh nhiều.
Năm ba cần trúc một xinh sao!
Ấy khách Tương-giang chiều yểu-điệu (1),
Hay hồn Tấn-đại người thanh-cao (2).
Mạch-đầu khoe xanh biếng tranh liễu,
Đỗng-khẩu đua hồng khôn tựa đào.
Chủ-nhân với trúc có duyên cũ,
Tìm nơi thanh-nhã đem trồng vào.
Rằng năm Bảo-đại kỷ-nguyên hạ,
Rời thú thôn quê ra phố-sá.
Nhuệ-giang phong-vị cảnh Hà-đông,
Sông dài chợ lớn xinh-xinh tá.
Kinh-doanh mua đất xây lên nhà,
Thư-thất thư-hiên tạm đủ cả.
Trước chỗ thư-hiên gì khá giống?
Nghĩ đi nghĩ lại khóm trúc khá.
Đem từ cố-lý ra giồng-giọt,
Trải xuân sang hè đã xanh tốt.
Mấy cành tiêu-sái xịch lâm-phong,
Một áng xâm-xi vừa [illegible]n-nguyệt.
Măng vừa mới phát rồi mới sinh,
Hư vốn là tâm trực là liết.
Dung-quang phi-thúy (3) phẩm san-hô (4),
Đành phẩm không hai dung có một,
Cố-nhân tiêu-tức đấy là đây,
Cùng bạn Thi-Thư kề những ngày.
Cành rung tuyết-án quyền vàng ngỏ.
Lá điểm huỳnh-song ao mực đầy,
Vẫn bảo quyên-quyên nhiều sắc đẹp(5),
Ai ngờ tế-tế có hương bay (6).
Ta ăn thà rằng không có thịt,
Ta ở há nên không có mày.
Rỗng tuếch lòng mày thói tục không,
Đố ai pha đục được vào trong.
Thất-hiền nay Hướng mai Kê, Nguyễn(7),
Tứ-hữu chiều mai sớm cúc, tùng (8).

---

(1) Tương-giang: Nước mắt hai bà Nga-hoàng, Nữ-anh rầy lên cây trúc ở Tương-giang-trúc Tương-giang đều thành hoa điểm.

(2) Tấn-đại: Vương-Tử Du đời Tấn là kẻ phong-lưu, ở đâu trồng trúc đấy, nói rằng sao khá một ngày không ngươi ấy.

(3) Phi-thúy: Loài chim cánh biếc, phi-thúy-linh là vì cái sắc cây trúc đẹp.

(4) San-hô: Loài ngọc mà thành cây ở dưới đáy bể, san-hô-phẩm là vì cái phẩm cây trúc quí.

(5) Quyên-quyên: Cái sắc tươi-mỡn sáng-láng. Đỗ-thi vịnh-trúc: Nguyệt tà quyên quyên tĩnh.

(6) Tế-tế: Cái hương thoang-thoảng hơi-hơi. Đỗ-thi vịnh-trúc. Phong-xuy tế-tế hương.

(7) Thất-hiền: Lũ ông Kê Khang, Nguyễn Tịch, Hướng Tú bảy người đều là hạng cao-hiền đời Tấn, kết bạn uống rượu với nhau ở chỗ Trúc-lâm, gọi là Trúc lâm thất-hiền.

(8) Tứ-hữu: Khách cao-hiền đời xưa thường trồng mai, trồng thông, trồng cúc, trồng trúc, để làm bạn, gọi là Tứ-hữu.

Ngõ rậm mới hay hồn Tưởng-sĩ (1) ;
Mình gày thêm quí giá Tô-công (2).
Ai lên thăm bến sông Kỳ tá (3),
Hỏi khách tương-tri đề bạn cùng.
Trưởng-thịnh sau này sẽ đợi ngươi,
Cành tiêu một tuổi một thêm dài (4).
Muôn hàng dắc-vũ xem long-hóa,
Nghìn mẫu lăng-vân đề phượng chơi.
Trong cửa Thi-Thư nhiều lạc-thú,
Gió quang trăng tễ một bầu trời.
Sen nhà Liêm-khê liễu nhà Thiệu (5).
Cùng sen cùng liễu cùng tài-bồi.
Vấn-thảo tầm-hoa như nước chảy,
Tri-kỷ cùng ngươi đà có mấy.
Yêu mai yêu cúc xưa những ai ?
Say-dầm hải-đường nay vẫn thấy.
Ngươi là sĩ-chi-viên-thông dư ?
Ngươi là nho-chi-quân-tử vậy.
Chủ-nhân chiều sớm bạn cùng ngươi,
Một ngày sao khá không ngươi ấy !

TÙNG-VÂN

DỊCH VĂN TÂY

La Presse

Le journal parle de tout, s'adresse à tout, arrive partout, partout en même temps. C'est un livre qui recommence chaque jour, ne finit jamais, va chercher, va solliciter le lecteur à son foyer aux deux bouts de la terre, toujours le même et toujours nouveau, puissant à la fois par ce double empire de la répétition perpétuelle et de la perpétuelle diversité. C'est une prédication qui ne lâche pas prise, qui revient à la charge sans repos, qui est la goutte d'eau sur le rocher, qui peut finir par être le torrent, et on sait qu'elle l'a été ! C'est une tribune d'où l'orateur, tranquille et affranchi des émotions de la lutte et du spectacle, fait arriver sa voix, sans effort, au monde entier. Dans vingt Etats aujourd'hui, c'est un quatrième pouvoir, comme lui-même s'appel-

Nói về báo-quán

Tờ nhật-báo nói về khắp mọi thứ, nói với đủ mọi người, đâu đâu cũng đi tới, mà đến cùng một lúc được. Tức là một quyển sách ngày nào cũng bắt đầu, không bao giờ là hết, đi đến cùng địa-cầu, vào tận nhà người ta, mà cầu mà kiếm lấy người đọc, bao giờ cũng như bao giờ, mà bao giờ cũng vẫn mới mãi, có thế-lực mạnh chính là bởi hai cái tính-cách đó, một là nói một việc có thể nói đi nói lại hoài, hai là gặp việc gì cũng có thể tức-thì nói được. Tức là một cách khuyến-khích không bao giờ dời, một cách cổ-động cứ luôn luôn mãi, ví như giọt nước chảy vào phiến đá, có khi đến cuồn-cuộn thành cái thác được, mà kể cũng đã từng khi mãnh-liệt như thế rồi ! Tức là một nơi diễn-đàn mà nhà diễn-thuyết thảnh-thơi ngồi một chỗ, không phải ra xô-xát chỗ đám đông, có thể truyền tiếng nói của mình cho cả thiên-hạ

(1) Tưởng-sĩ : Ông Tưởng-Hủ ở cuối đời Tây-Hán, cao-ẩn không chịu ra làm quan với đời, trồng trúc để lấp ngõ.

(2) Tô-công : Ông Tô Đông-Pha đời Tống có thơ rằng : Thà ăn không có thịt, chớ ở không có trúc, không thịt khiến người gầy, không trúc khiến người tục.

(3) Sông Kỳ : Kinh *Thi* : *Chiêm bỉ Kỳ-úc, lục-trúc thanh-thanh*, trúc ví với người quân-tử.

(4) Cành tiêu : Kinh *Thi* : *tiêu-liêu thư, viễn điều thư*, nói con cháu thịnh nhiều, như cành tiêu-liêu dài-rợ.

(5) Liêm-khê Thiệu-tử : Chu Liêm-Khê ái-liên, Thiệu Nghiêu-Phu vinh-liễu, hai ông đều là kẻ hiền-triết trong hàng Thung-nho.

le, mais qui n'émane que de soi, n'a point de mandat, se passe également de délégation et de suffrages. Par-dessus tout, c'est un privilège ; car tout le monde ne peut pas s'en saisir. En naissant, le journal est légion. Il exige l'association des éléments les plus contraires, des forces les plus diverses, l'esprit, l'argent, une clientèle qui sera un parti, une secte peut-être. Aussi est-il à la fois industrie et propagande. Il unit la religion et la politique, l'art et la science, le roman et l'histoire. On dirait le Protée antique, armé de la vapeur moderne; que dis-je ? armé de ce fil par lequel la pensée humaine d'un bond parcourt le monde, rapide comme la lumière, qui est plus que jamais sa vive image ! Il saura ce soir ce que font nos soldats, au moment où je parle, à mille lieues de la Patrie. Il communique avec les cabinets, les parlements, les congrès. En même temps il confine à la bourse, il confine au théâtre. Il confine jusqu'à s'y engloutir, jusqu'à y vivre et y régner ! Ce pourra être de ces seuls points de vue qu'il juge et dirige les choses humaines ; du fond de ces abimes, qu'il dénonce la corruption des gouvernements, et marque l'à-propos des révolutions. Le scepticisme, la vie d'aventure et la soif de l'or ont tellement engourdi le sens moral dans certaines régions, que tous les désordres peuvent se rencontrer. Nous pourrons les voir tous étalés au grand jour. Dans l'innocence de ses vices, chacun s'en vantera.

nghe, không khó-nhọc gì. Ở nhiều nước ngày nay, nhà báo tự xưng là cái quyền thứ tư trong nước, — ba quyền kia là quyền lập-pháp, quyền hành-chính, quyền tư-pháp, quyền thứ tư này tức là quyền ngôn-luận, — nhưng là một cái quyền tự mình ủy cho mình, không phải ai trao cho và không cần ai bầu cho cả. Chính là một cái đặc-quyền ; vì không phải ai ai cũng có thể thu-dụng được. Tờ báo mới thành-lập ra đã có tính-cách về công-chúng rồi. Phải tập-hợp nhiều cái nguyên-chất trái nhau, nhiều cái sức mạnh phồn-tạp, nào là tài-trí, nào là kim-tiền, nào là khách đọc, tức là bạn hàng mà có khi là đảng-phái riêng, mới gây lên được. Cho nên tờ báo vừa là cách doanh-nghiệp, vừa là cách truyền-bá. Vừa hỗn-hợp cả tôn-giáo với chính-trị, mĩ-thuật với khoa-học, tiểu-thuyết với thực-sử. Có thể ví như vị thần trăm hình của Hi-lạp ngày xưa, mà lại thêm cái sức mạnh hơi nước đời nay ; mà nói sức mạnh hơi nước cũng chưa đủ, phải ví với cái sức điện-khí kia, chỉ có một sợi giây mà khoảnh-khắc truyền được tư-tưởng người ta khắp thế-giới, mau như ánh sáng chạy, ánh sáng ấy đời nay mới thật là hình-ảnh linh-hoạt của tư-tưởng vậy. Trong lúc tôi đương nói đây, quân lính ta ở xa mẫu-quốc tới nghìn dặm, làm những gì, chiều hôm nay nhật-báo biết rồi. Nhật-báo hằng thông tin với các chính phủ, các nghị-viện, các hội-đồng. Lại thường giao-tiếp với nhà ngân-hàng với rạp diễn-kịch. Giao-tiếp cho đến chìm đắm vào đấy, cho đến sinh-hoạt ở đấy, cho đến chi-phối được cả. Có lẽ tờ báo sẽ đứng về các phương-diện đó mà phán-đoán và chủ-trương việc đời ; lặn-lội vào những nơi cùng-tịch đó mà tố-cáo sự hủ-bại của các chính-phủ và chỉ-định giờ nào nên cách-mệnh. Ngày nay ở nhiều xứ, người ta

Mais, le bien, comme le mal, est de ce monde. La presse est une arme à l'usage de tous deux. Elle a donné de grands défenseurs et de grands boulevards aux libertés sensées, à l'autorité, à la religion, à tout ce qui fait le fond des sociétés humaines. Elle est la parole, elle est la pensée à la plus haute puissance, pécheresse ou salutaire, suivant les hommes, les temps, les nations. Les nations trouvent facile de tout mettre à son compte, y compris leurs propres faiblesses. On voit aisément ses torts, et la plupart du temps, on ne les accuse que quand ils ne sont plus. Mais on ne voit pas ses services, qui consistent dans le mal qu'elle évite, dans les fautes qui se seraient commises, dans les intérêts qui auraient souffert, dans les gouffres qui se seraient creusés. C'est là, bien que cachée et insaisissable, l'une de ses principales vertus.

Aussi l'Académie se fait-elle un devoir d'honorer les écrivains si nombreux, parfois illustres, qui ont recouru au journal pour l'instruction des hommes, quand ils ont joint à un vrai mérite le respect pour leur mission. Qu'ils aient été les défenseurs de l'ordre ou bien de la liberté, elle les veut sincères, honnêtes, animés d'une sollicitude véritable pour cette grande patrie dont ils invoquent le nom à chaque soleil.

M. DE SALVANDY. (1)
(Discours prononcé à l'Académie française)

mang lòng hoài-nghi, chỉ biết khao-khát được giàu có, không quản làm liều cho được, lương-tâm đã bại-liệt đi lắm, tưởng mọi sự họa-loạn có thể xảy ra được hết. Những sự ấy rồi ta sẽ thấy phô-bày ra cả. Làm bậy mà không việc gì, rồi kẻ nào cũng lấy làm tự-cao.

Nhưng ở đời này, có điều dở mà cũng có điều hay. Tờ báo là cái khí-giới dùng hay cũng được, dùng dở cũng được. Nhờ có báo, mà những quyền tự-do chánh-đáng, cùng với những nền-nếp làm cơ-sở cho xã-hội, như tôn-giáo, như quốc-gia, có người bênh-vực được đắc-lực, có nơi trường-sở để diễn ra. Tờ báo là lời nói, là tư-tưởng đem đến trình độ rất mạnh, tùy người, tùy thời, tùy nước, tác-phúc tác-họa đều được cả. Các dân các nước thường cái gì cũng đổ cho nhà báo hết, kể cả sự lầm-lỗi của mình nữa. Những điều không hay của nhà báo thì thiên-hạ thấy ngay, và nhiều khi không còn nữa mới tố-cáo ra. Nhưng đến cái hay thì không ai biết, là nhờ báo mà tránh được điều tai-hại, ngăn được sự lầm-lỗi, giữ được cho quyền-lợi khỏi thiệt-thòi, ngừa được cái ác-cảm khỏi sinh ra. Đó chính là một cái đức hay của báo-quán, nhưng là cái đức ngầm, không mấy người biết.

Bởi thế nên biết bao nhiêu các nhà văn, cũng có nhà đã trứ-danh, dùng tờ báo để làm cách giáo-hóa cho người đời, phàm nhà nào thật có tài mà lại biết tôn-trọng sự-nghiệp của mình, thời hội Hàn-lâm cũng lấy làm một điều nghĩa-vụ mà hoan-nghênh cả. Các nhà ấy, dù duy-trì cho trật-tự, hay là chủ-trương sự tự-do, hội Hàn-lâm chỉ yêu-cầu một điều, là lấy lòng thành-thực chính-trực làm đầu, và thật bụng ân-cần với cái tổ-quốc lớn-lao kia, mà sáng nào cũng thường đọc đến tên vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

(1) Nhà chính-trị nước Pháp, đã từng làm Thượng-thư cho vua LOUIS PHILIPPE (Chính-phủ Quân-chủ tháng Bảy, 1830-1847). Có chân Hội Hàn-lâm.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — *Việc thế-giới ngày nay duy có việc nước Tàu là quan-trọng hơn cả, dưới này sẽ nói, còn ngoại-giả thời trong khoảng tháng tư tây không nước nào xảy ra việc gì to-tát cả. Ở Âu-châu thời tình-hình chính-trị vẫn còn bối-rối, nhưng vẫn được yên-tĩnh, bối-rối là vì những cái nguyên-nhân xung-đột vẫn y-nguyên như mấy tháng trước, yên-tĩnh là vì tuy có một vài kẻ cũng muốn quấy rối để thừa-cơ, nhưng không ai dám cả gan mà gây sự để nhiễu-loạn cuộc hòa-bình. Đến nước Ý-đại-lợi trong việc phân-tranh với nước* Yougo-Slavie, *cũng để dùng-dằng mà không dám quyết-liệt; còn việc nước Hoa-kỳ với nước* Nicaragua *thời xem chừng giải-quyết xong, vì chỉ có một cách giải-quyết mà thôi, là để cho Hoa-kỳ đặt quyền bảo-hộ ở* Nicaragua; *ở* Genève *thời hội-nghị dự bàn về vấn-đề bảo-hòa trong khoảng tháng tư công việc đã xong. Về việc hội-nghị này, thiên-hạ bàn-bạc cũng nhiều lắm; dưới đây ta sẽ thuật rõ-ràng. Nước Anh thời đương gặp nhiều nỗi khó-khăn về đường tài-chính, còn cái chính-sách của Anh đối với Tàu thời cũng không được phân-minh lắm. Nói tóm lại thời tình-hình trong thế-giới thật cũng bối-rối, mà đối với tình-hình ấy thời xem ra các nước do-dự hết cả, không ai dám cả quyết và đủ khôn-ngoan mà giải-quyết cho được.*

Nói về việc nước Tàu. — *Việc nước Tàu vẫn lạ-lùng mà vẫn nguy-hiểm lắm. Trong khoảng tháng ba thì tưởng rằng Thượng-hải tất phải tai-hại đến nơi. Thế mà về sau thu-xếp được êm cả. Tưởng Giới-Thạch khi tiến lên lấy Thượng-hải thì hăng-hái vô-cùng, nhưng đương lúc ấy hình như tỉnh-ngộ ra mới biết rằng để-huề với đảng quá-khích là thất-sách, nhân thừa bọn này muốn dùng cách bạo-động ở Thượng-hải để khủng-khiếp người dân, bèn giở mặt ra tay trị một cách rất dữ theo lối Tàu xưa nay, là cho bắt những bọn đầu đảng cách-mệnh chém một lượt để làm gương cho kẻ khác. Tưởng tuyệt-giao với chính-phủ Hán-khẩu và dẹp yên việc loạn ở Nam-kinh. Tưởng làm như thế là chủ-ý thế nào? Có phải là thấy cái thái-độ liệt-cường ở Nam-kinh mà hiểu rằng dữ-kỳ cứ khăng-khăng giữ cái chủ-nghĩa bài-ngoại để mất lòng liệt-cường, thà rằng công-nhiên ra mặt bảo-thủ trật-tự để cầu trị-an lại còn hơn không? Hay là trong liệt-cường có nước nào khéo ngoại-giao, chịu mất tiền mà khiến được cho Tưởng đổi thái-độ chăng? Hay là cái chí của Tưởng chỉ muốn chiếm được Thượng-hải, củng-cố cái thế-lực riêng của mình ở đấy, để mưu cái kế trường-cửu cho mình, chứ không muốn để-huề với ai cả? Đó là một đoạn lịch-sử nước Tàu mà nhà sử-học sau này khó lòng biện-bạch cho được. Chỉ có một điều phải ghi-chép, là khi Tưởng đến Thượng-hải không xảy ra sự gì xung-đột cả; vả cứ số hải-quân của liệt-cường đóng ở đấy thời cũng khó có sự xung-đột được. Còn như đoán cái thái-độ của Tưởng Giới-Thạch sau này thế nào cùng các việc sẽ xảy ra thế nào, thời tin-tức còn mộp-mờ phân-vân lắm, chưa thể xét cho đúng được.*

Ở Nam-kinh thời tình-hình vẫn yên ổn. Còn ở Hán-khẩu thời chính-phủ cách-mệnh của Trần Hữu-Nhân và

BORODINE vẫn hành-động như thường, nhưng chắc cái tiền-đồ sau này thì không lấy gì làm chắc-chắn cho lắm. Nước Anh có phái hai chiếc chiến-hạm đến đóng ở trước Hán-khẩu. Còn nhất-diện thời liệt-cường. Pháp, Anh, Nhật, Mĩ, Ý có gửi cho Trần Hữu-Nhân một tờ công-văn chung để kháng-nghị về việc bạo-động ở Nam-kinh, lời-lẽ nghiêm-khắc, đòi phải trị tội những kẻ có can về việc đó, lại đòi bồi-thường về vật-chất và về tinh-thần. Trần nhận được thư không có vội-vàng trả lời ngay, cũng không trả lời chung cho cả mấy nước, lại trả lời riêng cho từng nước một, tức cũng là cái mưu để phân-lìa các liệt-cường với nhau đó. Trả lời đại-khái nói thoái-thác, xin để tra xét về sau. Vả ngay trong liệt-cường cũng không được đồng-ý nhau hẳn về các khoản yêu-cầu với chính-phủ Hán-khẩu cùng là về cách phải đàn-áp thế nào cho những lời yêu-cầu ấy có kết-quả. Về phần nước Anh thì xem ra cả quyết muốn hành-động, và có ý hối cái thái-độ quá ôn-hòa về cuối năm 1926. Một là muốn rửa mặt về việc năm ngoái, hai là muốn khôi-phục lại cái tô-giới Hán-khẩu đã vụng-về mà để cho mất. Dư-luận ở các nước thì cho rằng liệt-cường ngày nay không nên nhượng-bộ nữa, phải quả-quyết và phải cương-nghị hơn. Xem như việc Hán-khẩu độ trước với việc Nam-kinh vừa rồi, trước thì xử nhũn mà thất-bại, sau thì xử cứng nên không đến nỗi thiệt-hại mấy, thế thì đủ biết vậy.

Nhưng chính-phủ Hán-khẩu không phải chỉ sợ một liệt-cường mà thôi, lại chính trong đảng mình cũng bị chia rẽ và không được hòa-hợp. Quốc-dân-đảng hiện chia ra làm hai phe, vì người Tàu cũng đã chán cái chủ-nghĩa cộng-sản rồi. Trần Hữu-Nhân vẫn cố nài cho các nước Âu-châu lại buôn bán giao-dịch như cũ ; nhưng mà cái cách ông đối-đãi với các nhà băng ngoại-quốc thật đã làm mất lòng tin của người ta đi nhiều ; vả lại các công-cuộc như thiết-lộ, bưu-chính, từ ngày về tay người Tàu quản-lý thời hỗn-độn cả, liệt-cường có muốn giao-dịch như trước cũng khó. Lại có tin đồn rằng quân Bắc-phương sớm trưa sẽ xuống đánh lấy Hán-khẩu, và nghe đâu đã đánh nhiều trận, quân Bắc được to. chắc là Trương Tác-Lâm vẫn có cái ý triệt Nam-quân ở ngay nơi sào-huyệt, nên muốn cố đánh lấy Hán-khẩu cho được. Nhưng về phần Tưởng Giới-Thạch cũng có cái mưu như thế. Xem đó thời đảng Quảng-đông có lẽ chẳng bao lâu cũng phải bỏ Hán-khẩu mà rút về phía Nam vậy.

Còn như Trương Tác-Lâm thời xem ra người Tàu không ưa gì, nhưng thế-lực vẫn mạnh lắm, vả bề ngoài vẫn tỏ lòng nhiệt-thành ái-quốc, và đối đảng cộng-sản cùng phái nước Nga cực-lực công-kích. Trương chắc là đắc-tình với các công-sứ ngoại-quốc ở Bắc-kinh lắm, nên khi định vào khám xét ở sứ-quán Nga thời được công-sứ các nước cho phép đi qua tô-giới. Việc khám xét này có kết-quả, bắt được nhiều những khí-giới, những ấn-tín, những giấy-má, như lời bá-cáo, giấy truyền-đơn, đủ chứng rằng chính-phủ Sô-viết nước Nga đứng chủ-trương sự tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản ở Tàu. Đối với việc khám xét ấy chính-phủ Nga cố-nhiên là bất-bình lắm, và đã từng gửi giấy kháng-nghị. Lời kháng-nghị tuy bề ngoài có cái vẻ cứng-cỏi lắm, nhưng xét kỹ không có ý muốn quyết-liệt mà lại muốn để đường đất điều-đình sau này. Trong khi ấy, Nga lại quyết rằng về mặt Mãn-châu không có cái ý xâm-lược gì, và không từng tập-hợp nhiều quân-đội ở đấy. Nói tóm lại việc Tàu ngày nay nhất-diện là bọn quân-phiệt tranh-đành nhau, đó là cái tình-trạng

cố-hữu, xưa nay vẫn thế, nhất-điện lại thêm sự vận-động của đảng quá-khích, tự người Nga chủ-trương, ngoài mặt thì có cái vẻ tổ-chức chỉnh-đốn, mà kỳ-thực vẫn đới có cái tính-cách làm loạn; ấy tình-trạng nước Tàu ngày nay như thế, tuy chưa gọi là phân-minh cho lắm, nhưng biết thế cũng có thể dễ hiểu hơn. Nay còn có một điều nên biết là thế-lực của đảng quá-khích ở Tàu có đủ mạnh không phải là để hóa cả người Tàu theo chủ-nghĩa cộng-sản đâu, vì cái đó quyết-nhiên không được, nhưng để tán-trợ cho chính-phủ Quảng-đông, giúp cho cái kế sinh-tồn được và thắng-đoạt được các chính-phủ khác không. Câu hỏi đó nay chưa đủ tài-liệu mà trả lời cho được. Tuy-nhiên xem cái thái-độ quả-quyết của nước Anh cũng có ảnh-hưởng đến các chính-phủ Tàu. Quyền-lợi của Anh ở Tàu to lắm, nên Anh cũng phải nghĩ cách phòng-bị. Nhưng Anh đã quả-quyết như thế, thì Nhật với Mĩ thế nào, vì hai nước này không lẽ để cho Anh được mạnh một mình. Cứ tình-hình về cuối tháng tư thì nghe đâu Anh với Nhật muốn hiệp-lực để-huề với nhau để đối-phó với việc Tàu, mà tựu-trung là đối-phó với chính-phủ Sô-viết Nga một phần nhiều. Nếu việc này mà thành thì chuyện Tàu còn lôi-thôi nữa.

Sau đây là lược-thuật các điện-tín về việc Tàu gần đây.

Trong tháng vừa qua đây (tháng 6) Phùng Ngọc-Tường và Tưởng Giới-Thạch có hội-kiến với nhau, đã mở cuộc quân-sự hội-nghị ngày 19 Juin, Phùng và Tưởng đã biểu đồng-tình thực-hành cái công-cuộc hợp-tác với nhau, đã quyết định cái kế-hoạch bắc-phạt sẽ chia ra ba đường tiến-binh: Phùng thì dẹp yên tỉnh Hà-nam, rồi theo đường Kinh Hán tiến binh, Tưởng thì do đường Tân-Phố tiến lên, sẽ hội nhau ở đường Bắc-kinh và Thiên-tân.

Sau khi hội-nghị rồi Phùng và Tưởng có phát-biểu một tờ thông-điệp như sau: « Cái di-độc nhà Mãn-Thanh chưa trừ được, nên đám quân-phiệt để-chế hiện-hình mới nổi lên. Từ đời Viên Thế-Khải đến nay, ngoài thì siểm-mị nước láng diềng mạnh, trong thì ra tay tàn-hại sinh-linh. Quân quốc-dân cách-mệnh ta liền nối cái di-chí của Tôn Tổng-lý, theo sự yêu-cầu của dân-chúng, mang quân lên đánh miền Bắc, chuyến đánh vài vạn dặm, các quân-phiệt đã thứ-đệ tiêu-diệt rồi, chỉ có cái công-cụ của nước láng diềng mạnh kia, một ngày chưa trừ hết được, thì cái trách-nhiệm của anh em đồng-bào đồng-chí ta cũng một ngày chưa có thể bỏ được. Trung-chính (tên tự Tưởng Giới-Thạch), Phùng Ngọc-Tường cùng vài mươi vạn Tướng-sĩ, làm tín-đồ chủ-nghĩa Tam-dân, xin cùng quân cách-mệnh cả nước thề vì chủ-nghĩa Tam-dân mà phấn-đấu, phàm trăm sự dụ-hoặc đều không nghĩ đến, phàm trăm sự gian-hiểm cũng không chịu tránh, phàm trăm sự hi-sinh cũng đều không sợ, quyết định phải quét hết những công-cụ của nước láng diềng mạnh kia, để làm trọn được cái sứ-mệnh quốc-dân cách-mệnh rồi mới thôi. »

Từ khi Tưởng Phùng thực-hành hợp-tác thì thế-lực lại càng mạnh hơn, phái Phụng-thiên lấy làm nguy-ngập lắm. Nam-quân đã tiến hết cả vào Sơn-đông, đã chiếm được thành Duyện-châu, và đã đánh được Nghi-châu và Gia-tường, Đằng-hủyện. Quân Tôn Truyền-Phương ở Thanh-đảo đã treo cờ thanh-thiên-bạch-nhật về đầu hàng Nam-quân.

Nam-quân tuy thắng-lợi như vậy, nhưng nghe đâu Nhật-bản có ý muốn can-thiệp vào Thanh-đảo, dọc đường hỏa-xa Tế-nam, Giao-châu đã vào cả trong tay người Nhật rồi.

Tưởng lại phải điều-đình với Trương Tác-Lâm hoãn-chiến ở mặt Sơn-đông, đem quân quay về đánh Hán-khẩu, để trừ tiệt đảng cộng-sản. Vậy nên chiến-sự hãy còn dùng-dằng.

Vì Nhật-bản đem nhiều quân sang Tàu, nên Bắc-kinh có cuộc phản-kháng nước Nhật về việc đem binh. Mà Quảng-đông Thượng-hải lại cổ-động đề-chế Nhật-hóa.

Hiện nay các nước trú-binh ở Thiên-tân tổng-số là 14.000 người, chia ra như sau :

Nước Nhật	2300	*người.*
Nước Anh	4000	*người.*
Nước Mĩ	5000	*người.*
Nước Ý	1200	*người.*
Nước Pháp	1700	*người.*

Lại còn 1000 lính An-Nam sắp chở đến.

Số trú-binh nhiều như thế, mà số kiều-dân tất cả các nước chỉ độ 7000 người thôi. Chính-phủ Bắc-kinh có tư cho viên giao-thiệp phải kháng-nghị với lãnh-sự các nước về việc ấy, nhưng không có công-hiệu gì. Lại có cái biểu do các công-sứ-đoàn điều-tra hiện số trú-binh ở Trung-hoa, tổng-số là tám vạn người. Mỗi nước có như sau :

Về miền Bắc

Nhật-bản	56.200	*người.*
Nước Anh	1000	»
Nước Mĩ	1330	»
Nước Pháp	1418	»
Hợp-cộng :	60.415	»

Về mặt Trường-giang

Nhật-bản	2.022	*người.*
Nước Anh	16.700	»
Nước Mĩ	3 500	»
Nước Pháp	2.700	»
Nước Ý	200	»
Hà-lan	120	»
Tây-ban-nha	100	»
Bồ-đào-nha	40	»
Hợp-cộng :	25.383	»

Ở Bắc-kinh thì vừa rồi Trương Tác-Lâm vào ở Hoài-nhân-đường. Súy-phủ thì đặt ra làm quân-vụ-xứ. Dương Vũ-Đình làm xứ-trưởng, Vũ Quốc-Hân, Dương Dục-Tuân làm phó xứ-trưởng. Nghe đâu Trương đã tỏ ý nhận điều-kiện thỏa-hiệp Nam Bắc, ở súy-phủ đã treo cờ thanh-thiên bạch-nhật. Mới rồi về mặt trận Sơn-đông nghe đã có tin đình-chiến.

Còn mặt Vân-nam từ khi tướng Long Vân bị đổ, thì các tướng về đảng Long Vân còn cầm quân ở ngoài, nay lại nổi lên đánh Hồ Nhược-Ngu ở Vân-nam-phủ. Hồ càng ngày càng nguy-ngập, tất cả đường hỏa-xa từ Á-mi-châu đến Nghi-lương hiện vào tay quân giặc, trong quãng đường hỏa-xa ấy bị nghẽn ba chỗ. Song các tướng giặc vẫn giữ lễ-phép, sự bình-an của kiều-dân Pháp Việt không có điều gì đáng ngại cả.

Nói về Hội Vạn-quốc. — *Trong khi ở Á-Đông xảy ra những việc hệ-trọng như thế thời ở* Genève *họp hội-nghị dự-bàn về vấn-đề tài-giảm binh-bị, nhưng họp xong cũng chưa giải-quyết được điều gì cả, còn định họp một kỳ nữa mấy tháng sau này. Kỳ này không thành chuyện gì là lỗi tại nước Anh chủ-trương một cái thuyết, hẹp-hòi quá. Về hải-quân, Pháp có bàn rằng chỉ nên định cái tổng-số bao nhiêu tấn mà thôi, còn trong tổng-số đó mỗi nước được tự-do muốn chế hạng chiến-hạm nào cũng được ; Anh thì lại đòi hạng nào cũng phải hạn định trước. Xem ra cái ý của nước Anh chỉ là muốn giữ lấy bá-quyền về hải-quân, cho nên đối với những nước hải-quân kém mình như nước Pháp thì cố đàn-áp cho không tăng-tiến lên được, còn đối với những nước hải-quân gần ngang bằng mình, như Mĩ như Nhật thời tìm cách điều-đình thương-thuyết cho đừng tăng-gia lên nữa. Ở Âu-châu thì cái thái-độ Anh như thế, ở Á-Đông thì như*

trên kia vừa nói, xem đó đủ biết chính-sách của Anh đã tựa như qua một hồi nhu-nhược, nay lại phấn-chấn tự-cường lên và ở Âu-châu, ở Á-châu đều muốn củng-cố lấy một cái thế-lực rất mạnh. Chính-sách ấy kể cũng là chánh-đáng, vì quyền-lợi của Anh trong thế-giới to lắm, và một cái thuộc-địa Ấn-độ lớn-lao là dường nào, Anh cũng phải hết sức giữ lấy.

Hội-nghị Genève đã không giải-quyết xong vấn-đề hải-quân, cũng không quyết-nghị được việc kiểm-sát binh-bị thế nào.

Thành ra kết-quả của Hội-nghị là kết-quả tiêu-cực hết cả. Những kẻ không ưa Hội Vạn-quốc, vẫn báng-bổ xưa nay, cho là một cái cơ-quan vô-dụng, nhân dịp này lại càng thẳng-thế lắm. Song, những cách phán-đoán thiên-vị đó, ta cũng không nên tin. Như về vấn-đề tài-giảm binh-bị này, Hội-nghị mới họp đó là hội-nghị dự-bàn (conférence préparatoire) mà thôi, chưa phải là hội-nghị chính-thức, chưa có quyền giải-quyết gì. Còn như Hội Vạn-quốc thời phải lâu ngày mới gây nên thế-lực được, không phải trong khoảng mươi năm mà đã có quyền bắt ai ai cũng phải phục vậy. Lúc mới đầu này thì Hội Vạn-quốc còn phải giữ một cái thái-độ thận-trọng lắm, phàm những việc phân-tranh xung-đột các nước với nhau không nên khinh-suất mà can-thiệp vào (tỉ như việc nước Ý và nước Yougoslavie), sợ hoặc xử trái với quyền-lợi của các nước ấy, bị các nước ấy phản-đối lại, mà Hội chưa đủ sức đàn-áp cho được, thì thanh thế của Hội đến nguy mất. Nếu cứ kiên-nhẫn mà tổ-chức dần cho thành cuộc hòa-bình trong Vạn quốc, thời cái thế-lực của Hội cũng mỗi ngày một củng-cố thêm lên, chứ muốn mới thành-lập như ngày nay mà đã có sức mạnh ngay thì khó lòng lắm. Nếu cho sự hòa-bình là một sự yếu-cần cho thế-giới văn-minh và sự chiến tranh là một cái nguy-hiểm cực-đại cho loài người, thời phải để lòng hi-vọng ở Hội Vạn-quốc, phải tin ở Hội Vạn-quốc, và phải biết rằng Hội mới thành-lập được có mấy năm nay không có phép tiên mà việc gì cũng có thể giải-quyết cho ổn-thỏa cả được. Trừ đành lòng mà chịu nhận cho sự chiến-tranh là sự cần, sau này tất lại phát-sinh ra, không thể tránh được, thì không kể, còn nếu muốn cầu cho thế-giới được hòa-bình, thời hiện nay có Hội Vạn-quốc là cái cơ-quan độc-nhất để bảo-thủ sự hòa-bình, không nên báng-bổ mà làm cho mất giá-trị đi. Những người tán-thành Hội Vạn-quốc, không phải là người ngu-xuẩn gì mà không biết rằng đời này là đời cạnh-tranh, nếu quá tin ở sự hòa-bình thời có nguy-hiểm to, nhưng cũng biết rằng ngoài cái sức vật-chất, còn có sức tinh-thần nữa cũng mạnh lắm, và sức tinh-thần ấy nghĩa-vụ của mọi người là phải bồi-bổ lấy. Hội Vạn-quốc chính là một nơi để gây lấy cái sức tinh-thần ấy, cho nên tin ở Hội Vạn-quốc là tin ở tinh-thần có thể thắng được vật-chất vậy.

Việc nước Ý. — Nước Ý tuy bề ngoài vẫn nói rằng hiếu hòa-bình, nhưng thực ra hay kiếm chuyện lôi-thôi với các nước khác làm cho cả Âu-châu thường phải quan-tâm đến. Ta đã thường nhiều lần nói rằng cái chính-sách của thủ-tướng Mussolini nước Ý là chỉ cốt kích-động cái lòng ái-quốc trong dân-gian, nhưng mà lúc bình-thường vô-sự, không có cớ gì thì không có lẽ kích-động suông mãi được, cho nên gặp dịp nào cũng khua chuông gõ mõ, giống-dã như muốn đề-binh đi chinh đông phạt tây ngay lập-tức, cho là một cách để nuôi cái dân-khí cho hăng-hái mạnh bạo luôn. Nhưng mà cái chính-sách ấy có nguy-hiểm. Nuôi mãi dân-khí lên, đun mãi cho sôi nóng lên, rồi đến lúc nóng quá, tất thành ra bạo-động, đầu

thủ-tướng bấy giờ có muốn ngăn còn lại cũng không thể được nữa. Hoặc-giả ý thủ-tướng muốn gây sự với nước nào mà nuôi sẵn cái lòng hiếu-chiến của quốc-dân chăng? Xem như việc phân-tranh nước Ý với nước Yougo Slavie *thời còn nhiều điều ám-muội lắm, chưa biết rõ ra thế nào. Đến cuối tháng tư tây, việc vẫn chưa giải-quyết xong, xem các báo hàng ngày thì lúc nói rằng đã xuôi xuôi gần êm cả, lúc nói rằng còn gắng nhau chưa ai chịu, rút cục vẫn cứ dùng-dằng. Trong khi ấy thì thủ-tướng nước Hung-gia-lợi* (Hongrie) *là bá-tước* BETHLEN *có sang La-mã để hội-thương với thủ-tướng* MUSSOLINI *về việc cho nước Hung-gia-lợi mượn cửa* Fiume *để lấy đường giao-thông ra bể. Việc sau ấy có quan-hệ gì với việc trên kia không? Hoặc-giả nói Ý muốn củng-cố cái thế-lực của mình ở cả trên hai bờ bể* Adriatique, *nên sẵn lòng đề-huề với Hung-gia-lợi, đề-huề nghĩa là có ngày kiêm-tính cũng nên. Hiện nay thì chưa biết rõ được. Ở* Yougo-Slavie *lại mới đổi nội-các, thời cũng không biết được cái phương-châm hành-động của nước này thế nào. Duy có một điều, là nước này tất phải giữ lấy toàn-quyền độc-lập về quân-sự và về kinh-tế, tức là giữ cho cái thế binh-quân ở Âu-châu vậy. Đối với cái tình-hình đó, thái-độ của các nước « Tiểu-đồng-minh » (Petite Entente) thế nào? Cũng còn phân-vân lắm. Cho nên nói rằng sự phân-tranh của nước Ý với nước* Yougo-Slavie *về việc* Albanie, *thật là một cái tính đố để thử tài các nhà chính-trị Âu-châu vậy.*

Ở trong nước Ý thời chính-phủ « Pha-xi » (régime fasciste) *mỗi ngày một chỉnh-đốn thêm và thế-lực xem ra vững-vàng lắm, dân-tình cũng tỏ lòng ái-mộ. Mới rồi có xử án hai người tên là* ZANIBONI *và* CAPELLO *về tội âm-mưu phản-đối chính-phủ tự năm* 1925, *hai người đều phải tội cả. Chính-phủ mới tuyên-bố một cái hiến-pháp về lao-động* (charte du travail), *hiến-pháp này tuy vẫn công-nhiên để cho bọn công-nhân cái quyền tự-do được họp-tập thành công-đoàn, nhưng kỳ-thực là hạn-chế cái quyền ấy một cách rất nghiêm, khiến cho cả bọn lao-động trong nước là thuộc quyền kiểm-sát của chính-phủ hết. Quyền thủ-tướng thời tuyệt-đích, trong nước không còn có một đảng nào dám hoi-ho phản-đối nữa. Đó toàn là sự thực hiển-nhiên, nhà sử-học phải thừa-nhận mà biên chép lấy, duy chửa nên vội phán-đoán, vì kết-quả hãy còn chưa được hoàn-toàn, và thứ nhất là không nên cho cái chính-thể đặc-biệt của một nước Ý là có thể đem ra thi-hành ở cả các nước khác được.*

Nói về việc nước Áo (Autriche) *— Nước Áo ngày nay là một nước nhỏ ở giữa mấy cường-quốc. Nước này cần phải giữ cho được hoàn-toàn độc-lập và tuần-tự phát-đạt, thời cái thế quân-bình, tức là cuộc hòa-bình ở Âu-châu mới vững-vàng được. Nước Áo mới bầu-cử lại Nghị-viện, thời đại-đa-số trong nghị-viện là về liên-đảng tư-bản, còn đảng xã-hội thời chỉ được thêm có mấy ghế mà thôi. Nước Áo sau khi chiến-tranh, tài-chính suy-đốn đến cùng-cực; sau chỉnh-đốn lại được, là nhờ công của Hội Vạn-quốc. Hội Vạn-quốc làm được việc này kể cũng là một cái sự-nghiệp đáng ghi nhớ. Gần đây ở Đức và ở Áo có nhiều người xướng lên nên sáp-nhập nước Áo vào nước Đức. Nhưng câu chuyện này phiền-phức lắm và có thể giục cái lòng nghi-kỵ của các nước cừu-thù với nước Đức, cho nên những người có trách-nhiệm không ai dám công-nhiên đả-động đến. Bởi các lẽ đó nên chính dân Áo cũng đã hiểu rằng cần phải duy-trì cho chính-phủ hiện đương cầm quyền trong nước bây giờ.*

Nói về việc nước Anh. — Trên kia đã nói về chính-sách nước Anh đối với việc Tàu, tuy đã đổi phương-châm có ý quả-quyết hơn trước, nhưng chưa biết sau này thi-hành ra thế nào. Sự cử-động của nước Anh, thế-giới lấy làm chú-ý xem xét lắm. Chính-phủ bảo-thủ ở Anh bây giờ xem ra muốn hết sức củng-cố cái thế-lực của Anh ở Âu-châu và ở Á-châu; có người đồn Anh muốn hiệp-lực với Nhật để cho mạnh bè hơn, tin đó cũng là một tin quan-trọng nên để ý. Anh năm trước không tục cái ước đồng-minh với Nhật, để mong đề-huề với Mĩ, thật là thất-sách quá. Bây giờ thì xem ra muốn gần Nhật mà không xa Mĩ. Nếu mưu ấy mà thành thì thế-lực Anh chắc là mạnh hơn lên nhiều lắm. Anh tuy chưa công-nhiên tuyệt-giao với chính-phủ Sô-viết, nhưng đã hết sức hạn-chế cái sức hành-động của Sô-viết ở trong địa-phận mình và ngăn-ngừa sự tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản ở Á-châu. Nước Anh lấy đất Ấn-độ là một cái tài-sản chung của cả giống Anh-cát-lợi, nên dù thế nào cũng kiệt-lực mà giữ lấy cho được. Dân Ấn-độ kể đã cố công vận-động để thu-phục lấy ít nhiều quyền tự-do, nhưng mong được hoàn-toàn độc-lập thì khó lắm, một là Anh vì lẽ trên đó không đời thủa nào chịu buông tha ra cho, hai là dân Ấn-độ cũng bác-tạp lắm, không thể đồng-tâm mà đối-phó lại với Anh được. Sô-viết hồi đầu muốn hành-động ở ngay Âu-châu, thấy thất-bại, bấy giờ mới xoay sang tuyên-truyền vận-động ở Á-châu, gần đây thấy đắc-lợi ở nước Tàu tưởng đắc-sách lắm rồi. Anh biết cái nguy-hiểm đã chuyển sang Á-châu, bèn dự-bị để đối-phó. Người Anh có tiếng là kiên-nghị, đã làm việc gì chắc làm cho kỳ được mới nghe, chuyến này định quyết-chiến với đảng cộng-sản Nga vừa quyết-chiến ở ngoài để bảo-toàn lấy các thuộc-địa và quyền-lợi ở Á-châu, vừa quyết-chiến ở chính trong nước. Việc bãi-công của bọn thợ mỏ năm ngoái, xét ra đã rõ-ràng là có tay người Nga trong đó rồi; nhân việc bãi-công này mà công-nghệ nước Anh đã bị thiệt-hại nhiều, lại nhân đó mà trong nước phải tăng thuế lên. Chính-phủ đã hết sức nhẫn-nhục không muốn mất lòng đảng công-nhân, nhưng thấy cái hại cho nước như thế, nay quyết không dung nữa. Bèn quyết-định hạn-chế quyền tự-do của các công-đoàn (*trade unions*) Đảng lao-động chắc không bằng lòng và hết sức phản-kháng lại. Cuộc quyết-chiến ở trong nước này chính là cuộc quyết-chiến của chính-phủ bảo-thủ với đảng lao-động vậy. — Nước Anh tuy đương gặp nhiều sự khó-khăn như thế mà nhà Anh-quốc Ngân-hàng vẫn giao-dịch như thường Pháp-quốc Ngân-hàng nợ Anh-quốc Ngân-hàng 33.000.000.000 *livres sterlings*, mới rồi trả xong khoản đó, Anh-quốc ngân-hàng liền trao lại cho Pháp 18.000.000.000 tiền vàng đã ký-quĩ ở đấy. Nước Anh đương lúc túng tiền mà sẵn lòng trả ngay món ký-quĩ đó, thời đủ chứng rằng người Anh tin ở cái sức lý-tài của mình lắm. Còn Pháp thu được món tiền ấy cũng có lợi to.

Nói về việc nước Pháp. — Chính-sách ngoại-giao của Pháp vẫn không thay đổi. Ở Tàu thì đối với người Tàu vẫn giữ cái tình-ý thân-thiết, mà đối với liệt-cường trước sau cũng vẫn có liên-lạc, duy những cách dùng võ-lực để đàn-áp hoặc để thị-uy thì tuyệt-nhiên không dự đến. Vả quyền-lợi của Pháp ở Tàu cũng không có mấy, chỉ có cái thanh-thế một chút mà thôi. Thanh-thế ấy, các công-sứ cùng lãnh-sự Pháp ở Tàu đã khéo biết giữ-gìn cho được trọn-vẹn, thế là đủ vậy. Ở Âu-châu thì nước Pháp vẫn trung-thành với chính-sách *Locarno*. Các người có trách-nhiệm chủ-trương việc ngoại-

giao của Pháp đã hiểu rằng ngày nay đối với Đức nên giữ lấy hòa-thuận là hơn, không phải là cần phòng-khi mất quyền-lợi của mình, nhưng cứ nuôi mãi cái ác-cảm từ xưa cũng là vô-ích lắm. Thuộc về hội-nghị tài-giảm hải-quân thì Mĩ có mời chính-phủ Pháp dẫu không tham-dự hội-nghị, nhưng cũng phái người bàng-thính; Pháp trả lời một cách ôn-hòa thân-thiện, nhưng nhất-định không nhận lời. Về nội-chính thì trong khi Nghị-viện nghỉ, nghiệm ra dân-tình trong nước thật ái-mộ ông thủ-tướng POINCARÉ, cho nên dẫu đảng nào muốn vận-động để khuynh-đảo Nội-các cũng khó lòng mà thành được. Đảng xã-hội thì họp đại-hội-nghị ở *Lyon* tỏ ra có ý thiên về bên tả, nghĩa là về chủ-nghĩa cộng-sản, khiến cho quốc-dân cũng không có ý tin nữa. Ông nội-vụ ALBERT-SARRAUT thời quả-quyết trị đảng cộng-sản, phần nhiều quốc-dân cũng biểu-đồng-tình. Ở quận *Alsace* lâu nay vẫn có một đảng gọi là đảng « biệt-lập » (*autonomistes*), muốn lìa châu *Alsace* với nước Pháp để biệt-lập mà tự-trị; mới đây ở *Colmar* có việc kiện của ông cố HAEGY, mới tỏ ra rằng đảng này không có thế-lực gì, và người dân đất *Alsace* đều một lòng mến nước Pháp. Quan giám-quốc DOUMERGUE thì đi kinh-lược ở phía bắc xong lại xuống *Marseille*, có ý tỏ rằng ông quốc-trưởng một lòng ân-cần đến cả bàn-dân trong nước. Ông nội-vụ ALBERT-SARRAUT cũng đi kinh-lược sang thuộc-địa *Algérie*, để dàng-buộc cho thêm bền-chặt cái giây liên-lạc của đất *Algérie* với nước Pháp. Trong trường công-thương thì số thợ không có việc làm đã thấy mỗi ngày một bớt. Nói tóm lại thì tình-hình nước Pháp đã khá hơn mấy tháng trước nhiều.

. . .

Lược-khảo về Tchécoslovaquie. — Nước *Tchécoslovaquie* (Triết-khắc) là một nước dân-chủ cộng-hòa ở về giữa đất Âu-châu, giáp-giới với nước Đức, nước Áo (*Autriche*), nước Hung (*Hongrie*), nước Lỗ (*Roumanie*) và nước Ba-lan. Diện-tích: 140.500 cây-lô-mét vuông; dân-số: 13.600.000 người, gọi là người Triết-khắc (*Tchécoslovaques*). — Kinh-đô là thành *Prague*. Nước *Tchécoslovaquie* là gồm đất *Bohême*, đất *Moravie*, một phần đất *Haute-Silésie* thuộc về Đế quốc Áo-Hung cũ. Trong nước có nhiều đồng ruộng tốt, sản lúa mì lúa mạch nhiều. Công-nghệ thời có các nghề khai mỏ và nghề luyện kim, nghề dệt sợi, nghề lọc đường, nghề làm đồ gỗ, nghề chế thủy-tinh, nghề làm rượu « bia », nghề làm giấy viết. v. v.. Nhưng nước *Tchécoslovaquie* không có đường giao-thông ra bể.

Lịch-sử nước *Tchécoslovaquie* gồm được mười hai thế-kỷ. Vào khoảng năm 840, hai người tên là ROSTISLAV và SVATOPLUK lập ra nước *Grande-Moravie* Năm 906 thì nước tan, vì người Đức gọi người *Magyars* vào chiếm mất đất *Slovaquie*; sau trong khoảng thế-kỷ thứ mười thời dần dần thoát-li người Đức và khôi-phục lại được. Họ *Luxembourg* lên làm vua, được mấy ông vua giỏi, như JEAN L'AVEUGLE (chết trận ở *Crécy* năm 1346). CHARLES thứ IV, v. v., nước Triết-khắc bấy giờ gọi là nước *Bohême*, kể vào bậc các cường-quốc ở Âu-châu. Năm 1526 thời nước *Bohême* cùng với nước *Hongrie* bị sáp-nhập vào nước Áo, từ đấy mất quyền độc-lập và tự-trị; còn quốc-chủng, quốc-túy thời phải hết sức chống giữ mới bảo-tồn được. Tục truyền rằng năm 1618, nhân vì Hoàng-đế Áo MATTHIAS ngăn-trở quyền tín-ngưỡng tôn-giáo của dân Tân-giáo đất *Bohême*, người dân thành *Prague* nổi loạn lên, bắt hai quan Tổng-đốc của nhà vua là MARTINITZ và SLAVATA ném qua cửa sổ dinh rơi xuống đất

chết ; sách sử Tây gọi việc bạo-động đó là *défenestration de Prague*, nghĩa là « việc ném qua cửa sổ ở thành *Prague* ». Lại còn trận đánh ở núi Bạch-sơn (*Bila Hora = Montagne blanche*) năm 1620, trận này thì quân Triết-khắc thua, quân vua Áo được, dân Triết-khắc tuyệt cả hi-vọng độc-lập từ đấy. Gần đây thời tự năm 1848 người Triết-khắc tuy mất nước nhưng không mất giống, vẫn cứ vận-động hoài để mưu độc-lập.

Mãi đến năm 1918, sau cuộc Âu-chiến, ngày 28 tháng 10, nước *Bohême* cũ đổi tên là *Tchécoslavaquie* mới được tuyên-bố độc-lập ; lĩnh-thổ của nước mới này thì do các điều-ước *Versailles*, *Saint Germain en Laye* và *Trianon* định rõ.

Nhân-dân nước Triết-khắc mới ngày nay thời trong năm phần ba phần là người *Tchécoslovaques*, một phần là người Đức, còn một phần là người *Ruthènes*, *Polonais*, *Magyars*.

Nước *Tchécoslovaquie* ngày nay theo về chính-thể dân-chủ cộng-hòa, đứng đầu có một quan Giám-quốc hạn bầu là 7 năm. Quyền lập-pháp thì do Quốc-hội, có một Chúng-nghị-viện và một Nguyên-lão-viện.

Hiến-pháp hiện-hành ngày nay là tuyên-bố tự ngày 29 tháng 2 năm 1920.

Theo hiến-pháp thì Chúng-nghị-viện hay là Hạ-nghị-viện có 300 người, hạn bầu là 6 năm, Nguyên-lão-viện hay Thượng-nghị-viện có 150 người, hạn bầu là 8 năm.

Hai viện đều bầu bằng cách phổ-thông đầu-phiếu, quyền đầu-phiếu là quyền bình-đẳng, trực-tiếp, và bí-mật, nghĩa là đàn ông đàn bà đều được thi-hành như nhau cả, vé người nào phải tự người ấy bỏ lấy, và khi bỏ vé phải dùng mật - phiếu. Việc bỏ vé lại là một việc cưỡng-bách nữa. Tuổi thành-niên có quyền bầu-cử Chúng-nghị-viện là bắt đầu từ 21 tuổi, và bầu Nguyên-lão-viện là bắt đầu từ 26 tuổi. Tuổi ứng-cử vào Chúng-nghị-viện là bắt đầu tự 26 tuổi, và ứng-cử vào Nguyên-lão-viện là 45 tuổi. Bầu theo lối « quân-bình » (*représentation proportionnelle*), nghĩa là chia số vé bầu tùy theo với các chính-đảng, mà chia cho đến cùng. Trừ Hạ-viện có quyền riêng về tài-chính, còn quyền-hạn của hai viện cũng ngang nhau.

Hai viện họp lại thành Quốc-Hội để bầu quan Giám-quốc, kỳ-hạn là 7 năm. Hết hạn rồi chỉ được tái-bầu liền ngay một hạn thứ nhì nữa mà thôi. Tuy-nhiên đoạn thứ 4 trong điều 58 Hiến - pháp nói rằng : « Điều ấy đối với quan Giám-quốc đầu không thi-hành. » Quan Giám-quốc đầu tức là Bác-sĩ MASARYK hiện đương tại-chức, vậy đặc-cách có thể tái-bầu mãi mãi được. Khi quan Giám-quốc quá-cố đi thì trong hạn mười-lăm ngày phải bầu người khác, nếu có sự ngăn-trở, thời quyền hành-chính giao cho cả tòa Nội-các, tòa Nội-các có thể cử ông Tổng-lý chủ-trương. Quan Giám-quốc có quyền triệu-tập, tăng hạn và giải-tán nghị-viện, có quyền truyền thông-cáo (*message*) cho Nghị-viện. Luật gì đệ-trình để ký, quan Giám-quốc có thể đòi Nghị-viện tái-nghị một lần nữa. Quan Giám-quốc không có trách - nhiệm, trừ khi phạm tội phản-quốc. — Các quốc-vụ-trưởng do quan Giám-quốc bổ-nhiệm, có liên-đái-trách-nhiệm đối với Nghị-viện. Họp lại thành Nội-các, có các bộ như sau này : Ngoại-vụ, Nội-vụ, Tư-pháp, Thương-nghiệp, Quốc-phòng, Nông-nghiệp, Thiết-lộ, Hành-chính thống-nhất (*Ministère de l'Unification administrative*), Bưu-điện, Vệ-sinh, Cứu-tế, Công-chính, Học-chính, Lương-thực, bộ coi riêng về việc xứ *Slovaquie*. — Hiện nay quan Giám-quốc MASARYK và Ngoại-vụ BENÈS, là hai nhà chính-trị trứ-danh, cả thế-giới đều biết.

Các đảng ở hai Nghị-viện theo số thống-kê năm 1923, chia ra như sau này:

— Nguyên-lão-viện, cả thảy có 142 người, Chúng-nghị-viện, 285 người.

Đảng xã-hội (*socialistes*),	46	người ở Thượng-viện,	82 ở Hạ-viện
» nông-dân (*agrariens*),	19	» »	41 »
» bình-dân (*populistes*),	18	» »	32 »
» dân-chủ quốc-gia (*nationaux-démocrate*)	11	» »	19 »
Các đảng người Đức	38	» »	68 »
Các đảng tạp	10	» »	37 »

Về tôn-giáo, thời có các đạo như sau này:

— Đạo Gia-tô thuộc Giáo-hoàng La-mã (*catholiques romains*), hơn 10 triệu người theo;

— Gia-tô của người *Grecs* và người *Arméniens*, 50 vạn người;

— Cải-lương (*Protestants*), ngót một triệu;

— Thiên-chúa về môn Triết-khắc (*Eglise tchécoslovaque*), hơn 50 vạn người;

— Chính-truyền Hi-lạp (*Orthodoxes*), 7 vạn người;

— Do-thái (*Israélites*), 35 vạn người.

Về giáo-dục thời bậc tiểu-học phải cưỡng-bách từ 6 tuổi đến 14 tuổi. Có 13.775 trường tiểu-học và 1.615 trường cao-đẳng tiểu-học, số học trò hơn hai triệu; lại có 240 trường công-nghệ, 158 trường thương-nghiệp và 206 trường nông-nghiệp. Trung-học có 382 trường, số học-trò 11 vạn. — Bậc cao-đẳng thời có các trường Đại-học và trường cao-đẳng chuyên-môn như sau này:

Trường Đại-học *Prague*	(dạy bằng tiếng	*tchèque*),	8.814	học-sinh
— — *Prague*	(—	*Đức*),	3.539	—
— — *Brno*	(—	*tchèque*),	1.244	—
— — *Bratislava*	(—	*slovaque*),	545	—
— Cao-đẳng chuyên-môn *Prague*		(*tchèque*),	6.767	—
— — —		(*Đức*),	2.194	—
— — *Brno*		(*tchèque*),	1.355	—
— — —		(*Đức*),	2.161	—

Ngoại-giả lại còn hai ban Đại-học ở *Prague* và *Olomouc*, một Hội Luật-học-bác-sĩ, một hội Khoáng-học-bác-sĩ, một trường cao-đẳng trung-học về nghề nông, một hội nghiên-cứu về các vấn-đề lao-động đặt tên là « *Masaryk* Học-viện », v. v..

Về quân-bị thời kỳ-hạn binh-dịch, theo luật ngày 19 tháng 3 năm 1921, là tự 17 tuổi cho đến 60 tuổi, nhưng thực bắt đầu từ 20 tuổi. Hạn thường-bị tại-ngũ là mười-bốn tháng. Hạn trừ-bị kỳ thứ nhất là tự 21 đến 40 tuổi, kỳ thứ nhì tự 40 đến 50. — Số quân thường-trực lúc bình-thời, một năm chia ra làm hai kỳ, kỳ từ đầu tháng 10 đến cuối tháng ba, 15 vạn người, kỳ từ đầu tháng tư đến cuối tháng chín, 9 vạn người. — Địa-hạt toàn-quốc chia ra làm năm quân-khu. Quân-đội có mười sư-đoàn, mỗi sư-đoàn 2 lữ-đoàn, mỗi lữ-đoàn có hai đại-đội bộ-binh, một đại-đội dã-pháo, một đại-đội trọng-pháo và một đại-đội khinh-pháo-binh.

Các báo thời thường thường là báo cơ-quan của các đảng, thuộc đảng nào do hội-đồng trị-sự của đảng ấy chủ-trương. Tổng-số các nhật-báo trong nước là

2360 cái, trong số đó thời 1457 cái bằng tiếng *tchègue*, 599 cái bằng tiếng Đức, 98 cái bằng tiếng *slovague*. Một thành *Prague* là kinh-đô có 710 cái nhật-báo.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị. — Quan Toàn-quyền VARENNE ngày 21 tháng 7 đã dời Hà-nội vào Sài-gòn, qua Huế để chủ-tọa kỳ hội-đồng thường-niên của Nhân-dân-đại-biểu-viện Trung-kỳ, sẽ sang Ai-lao mấy ngày, chừng đầu tháng 8 thời tới Sài-gòn. Hội-đồng Chính-phủ năm nay nhất-định họp ở Sài-gon vào khoảng rằm tháng 9. Nghe đâu cuối tháng 9 hay đầu tháng 10 thì ông VARENNE lại sẽ trở ra Bắc, ở ít lâu rồi về Tây lo-liệu việc bầu-cử vào Nghị-viện Pháp sang năm. Hạn Chính-phủ ủy-nhiệm cho ông làm Toàn-quyền bên này đến cuối tháng 7 vừa hết, mới có điện-báo lại tục một hạn sáu tháng nữa. Quan Toàn-quyền vào Sài-gòn thì quan Phó Toàn-quyền và cả các quan-viên trong Văn-phòng phủ Toàn-quyền cũng đi theo. Các quan-viên có chân Hội-đồng Chính-phủ cũng lục-tục sắp vào Sài-gòn cả.

Nhân việc cho đất đồn-điền ở xứ Mọi, Chính-phủ bị chất-vấn ở Nghị-viện hồi tháng ba trước, bên Bộ có định rằng đợi cho đến khi đặt xong thể-lệ nhất-định về việc nhượng-độ các đất công ở Đông-Pháp, thời các việc cho đất để khai-khẩn hoãn hết, và sau này cho tới một số bao nhiêu sẽ do bên Bộ cho, chứ Chính-phủ bên này không được quyền tự-tiện. Nghị ấy ra, bên này nhiều người kêu-ca phàn-nàn lắm, cho là ngăn-trở việc khai-khẩn trong bản-xứ. Bởi thế ngày 5 tháng 7 có nghị mới sửa lại nghị trước định rằng dưới một nghìn mẫu tây (*hectares*) thì quan thủ-hiến các xứ (như Thống-sứ, Khâm-sứ v. v.) được quyền cho, dưới hai nghìn mẫu thì quan Toàn-quyền được quyền cho, từ hai nghìn mẫu trở lên mới phải tư về Bộ nghị này mới ra liền tuyên-bố ngay trong địa-hạt Đông-Pháp.

Ở Bắc-kỳ thì trong khoảng tháng sáu tháng bảy tây này có hai việc làm kích-thích dư-luận, là việc chủ báo *Argus*, M. CLÉMENTI, bị khám nhà và bị tống-giam về tội làm báo xui giục người bản-dân làm loạn, và việc một người Tây làm tham-biện sở Thương-chính, M. NOEL, bị ám-sát thủ-phạm cũng là một người Tây nữa tên là AELXIS hiện đã bị bắt rồi. Việc sau này nghe đâu nguyên-do là một chuyện xin phép bán thuốc phiện lậu cho Tàu, cũng hơi có quan-hệ về chính-trị.

Ở Nam-kỳ thời độ này bắt riết, người nào nghi phản-đối về chính-trị đều bắt giam cả. Mới đây có tin ông Phan Văn-Trường cũng bị khám nhà và buộc một tội như M. CLÉMENTI ở ngoài này; nhưng ông chưa bị bắt. Các báo Nam-kỳ đều có giọng bất-bình cả.

Ở Trung-kỳ thời không nghe nói có chuyện gì lạ cả. Mới đây họp Nhân-dân đại-biểu-viện, có ý sớm hơn mọi năm, là nhân vì quan Toàn-quyền đi qua, để ngài chủ-tọa. Kỳ khai-hội, ông nghị-trưởng Hoàng Thúc-Kháng diễn-thuyết có phàn-nàn rằng Chính-phủ bảo-hộ không sẵn lòng giúp cho nghị-viện làm hết bổn-phận, như không đặt cho một phòng thư-ký để coi việc giấy-má trong viện; lại yêu-cầu chính-phủ nên đặt cho Trung-kỳ một cái hiến-pháp. Quan Toàn-quyền trả lời yên-ủi nghị-viện; về việc hiến-pháp thì nói rằng Bảo-hộ có ước với Nam-triều, những việc quan-hệ đến quyền-hạn của Nam-triều, Bảo-hộ không thể tự quyết được, phải cho Nam-triều có thuận mới được; quan Toàn-quyền sẵn lòng giới-thiệu lời thỉnh-cầu ấy cho Nam-triều

Trước khi đi Sài-gòn, quan Toàn-quyền có ký nghị-định bổ ông Lê Văn-Kim, Công chính Kỹ-sư, Văn-khoa và Luật-khoa-tiến-sĩ, làm giáo-sư thực-thụ trường Đại-Học (ngạch Tây). Được tin này chắc cả quốc-dân ta đều mừng, một là mừng cho ông Lê Văn-Kim, hai là mừng cho nước nhà được một tay tân-học thật đã thành-tài mà về nước lại được cử vào địa-vị xứng-đáng. Ta cũng nên biết ơn ông VARENNE đã mở rộng các ngạch cao cho người An-Nam có đủ tư-cách cũng được vào bằng-đẳng với người Tây. Nếu nước ta được nhiều người học-hành giỏi như ông Giáo Đại-học Lê Văn-Kim thì quyền-lợi, địa-vị, không phải yêu cầu, rồi dần dần cũng được hết.

Giới-thiệu sách mới

Nam Phong tùng-thư quyển thứ II đã xuất-bản

Nam-Phong Tùng-Thư, *quyển thứ hai, đề là* « Ba tháng ở Paris » *đã xuất-bản.*

Quyển này tuhật về sự du-lịch của ông Phạm Quỳnh ở Paris *hồi tháng năm đến tháng bảy năm* 1922. — *Lại phụ thêm một thiên trích ở tập* « *Pháp-du hành-trình nhật-ký*» *(đã đăng trong báo này), thuật về cuộc đi thăm các trận-địa ở Pháp* Reims, Verdun, *v. v.*). *Trên đầu sách có cái ảnh tượng đá* « *Người Tư-tưởng* » (Le Penseur,) *là một nền kiệt-tác trong nghề chạm và trong mĩ-thuật nước Pháp.* — *Cuối sách cũng có* « *Tự-vựng* » *bằng quốc-ngữ, chữ Hán, và chữ Pháp, như quyển trước.* — *Giá bán* 4 *hào một quyển. Bán ở Đông-kinh-ấn-quán* (Imprimerie Tonkinoise, 80-82 *Rue du Chanvre, Hà-nội*).

. .

Xin nhắc lại quyển thứ nhất, đề là « Văn-minh luận » *có ba thiên :* 1º *Giải nghĩa văn-minh* ; 2º *Tính-cách văn-minh đời nay* ; 3º *Văn-minh học-thuật nước Pháp.*

Xuất-bản đã ba tháng nay, xin gửi mua ngay, kẻo bán hết.

. .

Bộ Nam-Phong tùng-thư *này cứ chừng hai tháng lại xuất-bản một quyển. Quyển thứ ba khảo về* « Văn-học nước Pháp », *ước đến cuối tháng 9 hay đầu tháng 10 thì ra.*

Mục-đích Nam-Phong tùng-thư *là soạn-thuật cùng biên-dịch các sách có bổ ích cho sự học-vấn, sự tư-tưởng của quốc-dân ta. Lại chú-ý định nghĩa các danh-từ mới cho phân-minh, để dùng khỏi sai lầm.*

Cái chí của chúng tôi là muốn giúp cho phần nhiều người Việt-Nam ta, không cần phải đọc sách Tây, không cần phải đọc sách Tàu, chỉ biết chữ quốc-ngữ cũng có thể thông-hiểu được các điều nghĩa-lý làm gốc cho văn-hóa đời xưa đời nay.

Nước ta gần đây, sách « *văn-chương chơi* » *thì nhiều, sách nghị-luận nghĩa-lý còn ít lắm.* Nam-Phong tùng-thư *đặt ra là muốn bổ cho sự khuyết đó.*

Phần đặc-sắc của Nam-Phong tùng-thư *là cuối mỗi quyển có mấy trang* Tự-vựng *bằng quốc-ngữ, chữ Pháp, chữ nho, thích nghĩa rõ về các danh-từ mới, lại có* « *dẫn-mục* » *để tra chữ nọ ra chữ kia cho dễ.* — *Ngài nào mua từ quyển đầu, sau này họp các phần* « *Tự-vựng* » *lại, sẽ thành một quyển* « *Hán Pháp Việt tự-điển* » *có giá-trị.*

Nam-Phong tùng-thư *xuất-bản và bán tại Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội.* — *Giá mỗi quyển* 0p 40. *Gửi xa thêm tiền cước mỗi quyển* 0p.16, 2 *quyển* 0p 22 *và sau cứ thêm mỗi quyển là* 0p.06. *Bán buôn có trừ hoa-hồng.*

. . .

Quả dưa đỏ

Sách « Quả dưa đỏ », *phiêu-lưu tiểu-thuyết, của ông Nguyễn Trọng-Thuật soạn ra, được giải thưởng văn-chương hội Khai-trí năm* 1925, *đã đăng ở bản-chí năm* 1926, *nay tác-giả xuất-bản, sách dầy* 112 *trang, bìa trắng, hai mặt bìa có vẽ hai nửa quả dưa đỏ, thích hai bài thơ của người trong truyện, bán tại các hàng sách Hà-nội và các tỉnh, giá* 0$75.

Tiểu-thuyết là một thể diễn-văn có thể dùng để gián-tiếp mà giúp cho sự giáo-dục được, nhưng mà những sách tràng-thiên tiểu-thuyết ở Đông-phương ngày xưa phần nhiều là bởi những phường-bản in ra, hay bày vẽ ra những sự hoang - đường quái - đản. Ở Tây-phương, nhất là hồi thế-kỷ thứ 17, 18, *các nhà văn-học thường dùng văn tràng-thiên tiểu-thuyết để diễn-tả cái tư-tưởng của mình, nhiều bộ có ích cho phong-hóa lắm. Song về cận-thời các nhà tiểu-thuyết lại hay xô về đường nhân-duyên tình-ái. Ta phải biết rằng hoang-đường quá thì hay sinh mê-hoặc, tình-ái quá thì dễ đến hoang-dâm, có khi làm đến thương-phong bại-hóa trong xã-hội.*

Nay ta mới thấy có bộ tiểu-thuyết « Quả dưa đỏ » *này, tác-giả nhân một truyện cổ về đời Hùng-vương nước ta trong sách* Lĩnh-nam trích-quái, *cải-chính những phần hoang-đường cho hiển ra sự thực, rồi kết-cấu làm một bộ tràng-thiên tiểu-thuyết. Người chủ-động trong truyện là Mai Yên, hiệu An-tiêm, là một vị danh-thần cuối đời Hùng-vương ; bị kẻ gian-thần vu tội cho phải đày ra một cái hoang-đảo ngoài bể Nam, tuyệt không có người qua lại, thế mà An-tiêm chỉ có hai vợ chồng với hai đứa con thơ, vài tháng lương khô, một lưỡi gươm cùn, hai hòn đá lửa, mà An-tiêm hay giữ vững một lòng thành-thực kiên-nhẫn, hết sức tin cậy ở trời, để tự-lập lấy cái đời mới của mình, nào là tìm nước uống, tìm thức ăn, tìm hang để trú, làm lều để ở. Lại làm lịch bằng vỏ ốc để nhớ ngày, thắp đèn bằng nhựa cây để chiếu sáng. Phàm đồ ăn thức dùng đều tự chế ra lấy cả, lại lo đến cả sự văn-hóa-sự kế-truyền. Nhân tìm ra được giống dưa đỏ là thổ-sản trong đảo, vì dưa ruột đỏ hạt đen như răng cô con gái đẹp nước Việt-Nam ta, nên mới đặt tên là « Việt-nga qua 越 娥 瓜 » và gọi là « dưa đỏ ». An-tiêm mới thích vào vỏ quả dưa bốn câu thơ rằng :*

Hải-nam quê thiếp ngàn trùng,
Trời sinh phận gái má hồng răng đen.
Việt-nga hai chữ là tên,
Nước non non nước chờ duyên tao phùng.

Rồi mỗi năm mùa dưa lại thả ra bể cho trôi đi, vì thế người bốn phương bắt được dưa tìm đến, buôn dưa đổi hàng, khiến cho cái hoang-đảo ấy mở-mang ra có làng có xóm, có phố có phường, mới nghiễm-nhiên thành ra một nơi Hải-nam lạc-quốc. Vua Hùng vương nghe tin An-tiêm còn sống lấy làm lạ, lại triệu về.

Đại-lược nội-dung trong truyện như thế, mà thể văn thì cũng điều-hòa được cả Đông Tây, lời văn cũng lý-thú, mà câu chuyện cũng vui cười, lại có nhiều bài thơ lục-bát cũng thanh-tao êm-ái. Ban văn-chương hội Khai-trí đã có phê-bình rằng : « Quyển Quả dưa đỏ *về phần kết-cấu tuy chưa được hoàn-toàn, nhưng mà là một quyển sách có văn-chương, có triết-lý... » ; tưởng như lời phê-bình ấy mà được giải thưởng, thì cũng là đích-đáng. Vậy bản-chí vui lòng giới-thiệu cùng các độc-giả.*